

VIÊN GIÁC

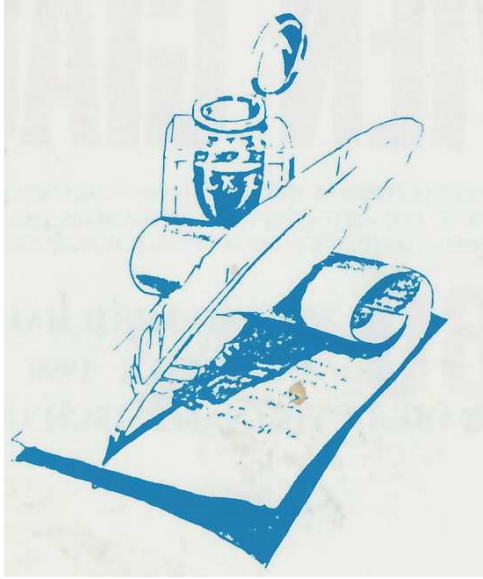
TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN
BANG ĐỨC * ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM - FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIQUE DEUTSCHLAND



60 THÁNG MƯỜI HAI 1990
DEZEMBER 1990
AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



Chủ đề số này: **VAI TRÒ CỦA LÃO NIÊN TRONG XÃ HỘI MỚI**



THƯ TÒA SOẠN

Kính thưa quý độc giả,

Chủ đề của Viên Giác số 60 này là "Vai trò của Lão Niên trong xã hội mới" đã được nhiều vị lớn tuổi có kinh nghiệm, đóng góp nhiều bài vở rất tích cực, không như trong lần trước về "Vai trò của người phụ nữ đối với Dân Tộc và Đạo Pháp".

Người ta thường bảo "Già sanh tật, đất sinh cỏ". Đó chẳng qua để nói những thói hư tật xấu mà thôi. Nhưng ngẫm nghĩ lại cho cùng, ai sinh ra rồi chẳng phải già, phải bệnh, phải chết? Có ai sống mãi không chết đâu? Ngoại trừ khi đã chứng thành Phật quả. Không có già làm sao có trẻ được? và không có cỏ làm sao trâu bò sống được? Đối với loài người - cỏ thật là loài vô dụng; nhưng với trâu bò rất cần thiết. Người già cũng thế, nếu không có họ, lấy ai để nhìn về quá khứ, lấy ai để học hỏi những chuyện xưa. Vì thế, dầu là lớn tuổi hay nhỏ tuổi, bất cứ

người nào cũng rất cần thiết cho xã hội vô cùng.

Nhiều người trẻ nhìn người già chê cười, bất mãn; nhưng không nghĩ rằng một ngày nào đó rồi mình cũng phải già. Chúng ta đang sống; đồng thời chúng ta cũng sẽ chết. Chúng ta đang sinh tồn; nhưng chúng ta cũng sẽ tự hủy diệt bởi chúng ta. Vì thế, dầu trẻ hay già, chúng ta hãy nên làm tròn bổn phận của chúng ta đối với bản thân, gia đình và xã hội, là điều quý hóa lắm rồi.

Viên Giác số 60 này sẽ đăng tiếp một số bài còn lại trong những lần trước và một số mục khác sẽ ít đi. Vì tất cả đều phải dồn hết nỗ lực cho số báo Xuân năm 1991. Nếu báo có đến trễ, hoặc mỏng hơn. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thứ cho.

Viên Giác Xuân 91 được in thành một quyển riêng, dày độ 200 trang A3. Tràn ngập những bài vở vui tươi. Kính mong quý độc giả của Viên Giác chiếu cố và ủng hộ cho, để nhà nhà đều có một món quà Xuân, trước thềm năm mới.

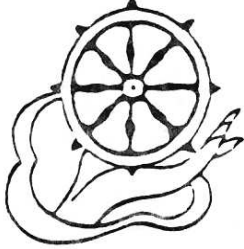
Một năm dương lịch đã qua và một năm 91 sẽ đến với mọi người. Ban Biên Tập báo Viên Giác xin kính chúc quý độc giả xa gần có một mùa Xuân Ấu Châu thật miên viễn và mong rằng nhà nhà sẽ tràn ngập niềm vui.

Viên Giác số 61 sẽ là Viên Giác số Xuân như thường lệ; nhưng có lẽ bài vở cũng sẽ ít hơn mọi năm. Vì tất cả nỗ lực đều phải dành cho Viên Giác Xuân Tân Mùi 91.

Cầu nguyện thế giới sớm thoát ra khỏi cảnh đao binh. Nhà nhà được an lạc.

● Ban Biên Tập Viên Giác

VIÊN GIÁC



Tạp Chí của Kiều Bào và Phật Tử
Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa
Liên Bang Đức

Zeitschrift der Vietnamesen und-
Buddhistische Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland

Chủ Trường: T.T. Thích Như Điển
Herausgeber
Chủ Bút và Kỹ Thuật: Thị Chơn
Chefredakteur und Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung von
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại
Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge i. d. BRD e.V

Tòa Soạn và Ấn Quán
Reaktion und Verlag
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật
Giáo Việt Nam tại Tây Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kultur-
zentrum i. d. BRD

c/o Viên Giác Pagode
Eichelkampstr. 35A, 3000 Hannover 81
Tel.: 0511 - 864638

- * Viên Giác Phát hành mỗi 2 tháng, vào tháng chẵn, nhằm mục đích phục vụ lợi ích cho cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Tây Đức.
- * Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt, cùng những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội. Viên Giác hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường Viên Giác xin chân thành cảm tạ
- * Ủng hộ Viên Giác, quý vị sẽ nhận được biên nhận để khai làm đơn xin quân bình thuế cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

Thư Tòa Soạn

TÔN GIÁO

- 02 Tổ Thiên Tông Thích Thanh Từ
- 05 Hương Quê Cực Lạc Liên Du
- 10 Sự Phục Hưng Phật Giáo Tại Miền Điện Thích Trí Chơn
- 11 Tin Có Luân Hồi Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyên
- 14 Thiếp Nguyễn Hai Điều Thích Nữ Thế Quán
- 16 Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời Tâm Như

ĐỨC NGŨ - IN DEUTSCH

- 17 Die Lehre Buddhas Bukkyo Dento Kyokai
- 23 Buddhistische Aktivitaeten Viên Giác

CHỦ ĐỀ

- 24 Vai Trò Lão Niên Trong Xã Hội Mới Thiện Nghĩa
- 26 Thư Ngỏ Kính Gởi Các Bậc Lão Niên Trần Phục
- 27 Vai Trò Lão Niên Trong Xã Hội Mới Hà Phước Thảo

BIÊN KHẢO

- 31 Bonsai Và Nét Đẹp Đông Phương Khê Sơn và Đỗ Văn Luật

VĂN NGHỆ

- 37 Núi Xanh Mây Hồng Vĩnh Hào
- 39 Những Ngày Tháng Âm Đềm Vũ Nam
- 44 Bỏ Thi Lê Thị Bạch Nga
- 46 Đường Sang Thiên Trúc Từ Hùng Trần Phong Lưu
- 49 Mật ôi Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa
- 51 Chuyến Đi Của Một Đời Người Thường Long Khánh

GIẢI VĂN NGHỆ

- 55 Bế Tắc
- 58 Quê Hương Ghi Chép
- 61 Tuổi Thành Niên
- 64 Hồi Tưởng
- 66 Em Cũng Xin Làm Cách Mạng
- 68 Dân Tộc Và Văn Hóa

TRANG SEN

- 71 Lá Thư Trang Sen Tâm Bạch
- 72 Nhà Hậu Lý Thiện Hạnh
- 73 Thư Gởi Bạn Lam Từ Liên Hoa II Chúc Phục

CÔNG ĐỒNG

- 75 Thời Sự Thế Giới Vũ Ngọc Long
- 81 Việt Nam Trước Chánh Sách Mới Của Hoa Kỳ Trần Nam Sơn
- 82 Những Đóng Góp Cho V. H. T. Chùa Viên Giác Thích Như Điển
- 84 Tin Phật Sự Tại Tây Đức Viên Giác
- 85 Những Ngày Lễ Của Năm 1991 Viên Giác
- 87 Diễn Tiến Xây Chùa Viên Giác Thích Như Điển
- 89 Phương Danh Cúng Đường Viên Giác
- 93 Nhân Tin Viên Giác

THƠ

Của Các Thi Hữu : Hạ Long, Thanh Nguyên, Tỳ Anh, Bà Thanh Bình

Hình Bìa : Ảnh Cao Lĩnh

Thanh Ngọc Sơn
Schulstr. 12
4928 Dörentrup-Spork
Tel. 05285/1324
West Germany

TỔ THIÊN TÔNG THÍCH THANH TỬ

(tiếp theo và hết)

Tổ Thứ Sáu Trung Hoa

33.- Huệ Năng (638-713 T.L.)

Sư họ Lư, Tổ tiên quê ở Phạm Dương, cha tên Hành Thao mẹ là Lý Thị. Đời Võ Đức (618-627 T.L.) nhà Đường cha Sư làm quan ở Nam Hải, sau dời về Tân Châu. Sư sanh tại Tân Châu.

Sư được ba tuổi, cha mang bệnh rồi mất, mẹ thủ chí nuôi con. Sư lớn lên trong gia đình rất nghèo túng, Mỗi ngày, Sư phải vào rừng đốn củi đem ra chợ đổi gạo nuôi mẹ.

Một hôm, nơn gánh củi ra chợ bán, có người mua bảo gánh đến nhà. Sư gánh ngang qua một căn nhà, bỗng nghe người trong nhà tụng kinh, âm ba vang ra, Sư vừa nghe, chợt tỉnh ngộ. Sư hỏi khách:

- Tụng đó là kinh gì? Phát xuất từ đâu?

Khách đáp:

- Kinh Kim Cang Phát xuất từ Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn ở chùa Đông Sơn, tại huyện Huỳnh Mai.

Nghe nói xong Sư tỏ chí muốn tìm đến đó học đạo, song gia cảnh còn mẹ già không ai nuôi! Có người khách hàng quen xin đài thọ số tiền để Sư cung cấp mẹ già. Gặp cơ hội tốt, Sư về xin phép mẹ cho xuất gia, mẹ Sư hoan hỷ cho xuất gia.

Sư khăn gói lên đường, trải hơn một tháng mới đến huyện Huỳnh Mai, Sư vào yết kiến Tổ. Tổ hỏi:

- Người từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ Lãnh Nam đến.

- Đến đây để cầu việc gì?

- Đến đây chỉ cầu làm Phật, không cầu việc gì khác.

- Người Lãnh Nam không có Phật tánh, làm sao cầu làm Phật được?

- Người thì có Nam Bắc, chớ Phật tánh không chia Nam Bắc.

Tổ biết Sư là hàng pháp khí, bèn bảo xuống nhà trù làm công quả.

Ở đây, Sư chuyên bừa củi, giã gạo. Cối gạo to, chày đập lớn, người Sư ôm, không đủ sức nặng cất được chày đập, Sư phải cột thêm cục đá vào lưng để đủ sức giã gạo. Sư làm công việc nặng nhọc như vậy gần ngót sáu tháng, mà chưa khi nào trễ nải, thối chí,

Một hôm, Tổ xuống nhà trù, đi ngay chỗ Sư giã gạo, thấy Sư mang đá giã gạo, Tổ bảo:

- Người vì đạo quên mình như thế ư? Ta biết người căn tánh lanh lợi, nhưng ngại kẻ khác hại người nên ta không nói chuyện với người, người có biết chăng?

Sư thưa:

- Con đã biết thế.

Tổ biết thời cơ truyền pháp đã đến, liền ra lệnh cho toàn chúng trình kệ. Trong số chúng bảy trăm người đều suy nhường Thượng tọa Thần Tú. Sư nghe bài kệ của Thần Tú,

biết là chưa thấy tánh, nên hoa lại một bài kệ. Đọc kệ của Sư, Tổ biết Sư đã thấy tánh.

Mấy hôm sau, Tổ tìm cơ hội xuống nhà trù, đến chỗ Sư giã gạo hỏi:

- Gạo trắng chưa?

Sư thưa:

- Đã trắng mà chưa có sàng.

Tổ bèn cầm gậy gỗ trên tay cỡi ba cái, rồi đi lên.

Canh ba đêm ấy Sư vào thất Tổ. Tổ truyền pháp và trao luôn y bát cho Sư, dạy đi về phương Nam.

Sư mang y bát đi được mấy hôm vừa đến Dư Lãnh bị một người hiệu Huệ Minh đuổi theo. Sư để y bát trên tảng đá, vào rừng ẩn. Huệ Minh đến dờ y bát lên không nổi, đành phải kêu:

- Hành giả! Tôi đến đây vì pháp, chớ không vì y bát.

Sư nghe nói, bước ra ngồi trên tảng đá bảo:

- Nếu ông vì pháp, hãy bình tâm lại nghe tôi nói.

Huệ Minh đứng lặng yên giây lâu.

Sư bảo:

- Khi không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?

Huệ Minh nghe câu này liền đại ngộ.

Sư thường tàng ẩn nơi hai ấp Hoài và Hội. Có lúc gặp phải cuộc sống khó khăn, Sư lại gia nhập vào đoàn thợ săn. Đến bữa ăn, Sư hái rau luộc nhờ trong nồi thịt, rồi chỉ ăn rau, không ăn thịt, Như vậy, Sư với hình thức cư sĩ thường tùy nghi nói pháp cho họ nghe.

Có lần Sư đến Thiệu Châu, gặp ông cư sĩ Lưu Chí Lược kết bạn. Chí Lược có người cô làm Ni hiệu Vô Tận Tạng, thường tụng kinh Niết Bàn. Sư vừa nghe tụng qua đã hiểu được thâm ý, vì bà giải nói nghĩa thú.

Sư cô đem quyển kinh ra hỏi chữ, Sư bảo:

- Chữ thì tôi không biết, nghĩa tùy cô cứ hỏi.

Sư cô bảo:

- Chữ còn không biết, nghĩa làm sao hiểu nổi?

Sư bảo:

- Diệu lý của chư Phật, chẳng quan hệ gì đến văn tự. Sư cô nghe nói kinh ngạc, liền báo tin cho các bậc kỳ lão trong làng hay rằng:

- Có bậc đạo sĩ đáng cúng dường.

Dân chúng trong làng nghe tin, đua nhau đến chiêm lễ Sư. Gần đó có ngôi chùa cổ hiệu Bửu Lâm, lâu đời bị đổ nát, dân chúng trong làng hợp sức tu bổ lại thỉnh Sư về trụ trì. Hằng ngày tứ chúng bốn phương tụ hội về đông đảo, không bao lâu ngôi chùa Bửu Lâm biến thành một đạo tràng xinh đẹp.

Chẳng bao lâu có người theo dõi, Sư lại tìm nơi ẩn tránh.

Ngót mười sáu năm ẩn tránh. Sư biết cơ duyên hoàng pháp đã đến, bèn đến Quảng Châu, nhằm ngày mùng 8 tháng giêng năm Bính Tý, niên hiệu Nghi Phụng năm đầu (676 T.L.) nhà Đường. Sư vào nghỉ nhờ ngoài hiên chùa Pháp Tánh. Hôm ấy, pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh Niết Bàn, Trước chùa treo lá phướng dài, gió thổi lá phướng phát phơ qua lại. Hai ông đạo lấy đó làm đề tài tranh luận. Người nói: "phướng động, người bảo "gió động", bàn qua cãi lại mà không ngã lẽ. Sư đến thưa:

- Có thể cho khách cư sĩ này làm bàn chăng?

Hai ông đồng ý, Sư bảo:

- Không phải phướng động, không phải gió động, mà tâm nơn giả động.

Mọi người nghe qua đều ngạc nhiên. Họ vào báo cho Ấn Tông biết lời bàn kỳ diệu ấy.

Hôm sau, Ấn Tông mời Sư vào hỏi về lý "Tâm động". Sư giải rõ thâm lý cực diệu. Ấn Tông bất giác đứng dậy thưa :

- Ngài không phải là người thường. Nghe nói y pháp của Ngũ Tổ Huỳnh Mai đã về phương Nam, vậy có phải Ngài chăng ?

Sư đáp :

- Chẳng dám.

Ấn Tông bèn tập họp bốn chúng, cầu xin Sư trình bày y bát của Tổ. Sư bèn đem y bát cho đại chúng chiêm bái.

Ấn Tông xin làm đệ tử, đồng thời cầu chỉ dạy thiền yếu. Đến ngày rằm tháng giêng, Ấn Tông thỉnh các bậc danh đức đến làm lễ tế phát cho Sư. Ngày mùng 8 tháng hai, làm lễ truyền giới cụ túc cho Sư tại chùa Pháp Tánh. Luật sư Trí Quang làm Tuyên luật sư.

Giới đàn này, đời Tống, Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La đã dự ký trước rằng :

- Sau sẽ có nhục thân Bồ Tát thọ giới tại đây.

Lại, thời Lương mạc, Tam Tạng Chân Đế, đích thân trồng hai cây Bồ Đề tại giới đàn này và bảo chúng rằng :

- Sau khoảng một trăm hai chục năm, sẽ có bậc đại sĩ ở dưới cội Bồ Đề này khai diễn pháp vô thượng thừa, độ chúng sanh vô lượng.

- Sau đó có quan Thích Sử Thiệu Châu tên Vi Cừ thỉnh Sư đến chùa Đại Phạm thuyết pháp môn vi diệu và thọ giới vô tướng tâm địa. Quan liêu, sĩ thứ và kẻ tại gia, người xuất gia đến dự nghe pháp trên ngàn người. Nhưng thời thuyết pháp tại đây, được đệ tử Sư ghi lại đầy đủ trong kinh Pháp Bảo Đàn.

Năm sau, Sư muốn trở về chùa Bửu Lâm, ở Tào Khê là chỗ ẩn xưa kia. Ấn Tông cùng quan liêu sĩ thứ đạo tục tiễn đưa có hơn ngàn người. Sư an trú ở đây, tăng chúng xa gần đua nhau đến tham vấn. Trung bình chư tăng thường có mặt tại chùa không dưới một ngàn. Sư đã dựng lên cây cờ Đại pháp, bốn phương trông thấy đều hướng về.

Niên hiệu Thân Long năm đầu (705 T.L.) Vua Trung Tông xuống chiếu sai sứ là Tiết Giám đi thỉnh Sư về triều. Sư từ chối vì lý do bệnh, Trong lời từ chối của Sư có : "Tôi nguyện được trọn đời ở chốn núi rừng".

Tiết Giám thưa :

- Các bậc thiên đức nơi kinh thành đều nói "muốn được hội đạo cần phải tọa thiền tập định, nếu không non thiền định mà được giải thoát, là việc chưa từng thấy". Chưa biết Thầy thường nói pháp dạy người thế nào ?

Sư đáp :

- Đạo do tâm ngộ, đâu phải ở ngồi. Kinh nói : "Nếu nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc nằm là người ấy không hiểu nghĩa ta nói. Vì sao? Vì Như Lai không từ đâu đến cũng không, đi đâu". Vì không từ đâu đến, nên không sanh, vì không đi đâu nên không diệt. Nếu không sanh diệt là Như Lai thanh tịnh thiền, các pháp không tịch là Như Lai thanh tịnh tọa. Tốt cùng không được, cũng không có chỗ chứng, huống là ngồi ư ?

Tiết Giám thưa :

- Đệ tử trở về kinh đô ắt Chúa Thượng có hỏi. Cúi xin Hòa Thượng từ bi chỉ cho chỗ tâm yếu, ngộ hầu đối cảnh giải rành, khiến cho những kẻ học giả ở kinh đô hiểu biết tu hành. Ví như thấp một ngọn đèn, mỗi được trăm ngàn ngọn đèn, khiến cho chỗ tối tăm được sáng, sáng mãi không cùng.

Sư bảo :

- Đạo „không có tối sáng, tối sáng là nghĩa đối đãi nhau; dù sáng mãi không cùng, cũng là có cùng. Bởi vì đối đãi mà lập danh tự, cho: nên Kinh nói : "Pháp không có so sánh vì không có đối đãi".

- Sáng thí dụ trí huệ, tối thí dụ phiền não. Người tu hành nếu không dùng trí huệ chiếu phá phiền não, thì cái sanh tử từ vô thủy do đâu được ra khỏi ?

Sư bảo :

- Nếu dùng trí huệ chiếu phá phiền não, đây là kẻ tiểu căn Nhị thừa, là xe dê, xe nai, người đại căn thượng trí không như vậy.

Tiết Giám hỏi :

- Thế nào là chỗ kiến giải của Đại thừa ?

Sư đáp :

- Sáng cùng không sáng tánh nó chẳng hai, tánh không hai tức là tánh thật. Tánh thật thì ở phàm ngu chẳng bớt, ở hiền thánh chẳng thêm, dùng nơi phiền não mà chẳng loạn, đứng nơi thiên định mà chẳng lặng, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến, chẳng đi, chẳng ở giữa và hai bên, chẳng sanh, chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ không đời đời, gọi đó là Đạo.

Tiết Giám thưa :

- Hòa Thượng nói chẳng sanh chẳng diệt, có khác gì chúng ngoại đạo nói ?

Sư bảo :

- Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, là đem cái diệt chặn cái sanh, lấy cái cái sanh để bày cái diệt. Diệt vẫn chẳng diệt sanh nói không sanh, Ta nói không sanh diệt là xưa tự không sanh, nay cũng không diệt, đâu có thể đồng với ngoại đạo ư?

Ông muốn rõ được tâm yếu thì đối tất cả việc thiện ác đều chớ suy nghĩ, tự nhiên được vào. Tâm thể trong trẻo thường lặng lẽ diệu dụng như hằng sa.

Tiết Giám nghe qua liền đại ngộ, lễ bái Sư trở về triều. Về triều ông tâu hết tự sự cho vua nghe. Vua càng thêm cung kính và ngợi khen. Vua lại ban chiếu và cúng dường ca sa, tích trượng, bảo câu... Sắc đổi tên chùa Bửu Lâm là Trung Hưng.

Năm sau, vua lại sắc thích sử Thiệu Châu kiến thiết ngôi chùa Trung Hưng lại và đổi tên là Pháp Tuyên. Chùa của Sư ở trước tại Tân Châu đổi tên là Quốc Ấn.

Một hôm Sư bảo chúng :

- Thiện trí thức! các người mỗi người tịnh tâm nghe ta nói pháp, hết thầy các người tâm mình là Phật, chớ có hồ nghi. Ngoài không có một pháp có thể dựng lập, đều là tâm mình sanh ra muôn pháp. Kinh nói : "Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt". Nếu muốn thành tựu chúng trí phải đạt nhất tướng tam muội và nhất hạnh tam muội.

Nếu ở tất cả chỗ mà không trụ tướng, ở trong tướng ấy mà không sanh yêu ghét, chẳng lấy, chẳng bỏ, chẳng nghĩ việc lợi ích, thành hoại v.v... an ổn thanh tịnh gọi là nhất tướng tam muội.

Nếu ở tất cả chỗ đi đứng ngồi nằm, rỗng một trực tâm, không đời khỏi đạo tràng, liền thành tịnh độ, gọi là nhất hạnh tam muội.

Nếu người đủ hai tam muội này, như đất có giống hay chứa đựng, nuôi dưỡng thành tựu được bông trái của nó. Nhất tướng, nhất hạnh cũng lại như vậy.

Nay ta nói pháp, ví như khi mưa thấm ướt cả đất, Phật tánh của các người ví như các hạt giống, vừa gặp thấm ướt,

liền nảy mầm. Giữ đúng lời ta quyết được Bồ Đề, đúng theo ta dạy mà thực hành nhất định chứng quả Phật.

Niên hiệu Tiên Thiên năm đầu (712 T.L.), một hôm Sư chợt gọi đồ chúng đến bảo :

- Ta ở chỗ Tô Hoàng Nhẫn thọ pháp yếu cùng y bát. Nay tuy nói pháp mà không truyền y bát, bởi vì các người lòng tin đã thuần thực, không còn nghi ngờ, nên chẳng truyền. Nghe ta nói kệ:

*Tâm địa hàm chư chúng,
Phổ vũ tất giai mạnh.
Đốn ngộ hoa tình dĩ,
Bồ Đề quả tị thành.*

Dịch :

*Đất tâm chứa các giống,
Mưa khắp ất nảy mầm.
Hoa tình vừa đốn ngộ,
Trái bồ đề tị thành.*

Sư lại bảo :

- Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng vậy. Đạo kia thanh tịnh cũng không các tướng. Các người dè dặt chớ quán tịnh và tâm kia không. Tâm này sẵn tịnh, không lấy bỏ, mỗi người tự nỗ lực tùy duyên đi an lành.

Sư thuyết pháp độ sanh đã được bốn chục năm. Trước đây, Sư đã sai người về chùa Quốc Ân ở Tân Châu xây tháp. Đến ngày mừng 6 tháng 6 năm này, Sư lại sai người đến đốc suất làm nhanh. Đến ngày mừng 1 tháng 7, niên hiệu Tiên Thiên thứ hai (713 T.L.), Sư gọi môn nhơn bảo :

- Ta muốn trở về Tân Châu, các người lo sửa soạn thuyền. Lúc ấy, đại chúng đều buồn bã, thỉnh Sư ở nán lại. Sư bảo:

- Chư Phật ra đời vẫn thị hiện vào Niết Bàn. Có đến ắt có đi, lẽ đó là việc thường vậy. Thân hình hài của ta về ắt có chỗ.

Chúng hỏi :

- Hôm nay thầy đi bao giờ trở lại?

Sư bảo :

- Lá rụng về cội, trở lại không hẹn.

Chúng hỏi :

- Pháp nhãn tạng, thầy sẽ trao cho người nào?

Sư bảo :

- Có đạo thì được, vô tâm thì thông.

Chúng thưa :

- Thầy để lời đi chúc xem có nạn không ? :

Sư bảo :

- Ta diệt độ khoảng năm, sáu năm ắt có người đến lấy đầu ta. Nghe ta nói kệ :

*Đầu thượng dưỡng thân,
Khẩu lý tu xan.
Ngộ Man chi nạn,
Dương Liễu vì quan.*

Dịch :

*Trên đầu nuôi thân,
Trong miệng để ăn.
Gặp Man gây nạn,
Dương Liễu làm quan.*

Sư nói tiếp :

- Sau khi ta diệt độ khoảng bảy chục năm, có hai vị Bồ Tát từ phương Đông đến, một tại gia, một xuất gia chung

hưng hóa Phật pháp, sửa lại các ngôi già lam nâng đỡ tông chỉ của ta. Sư về đến Tân Châu, vào chùa Quốc Ân, tắm gội xong, ngồi kiết già, an nhiên thị tịch Khi ấy có mùi hương lạ xông ra, móng trắng vòng chỉ đất. Sư tịch ngày mùng 2 tháng 8 năm Quý Sửu, niên hiệu Tiên Thiên thứ hai (713 T.L.), đời Đường, thọ 76 tuổi.

Bây giờ môn đồ hai châu Thiều và Tân muốn đem hài cốt Sư về châu mình an táng Bàn nhau không ngã lẽ, phải thắp hương cầu nguyện ý Sư : nếu khói hương bay về đâu, thì vâng theo ý đó. Khói hương bay thẳng hướng Tào Khê. Thế là môn đồ ở Thiều Châu sửa soạn đưa linh cữu Sư về nhập tháp. Ngày 13 tháng 11 đưa linh cữu về nhập tháp tại bên bờ khe Tào Hầu, nay là chùa Nam Hoa.

Vua Đường Hiền Tông truy phong Sư là Đại Giám thiên sư, thụy hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu.

Môn đệ của Sư đặc pháp và hoàng hóa sau này có cả thầy bốn mươi ba vị :

1- Hành Tư ở núi Thanh Nguyên.

2- Hoài Nhượng ở Nam Nhạc. 3- Pháp Hải. 4- Huệ Trung. 5- Bồn Tịnh. 6- Thần Hội. 7- Huyền Giác. 8- Huyền Sách. 9- Tam Tạng Quật Đa v.v...

Những lời Sư chỉ dạy có thể đa số được sưu tập trong quyển Pháp Bảo Đàn Kinh. - hết -

Chúc Mừng Năm Mới

THƯỢNG TỌA CHỦ NHIỆM VÀ TOÀN
BAN BIÊN TẬP, KỸ THUẬT BÁO VIÊN
GIÁC THÀNH TÂM KÍNH CHÚC QUÝ
ĐỘC GIÁ XA GẦN MỘT NĂM DƯƠNG
LỊCH - 1991 NHIỀU AN KHƯƠNG VÀ
THỊNH VƯỢNG.



THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa
Viên Giác kính xin Quý Vị đến
nhà Bank của Quý Vị làm đơn
chuyển tịnh tài theo lối:

Dauerauftrag vào trương mục của Chùa

Congregation der Verengigten Vietn.-Buddh, Kircke e.V.
Deutsche Bank Hannover.
Bankleizahl. 250 700 70
Koato-Nr.: 865747001

Xin cảm tạ Quý vị
Chùa Viên Giác

Hương Quê Cực Lạc

- LIÊN DU -



(tiếp theo và hết)

Lời Bạt

Trong thời gian trước, tôi có hứa với một nhóm Phật tử tại gia : viết những bài giảng về pháp môn Tịnh Độ. Sau khi ấy, tôi lại nghĩ mình nghiệp chướng nhiều, tài đức kém, bước tu hành còn hầy đơn sơ, tốt hơn là rút lấy những kinh nghiệm của người xưa để cống hiến cho hàng liên hữu. Nhân đó mới có sự phiên dịch ra quyển này.

Tuy nói là phiên dịch, nhưng trong bản chánh, đoạn nào quá cao thâm không hợp với trình độ học Phật phổ thông của hàng cư sĩ hiện nay, tôi bớt bỏ; nhưng chỗ thiết yếu trong các sách Tịnh Độ khác có mà nơi nguyên bản thiếu, tôi lại thêm vào. Hoặc giả có điểm nào khó hiểu, tôi lại phụ thích thêm. Vì thế quyển này cũng có xen phần trừ tác và so với bản chánh, có những chỗ sai khác.

Khi bản thảo vừa viết xong, gặp nhằm lúc thời cuộc biến chuyển, nhiều người chật vật lo ngại về sinh kế, tôi có ngó ý với một nhóm Phật tử rằng : "Vi đã lỡ hứa lời yêu thỉnh của các vị tôi mới phiên dịch ra quyển này, như không có phương tiện ấn hành, thì trao luân phiên

nhau mà xem để rút lấy những lời kinh nghiệm của người xưa. Riêng về tôi, ngoài ý nguyện giúp cho các vị những phương tiện tu tập, tuyệt không có tâm niệm cầu mong chi khác. Có một vài cư sĩ nhận lấy bản thảo xem, thấy văn pháp tuy thô sơ, nhưng lời lẽ của cổ nhân có phần lợi ích cho người tu Tịnh Độ, nên cố động nhau để in ra và xin tôi hoàn thành các chi tiết. Trong quyển này, sau lời dạy của các bậc tri thức, còn có phần "Dư ngôn" gồm vài mươi bài, nội dung là những sưu tầm, học hỏi, kinh nghiệm, nhận thức riêng của tôi về môn Tịnh Độ, nhưng vì thấy sự sinh hoạt của quần chúng có phần khó khăn, sợ e tiêu hao của đàn tín, nên tôi truat bớt ra.

Khách bộ hành, khi đi trên con đường gập ghềnh dưới ánh nắng thiêu đốt, tất muốn tìm chỗ bằng phẳng có bóng cây mát mẻ để nghỉ ngơi. Con người cũng thế, "nếu nhận thấy đời sống có nhiều nỗi mê muội khổ đau, đều muốn quay về đạo đức, tìm pháp môn "giải thoát. Thuở xưa, Trương Tử Phòng thổi tiêu, bảo tưng nơn hát khúc Sở ca, mà binh Sở đều động lòng nhớ quê hương, tan rã bỏ về nhà, Xem quyển này, nếu ai nhận thấy nơi cõi Ta Bà, chúng sanh sống trong vòng khổ não như ác của thân tâm và ngoại cảnh, tin biết có cõi Cực Lạc là một trời xuân nơi miền kiếp ngoại, một thế giới sáng đẹp trang nghiêm trong bản thể diệu minh, tất đều nao nức muốn sanh về !

Pháp môn Tịnh Độ là con thuyền giải thoát nhiệm mầu quý báu nhứt của chúng sanh thời mạt pháp. Thuở xưa trong khi nói kinh Vô Lượng Thọ, đức Bổn Sư đã bảo: "Có vô lượng Bồ Tát ở mười phương thế giới muốn nghe kinh này mà không được nghe. Giả sử khắp cả cõi đại thiên lửa cháy đỏ hồng, vì cầu pháp môn Tịnh Độ này phải vượt qua nơi ấy, cũng nên mong cầu". Xem lời Phật nói, ta có thể hiểu giá trị của môn niệm Phật là thế nào?! Nay chúng ta ở trong vòng mê khổ mà được nghe pháp môn Tịnh Độ, là một hân hạnh rất lớn, phải tinh tấn tu tập, chớ nên xao lãng thờ ơ. Xin vì những người đã được duyên phước này mà chúc mừng rằng :

"Chìm trong biển nghiệp. Gặp chiếc từ hàng. Giữ lòng thành kính. Qui mạng Giác hoàng. Tín, nguyện hành chuyên. Lễ Vô Lượng Quang".

Liên Du

Đài Gương Tịnh Hạnh

(Lược thuật về hạnh nghiệp của Vô Sanh nữ sĩ).

Nữ sĩ họ Hồ, tên Học Kiên, pháp danh Hiển Nhẫn, tự Vô Sanh, người ở tỉnh Hồ Nam, huyện Ích Dương. Cha cô tên Diệu Hoàng, tự Thôi Sơn, mẹ họ Điền, đều là những họ có tiếng ở đất Tương cả. Nữ sĩ sanh bình có đặc tánh cứng cỏi mà hay thương người, thông minh mà mộ đạo, hoạt bát mà không lưu chuyển theo thế tục. Thấy người bị khổ nạn, cô liền tận tâm cứu giúp, chẳng kể cừ oán, công ơn, lại hằng tôn trọng bậc có đức, nghe lời lành như được của báu. Lúc còn thơ ấu, nữ sĩ ưa cung kính thần linh, thích cảnh chùa miếu u nhàn, thấy thánh tượng lên cúi lạy, đặc biệt tôn trọng ngôi Tam Bảo.

Huỳnh thị, chị dâu họ, tánh từ ái ôn hòa, đôi đũa với cô rất có thâm tình, một hôm bỗng vương bệnh rồi mất, lúc ấy mọi người trong quyến thuộc đều khóc than kẻ lẻ, riêng nữ sĩ chỉ yên lặng xót đau, hằng suy nghĩ : "Nhơn sanh hà tất có chết? Tình trạng sau khi chết như thế nào? Làm sao cho khỏi các điều khổ trong vòng sanh tử?". Suy tưởng đến đó, lòng lo buồn, tâm nghĩ mãi không thôi. Người ngoài thấy cô hình dung gầy kém, cứ chỉ thất thường, cho là do sự xót thương thái quá, mà không rõ được bề trong. Dù trong lúc tuổi thơ, nữ sĩ đã biết nghĩ xa đến sự sống chết, một vấn đề rất lớn lao, trọng yếu của đời người.

Năm mười ba tuổi, cô học tập tại nhà, vừa được tám tháng, đã có thể lưu lăm các văn tự gần xa. Xem bộ Hương Sơn ký thấy sự tích ứng hóa của đức Quan Thế Âm Bồ Tát, cô liền có ý nghĩ muốn bắt chước theo. Một hôm, vào tiết đầu xuân, nhân có cuộc vui họp bạn, nữ sĩ sắp sửa đi dự, vừa bước ra khỏi cửa, bỗng chợt nghĩ : "Có vui tất có buồn, có hợp tất có ly, có đi tất có về, thôi thà chẳng đi là hơn!". Lúc ông Thôi Sơn làm hiệu trưởng trường Dương Trung, nữ sĩ theo cha lên lầu Nhạc Dương, thấy tượng Lữ Thuần Dương, lại nghe sự tích thành đạo của ngài, liền sanh tư tưởng xuất thế. Nhưng bị duyên này sự kia, dây dưa mãi mà chưa thật hành được ý nguyện.

Năm mười bảy tuổi, cô về làm dâu nhà họ Đàm, vừa thành hôn, iền bảo Đàm quân rằng : "Đến ba mươi tuổi, chắc tôi phải xa nhà, lia bỏ tất cả, sống một cuộc đời tịnh hạnh. Lúc ấy chàng nên cố gắng tự nhiếp". Nghe nói, Đàm quân cho là lời vắn vơ, bất tường, cười mà bỏ qua. Chàng lại khuyên nữ sĩ nên từng học để trau dồi thêm kiến thức tại trường Dân Lập ở Thượng Hải. Trong trường, ngoài giờ học, các bạn ưa vận động chơi đùa, riêng cô lại nhàn tịnh, ít nói, thích ngồi một mình nơi chỗ vắng với trạng thái trầm tư. Nữ sĩ học hành càng ngày càng tiến bộ, xuất sắc, nhưng vừa được một học kỳ, lại phải thôi học theo Đàm quân, lúc lên Bắc Quán, rồi đến Yên Kinh. Mặc dù trên đường hoạn quan, cô phải theo chồng, luôn luôn dời chỗ không nhứt định, song tâm lòng mộ đạo vẫn tùy duyên không biến đổi. Thường thường, trong các cuộc vui, tuy phải gắng gượng theo người, song nghĩ đến sự vui chẳng bền lâu, phút chốc rồi tan rã, nơi lòng vẫn hằng xen quan niệm buồn lo. Trong các bạn đồng niên cô đã từng nghe họ kể cho biết nỗi niềm riêng : kẻ thì âu sầu về gia sự, người thất vọng về danh lợi, tình duyên, kẻ khác lại đau về cảnh sanh ly tử biệt. Thấy cuộc đời vui ít khổ nhiều mà các bạn còn mãi mê hi cầu, đeo đuổi như con nai khát nước chạy theo ánh nắng chập chờn, nữ sĩ bỗng xót thương suy gẫm : "Đức Thế Tôn đã nói : "ba cõi đều vô thường, các pháp hữu vi không có chỉ là vui, quả là lời chắc chắn không lầm. Thật khó hái được cành hoa hạnh phúc trong vườn đời huyền mộng!" Lúc ấy trong thâm tâm cô đã có ý nghĩ muốn thoát ly hai họ Hồ, Đàm.

Thường thường trong lúc tiếp chuyện cùng người, nữ sĩ ưa đàm luận lý diệu huyền, quyết tìm đến chỗ cội nguồn, cầu sự giải quyết cao siêu, cứu cánh. Cô lập thế làm sao đến ba mươi tuổi cũng phải lìa muôn duyên, tìm

một chỗ an thân tu hành để cho trọn đời sống. Lúc ấy, Đàm quân có quen thân với ông Lý An Trần. Lý là một vị quan cựu trào nhà Thanh, từ khi Dân quốc thành lập đến nay, từ chức về quê ở ẩn. Ông này rất mến đạo Phật, nhận sự hoằng pháp lợi sanh làm bốn phận. Một hôm, nhân có việc đến kinh, Lý tiên sanh ngụ nơi nhà Đàm quân, nữ sĩ có dịp được tương kiến. Tiên sanh giảng luận về đạo Phật, nói rộng sự thù thắng ở Cực Lạc cho nghe, và khuyên cô nên lưu ý tìm sự giải thoát nơi pháp môn Tịnh độ. Nhân tiện, cô nhờ ông tìm giùm cho mình một cảnh chùa am để tịnh tu phạm hạnh. Lý tiên sanh nhận lời.

Vì chí xuất trần quá tha thiết, cách vài hôm sau, nữ sĩ sốt lòng đi thẳng đến am Mã Cách Ly thăm Lý tiên sanh, tỏ bày chủ ý của mình. Tiên sanh vui vẻ tán thành tặng cho một xâu chuỗi, và các sách Phật như : Thiện nữ nhơn truyện, Tịnh nghiệp soạn yếu vv.. rồi giới thiệu đến Hạ Trạch để nghe Trần Nguyên Bạch lão cư sĩ diễn giảng. Trần lão là một vị uyên thâm Phật lý, phát nguyện muốn cho Phật pháp phổ cập toàn cầu, dùng nữ giới đi tiên phong như cách tông đồ Thiên Chúa bô giáo ở Âu Châu thuở xưa. Bấy giờ bên nữ giới người học Phật lần đông, mà khổ vì không có chỗ chuyên tu. Lão cư sĩ là người đầu tiên đứng lên đề xướng về việc ấy.

Khi thăm Lý tiên sanh được nghe lời khuyến khích, nữ sĩ từ giả ra về, quyết lòng nhập đạo, đi ngang qua Thọ Trạch nhờ bạn thân là Mã nữ sĩ đưa qua Hạ Trạch nghe giảng một phen. Khóa giảng xong, cô liền quy tâm Phật pháp, tôn Trần lão làm bậc thầy. Bạn đồng đạo bảy người đều mặc áo vải, ăn chay trường, bỏ cả sự trang sức xa hoa, sớm tối tụng kinh niệm Phật không biết mỏi. Nữ sĩ dù đồng mãnh tinh tấn, song tu hành ở nhà nhiều nơi trở ngại đôi ba phen nhờ Trần lão tìm giùm chỗ nơi thuận tiện cho sự thanh tu, nhưng mãi mà chưa được.

Một thời gian lâu sau, có tin ở Đông Trục Môn, am Cực Lạc, Bảo Nhất pháp sư, sửa sang chùa hư, mở đạo tràng làm chỗ cho cả tứ chúng tu tập. Về phía Tây am có vài nóc dân phòng, pháp sư sửa lại làm quan phòng, ngăn ra trùng gian, vừa vận trang nghiêm, mỗi gian đều có cửa nẻo riêng biệt, như cách chế thôn lạc, rất tiện cho nữ chúng ở tu. Nữ sĩ nghe được rất mừng, nhờ Trần lão đưa đến quy y với Bảo Nhất pháp sư. Sau đôi ba phen bày tỏ lay cầu, pháp sư xót thương hứa nhận và chỉ định gian nhà phía Tây ở Tây viện làm chỗ tịnh tu cho cô. Được lời, nữ sĩ bồi hồi cảm động, tủi tủi mừng mừng, bề trần lao chìm nổi nửa đời, đến đây mới được chỗ an thân học đạo.

Từ khi ở đạo tràng quy y lễ tạ Bảo Nhất pháp sư rồi trở về nhà, nữ sĩ ngày ngày đem việc ly gia khẩn khoản bàn với Đàm quân Chàng buồn bã không quyết định được, mời hàng thân quyến và bạn hữu đến cùng nhau thương nghị việc ấy. Mọi người không hiểu chí nguyện của cô, đồng ngăn cản. Nữ sĩ liền cắt một miếng thịt nơi cánh tay để tỏ bày chí kiên quyết của mình. Đàm quân khóc lóc cảm lại không được, xin mãn ba năm rồi trở về nhà cũng không được. Ngày 23 tháng 8 năm Tân Dậu, nữ sĩ đến am Cực Lạc. Qua ngày 26 thọ giới Bồ Tát, phát nguyện ba năm không ra khỏi ngõ am, chuyên tu

tĩnh nghiệp, an lòng với đạo cho mãn kiếp sanh. Cô dù xa nhà ở ẩn, nhưng hàng thân hữu tìm đến thăm càng đông, lòng không kham nổi sự phiền phức, liền đóng cửa phòng bảo người rằng : "Tôi lìa nhà thế như đưa đi chôn, vào tịnh thất như để xuống huyết, đóng cửa phòng như lấp đất, việc ân nghĩa đối xử với bên ngoài từ nay kê như đã đoạn tuyệt!. Xem đây có thể thấy tâm chí của cô kiên quyết như thế nào! Lúc bấy giờ nữ sĩ tuổi vừa ba mươi đứng với ý nguyện, hạn kỳ ngày trước.

Đức Phật nói : "Phàm việc chi đều có nhân duyên, có nguyên tất có ngày đền đáp". Như Vô Sanh nữ cư sĩ : nửa đời chìm nổi, vườn trần mưa gió cảnh xuân; nhân tốt sớm gieo, duyên tịnh đưa về cõi Phật. Ấy đâu phải là sự ngẫu nhiên ư ?

Trích dịch: "Vô Sanh hạnh nghiệp, ký". Tỳ Kheo: Thiển Tâm, hiệu Liên Du"

Tự Tri Lục

(Lời tự thuật của Vô Sanh nữ sĩ)

Mấy Lời Phi Lộ

*Hoa xuân, cảnh liễu oanh kêu hót,
Mình biết mình hơn kẻ biết mình!*

Mùa thu tháng chín năm Tân Dậu, tôi đóng cửa thất nơi Tây viện am Cực lạc, ở kinh sư, vâng lời Thầy dạy, cầm ngữ, tuyệt sự đời, chẳng chơi thi từ văn mặc.

Khi mới dựng công, nhiều cảnh giới bỗng nhiên phát hiện. Tôi thưa hỏi thầy, người liền nói là ma, là huyền vọng, dặn đừng tham chấp, chớ sợ hãi. Trải qua năm tháng sau, các cảnh tượng bất tịnh lại phát hiện. Đem trình hỏi thầy, người bảo : "Đó là do đời trước con đã tu pháp bất tịnh quán, tức căn phát hiện, không có chi lại".

Từ đó về sau, cảnh tượng mỗi ngày mỗi đổi khác. Thưa thuật lại, thầy bình luận cho chỗ thấy của tôi phần nhiều hợp với kinh Phật, song vẫn dặn kỹ chớ nên chấp trước, chớ cho là thắng giải. Vì thế, tôi không ghi chép, cảnh tượng trải qua liền quên.

Gần đây, sau khi ra thất, các bạn hữu ưa gạn hỏi mãi tình huống trong khi yếm quan. Chuyện vẫn nhiều, cảnh giới lại phức tạp khó nắm cương lãnh, bắt buộc tôi phải gắng nhớ lại việc còn ghi nhớ, chép ước lược ra để nhờ thầy bạn chỉ bảo. Tôi cho rằng : nếu chuyên dụng công, tự có cảnh giới, không cần hỏi gặt hái, chỉ chăm lo cày bừa. Nếu chẳng cày bừa mà muốn gặt hái, tất không có lẽ đó. Trong vài tháng trở lại đây, chỗ dụng công của tôi càng thêm đặc lực. Xin chân thành ghi lại trong tập này, phần đại khái cùng một vài chi tiết nhỏ có lợi cho bạn đồng tu, để cùng nhau tham khảo.

Sau khi viết xong, tôi đặt nhan đề là "Tự Tri Lục". Đây chính là lấy ý nghĩa : sự âm lạnh tự mình riêng biết vậy.

Tháng quý đông năm Giáp Tý

Ngày Phật thành đạo

Ưu Bà Di : Hiền Nhân

Pháp Thức Tu Tập

Khi mới yếm quan, tôi đã chủ định điều cốt yếu thứ nhất là phải buông cả muôn duyên, xem thân này như đã chết, quan phòng như nắm mồ của mình, Ngày đêm sáu thời tôi không để tâm đến việc chi khác, chỉ một mặt tưởng nhớ Phật A Di Đà cùng thế giới Cực Lạc là chỗ nương về duy nhất, nhận chắc cõi này đầy đầy nỗi khổ, miền kia thuận sự an vui.

Vì thế, khi đi đứng nằm ngồi, tôi giữ câu niệm Phật khẩn khẩn không rời. Niệm mãi đến lúc hình nhọc sức mỏi, thân khí hôn trầm, không còn có thể chi trì, lại đứng dậy lễ Phật để duy trì chánh niệm. Khi lễ Phật, ít thì 24 hoặc 48 lạy, nhiều hoặc hai ba trăm lạy không nhứt định, lấy sự hôn trầm tan mất, tâm được thanh tịnh làm chừng. Có khi lễ đến đâu xây xẩm, mắt lơ mờ, thân mình ngã sụm, vẫn còn lạy mãi không thôi. Đã là phương châm tối thượng để đối trị bệnh hôn trầm, tôi thường thế dùng và thường được hiệu nghiệm. Nếu khi tạp niệm sôi nổi, tình thần tán loạn, không pháp chi dứt được, tôi liền tụng danh hiệu Di Đà, Quan Âm, Thế Chí Thanh Tịnh hải chúng xoay vần nối nhau không ngắt để ngăn trừ. Hoặc có khi lại tả vài trăm câu Phật hiệu vào sổ tay, rồi cứ xem kỹ theo mặt chữ niệm từ trên xuống dưới, cách này cũng rất là đặc lực. Hai phương pháp trên có thể đối trị bệnh tán loạn, xin đưa ra đây để cho bạn đồng tịnh thử dùng.

Phương pháp niệm Phật rất nhiều, tôi chọn lấy hai cách - 1.- Niệm to tiếng, khi niệm quán mỗi tiếng mỗi câu đi vào trong tâm. Bởi, niệm to tiếng có thể rửa sạch trần cấu của năm ấm, quán tiếng vào tâm thì lòng dễ chuyên mà tạp tướng ít - 2.- Ngồi yên niệm thầm, khi niệm miệng dù không ra tiếng, nhưng trong tâm mỗi chữ mỗi câu vẫn rành rẽ rõ ràng. Hai phương pháp này tôi thay đổi nhau mà dùng, tùy theo trong người khi khỏe lúc nhọc. Niệm mãi như thế, lâu ngày sức huân tập thuần thực, không niệm mà tự niệm, lần lần đến khi cùng người chuyện văn mà trong tâm câu niệm Phật vẫn nối tiếp nhau không hề dứt. Khi ấy động cùng tịnh đã hiệp một. Đây gọi là cảnh giới tương ưng.

Thời gian niệm Phật của tôi dài ngắn không định, có khi một, hai giờ, có khi năm, sáu giờ. Trước tiên là niệm to tiếng, niệm mãi đến khi mệt thì ngồi yên nhiếp tâm mà niệm thầm để khôi phục sức khỏe; ngồi lâu đã mỏi lại đứng lên đi kinh hành hoặc lễ Phật cho thân thể được hoạt động. Ba điều trên đây, tôi cứ tùy thời xoay vần thay đổi, nên có thể duy trì sức niệm được lâu. Muốn cho vọng niệm bớt đi, tôi tự khắc lệ, dùng chuỗi ký số, lấy một ngàn câu làm đơn vị. Trong khoảng ngàn câu đó, nếu có một câu thất niệm, không chắc chắn, rõ ràng, thì bỏ cả, trở lại từ một. Lại khi niệm Phật, tôi thường nhắm mắt, nếu nửa chừng ngẫu nhiên mở mắt ra, cũng bỏ cả, đếm trở lại từ một. Lúc lễ bái, phát nguyện, tôi đem hết lòng thành kính khẩn đảo, như tự thân ở trước Phật, sớm tối đều lấy 108 lạy định làm thường khóa. Mỗi khi rời phòng thờ Phật, tôi lễ Phật xin phép, tự hẹn thời gian bao lâu sẽ trở vào, khi vào lễ Phật thưa trình, như thờ đức Thầy nghiêm, không dám sai trễ. Đèn hương trên bàn Phật, tôi giữ nối luôn không cho tắt dứt, nếu không thể được vẹn toàn, thì phải có một trong hai món. Vài điều

trên đây là những phương pháp dùng hình thức để duy trì chánh niệm.

Trước kia tôi vẫn hay buông trôi theo thói quen, nhưng sau khi nhập thất lại lấy sự sửa đổi tập quán làm chủ yếu. Lúc gặp những cảnh vật đáng ưa, sự tình đáng mến, liền dứt bỏ; với những cảnh vật đáng ghét, sự tình khó chịu, - thì gắng ấn nhãn cho qua. Khi đau ốm, tôi nghĩ rằng : đây là lúc sắp vãng sanh, là điểm quan yếu của một đời tu, ta nên tinh tấn, nhẫn cái sự khô, chờ để khi lâm chung mất chánh niệm. Tôi lại tự lập chí kiên quyết : dù cho bệnh khổ suy mòn, mạng sống đến giờ hấp hối nếu còn một chút hơi thở, chút trí giác, thì lấy đó mà tưởng niệm Phật. Như thế, báo thân đã mãn, tất được vãng sanh, chẳng là điều vui ư? Nghĩ đến đó, lòng tự an nhiên, không kinh sợ.

Tôi vẫn ít ngủ, phen nhập quan này, sự ngủ nghỉ lại càng ít hơn. Dù có ngủ tâm cũng không hôn mê, thường tự như chiêm bao, mà chẳng phải chiêm bao, vẫn thấy mình có thể lễ Phật niệm Phật như lúc bình thường không khác. Nhân đó tôi lại càng cố gắng lặng lòng quán sát, quét trừ ma ngủ, để nổi luôn niệm thanh tịnh, mong làm sao cho niệm lực ngày đêm như một. Điều này rất là khẩn yếu... hiệp lại thành một bó chỉ vàng, phân nửa hướng lên trên, phân nửa rũ xuống dưới đều hóa thành lưới báu, mỗi mắt lưới mỗi hạt châu, chân lưới bao chụp cả thân mình, các hạt châu va chạm nhau thành tiếng thanh tao êm dịu! Có lúc từ ba mắt lưới mưa nhỏ tuông phơi phơi, mỗi giọt nước hóa thành hình tròn liên tiếp như thế vài ngày đêm không dứt, rồi sau lại biến thành ao vàng. Trong ao ấy có các thứ báu hoạt động như sanh vật, trên có chư vạn vàng che phủ.

Một hôm, tôi bỗng thấy đỉnh đầu bẻ vỡ tuông ra nhiều hoa báu phun vọt lên trên, ánh sáng chiếu suốt, soi thấy chư Phật Bồ Tát đầy khắp hư không. Bảy giờ sáu căn lẫn lộn, không còn phân biệt được, không trong không ngoài. Mặc dù cảnh giới có biến đổi lạ lùng, song lòng tôi vẫn an nhiên, không vui mừng kinh sợ.

Vài hôm sau, tôi lại thấy từ trong ngực có hoa sen báu vọt ra, cánh sen sắc vàng hồng khép nở liền liền. Trong hoa hiện ra thân Phật A Di Đà sắc vàng, Phật bay lên hư không, mình cúi chạy theo. Lúc ấy lại tự hiểu đức Phật mà mình đang lễ bái, chính là mình, không hai, không khác. Một ngày, tôi chợt cảm thấy tâm khai, phóng hào quang sáng trắng như điện chớp, hiện ra cõi lưu ly báu. Trong đó có rất đông Bồ Tát và La Hán an tọa, mình cũng đồng ngồi, quang cảnh như nhi đồng theo phụ huynh dạo chơi.

Vào hạ tuần tháng ba, một hôm tôi thấy chụp lưu ly phủ mình bỗng nhiên vỡ nát, miếng vụn văng ngang thì hóa thành cát sắc bạc, miếng văng lên hóa làm lông vàng từ sau lưng văng ra phía trước rồi xoay lại. Lúc ấy trong thân khốn khổ lạ thường, như rắn bò ra, như tâm nằm ngủ. Đang khi khó chịu, tôi chợt cảm biết thân tâm khoan khoái, muôn niệm đều tiêu, nghe rõ các tiếng buồn khổ từ dưới đưa lên rất là thấm thiết! Kể lại nghe tiếng niệm Phật du dương trong trẻo từ xa lại gần, thanh tịnh an vui không thể nói dụ được! Nhìn xuống, tôi thấy

đất biến thành lưu ly sáng suốt mà chính đó là thân mình, bên tả hóa hiện cây bồ đề to lớn, tàng rộng che trùm rất xa. Từ trên đánh đầu mình lại phóng ra ánh sáng sắc vàng, giữa ánh sáng hóa hiện cây cột thủy ngân, đầu cột có tiếng niệm Phật như máy phun nước nối liền không dứt. Ngày ấy tôi tịnh tọa ước chừng sáu giờ, sau khi xuất định còn nghe tiếng người niệm Phật như kêu mình cứu vớt, hơn mười ngày mới thôi.

Từ đó về sau, trên đầu tôi đều dùng cánh sen bao vây, toàn thân cũng là cánh sen kết thành, mình đi dưới ánh nắng màu sáng chói, tốt đẹp vô cùng.

Lại mỗi khi tôi tịnh tọa, bỗng thấy hào quang phóng ra, tường vách cõi đất đều chấn động, vật chi chạm đến hào quang đều liền vỡ nát hóa thành hoa vàng xoay lộn không ngớt. Trên hư không hoa báu bay liệng lên xuống đều đều chậm chậm như những cánh chim trời.

Trên đây là những cảnh giới trải qua từ rằm tháng chín yêm quan đến rằm tháng tư xuất quan. Từ đây đến rằm tháng mười là ngày nhập quan, trong vòng sáu tháng, cảnh giới không đổi mấy mà cũng không mất. Hoặc thấy toàn thân hiện thành ánh quang minh, dường như tơ phơi phơi xoay vẫn không ngừng. Hoặc có lúc tự mình ngồi trên hoa sen bay lên hư không đi đồng hàng với các bậc Bồ Tát, thường được nghe lời khen ngợi.

Đêm mười tám, sau mấy ngày nhập quan, tôi hay tin tiên phụ mất, liền bày linh vị trên bàn Phật, quì tụng kinh A Di Đà. Trong lòng cảm xúc, vừa niệm bài hương tán, nước mắt bỗng rơi nhỏ giọt như chất dầu. Sau thời kinh, tôi đang tịnh tọa, chợt thấy bóng đen bay đến trước linh vị, lại nghe trên hư không có tiếng bảo : "Công đức đã viên mãn, cha của con được vãng sanh về biên cảnh Tây phương. Chờ khi nào đạo nghiệp con thành tựu, sẽ đồng được thấy Phật". Liền khi ấy, bóng đen tan đi như mây khói. Tôi lại tịnh tọa nhập thâm định, thấy thân phụ đang ngồi trong vườn hoa rộng lớn, tốt đẹp rực rỡ, không phải cảnh nhơn gian. Đây phải chăng là miền biên địa ở Tây phương?

Đêm mười chín, trong lúc thầy cùng các bạn đồng học lập đàn niệm Phật để siêu độ cho tiên phụ, tôi thấy tiếng niệm Phật trong đàn kết thành một phiến, trong rõ chính tề, du hành trong hào quang của tôi đến sáng mới thôi. Ngày ấy cảnh giới của tôi cũng đặc biệt thù thắng. Trên hiện hào quang vàng, dưới thành ao sen rộng lớn có vô số hóa Phật, tâm tôi khoan khoái cũng niệm Phật không ngớt. Thắng như thường có cảnh giới này, lo gì nghiệp của mọi người không thành ?

Vào buổi chiều tối ngày mùng 8 của một tháng mùa đông, lúc tôi niệm Phật, hào quang hóa thành lông cứng thẳng, sức rất mạnh khó điều huẩn, Nhưng khi niệm đến sau một ngàn câu, bỗng có tiếng nổ như mở nút miệng bình, hào quang mới lần lần dịu mềm xoay vào trong miệng. Bảy giờ thân thể tôi đồng như hơi bọt, mát mẻ vô cùng, bên tai vang ra tiếng êm dịu. Mấy ngày trở lại đây, cảnh giới phát động khốn khổ khác thường, bảy giờ mới được yên lặng. Đây chính là vì tôi không quán chi cả, chỉ dùng một chữ nhãn để chống lại. "Nhãn" này không phải nhãn chịu sự thống khổ, mà chính thật pháp không nhãn,

là quên cả thân tâm ngoại cảnh, xem tất cả đều không. Tôi dùng cách này để hàng phục tâm mình cảm thấy rất được tương ứng.

Ngày mùng mười, trước giờ ngo, tôi niệm Phật đến lúc khẩn cấp, bỗng nhiên tâm khai hiện ra một vị Phật, sánh với đức Phật hồi tháng tư thì vàng sáng và rõ hơn. Phật hiện đối trước tôi, như đứng ánh sáng trắng bằng bạc, phía trên lại hiện ra các thứ châu ngọc rực rỡ chớp nháng lấp lánh. Lúc ấy trong tâm tôi có trạng thái vừa đau, vừa sáng, vừa yên tĩnh, hơn một giờ mới hết. Liên đó, tôi lại thấy các hình tướng trang nghiêm ở cõi Cực Lạc xoay đạo không ngừng. Ấy cũng là công đức sẵn có trong tâm, chẳng phải cảnh ngoài.

Chiều rằm, đang lúc tĩnh tọa, tôi thấy trong hào quang sắc chàm hiện ra một chữ "Hồng" màu đỏ, hai bên nổi lặn như đèn điện tắt cháy, tự biết đó là bốn chữ A Di Đà Phật hiệp thành. Tôi quán soi hồi lâu bỗng hiểu : bốn lai của ta chính là cái này. Nhân tưởng : "Bình nhứt vọng niệm từ đâu phát ra" Lúc đó liền thấy một niệm nghĩ ấy dờn dợn từ dưới chữ mà ra, đó là chỗ vọng niệm phát xuất. Châu vi của chữ Phật ấy lại vang ra tiếng trong rõ dị thường !

Đêm mười bảy, thân mình hốt nhiên hóa thành sợi chỉ trắng rất trong suốt, xoay vần như gò núi. Nhân đó tự biết : lông trắng giữa chân mày chia ra thì thành 32 tướng, cho đến tất cả cảnh giới đều do nơi lông trắng này mà thành. Lúc tôi dụng công được tương ứng thì tâm cùng tiếng hiệp thành một khối lãnh lót như tiếng đồng tử, hoặc có lúc ứng tiếng hòa với tiếng tôi mà niệm.

Đêm hai mươi, sau khi tôi tụng xong kinh Địa Tạng, tiếp tụng qua kinh Di Đà, đến quyển thứ tư, câu A Dật Đa Bồ Tát, bỗng nhiên thân thể rỗng rang, tất cả đều không. Tôi lần ngồi xuống đất cũng không thấy hay động, da mặt đầu mình không biết đau ngứa, xúc giác tiêu tan, cảnh giới trang nghiêm lúc bình thường đều mất cả. Như thế giây lâu mới trả lại nguyên trạng. Khi ấy, tâm càng mát mẻ, hào quang càng rộng rãi dịu dàng vô cùng!

Ngày hai mươi tám, tôi tự cảm thấy thân thể hóa thành vàng mây, mây là thân không tướng. Ấng mây thân đó hợp lại làm gò núi, tan ra thành bạch quang, sự trong ngần của băng tuyết không thể sánh kịp. Khi ấy bốn phía, hai bên cùng sau trước, đều không còn phân biệt. Tôi chỉ tự cảm biết trạng thái lúc bấy giờ là một thể hồn nhiên sáng suốt mà thôi...

Lời Bình Luận

Trong kinh sách Phật, có nhiều chỗ khuyên răn người tu, lúc được cảnh giới tốt hay có sở đắc chi, chớ nên phô bày. Nếu phô bày thì dễ sanh ma chướng, tà niệm, hoặc có khi được rồi lại mất. Trừ ra hai phương diện :

-1) Bậc Phật, Bồ Tát hiện thân, vọng tâm đã dứt, vì muốn thủ tín cùng đời, hay vì dắt dìu chỉ dẫn người sau, nên mới nói ra.

-2) Lòng mình có chỗ nghi, muốn thuật riêng lạ với bậc thiện tri thức để nhờ quyết đoán sự chánh tà, tránh các điều hại, không phải có ý khoe khoang tự đắc.

Vô Sanh nữ sĩ là người thế nào, tôi không thể lường được, nên không dám phẩm bình về sự phô bày của cô. Nhưng xin khuyên các hành giả phải cẩn thận, đừng có được ít mà nói nhiều, và nếu không phải vì một trong hai trường hợp trên, xin chớ phô ra. Như thế mới khỏi mang tội đại vọng ngữ, và tránh được các điều hại.

Tập này, có một vị cư sĩ muốn in để truyền bá rộng ra, viết thư hỏi ý kiến ngài Ân Quang. Đại sư không cho và bảo : "Nếu tu hành đắc lực, tự nhiên có cảnh giới. Song cảnh giới ấy cũng tùy công đức nơi tâm mà hiện, chớ không có chi lạ! Người tu, nếu đứng theo pháp mà niệm Phật, thì thấy tướng hảo càng tốt, không thấy cũng vô hại, bởi nhân chắc thật tất quả không hư thối. Như tu niệm không đúng pháp, hoặc dụng công chẳng chí cực, thì có sở đắc là ma, không sở đắc là ngu si. Dù khi các cảnh tướng tốt hoặc xấu phát hiện, cũng nên giữ vững chánh niệm, đừng quá vui mừng, kinh sợ, vì đó là những chỗ hờ dể ma dễ nhập vào tâm. Người đời nay, khi tu hành, phần nhiều có tánh háo kỳ, không chú trọng nơi chỗ dụng công, chỉ mong cầu được thấy hảo tướng. Đã như thế, chẳng những không được cảnh tốt, mà do bởi vọng tưởng phân, ma nhân đó giả hiện Phật, Bồ Tát để gạt gẫm, khiến cho điên cuồng. Ân Quang sợ e tập này in ra, không, khéo lại thành mối duyên thúc đẩy kẻ vô tri sa vào nơi hồ sâu ấy. Theo ngu ý, chẳng bằng nên thôi đi là hơn..."

Lời Ân Quang đại sư dạy bảo trên đây thật là xác đáng. Nhưng, hàng cư sĩ bên Trung Hoa phần nhiều trình độ học Phật khá cao, đối với tập này, có thể không là điều cần thiết. Riêng Phật tử Việt Nam ta, sự hiểu đạo đa số còn mông lung, tâm tu hành không thiết tha tinh tấn, nên tôi muốn mượn tập này để làm duyên tăng trưởng lòng tín cùng khuyến khích bạn đồng tu trên con đường tịnh nghiệp.

Với tập này, nếu người biết phân minh điều hay dở, thiết tưởng cũng không đến đời có hại. Điều hay là xem gương người để tự sửa đổi, sách tấn; rút lấy kinh nghiệm của người để làm lợi ích cho mình. Điều dở là như lời ngài Ân Quang đã chỉ trích ở đoạn trên.

Xem "Tự tri lục" xong, các hàng liên hữu suy nghĩ thế nào? Có lẽ chúng ta nên hồ thẹn nhiều với bốn phận mình, với Hồ nữ sĩ ! Vậy ta nên rảo bước cố theo kịp người trên đường về Cực Lạc. Ta phải biết thật, sửa đổi tăng tiến, chớ đừng nhìn nơi chỗ sở đắc của người mà khen ngợi mong tưởng suông. Như thế là vô ích, khác nào như kẻ nghèo ngồi nhà tính đếm gia tài của bậc phú ông? Và, nếu kẻ có đôi chút công hạnh mà tham chấp cảnh giới hoặc vọng cầu các hảo tướng quá phần lượng, lại là một điều hại cần nên để tâm.

Trên đây là tất cả bao nhiêu điều thiết yếu (hết)

Người bạn sen
LIÊN DU

SỰ PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO TẠI MIỀN ĐIỆN

- THÍCH TRÍ CHƠN -

(tiếp theo)

Đặc biệt giáo đoàn Báp Tít (Baptist) đã gặt hái được nhiều thành công trong cộng đồng người Karens. Năm 1921, trong số tất cả các sắc tộc thiểu số có khoảng 180.000 người theo đạo Thiên Chúa; trong đó dân Karens chiếm 70 phần trăm - 15 phần trăm của tổng số dân Karens toàn nước Miến - trong khi đó người Miến chỉ có 5,7 phần trăm, và 0,16 phần trăm so với tổng số toàn dân Miến trong nước.

Sự kiện này dẫn đến những hệ lụy liên quan đến lịch sử của Miến Điện. Chẳng hạn sự liên kết gắn liền chính trị và văn hóa của dân Karens với Anh Quốc đã khiến họ sát cánh với chính quyền Anh chống lại quân đội Nhật và bộ đội tranh thủ độc lập của Miến (Burmese Army of Independence) trong cuộc thế chiến thứ hai. Họ cũng tiếp tục tranh đấu sau khi quân đồng Minh rút khỏi Miến năm 1942. Kết quả là những người Miến theo chủ nghĩa quốc gia đã coi dân tộc thiểu số Karens như thành phần hợp tác với thực dân Anh; và năm 1942, quân đội Miến đã công khai chống lại nhóm dân tộc thiểu số này.

Sau khi thế chiến thứ hai kết thúc, Miến được độc lập đã dẫn đến tình trạng xảy ra nhiều bất ổn chính trị trong nước. Những người Karens theo Thiên Chúa giáo đã kêu gọi chính quyền Anh giúp đỡ, bảo đảm cho họ có quyền tự trị. Khi thấy chính phủ Anh làm ngơ trước đòi hỏi này, bộ tộc Karens đã đứng ra thành lập quân đội riêng của họ. Năm 1948, những người Karens quá khích được sự ủng hộ của một số người Anh đã mưu toan thành lập một tiểu bang Karens độc lập, mặc dù họ không chiếm cứ được một phần đất nào.

Năm 1948, trong buổi lễ Chúa Giáng Sinh, quân đội cách mạng Miến đã tàn sát hơn 80 người Karens theo đạo Thiên Chúa và biến cố này đã dẫn đến cuộc nội chiến giữa nhóm dân tộc thiểu số Karens theo Thiên Chúa với những người Miến quốc gia theo Phật Giáo.

Lực lượng phòng thủ Karens đã tấn công các đơn vị quân đội cách mạng Miến và đốt cháy nhiều ngôi làng trong vùng đồng bằng Irrawaddy. Các mục sư Karens đã thuyết giảng những bài kinh trích từ cuốn Exodus (Cuộc Di Cư của người Do Thái) đòi hỏi dân tộc thiểu số của họ được giải phóng khỏi sự khống chế của chính quyền Miến tại Pagan.

Tháng 1 năm 1949, Liên Quân Phòng Thủ Quốc Gia của Karens đánh chiếm Bassein (miền Đông Miến) và ngày 31.1.1949 họ xâm nhập vùng ngoại thủ đô Ngưỡng Quang (Rangoon). Hôm sau, đại tướng Smith Doon, người Karens được bổ nhiệm giữ chức tổng tư lệnh quân đội chính phủ Miến, nhiều ngôi nhà của bộ tộc Karens tại Rangoon bị đốt cháy; và nhiều vụ tàn sát dân Karens

đã xảy ra. Qua các biến cố chính trị này, người Phật tử Miến đã nhận thức rằng Thiên Chúa là tôn giáo thù nghịch với quốc gia Miến vì họ luôn luôn cấu kết với những thế lực thực dân xâm lăng cũng như các đoàn thể không chế về chính trị lẫn kinh tế của ngoại nhân.

Để chống lại chủ trương chính trị này của thực dân Anh, các nhà lãnh tụ cách mạng Miến đã phát họa một chương trình cho quốc gia với lý tưởng xã hội và chính trị được xây dựng trên nền tảng giáo lý đức Phật. Ông U Nu, nhà lãnh tụ cuộc cách mạng và thành lập chính quyền quốc gia Miến là một Phật tử nhiệt thành. Canh tân nền Phật Giáo Miến Điện và cải biến Phật Giáo trở thành tôn giáo của thế giới là những hoạt động chính trị căn bản của ông.

Ông U Nu và Aung San là hai lãnh tụ cách mạng nòng cốt, xuất phát từ nhóm Thakin được thành lập vào năm 1930-31 theo kiểu mẫu Hội Pha Biên (Fabian Society) của Anh Quốc. Khi còn thanh niên cả hai vị đã từng tham gia tích cực vào những cuộc bãi khóa của sinh viên nhằm tranh đấu cho nền độc lập Miến Điện.

Năm 1946, chính phủ Anh thừa nhận chủ quyền và nền độc lập chính trị của Miến Điện. Tháng 4 năm 1947, Hội đồng Lập Pháp được thành lập qua các cuộc bầu cử, nhưng Cộng Sản đã cố gắng dùng bạo lực phá hoại những cuộc bầu cử đó. Bị thất bại, họ đã phải dùng đến những phương pháp cực đoan tàn ác hơn. Trong khóa họp đầu tiên của Hội Đồng Quốc Gia (National Assembly) ngày 19.7.1947, Cộng Sản đã mướn người cải dạng làm lính gác lên vào phòng họp ám sát thủ tướng Aung San và nhiều bộ trưởng trong nội các của ông. Ông U Nu, chủ tịch Hội đồng Quốc Gia kiêm phó chủ tịch Liên Minh Tự Do Chống Phát Xít (Antifascist League of Freedom) không đến dự nhờ có một chiêm tinh gia báo cho biết trước nên đã thoát nạn. Sau đó, ông U Nu thay thế ông Aung San lên làm thủ tướng và thành lập chính phủ nền Cộng Hòa Dân Chủ đầu tiên tại Miến.

Tiếp theo, U Nu đã phải đương đầu với những hoạt động du kích phá rối của Cộng Sản và sau nhiều năm chiến đấu cam go, cuối cùng ông mới dẹp tan được họ. Suốt trong thời kỳ này, chính phủ của ông tồn tại vững vàng nhờ xây dựng trên nền tảng của những nguyên tắc dân chủ căn bản. Thủ tướng U Nu đã xây dựng nền lập pháp xã hội trên lý thuyết của Phật Giáo theo mẫu mực lý tưởng đạo đức của vương quốc Miến Điện thời cổ.

Năm 1948, khi ban hành đạo luật về ruộng đất, thủ tướng U Nu đã trình bày trước quốc hội ngày 11.10.1948 những ý tưởng phản ảnh tinh thần của Phật Giáo về quyền tư hữu như sau :

"Lịch sử thế giới toàn bộ cho thấy là một cuộc chiến tranh liên tục trường kỳ giữa một nhóm người với tập thể nhiều người... bởi vì họ không có sự hiểu biết chân chính về cái gọi là tài sản. Vậy thế nào là nhận thức đúng đắn về tài sản? ... Đối với người tin tưởng vào chân lý bốn sự thật (Tứ Diệu Đế) của Phật Giáo, vấn đề quan yếu khẩn cấp nhất là làm sao để họ có thể đạt tới cảnh giới Niết Bàn trong thời gian ngắn nhất... Nhưng đa số mọi người trong nhân loại đã dùng thì giờ vào những cuộc chiến

tranh triển miên nhằm đến mục tiêu chiếm đoạt tài sản như đất đai... Với nhận thức sai lầm về mọi vật ở thế gian, con người đã quên mục đích chính yếu của mình là mong đạt đến cảnh giới Niết Bàn. Tài sản không phải là vật dụng cho chúng ta dành dụm hay chiếm hữu mà con người sử dụng nó làm hành trang giúp mình trên con đường tiến đến sự chứng đắc Niết Bàn. Khi chúng ta phân tích sự bóc lột, đàn áp và tranh đấu cho quyền lực giữa giai cấp này với giai cấp khác, chúng ta nhận thấy nguyên nhân... là do lòng tham muốn chiếm giữ các tài sản".

Suốt trong thời gian cầm quyền, thủ tướng U Nu đã dùng những ý tưởng trên cho chủ trương đối nội và đối ngoại của ông. Do đó, ngày 27 tháng 9 năm 1957, U Nu đã mạnh mẽ tố cáo những người Cộng Sản, mặc dù chính phủ đã đối xử nhân đạo, họ vẫn tiếp tục phá rối, gây chiến tranh trên đất Miên. Ông cũng lên án hành động đàn áp đẫm máu cuộc dân chúng nổi dậy tại Hung Gia Lợi của quân đội Xô Viết. Tuy nhiên thủ tướng U Nu nhấn mạnh rằng, mặc dù chỉ trích lý thuyết Cộng Sản, điều đó không có nghĩa là ông chống đối chủ nghĩa xã hội :

"Ý thức hệ của Liên Minh Tự Do Chống Phát Xít không thể là Mác Xít hay Cộng Sản chủ nghĩa, và các chủ thuyết này đều trái ngược với giáo lý đức Phật. Chủ nghĩa xã hội của chúng ta cũng không phải là tư bản chủ nghĩa, vì chủ nghĩa tư bản là độc tài". Kết quả là ông U Nu đã thắng lợi về vang trong cuộc bầu cử tháng 2 năm 1960 với đa số phiếu ủng hộ cho chương trình thực hiện chủ nghĩa xã hội theo Phật Giáo của ông.

Cố gắng nổi bật nhất của U Nu nhằm thực hiện công cuộc phục hưng Phật Giáo tại Miên Điện là ông đã đứng ra tổ chức đại hội kết tập kinh tạng Phật Giáo tại Ngưỡng Quang (Rangoon) vào dịp kỷ niệm năm 2500 đức Phật nhập Niết Bàn (1956). Đây là đại hội kết tập kinh điển Phật Giáo Nam Tông do kết quả cuộc thảo luận đưa ra tại đại hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới (The World Fellowship of Buddhists) được tổ chức lần đầu tiên ở Colombo (Tích Lan) vào năm 1950 với sự tham dự của các tông phái Phật Giáo đến từ nhiều quốc gia Cộng Sản như thế giới tự do.

Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần thứ hai họp tại Hirosaki (Nhật Bản) năm 1952 nhằm thể hiện tinh thần đoàn kết, gặp gỡ liên lạc thân hữu giữa các đại biểu theo Phật Giáo Nam Tông tại những quốc gia Đông Nam Á cũng như đại thừa ở Trung Hoa và Nhật Bản trong sứ mạng hoằng truyền chánh pháp của đức Thế Tôn trên toàn thế giới.

Năm 1954, đại hội Phật Giáo Thế Giới kỳ 3 họp tại Miên Điện cùng lúc với lễ khai mạc đại hội kết tập kinh tạng Phật Giáo tại Ngưỡng Quang (Rangoon). Bốn Ủy ban giáo dục, công tác xã hội, hệ thống hóa giáo lý đức Phật, và truyền bá Phật Giáo khắp thế giới được thành lập. Một số nghị quyết đã được thông qua tại đại hội như hủy bỏ án tử hình; giáo dục cho các trẻ em Phật tử, bảo trì trùng tu những thánh tích Phật Giáo, thành lập các trung tâm nghiên cứu, truyền bá giáo lý đức Phật, ấn

hành lịch Phật Giáo, xây dựng các trường đại học Phật Giáo quốc tế, phổ biến các loại sách Phật Giáo vấn đáp và những phương pháp thực tiễn trong việc giảng dạy giáo lý cho quần chúng cũng như đề ra các chương trình hoằng pháp rộng rãi khắp thế giới.

(còn tiếp)

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA" (Phật Giáo Hay Cộng Sản Sẽ Năm Giữ Tương Lai Của Á Châu)

TIN CÓ LUÂN HỒI

Nguyên tác: The Case for Reincarnation

Tác Giả: Joe Fisher

Người dịch: Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn

CHƯƠNG XIII ĐI ĐIỀU TRA TIỀN KIẾP

(tiếp theo)

2.- Ngoái nhìn dĩ vãng :

May thay việc tâm thức lùi về quá khứ không phải là phương cách duy nhất để thấy được tiền kiếp mà khỏi nhờ đến thôi miên. Còn một kỹ thuật nữa là hình dung mặt đồng hồ mất dần các chi tiết và hành giả ở vào trạng thái mơ màng để rồi đi lui về thời gian lần không gian. Không khó như việc ký ức từng bước lui dần về tiền kiếp, người ta thường áp dụng kỹ thuật sau đây :

"Trước hết nên chọn, một mặt đồng hồ nào đó mà mình có thể nhìn ngắm thoải mái, chẳng bị quấy rầy. Chú ý đến kích thước và mọi chi tiết như sự xếp đặt các con số, hình dáng các cây kim, tên nhà sản xuất, các nét trang trí, v.... Tập trung tư tưởng để có được hình ảnh đầy đủ mặt đồng hồ này, và năm phút sau mình nhắm mắt lại cố nhớ thật đúng vật mình đã ngắm.

Khi tâm trí mình có được hình ảnh mặt đồng hồ thật rõ ràng, lúc đó mới bắt đầu việc tháo gỡ. Trước hết, ta tưởng tượng cây kim chỉ phút không có trên mặt đồng hồ đó, nhưng các chi tiết khác vẫn còn đủ. Kế đến, tưởng tượng rằng cây kim chỉ giờ cũng biến luôn, rồi đến các đường nét trang trí, tên nhà sản xuất. Nên nhớ phải tâm niệm là thời gian chẳng hiện hữu, và mình quên đi các con số trên mặt đồng hồ. Bây giờ mình có được một mặt đồng hồ nhẵn thín và nó càng lúc càng trở nên nhỏ hơn cho đến khi biến mất hoàn toàn. Lúc ấy mình luôn tâm niệm rằng : "Thời gian đang trôi ngược về quá khứ". Đến đây chỉ còn cái khung của đồng hồ. Rồi khi mình tưởng tượng rằng nó cũng biến mất đi thì mỗi liên hệ cuối cùng với thời gian cũng đâu còn nữa, và ta được du vào trạng thái xuất thần để lui về tiền kiếp".

Phương cách này có vẻ đơn giản, nhưng không đạt kết quả chóng vánh. Hành giả kiên trì có thể đạt

kết quả sau vài tuần tập luyện, song cũng có người áp dụng mà chẳng thành công.

Bằng cách nhìn chăm chú vào quả cầu thủy tinh hoặc một bồn tròn dùng nuôi cá thia thia tàu (goldfish) đựng đầy nước, ta cũng có thể nhớ được dĩ vãng, phương cách giúp ta đi từ bản ngã riêng tư vào sâu trong tâm của bầu thủy tinh. Người Tây Tạng áp dụng phương pháp này với một cục đá kết tinh màu đen, tròn, tìm thấy ở các dòng suối trên non. Trong khi đó, người Ấn Độ dùng một cái chén hoặc đĩa nhỏ (có khi chỉ dùng hai tay bùm lại) đựng đầy mực. Khi mối liên hệ tâm linh giữa hành giả và đối tượng thiền quán được kết lập vững chắc, thì thời gian lùi dần, cuốn ngược suốt hiện kiếp trước khi bước sang các tiền kiếp. Tiến trình này diễn ra theo nhịp độ riêng của nó, mình chẳng thể nôn nả. Thoạt tiên chỉ tập từ hai mươi phút đến nửa giờ, mỗi ngày hai lần cho đến khi đạt kết quả. Colin Bennett viết: "Hiện tượng siêu nhiên có được trước hết thường là một đám khói sương mỏng màu xanh hiện lên trên mặt quả cầu thủy tinh. Chỉ cần trì chí thì đám mây này tan rã hoặc biến mất để cho ta một cảnh tượng".

Ngoài ra, có thể dùng một hình ảnh biểu tượng để quán niệm, chẳng hạn một con mắt, một vòng tròn, mặt trời, chữ thập, hình tam giác hoặc một con số từ một đến mười. Có tác dụng kích động tâm linh, biểu tượng này (tốt nhất là nên vẽ ra giấy) sẽ trở nên một đường ống thu rút năng lực từ cõi vô thức sâu kín và thần nhân của mình (tức con mắt thứ ba) sẽ thấy được những hình ảnh tiền kiếp. Mỗi đoạn phim ngắn thoáng qua có thể rất hữu ích, và hành giả nên ghi nhận, biết đâu đó lại là các việc đã xảy ra ở kiếp nào.

Việc ghi chú và phân tích các giấc mộng cũng có thể khơi dậy ký ức sâu kín. Mình thường hay nằm mơ hoài về một sự kiện hay một ý nghĩ, đó có thể là những kinh nghiệm xúc cảm mãnh liệt hồi tiền kiếp, góp phần lớn lao vào việc tạo ra tính khí của mình ở kiếp này. Chiếm bao là đi du lịch vượt thời gian, và du lịch vượt thời gian là quay cuồng trong dòng thác của các ấn tượng và manh mối. Nó có thể giúp ta nhận thức mình là ai, từ đâu đến rồi sẽ đi về đâu. Hiểu được những hình ảnh của chiều thứ tư này lại là vấn đề khác nữa đấy. Colin Bennett

khuyên ta nếu muốn suy ngẫm dài lâu về các giấc mộng của mình thì nên nằm ngửa, nhắm mắt lại, thân thể duỗi ra một cách thoải mái và tĩnh tâm. Ông viết: "Trong trạng thái nửa tỉnh nửa thức đó, sự thực mà mình mong tìm sẽ hiện ra như một cảnh diễn trên sân khấu hoặc màn bạc".

Giáo phái Rosicrucian có 250.000 tín hữu ở 180 quốc gia, đã bảo tồn và phát huy trên 80 phương pháp phục hồi ký ức tiền kiếp. Động cơ tiềm ẩn của các cuộc tập luyện tinh thần này cũng chính là động cơ của phong trào Rosicrucian: khơi dậy ý thức vũ trụ trong mỗi cá nhân. Nhằm mục đích trầm tư và mặc khải, các cuộc thực tập đều hướng về việc trả lời câu hỏi: làm sao để giờ đây mình trở nên hữu hiệu hơn, sáng tạo hơn, trọn vẹn hơn? Tín hữu Rosicrucian nhấn mạnh rằng giá trị của kinh nghiệm tái sinh chính là sự hữu dụng trong kiếp này. Tập san Rosicrucian tháng 10/1979 ghi rõ: "Điểm quan trọng nhất cần ghi nhớ là ở mức độ cá biệt, sự tái sinh không phải là vấn đề chứng tích hay tín ngưỡng, mà là những kinh nghiệm bản thân. Các kinh nghiệm này cho ta thấy ý nghĩa và kích thích hiện kiếp của mình".

Những người có thần thông và các nhà huyền bí học từ lâu đã nói về Hư Không Tạng, nơi tàng trữ những hình ảnh bên bí của mọi việc xảy ra trong vũ trụ đã in bóng trên chất ê-te. Trong bài thuyết trình năm 1931, Edgar Cayce đã thuật lại việc ông xuất hồn và lên đến kho vũ trụ này. Ông nói: "Tôi vào cung điện này và thấy một cái phòng rất lớn, giống một thư viện. Ở đó tàng trữ những quyển sách ghi chép các sinh hoạt, đời tư mỗi cá nhân. Muốn biết về một người nào, tôi chỉ cần rút ra quyển lý lịch của y". Theo Cayce, Hư Không Tạng chẳng phải là kho chứa các bí ẩn sâu kín nhất, mà nó mở rộng cửa tiếp đón bất cứ ai có khả năng lên đến đó. Đối với thế giới tâm linh, Hư Không Tạng giống như xi nê đối với thế giới hữu hình. T.H. Brennan bảo rằng mỗi cá nhân do trí tưởng tượng cũng có thể đạt đến Hư Không Tạng. Ông đề nghị hướng sự tưởng tượng về kho Hư Không Tạng của Cayce, tập như vậy mỗi ngày không quá mười phút trong hai tuần lễ đầu, rồi sau đó tập không quá mười lăm phút

cho đến khi đạt kết quả. Hành giả phải kiên trì làm như thế này:

a) Trong tuần đầu, sau khi nhắm mắt lại và buông xả, hành giả tưởng tượng mình đi bộ dọc theo một hành lang tiến về một cánh cửa. Mỗi ngày càng thấy hình ảnh rõ ràng hơn, chi tiết hơn đến độ hành lang này rất quen thuộc đối với mình.

b) Một tuần sau (khi hành lang trở thành rất mực sống động) hãy tưởng tượng mình mở cửa và vào trong thư viện vĩ đại. Rồi bỏ ra ít nhất là hai tuần để tạo các chi tiết của thư viện này. Ghi nhận các khu vực, hàng tỷ quyển sách cũng như sự bao la của Hư Không Tạng. Nó chứa tất cả các chi tiết của mỗi cá nhân từng sống trên cõi đời này.

c) Chớ toan đi tất, chỉ tổ thất bại. Mỗi một chi tiết phải được so sánh trước khi cảnh tượng được thấy đầy đủ. Khi cảnh tượng hiện ra, ta tiếp tục tạo dựng, tái xét thêm một tuần lễ nữa. Rồi khi qua khu vực chứa chuyện đời của chính mình và tìm nơi các kệ quyển sách mang tên mình. Rút sách ra, rồi đọc các kiếp tái sinh của mình. Kiểm tra tất cả những chi tiết (có cái hiện ra dưới dạng sống động, cái thì chỉ là ảnh tượng) bằng cách so chiếu với các sự kiện đã biết, trước khi chấp nhận.

Việc khám phá Hư Không Tạng đâu phải lúc nào cũng đơn giản. Nhà huyền bí học Alice Bailey cảnh giác rằng những cảnh tượng thoáng hiện trên cuộn phim của Hư Không Tạng không hẳn liên quan đến hành giả như y tưởng. Bà viết: "Đây chẳng hơn gì trường hợp mình đang sống trong một thành phố lớn, nhìn qua khung cửa sổ thấy cảnh thiên hạ sinh hoạt khiến mình nghĩ đến thân bằng, quyến thuộc và những hoạt động của chính mình". Chắc chắn là chỉ có cảnh tượng rõ rệt nhất mới có kết quả. Tuy nhiên vẫn phải nghi ngờ các kết quả này cho đến khi chứng minh được rằng chúng hợp lý.

3.- Kinh nghiệm Christos :

Vài người cho rằng hình dung những cảnh tượng là một kỹ thuật sơ đẳng để thám hiểm các tiền kiếp với sự giúp đỡ của người khác. Kinh nghiệm Christos đã đưa hành giả vào những vùng hoang dã nhất bằng cách xoa bóp các mắt cá chân và "con mắt thứ ba" (third eye). Nhà văn Gerry Glaskin cổ

xúy kỹ thuật mà ông đã tìm thấy trong một tạp chí ít người đọc, xuất bản ở Tây Úc năm 1971, thú nhận rằng kinh nghiệm Christos đầu tiên của ông đã gây chấn động mãnh liệt. Trong quyển "Ngõ vào Vĩnh Cửu" (A Door to Eternity), ông viết :

"Trước kia, tôi chưa hề nghĩ tới chuyện có tiền kiếp và luân hồi, nói chi đến việc tin tưởng chúng. Đạo gốc của tôi hoàn toàn bác bỏ những chuyện như vậy. Nhưng bây giờ tôi có thể thấy chính mình một cách rõ ràng là mình có nước da ngăm đen, chân tay dài và gầy, cao trên 1,80 mét, gương mặt dài và rất khác hiện nay, trạc ba mươi mấy tuổi chứ chẳng phải ngót nghét, ngũ tuần như tôi lúc bấy giờ. Ở thời đó, "tôi" mặc quần áo, khăn quần đầu kiểu Ai Cập..."

Trong một cuộc phiêu lưu Christos khác, Glaskin thấy mình là một người hoang sơ đang bị những kẻ man rợ khác săn đuổi. Và một nữ hành giả thì lại mô tả rằng bà đã từng hóa kiếp làm một con hải âu bay lượn trên Nam Băng Dương. Và như để chứng minh rằng phương pháp này có thể cho ta thấy những cảnh tượng tương lai chưa xảy ra, một người đàn ông đã mô tả một ngôi làng nhỏ ở miền núi, rồi sau này khi đi hưởng tuần trăng mật ở Na Uy về, ông tiết lộ là đã viếng chính cảnh vật mà ông từng thấy trong kinh nghiệm Christos. Sau đây là đoạn tóm lược kỹ thuật này :

a) Hành giả phải buông xả thoải mái, chân chẳng mang giày, nằm trên nền nhà, đầu kê một chiếc gối. Người phụ tá xoa bóp các mạch cá chân của hành giả trong vài phút nhằm giúp cho thoải mái. Một người nữa (thường là hướng dẫn viên Christos) xoa bóp "con mắt thứ ba" tức là phần trán nằm bên trên ấn đường. Dùng sóng lưng của bàn tay cong lại để chà xát thật mạnh liên tục cho đến khi hành giả nghe tiếng kêu vo vo trong đầu.

b) Hành giả bấy giờ được khuyến khích nói chuyện để sau này y cảm thấy dạn dĩ hơn trong việc mô tả kinh nghiệm. Hãy yêu cầu hành giả thấy chính y cao thêm được năm phân từ dưới gang bàn chân. Khi hành giả được dài thêm như vậy, ta yêu cầu y trở lại chiều cao cũ. Rồi lại yêu cầu y cao lớn hơn ở đằng đầu. Trở lại phía chân, ta muốn y thấy mình dài thêm ba tấc. Muốn đằng đầu dài hơn rồi lại trở về chiều cao cũ.

Trở lại phía chân thấy dài thêm sáu tấc. Đến đây hành giả phải giữ độ dài đó ở phía chân, và đằng đầu lại dài thêm sáu tấc. Khi dài thêm được khoảng ba mét sáu tấc, hành giả cảm thấy y phình trương ra như một quả cầu.

c) Yêu cầu hành giả dùng ý thức khuếch đại này để mô tả đầy đủ chi tiết của trước nhà y và vùng phụ cận, kể cả phần đất y đang đứng và những gì trên đầu y. Kế đó, bảo y tưởng tượng là đang đứng trên nóc nhà rồi mô tả cảnh vật bên dưới. Đoạn nói y bay lên cao khoảng 400-500 mét và mô tả những gì đang thấy. Y nên xoay mình chậm chậm để thuật mọi việc. Hỏi y lúc đó mấy giờ, thời tiết ra sao. Bảo y đổi cảnh này từ ngày ra đêm rồi so sánh hai cảnh đó. Đoạn hỏi y là ai đang đổi cảnh ngày ra đêm, để y cảm thấy an toàn. Việc hành giả ý thức được chính y có thể kiểm soát những gì đang trông thấy, là điểm rất quan trọng.

d) Giờ đến giai đoạn thử tìm tiền kiếp. Bảo hành giả tiếp tục hình dung quang cảnh sáng sủa để y có thể thấy nói y đáp xuống. Yêu cầu y mô tả đôi chân y (có mang giày hay không), nơi đang đứng, người và cảnh trí xung quanh, quần áo, dáng dấp chính y, v.v... Cứ yêu cầu tả càng lúc càng nhiều chi tiết. Quan sát mí mắt để biết những cử động nhanh của mắt và các cơ mắt. Mắt máy chớp càng nhanh, các khái tượng của hành giả càng có kết quả. Dùng các câu hỏi thích hợp để theo dõi sự đổi đáp của hành giả. Cứ để hành giả phiêu du thoải mái, trừ phi y muốn trở lại hiện tại. Chớ nên để hành giả lâm vào trạng thái lên đồng. Nếu được hỏi, y có thể phân biệt các tiếng động xung quanh dù đang kinh qua những biến cố thuộc thời gian khác biệt. Dù buổi tập luyện kéo dài một tiếng đồng hồ hay lâu hơn, hành giả sẽ chỉ tưởng rằng y mới vãn du trong khoảnh khắc.

Bryan Jameison đưa ra một phương pháp hình dung khác : kỹ thuật ghép phim montage time lap với những công tác tưởng tượng được đặt ở một số điểm trên cơ thể. Các công tác này được bấm tắt từng cái một trước khi chiếc thang máy tưởng tượng đưa hành giả đến ngưỡng của tiền kiếp. Một hành giả bình thường và mới luyện tập lần đầu chỉ mất độ tám phút là đạt đến trạng thái biến đổi tâm thức. Jameison viết : "Phương pháp

này thật đơn giản. Không cần được liệu, ma túy, thôi miên, thiền định dài lâu, thần chú úm ba la hoặc nghi thức huyền bí nào hết. Nó dễ như chơi cờ ca-rô (tic-tac-toe). Phương cách như sau :

a) Chọn một căn phòng có ánh sáng rất mờ nhạt, yên tĩnh. Hành giả nằm dài, mắt nhắm lại, hít thở năm hơi thật dài.

b) Hành giả tưởng tượng trên thân thể y có một số công tắc điện được bật tắt theo thứ tự sau đây : bàn chân phải, đầu gối phải, hông phải, bàn chân trái, đầu gối trái, hông trái, lưng bàn tay phải, khuỷu tay phải, vai phải, lưng bàn tay trái, khuỷu tay trái, vai trái, đỉnh đầu, giữa trán, cổ họng, cuối xương sống, phía sau ót.

c) Sau khi hành giả hình dung một chiếc thang máy, ta bảo y tiến lại gần nó, nhấn nút gọi, và khi thang máy đến, liền bước vào trong và quay mặt về phía cửa. Nhờ siêu thức hướng dẫn, hành giả có thể chọn một tầng thích hợp khiến sống lại tiền kiếp và mô tả những gì y thấy khi chiếc thang máy ngừng lại và mở cửa. (Ghi chú đặc biệt : Nếu hành giả khi rời thang máy, thấy một cảnh tượng nào đó, ta bảo y kiểm soát xem có phải y đang mang khoác thân xác của tiền kiếp. Nếu chỉ thấy mây mờ thay vì một hành lang, hãy yêu cầu y chui vô đám mây và lui ngược về quá khứ cho đến kiếp sống đầu tiên và quan trọng của y).

d) Nếu hành giả thấy một hành lang hoặc một đường hầm, hãy bảo y di chuyển cho đến điểm cuối và mô tả các việc xảy ra. Rồi yêu cầu y tìm thấy một cánh cửa, đi qua cửa đó và thuật lại những gì y thấy ở phía bên kia. Nếu y gặp một cảnh thuộc tiền kiếp, hãy kiểm soát xem có phải y đang mang khoác một xác thân nào. Nếu quả đúng, hành giả nên hít thở thật dài và sống buông xả thoải mái trong khung cảnh mới này.

e) Hỏi hành giả về lý lịch, tuổi tác, sắc dân, khả năng xử dụng các giác quan. Yêu cầu y lui về quá khứ cho đến lúc y 15 tuổi và đưa y di chuyển chậm rãi qua suốt kiếp đó, gặp càng nhiều biến cố quan trọng càng tốt. Để hành giả sống lại giây phút lia trần và ôn lại trọn cả kiếp đó. Điều tra về những nhân vật chủ yếu hồi tiền kiếp liên quan đến hiện kiếp. (Ghi chú : Nếu hành giả bắt đầu sống lại một giai đoạn đặc biệt kích

động hoặc thảm khốc, y sẽ thờ một cách nặng nhọc. Khi ấy ta nên bảo y tạm thời rời thân xác đó hoặc chuyển sang một thời kỳ an bình hơn).

f) Mời hành giả trở lại kiếp sống đầu tiên trên dương thế có liên quan đến hiện kiếp và lập lại chuyện luân hồi. Đưa hành giả lùi về quá khứ 25, 50 hoặc 100 năm để y có cơ hội kinh qua nhiều kiếp sống. Nếu muốn, hành giả có thể trở lại giây phút hiện tại. Ta chỉ việc yêu cầu y hít thở thật sâu và mở mắt ra. Để tránh bị nhức đầu, y cần nằm yên trong vài phút sau khi tỉnh lại.

Cũng mãnh liệt như sự đĩnh ninh của trí tuệ, kinh nghiệm tinh cảm cá nhân có tính cách thuyết phục cao tốt. Vì vậy việc điều tra tiền kiếp đáng được thực hiện : biến đổi những gì đáng tin cậy thành hữu hình, kết hợp tâm và trí. Tuy nhiên kỹ thuật thuần túy chẳng thể nào giúp đạt kết quả mỹ mãn. Phương cách mới để hiện hữu là hướng nhận thức quay lùi về mọi phía. Trong quyển "Nhớ Những Kiếp Xưa" (The Memory of Past Births), Charles Johnston, một viên chức hồi hưu của Bengal Civil Service, đã viết năm 1899 :

"Tương ứng với việc chúng ta thừa hưởng sự trường tồn bất diệt, và vượt lên trên hàng rào thời gian, chúng ta có khả năng nhớ dĩ vãng. Hơn nữa dĩ vãng có thể giúp ta phá tan những rối rắm hiện tại, vì mỗi việc trong kiếp này đều bắt nguồn từ những kiếp nào. Ta là sự uẩn tập của tất cả các kiếp đời mà mình đâu biết. Nhằm làm những gì ở cõi vô thức hiển lộ ra để mình biết được, hành giả hưởng được sự hồi hộp và kết quả của việc tự đi kiếm tìm ký ức kiếp xưa. Nhiều khi chẳng dễ gì tìm được chứng cứ, và việc giải thích lại càng khó khăn hơn. Nhưng Aleister Crowley cho biết : "Bất cứ điều gì giúp ta hiểu biết vũ trụ, giúp ta khám phá chính mình đều hữu ích trong thế giới đầy bí ẩn này".

Đón xem kỳ tới : Từ Đức Đạt Lai Lạt Ma Đến Văn Đề Dân Số.

THIỆP NGUYỆN HAI ĐIỀU

- Thẻ Quán -

Túp lều xiêu vẹo ấy, dựa cô lập bên triền đồi thấp, sau đồi là một dãy Trường sơn.

Đây là gia đình của hai mẹ con thiếu phụ nghèo, sống với nghề trồng hoa. Nhưng tiếp luôn mấy năm hoa bị mất mùa và hư luôn cả giống. Gia đình trở nên túng thiếu, đến nỗi người con gái của thiếu phụ nay đã 16, 17 tuổi, mà áo xống không đủ che thân. Người mẹ hy sinh cho con, bà thường xuống núi làm thuê và dặn con đừng ra đường.

Hôm ấy vua nước A Kỳ La Nại đi săn, khi ngang qua đồi hoa của Trinh Nữ (tên người con gái) bỗng một con chim Ưng rất lớn, đậu ngay trên chòi tranh, tiếng kêu thanh thót, vua dương cung bắn, chim chết, rớt ngay vào nhà nàng. Thấy quan quân vào tìm chim, Trinh Nữ hô then, núp kín trong cửa và cầm chim quăng ra. Trong đám quân hầu, có vị Tướng sư khi vào lượm xác chim, thoát nhìn cánh tay của bản nữ rất đẹp. Ông tấm tắc khen ngợi, biết không phải người thường.

Năm sau Hoàng Hậu băng hà (chết) vua sai Sứ tìm người đức hạnh bốn phương. Song mãi chưa chọn được người như ý.

Vị Tướng sư nhớ ngày đi săn vào nhà Trinh Nữ, mới đem việc ấy tâu vua. Vua y lời, sai Sứ đến tận nhà nàng. Gặp lúc thiếu phụ đi vắng, Trinh Nữ thấy khách đến xôn xao, nàng cả thẹn vào núp trong nhà.

Sứ giả đứng ngoài cửa gọi 4, 5 dạo nàng không trả lời, thoáng thấy có bóng nàng, mà gọi không đáp. Tướng sĩ cả giận xẵng tiếng.

- Bản nữ có nhà không, ra đây.

Trinh Nữ ở trong nói vọng ra :

- Các ông là ai? Dám đường đột vào nhà con gái, đi ra mau.

Sứ thần bảo :

- Quốc vương sai ta đến đòi nàng, nàng là người hèn hạ, sao dám đuổi Sứ nhà vua ?

- Quốc vương đòi tôi có việc gì? Đòi để trị tôi ư? Tôi tuy nghèo hèn, nhưng không làm gì phạm đến phép nước cả, còn nếu đòi tôi để sung vào tam cung lục viện, thì các ông là bộ hạ của tôi, sao dám thất lễ ?

Không biết làm thế nào, Sứ thần về tâu lại. Vị Tướng sư tâu vua :

- Bản nữ không phải người thường, thật đáng ngôi mẫu nghi thiên hạ.

Vua sắc trăm quan sắm đủ lễ nghi, và 500 cung nữ đem xe giá đến đón nàng.

Trăm quan đem xe giá, heo dê v.v... đủ lễ, chuông khánh vang đường. Khi đến túp lều tranh. Sứ giả xuống xe, vào làm theo lễ quốc mẫu.

- Bản nữ theo mẹ ra tiếp Sứ và nhà nhận :

- Cảm phiền quan liêu, ngàn dặm đến đây đón tôi. Tôi tự thẹn mình nghèo hèn thô lậu. Sắc không đẹp bằng hoa Mạn Đà, hoa Ưu Đàm; tiếng không được thanh tao như đàn cầm, đàn sắt; đức độ không bằng các vị Thánh nhân, trí thức tầm thường, nay phiền quan liêu đến đón, tôi thật cảm kích vô cùng. Sứ thần và quan Khâm mạng đem đồ sính lễ ra : vàng bạc, ngọc ngà, gấm, nhung sô nhiều v.v... 500 thẻ nữ người dâng áo mào kẻ mang chuỗi anh lạc và sửa soạn cho nàng xong. Ngắm lại quả là một bậc sắc nước hương trời, lạc loài nơi thôn dã. Phước diện và cử chỉ của nàng thật xứng bậc mẫu nghi. Trinh Nữ cùng mẹ lên kiệu hoa. Xe giá rầm rộ kéo đi như một đạo ngự.

Khi xe giá nàng vừa đến cung vua, thì tự nhiên cửa Ngọ môn mở rộng, trong chánh điện có hào quang chói sáng, mọi người đều cho là điềm lành của nước.

Vua mặc triều phục, thân hành ra nghinh tiếp, khi thấy bản nữ sắc đẹp lộng lẫy khả ái, vua rất yêu mến và sanh tâm kính trọng. 5.000 phu nhon ra lạy mừng, ai thấy nàng cũng đều sanh tâm kính trọng. Vua sách phong Hoàng Hậu cho nàng ngay. Trinh Nữ vào cung 7 ngày 7 đêm, nàng không ngủ, chỉ vui chơi với các phu nhon và cung nữ. Tâm nàng thanh tịnh không bợn chút nhiễm ô, nên đối với đức vua nàng thường lánh mặt. Vua sai người đến thăm hỏi, và xin ra mắt. Nàng bảo các phu nhon tâu lại :

- Bình sanh tôi có hai điều nguyện : Một là được làm Hoàng Hậu, hai, được gặp Phật. Nay được một, còn một là chưa gặp Phật.

Vua bảo :

- Hoàng Hậu cho ta gặp mặt, ta sẽ sai người đi mời Phật cho.

Hoàng Hậu :

- Nếu tôi chưa gặp Phật thì tôi chưa thể gặp vua được. Vua tức mình, thân hành xuống cung Hoàng Hậu.

Hay tin vua xuống, Hoàng Hậu vào phòng đóng kín cửa.

Vua nổi xung đứng ngoài phòng bảo :

Người là kẻ hạ tiện, sao dám trái ý Trẫm.

Hoàng Hậu :

- Vẫn biết thiếp là kẻ hạ tiện, nhưng đã về với Quốc vương thì thiếp cũng là bậc mẫu nghi. Nghiệt vì thiếp đã nguyện được yết kiến Phật trước, mới gặp vua sau. Vậy xin Bệ hạ tha tội cho.

Vua càng tức mình :

- Ta dù oai thế, nếu kẻ nào dám trái ý ta, thì cứ như phép nước trị tội.

Hoàng Hậu :

- Vua là bậc chí tôn cầm quyền trăm họ, song trị tội trăm họ cũng phải cho đúng đạo. Còn nếu chỉ vì ai trái ý mình thì trị tội, ai vừa ý thì ban thưởng, cái ấy thiếp thấy kẻ phạm phu còn chưa làm thay, huống là Thiên tử.

Vua giận lắm, hét lên :

- Thuận ý ta thì còn, trái ý ta thì chết.

Hoàng Hậu cũng không vừa :

- Thiếp cũng có nguyện của thiếp, nếu được như nguyện thì sống, bằng không như nguyện, thì chết cũng không sợ.

Nghe Hoàng Hậu nói quả quyết vua nguôi giận và bỏ nhỏ :

- Thế làm sao gặp Phật được ?

Hoàng Hậu : - Đức Phật hiện ở nước Xá Vệ, nếu thỉnh Phật thì qua thỉnh.

- Trẫm sợ bách quan cười Trẫm.

- Sao lại cười? Bệ hạ cứ thỉnh Phật về, Phật thăng tòa thuyết pháp, bách quan được thấy Phật, nghe Pháp thì sanh hoan hỷ, đời đời còn được phước đức vô lượng.

- Thôi, Hoàng Hậu yên tâm, Trẫm sẽ sai người sắm đủ phẩm vật để đi thỉnh Phật.

Sắm sửa xong, vua cho người tin với Hoàng Hậu để sai người đi.

Hoàng Hậu bảo :

- Đức Phật là đáng chí tôn chí thượng. Thỉnh Phật thì Đại vương phải thân hành đi, chứ không ai thay được.

Vua tức lộn ruột :

- Nếu ta thỉnh thì ta đi, đây người muốn thỉnh người đi, chứ ta không đi.

Hoàng Hậu :

- Đại vương tuy tôn quý, nhưng thiếp nay là vợ của đại vương, nếu thiếp đi thỉnh Phật thì sao bằng đại vương đi, nay đại vương cố chấp

không chịu đi thỉnh Phật thì thiếp không phải là người của đại vương.

- Ta với người chưa thành phu phụ, sao gọi là người của ta được, ta nhất định không đi.

Biết ý vua đã cương quyết. Nàng làm thỉnh và từ đây ưu sầu bỏ ăn bỏ ngủ.

Vua nghe tin, sợ nàng quỳ sinh hoặc trốn đi, nên cho người canh phòng cẩn thận, bốn cửa cung đều có người coi giữ.

Bỗng một hôm cung nhân hốt hoảng báo tin là Hoàng Hậu biến đâu mất.

Vua hoảng sợ, cho người bủa tìm khắp nơi. Trong hoàng cung tiếng khóc như ri, não động cả nước, vì câu chuyện Hoàng Hậu mất tích.

Vua rất hối hận, buồn bã bảo các phu nhân :

- Bởi tại Trẫm không chịu nghe lời đi thỉnh Phật, bây giờ biết sao cho thấy được Hoàng Hậu. Thấy vua có vẻ hối hận, đệ nhị phu nhân (vợ hai) tâu :

- Hoàng Hậu thật không phải người thường. Nên đã biến hình ẩn tích đâu đây, nay sự việc đã như vậy, thì theo ý thiếp, đại vương nên thân hành đi thỉnh Phật, may ra nhờ oai lực của Phật mà lại đại vương có thể gặp lại Hoàng Hậu cũng nên.

Vua đành nghe lời và sắm sửa xe giá lễ vật rồi thân hành qua nước Xá Vệ.

Khi đến nơi, vua đánh lễ, bạch Phật :

- Đệ tử là quốc vương nước A Kỳ La Nại, tên A Ca Đặc Lưu, xin đánh lễ yết kiến Thế Tôn.

Đức Phật rất hoan hỷ và hỏi thăm quốc dân, quốc sự được yên ổn, thái bình chăng ?

Vua bạch :

- Đệ tử nhờ đức độ của tiên vương để lại, nên dân sự được yên ổn. Nay đệ tử đến đây yết kiến Như Lai, và xin thỉnh Phật từ bi khuất thân qua nước hèn của đệ tử, để cho trăm họ được chiêm ngưỡng.

Đức Phật hứa khả. Vua về rồi, đức Phật liền vận thần thông qua nước A Kỳ La Nại.

Vua cùng văn võ ra khỏi thành 10 dặm, cung thỉnh Phật, khi Phật vào cung, lên pháp tòa.

Vua và đình thần cùng cung nhân nữ đều ra đánh lễ Phật.

Gặp Phật, vua càng nhớ lại Hoàng Hậu, nên tâm hồn như vợ vẫn đâu đây.

Đức Phật hiểu ý, liền hỏi :

- Như Lai thấy được trong lòng đại vương không vui, phải chăng vì Hoàng Hậu mất tích ?

Vua đem sự tình đầu đuôi bạch Phật.

Ngài mỉm cười liền lấy tay chỉ. Vua theo ngón tay Phật thì quả nhiên thấy Hoàng Hậu đương phủ phục một bên đức Phật : đồng thời mọi người đều thấy. Tất cả hoàng cung rất vui mừng.

Vua và Hoàng Hậu liền thiết trai cúng dường.

Phật thọ trai xong. Vua đánh lễ và bạch :

Hoàng Hậu xuất thân trong gia đình bản tiện, nay lại được làm mẫu nghi thiên hạ, lại có thần thuật ẩn hình như các vị La Hán, là do nghiệp báo, và phước duyên gì? Đức Như Lai mỉm cười rồi thuật lại tiền kiếp :

Hoàng Hậu từ kiếp xa xưa, vốn người nước Ca La Việt, là một vị Trưởng giả giàu có, sang trọng vô cùng. Nhưng tánh lại xan lẫn keo kiệt, béc lột, lấn công lấn của... của kẻ khác. Không hề cho ai một đồng tiền nhỏ, lại áp chế, hiếp đáp đồng loại v.v... vì nhân keo kiệt, béc lột, lấn hiếp người nên nay bị quả báo nghèo khổ bản tiện. Song Ca La Việt tánh ưa đọc sách học hỏi, nên nay được trí tuệ hơn người. Sau được gặp Chánh pháp mới biết cúng dường, nhưng tâm chỉ ưa cúng dường mà chẳng chịu bố thí, sau nhờ gặp thiện tri thức khuyến hóa lần lần bớt niệm xan lẫn. Ca La Việt và Đại vương là hai người bạn thân thiết, nay thành phu phụ. Đại vương 7 phen sanh lên trời, Ca La Việt 7 phen làm tiên nữ. Đại vương 7 phen sanh vào nhân gian. Ca La Việt cũng nguyện sanh theo. Hai người kiếp kiếp theo nhau, nguyện đồng sanh tử. Và cuối cùng được gặp Như Lai nên đều được giải thoát.

Vua nghe đức Phật dạy tiền sự của mình, thì rất vui mừng liền đánh lễ Phật và phát nguyện thọ lãnh 5 điều cấm giới lấy 10 điều thiện để dạy muôn dân.

Hoàng Hậu mở ba kho báu giúp dân nghèo, và mở trường dạy phụ nữ những nghề nghiệp thiện, nhất là trau dồi tư tưởng và hành động trong sạch. Những ngày trai tiết Hoàng Hậu tu "bát quan trai" và huân tập cho cung nhân tu các hạnh lành, nhờ đức độ của vua và Hoàng Hậu nên người trăm họ được an cư lạc nghiệp, trong muôn lòng hòa thuận tin yêu.

Một hôm vua cùng Hoàng Hậu nhơn xem hoa quỳnh nở. Hoàng Hậu bỗng giác ngộ thể sự mong manh nên liền xin vua xuất gia.

Vua bảo :

- Ái khanh là bậc mẫu nghi thiên hạ, nay cạo đầu làm Sa Môn, Trẫm sợ trăm quan chê cười.

Hoàng Hậu tâu :

- Trước thiếp đã có vô số bậc mẫu nghi, nhưng khi chết chỉ đem theo một mớ tội lỗi của nghiệp phú quý, thiếp nghĩ mà ghê sợ. Vì vậy thiếp chỉ lo vua Diêm Vương không nề mặt, chứ chẳng sợ trăm quan chê cười. Huống nữa, xưa nay kẻ nữ nhân như lửa dữ, như rắn độc v.v... Người trí sợ nữ nhân còn hơn rắn độc, lửa dữ, vì sao? Rắn độc lửa dữ chỉ hại sắc thân một đời, nữ nhân làm hại người muôn kiếp trăm luân, sống thì mất thanh danh, chết thì làm quỉ ô uế, chính thiếp tiền thân một kiếp xa xưa cũng làm nam tử, song chỉ vì mê ly nữ sắc nên vô lượng kiếp lại nữ thân.

Nữ nhân thật đáng sợ vậy.

Biết ý chí cương quyết của Hoàng Hậu, vua phải bằng lòng :

- Khanh là người tiên cốt, nay lại ngộ được Phật, tâm quyết chí ly trần, Trẫm xin tùy hỷ.

Trẫm tự thẹn mình là nam tử, nhưng trót lỡ vương mang ngôi báu bên mình. Vì Thái tử còn nhỏ mà Quý phi chưa phải là bậc đảm đang quốc sự được. Chứ thật ra huỳnh bào ngọc ấn nặng nề triền phục, làm sao bằng một mảnh ca sa ?

Được lệnh vua cho xuất gia, Hoàng Hậu liền triệu tập tất cả Thái tử, Quý phi, cung nữ v.v... rồi dụ dàng dạy về ân cần, nhất là việc trau dồi tâm đức, bỏ các việc ác, làm các hạnh lành và thừa sự Quốc vương, nuôi dạy Thái tử v.v... ta nguyện sớm thành Chánh giác sẽ trở về độ các người.

3.000 cung phi đều cảm động, khóc rống lên, tiếng áo nào trong hoàng cung thâu đến cõi trời Đạo Lợi, vua Đế Thích thân hành đem ca sa và bình bát xuống cúng dường Hoàng Hậu tức thời tóc rụng, liền thành Sa Môn, thân mặc ca sa vận thân thông giữa hư không.

Tất cả Hoàng cung rất đổi kính phục. Vua A Ca Đạt Lưu thấy vậy hoan hỷ kinh tán :

- Hoàng Hậu phước đức đồ sộ như núi Diệu Cao, Trẫm rất vui mừng.

Phóng dịch trong kinh :

"Bản nữ vi Quốc Vương H.H."

• **Thế Quán**

ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI

- **TÂM NHƯ** -

Lần này Tâm Như đã nhận được của bạn Bùi Văn Hán ở trại Hei Linh Châu Hồng Kông 8 câu hỏi và xin lần lượt trả lời đến bạn đây. Tâm Như cũng xin cảm ơn bạn rất nhiều, đã lưu tâm đến mục này.

Hỏi 98 : *Sau khi Thái Tử Sĩ Đạt Ta rời bỏ hoàng cung xuất gia, nhà vua Tịnh Phạn không đem xa giá rước ngài trở về với vợ đẹp con ngoan, để hưởng cuộc đời hoan lạc? Bởi Thái Tử là đấng chí hiếu với nhà vua và hoàng hậu. Tại sao lại dám trái ý vua cha không quay về? Như vậy có ẩn ý gì bên trong không?*

Đáp : Thật sự ra trước khi rời bỏ cung thành xuất gia tìm đạo Thái Tử đã yêu cầu vua Tịnh Phạn giải quyết 4 điều nghi của Thái Tử, mà vua cha vẫn không làm được. Đó là : làm sao cho Thái Tử trẻ mãi, không già, làm sao sống hoài, chẳng chết. Làm sao cho loài người hết khổ và làm sao cho nhân loại được vui. Trong 4 điều yêu cầu này, vua cha đã chẳng giải đáp được một câu nào và chắc vua cha cũng biết rằng rồi một ngày nào đó Thái Tử cũng sẽ đi xuất gia, nhất là sau khi đã dạo qua 4 cửa thành, và có lẽ vua cha cũng nghĩ lại lời đoán mộng của đạo sĩ A Tư Đà lúc Thái Tử mới sanh, nên cũng không ngạc nhiên gì mấy lúc Thái Tử ra đi - mà ra đi trong đêm khuya mùng 8 tháng 2, có Sa Nặc theo hầu cận và sau đó ngựa kiền trắc cùng Sa Nặc trở về, vua cha biết rằng Thái Tử đã đi nhưng không cho người đi đón về. Vì có lẽ vua cha đã biết ý Thái Tử. Mãi những năm sau đó vì nhớ thương con, vua Tịnh Phạn có cho nhiều người vào núi đón Thái Tử về; nhưng người nào ra đi cũng chẳng thấy trở về, họ ở lại luôn với Thái Tử để tu hành. Ở đây không có ẩn ý gì cả, chẳng qua là một việc đã rồi; nên vua Tịnh Phạn giữ yên cương vị của mình mà thôi.

Hỏi 99 : *Tôi có đọc nhiều kinh, thấy nhiều vị thiện tín nghe pháp rồi*

lại đắc quả này quả nọ, nghe ham quá, mà không thấy hành đạo gì cả. Có phải có người không hành đạo cũng thành hay sao?

Đáp : Thời Phật còn tại thế, ai sinh ra gặp Phật đã là một đại sự nhân duyên rồi. Do đó khi gặp Phật, chỉ cầu Phật khai ngộ cho là chứng quả. Ví như chỉ cần giọt nước cuối cùng là đầy ly nước. Vì thế nên ta thấy có nhiều vị đã chứng đắc. Thật sự ra họ đã tu nhiều kiếp và lần cuối cùng là lần để được chứng ngộ mà thôi.

Hỏi 100 : *Làm sao thực hiện một cuộc sống an vui hạnh phúc cho mình và cho người?*

Đáp : Khi tâm bạn yên, thì chung quanh sẽ yên, khi tâm bạn còn động, chắc chắn những người chung quanh cũng động lay. Vì thế tâm bình, thế giới bình là vậy.

Hỏi 101 : *Tác hại của sự phá giới ra sao? Ý nghĩa của giới như thế nào? Thật tướng là gì vậy?*

Đáp : Giới được định nghĩa là một hàng rào ngăn chặn mọi tội lỗi; người nào vượt qua hàng rào đó, họ là kẻ đã phạm giới. Nếu người nào năng trì giới và giữ giới, có nghĩa là tự lau chùi bản tâm mình mau được thanh tịnh. Người nào không giữ giới cũng ví như cái áo dơ của mình không chịu giặt. Thật tướng là chơn như, là bản thể của vũ trụ vậy.

Hỏi 102 : *Pháp tu thiên định có phải chỉ dành riêng cho người xuất gia không? Người cư sĩ tại gia tu pháp môn nào để thực hiện nhất?*

Đáp : Thực sự ra tu thiên dành cho cả hai giới xuất gia lẫn tại gia và không dành riêng biệt cho một giới nào cả. Theo lời của Ngài Ấn Quang Đại Sư trong đời mật pháp này cả tại gia và xuất gia, nếu chuyên tâm niệm hồng danh Phật sẽ dễ chứng đắc và giải thoát hơn.

Tâm Như xin chân thành cảm ơn quý bạn đã lưu tâm đến mục này và mong nhận được nhiều câu hỏi khác nữa từ các nơi khác gửi về./

Ins Deutsch

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENTO KYOKAI
gesellschaft der buddhist. förderer

3-14, 4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, Japan
Telephone : (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982
Druck
Kosaido Printing Co., Ltd.
Tokyo, Japan

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt.

Buddhas hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT

BUDDHA

Erstes Kapitel : SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II. Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel : DER UNENDLICHE UND VERKLÄRTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde

- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung
- III. Der unendliche Buddha

Drittes Kapitel : DIE GESTALT VON BUDDHA UND SEINE TUGENDEN

- I. Drei Wesenzüge von Buddha
- II. Die Erscheinung Buddha
- III. Buddhas Tugend

DHARMA

Erstes Kapitel : DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel : DAS REIN GEISTIGE UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"

III. Der wirkliche Stand der Dinge

IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel : DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel : IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel : DIE HILFE, DIE VON BUDDHA ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

DER WEG DER ÜBUNG

Erstes Kapitel : DER WEG DER LÄUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der Weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel : DER WEG Z.PRAKT.ERKENNTNIS

- I. Die Suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

DIE BRÜDERLICHKEIT

Erstes Kapitel : PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel : PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familienleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel : AUFBAU EINES BUDDHA-LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-Land
- III. Über diejenigen, die im Buddha-Land die Herrlichkeit genießen

ANHANG

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas".

Kurze Geschichte Des Buddhismus

(Fortsetzung und Ende)

1.- Indien

Eines der größten epochemachenden Ereignisse in der Geistesgeschichte der Menschheit geschah, als das "Licht von Asien" strahlend im zentralen Teil Indiens aufging, oder mit anderen Worten, als sich dort der Frühling der Großen Weisheit und des Erbarmens ergoß, der den menschlichen Geist viele Jahrhunderte hindurch bis zum heutigen Tag bereichert hat.

Buddha Gautama, der bei den späteren Anhängern des Buddhismus unter dem Namen "Shakyamuni" oder, Weiser aus dem Shakya-Geschlecht" bekannt war, verließ sein Heim, wurde Bettelmönch und wandte seine Schritte gegen Süden nach Magadha. Man nimmt an, daß es in der Mitte des 5. Jhd. v. Chr. geschah, daß er schließlich die Erleuchtung unter einem Bodhi-Baum empfing. Er führte seine unermüdlichen Anstrengungen fünfundvierzig lange Jahre weiter, von jener Zeit an bis zu seinem "Großen Tod", durch den er in das Mahaparinirvana eintrat, indem er die ganze Zeit hindurch die Lehre der Weisheit und des Erbarmens predigte. In der Folge davon entstanden in den Königreichen und verschiedenen Stämmen in Mittelindien unablässig große buddhistische Tempel.

Während der Zeit von König Ashoka (Regierungszeit : 268-232 v. Chr.), dem dritten Herrscher des Königreiches Maurja, verbreitete sich die Lehre Buddha Gautamas über ganz Indien und konnte auch über die Grenzen des Landes hinaus propagiert werden.

Maurja war das erste der Vereinigten Königreiche Indiens gewesen. Dieses Königreich umfaßte bereits zur Zeit seines ersten Herrschers, Chandragupta (Regierungszeit : 316-293 v. Chr.), ein ausgedehntes Gebiet. Es erstreckte sich bis zum Himalaya-Gebirge im Norden, bis zur Bucht von Bengalen im Osten, bis zum Hindukusch-Gebirge im Westen und dem Vindhya-Gebirge im Süden. König Ashoka erweiterte dieses Gebiet noch bis zum Dekhan Plateau, indem er den Herrscher Kalinga und andere besiegte.

Man sagt, daß dieser König ein sehr zorniges Wesen gehabt haben und von seinem Volk, "Candāsoka" ("der wütende Ashoka") genannt worden sein soll, aber sein Charakter änderte sich völlig, als er Zeuge wurde von den verheerenden Zuständen, die der Krieg durch den Kalinga besiegt worden war, verursacht hatte. So wurde er ein eifriger Ergebener der Lehre von Weisheit und Mitgefühl. Als ein Anhänger des Buddhismus tat er danach vieles, von dem die zwei folgenden Taten besonders bemerkenswert sind.

Die erste Tat war "Ashokas eingraviertes Edikt" oder das auf der buddhistischen Lehre basierende Verwaltungskonzept, das in Steinsäulen oder auf geschliffenen Klippenwänden eingemeißelt war, die er an vielen Orten errichten ließ und die auf diese Weise Buddhas Lehre verbreiteten. Zweitens sandte er Missionare in alle Richtungen aller Länder außerhalb seines Königreiches aus,

um die Lehre von Weisheit und Erbarmen zu übermitteln. Dabei muß besonders die Tatsache erwähnt werden, daß einige dieser Missionare zu solchen Orten wie Syrien, Ägypten, Kyrene, Makedonien und Epeiros geschickt wurden, und so den Buddhismus weit in die westliche Welt hineintrugen. Insbesondere Mahendra, der Bote, der nach Tàmraparni oder Ceylon geschickt worden war, erreichte, daß die schöne Lehre auf dem schönen Lankādvīpa (Pali : Lankādīpa) errichtet wurde, und begründete somit den Ausgangspunkt der buddhistischen Lehre für die Ausbreitung nach Süden auf dieser Insel.

2.- Der Aufstieg des Mahayana Buddhismus

Die Buddhisten der späteren Jahre wurden häufig als "Östliche Bewegung des Buddhismus" bezeichnet. Aber in der Zeit vor Christus war das "Antlitz" des Buddhismus eindeutig gegen den Westen gerichtet. Es geschah ein wenig vor oder nach dem Beginn der christlichen Ära, daß sich das "Antlitz" des Buddhismus dem Osten zuwandte. Wie dem auch sei, bevor wir uns diesem Punkt zuwenden, muß man von dem großen Wandel sprechen, der sich im Buddhismus vollzog. Dieser Wandel war kein anderer als die "Neue Welle", die als Mahayana Buddhismus bekannt wurde und sehr schnell Fuß faßte und darüber hinaus ein herausragendes Element der Lehre dieser Zeit darstellte.

Wann, wie und von wem war solch eine "Neue Welle" begonnen worden? Niemand ist bislang in der Lage, diese Fragen endgültig zu beantworten. Unter dieser Voraussetzung können wir nur feststellen : Erstens muß dieser Trend von fortschrittliche Priestern dieser Zeit in Gang gesetzt worden sein, die der sogenannten der Mahāsamghika-Schulen angehörten. Zweitens : Einige der wichtigen Elemente der Mahayana-Schriften existierten bereits im Zeitraum von einem oder zwei Jahrhunderten vor bis einem Jahrhundert nach Chr. Und als sich die hervorragende Idee von Nāgārjuna entwickelte, unterstützt von den Mahayana Schriften, präsentierte sich der Mahayana Buddhismus leuchtend im Vordergrund auf der Bühne der Religionsgeschichte.

Die Rolle, die der Mahayana-Buddhismus spielte, war in der langen Geschichte des Buddhismus sehr bedeutend. In China und Japan hat sich der Buddhismus fast in der gesamten Geschichte dieser Länder unter dem Einfluß der Mahayana-Lehre entwickelt. Dies erscheint nicht verwunderlich, da dort bereits zur Rettung der Massen eine neue Idee, die die neue lebenden Heiligen von Art der Bodhisattvas im Auge hatte, welche diese Idee praktizieren sollten, ausgearbeitet worden war, und um dies noch zu unterstützen, waren die geistigen Ergebnisse auf metaphysischem und psychologischem Gebiet, die von den Mahayana Denkern entwickelt wurden, wirklich hervorragend. Obwohl diese Idee auf der einen Seite mit der Lehre des Buddha Gautama verbunden war, wurden auf diese Weise viele neue Aspekte von Weisheit und Mitleid hinzugefügt. Mit diesen neuen Zusätzen wurde der Buddhismus mit Begeisterung und Energie angefüllt und bereicherte die Länder des Ostens wie die vorantreibende Strömung eines großen Flusses.

3.- Zentralasien

Die erste Begegnung Chinas mit dem Buddhismus ergab sich von den zentralasiatischen Ländern her. Daher muß man von der "Seiden Straße" sprechen, wenn man von der Ausbreitung der Lehre von Indien nach China berichten will. Diese Straße führte durch die endlosen Gebiete Mittelasiens und verband den Westen mit dem Osten. Während der Zeit des Königs Wu der Han-Dynastie (Regierungszeit : 140-87 v. Chr.) war diese Straße geöffnet gewesen. Zu dieser Zeit erstreckte sich das Gebiet von Han weit bis in den Westen hinein, und in den angrenzenden Ländern wie Herghana, Sagdiana, Tukhara und sogar Parthia war der Geist des Merkantilismus, der schon früher von Alexander dem Großen entfacht worden war, immer noch stark zu spüren. Entlang dieser Straße, die durch diese Länder führte, spielte Seide die wichtigste Rolle, daher der Name "Seiden Straße". In dieser Zeit, wenig vor und nach dem Beginn der christlichen Ära, begannen die ersten Kontakte zwischen Indien und China mittels des Handelsweges. So kann diese Straße auch "Straße des Buddhismus" genannt werden.

4.- China

Die Geschichte des chinesischen Buddhismus beginnt mit der Annahme der Buddhistischen Schriften und deren Übersetzungen. Das älteste Werk der früheren Zeiten soll das "Ssu-shih-er-chang-ching" ("Das von Buddha gesprochene Sutra in 42 Lektionen") sein, das eine Übersetzung von Kàsypamâtanga und anderen während der Ying-p'ing Ära von König Ming vom Späteren Han (58-76 n. Chr.) ist, aber heute wird dies als zweifelhafte, legendäre Geschichte betrachtet. Die gefestigte Ansicht spricht diesen Verdienst nun An-shin-kaio zu, der in Lo-yang von etwa 148-171 n. Chr. mit Übersetzungen beschäftigt war. Von dieser Zeit an bis zur Zeit der Nördlichen Sung Dynastie (960-1129 n. Chr.) wurde die Übersetzungsarbeit fast eintausend Jahre lang fortgesetzt.

Während der frühen Jahre waren diejenigen, die die entscheidende Rolle bei der Einführung der Schriften und deren Übersetzung spielten, meist Priester der zentralasiatischen Länder. Zum Beispiel kam der oben bereits erwähnte An-shin-kaio aus Parthia; K'ang-seng-k'ai, der aus dem Samarkana Gebiet stammte, kam etwa im 3. Jahrhundert nach Lo-yang und übersetzte das "Sukhàvatìvyùha" ("Das Buch vom Unbegrenzten Leben"). Zudem kam Chu-fa-hu oder Dharmaraksha, der als Übersetzer des "Saddharmapundarika" bekannt ist, aus Tukhàra und blieb von der 2. Hälfte des 3. Jahrhunderts bis zu Beginn des 4. Jahrhunderts in Lo-yang oder Ch'ang-an. Als Kumàrjiva, der aus Kucha stammte, im Anfang des 5. Jahrhunderts erschien, erreichte die Übersetzungsarbeit in China ihren Höhepunkt.

Seit ungefähr dieser Zeit begannen die Priester von China aus Indien zu besuchen, um Sanskrit zu lernen. Der Pionier solcher Priester war Fa-hsien (339-420 n. Chr.?), der im Jahre 399 von Ch'ang-an aus nach Indien reiste und erst fünfzehn Jahre später zurückkehrte. Der berühmteste dieser Priester war Hsuan-chuang (600-664 n. Chr.), der im Jahre 627 nach Indien ging und nach neunzehn langen Jahren 645 zurückkehrte. Außerdem erreichte I-ching (635-713 n. Chr.)

über den Seeweg 671 Indien und kehrte fünfundzwanzig Jahre später auf gleichem Wege zurück.

Diese Priester besuchten Indien alle allein, um Sanskrit zu lernen und brachten die von ihnen ausgewählten Schriften mit, wobei sie die führende Rolle bei der Übersetzungsarbeit spielten. Insbesondere war die sprachliche Fähigkeit von Hsuan-chuang äußerst hervorragend, und durch seine energische Arbeit erreichte die Übersetzung der Schriften einen erneuten Höhepunkt in China. Die Arbeiten aus der früheren Zeit, für die Kumàrjiva repräsentativ ist, werden von den Schülern Buddhas der späteren Zeit als "Alte Übersetzungen" und die jüngeren Übersetzungen als "Neue Übersetzungen" bezeichnet.

Begründet auf der enormen Zahl buddhistischer Schriften, die von diesen Priestern aus dem Sanskrit übersetzt worden waren, wandte sich die Richtung des Denkens und religiösen Handelns dieser gelehrten Männer zwar stufenweise aber nachdrücklich dem Chinesentum zu. Hier setzten sich offenbar das rassebedingte Wesen, die Bedürfnisse und Überzeugungen durch. Daß die Priester der frühen Stadien sich im metaphysischen Bereich besonders der "Irrealität" zuwandten, die im Begriff "Prajnà" der Sutren zum Ausdruck kam, war eine weitere Manifestation dieser Tendenz. Später verwarfen sie den sogenannten "Hinayana" oder das Kleine Fahrzeug und wandten sich ausschließlich dem "Mahayana", dem Großen Fahrzeug zu. Diese Tendenz wurde in der Tendai-Schule immer auffälliger, und man kann sagen, daß sie mit dem Erscheinen der Zen-Schule ihren Höhepunkt erreichte.

In der zweiten Hälfte des 6. Jahrhunderts erreichte die Tendai-Schule in China ihre volle Ausprägung, die von ihrem 3. Patriarchen Tendai Daishi, Chih-i (538-597 n. Chr.), vorgenommen wurde. Er war einer der hervorragendsten Gestalten im buddhistischen Denken, und die kritische Einteilung der Lehre Buddhas in fünf Perioden und acht Doktrinen, die von diesem Heiligen ausgearbeitet worden war, hatte lange Zeit einen großen Einfluß auf den Buddhismus in China und in Japan.

Ein Rückblick wird zeigen, daß in China die verschiedenen Sutras ungeachtet ihrer Reihenfolge der Entstehungszeit eingeführt und so wie sie kamen übersetzt wurden. Angesichts der riesigen Anzahl dieser Sutren bestand das Problem darin, ihren Ursprung und ihren Wert herauszufinden. Es war notwendig, den Buddhismus als Ganzheit schätzenszulernen und aufzuzeigen, wie man sich ihm gegenüber gemäß dem eigenen Verständnis zu verhalten hatte. Bei der Bewertung der Sutras kommt zuerst der Trend zum chinesischen Denken zum Ausdruck. Vor allem war das Gedankengebäude von Chih-i sehr systematisch und von daher im höchsten Maße überzeugend. Jedoch mit Einsetzung der modernen Buddhismus-Forschung mußte selbst ein solch beherrschender Einfluß ein Ende finden.

In der Geschichte des Buddhismus in China war "das, was zuletzt kam" die Zen-Schule. Als ihr Gründer gilt Sramana, der aus einem fremden Land stammte, oder Bodhidharma (-528 n. Chr.); aber der Samen, den er gesät hatte, ging erst nach der Zeit von Hui-neng (638-713 n. Chr.) dem 6. Patriarch des Stromes auf. Nach Beendigung

des 8. Jahrhunderts hatte diese Schule in China ständig viele talentierte Priester ausgesandt, so daß das Gedeihen des Zen für die Dauer einiger Jahrhunderte sichergestellt wurde.

Man kann daraus erkennen, daß ein neuer Weg buddhistischen Denkens existierte, der tief in der Natur des chinesischen Volkes verwurzelt war. Hierbei handelte es sich um nichts anderes, als um einen von der chinesischen Denkweise gefärbten Buddhismus. Und doch war die Kraft der Lehre Buddha Gautamas mit dieser neuen Strömung zu einem noch größeren Fluß angewachsen und bereicherte auf diese Weise die Länder im Osten.

5.- Japan

Die Geschichte des Buddhismus in Japan begann im 6. Jahrhundert. 538 n. Chr. schickte der König Koreas seinen Gesandten, mit einem Buddha-Bild und Schriftenrollen von Sutren versehen, an den Kaiserlichen Hof des Herrschers Kinmei. So wird die erste Berührung des Buddhismus mit diesem Land gekennzeichnet. Die Religionsgeschichte ist damit mehr als 1400 Jahre alt.

In dieser langen Geschichte können wir den Buddhismus mit drei Brennpunkten in Verbindung bringen. Der erste dieser Höhepunkte kann im Buddhismus des 7. und 8. Jahrhunderts gesehen werden. Um dies an äußeren Dingen darzustellen, kann man auf den Horyuji-Tempel (607 n. Chr.) und den Todaiji-Tempel (752 n. Chr.) verweisen, die beide in der Zeit erbaut wurden. Blickt man auf diese Zeit zurück, so kann auch die Tatsache nicht übersehen werden, daß die Wogen der Kultur in ganz Asien zu jener Zeit ungewöhnlich hoch anstiegen. Im Verlauf dieser Periode nahm die Zivilisation im Osten einen erstaunlich aktiven und außergewöhnlichen Verlauf, während die des Westens in tiefer Dunkelheit verharrte. In China, Zentralasien, Indien und in den Südsee-Ländern waren die Aktivitäten auf dem intellektuellen, religiösen und künstlerischen Gebiet sehr stark ausgeprägt. Indem der Buddhismus zu diesen Bewegungen hinzukam, wusch er die östliche Welt mit seinem breiten Strom der Menschlichkeit. Und diese neue Entwicklung in der japanischen Kultur, die von den Bauten des glänzenden Horyuji und des ausgezeichneten Todaiji ebenso bezeugt wird wie durch die farbenprächtigen religiösen und künstlerischen Tätigkeiten, die in Verbindung mit diesen Ereignissen aufkamen, zeigte im Fernsten Osten den Atem der kulturellen Flutwelle, die die weiten Gebiete Asiens erfaßte.

Die Menschen dieses Landes, das sich lange Zeit in einem unzivilisierten Zustand befunden hatte, schwammen nun in der Strömung einer großen Kultur; die Blume der Zivilisation hatte sich ganz plötzlich geöffnet. Dies war eine gute Wendung zum Glück, das in diesen Jahrhunderten Japan so begünstigte. Und der Hauptvorkämpfer, der für diesen Aufstieg der Kultur verantwortlich war, war kein anderer als der Buddhismus. Daher wurden die buddhistischen Tempel dieser Zeit zu Zentren dieser glänzenden Kultur, und die Priester waren die Führer der neuen Lehre. Es entwickelte sich eine weitreichende und große Kultur, die mehr als nur eine Religion war. Dies war der tatsächliche Stand des Buddhismus, der zuerst auf dieses Land übertragen wurde.

Im neunten Jahrhundert erschienen zwei große Priester, Saicho (Dengyo Daishi, 767-822) und Kukai (Kobo Daishi, 774-835) und gründeten zwei buddhistische Schulen, die zusammen gewöhnlich als Heian-Buddhismus bezeichnet werden. Dies war die Grundlegung eines rein japanischen Buddhismus. Sie nahmen den Buddhismus in seiner ursprünglichen Auslegung und Praxis an und gründeten die zentralen Klöster auf dem Berg Hiei und Koya. Im Laufe der dreihundert Jahre nach ihrer Gründung bis zur Kamakura-Periode fanden diese beiden esoterischen Schulen, Tendai und Shingon, hauptsächlich unter den Adligen und an den herrschaftlichen Höfen Anklang. Der zweite der Höhepunkte ist im Buddhismus des 12. und 13. Jahrhunderts zu finden. Hier erschienen so bedeutende Priester wie Honen (1133-1212 n. Chr.), Shinran (1173-1262 n. Chr.), Dogen (1200-1253 n. Chr.), Nichiren (1222-1282 n. Chr.) usw. Wenn man vom japanischen Buddhismus spricht, kann man dies nicht tun, ohne die Namen dieser großen Priester zu erwähnen. Warum haben nur jene Jahrhunderte solche herausragende Männer hervorgebracht? Der Grund besteht wohl darin, daß zu jener Zeit ihnen allen ein ganz gewöhnliches Problem gegenüberstand. Und um welches gewöhnliche Problem handelte es sich? Vielleicht war es die Tatsache, daß der Buddhismus zwar akzeptiert wurde, aber auf eine einzigartige japanische Art und Weise.

Dies dürfte zu der Frage führen : Warum? War es nicht etwa so, daß der Buddhismus bereits lange vorher in dieses Land eingeführt worden war? Historisch gesehen verhielt es sich so. Aber ebenso sicher ist, daß mehrere hundert Jahre notwendig gewesen waren, bis sich das Volk dieses Landes die eingeführte Religion angeeignet und umgeformt hatte, um sie vollständig zu seiner eigenen zu machen. Kurz gesagt, im 7. und 8. Jahrhundert begannen die Bemühungen bezüglich der Anerkennung des Buddhismus, und als ein Ergebnis dieser Bemühungen, erblühte dieser durch jene Buddhisten des 12. und 13. Jahrhunderts.

Nach dieser Zeit hielt der Buddhismus in Japan, der auf der von diesen herausragenden Priestern geschaffenen Grundlage errichtet worden war, seinen Nachruhm bis heute aufrecht. Seit dieser Zeit, in der diese vorzüglichen Männer aufgetreten sind, gab es in der Geschichte des japanischen Buddhismus keine solcher Glanzpunkte jener Jahrhunderte mehr. Wie dem auch sei, nach Meinung des Autors gibt es etwas anderes, das Beachtung verdient, und dies sind die Ergebnisse der modernen Buddhismus-Forschung. Seit der ersten Zeit des Erscheinens, war praktisch der gesamte Buddhismus in Japan Mahayana Buddhismus, der unter dem Einfluß des chinesischen Buddhismus stand. Besonders nach dem Auftreten der großen Priester des 12. und 13. Jahrhunderts bildete die Mahayana-Lehre die Hauptströmung, wobei ihr Zentrum die Begründer der Schulen bildeten, deren Ansichten bis heute bestimmend sind. In der Geschichte des japanischen Buddhismus als solchen begann das Studium des ursprünglichen Buddhismus schätzungsweise nach der Mitte der Meiji-Zeit. Die Gestalt Buddha Gautamas erschien wieder lebendiger vor denen, die fast die Tatsache vergessen hatten, daß es neben den Begründern der Schulen auch noch den Urheber des Buddhismus gab, und jenen, die nichts anderes als die Mahayana Lehre beachteten, wurde klargemacht, daß es auch noch das systematische Bekenntnis des Buddhismus

gab. Diese neuen Phasen verbleiben weiterhin in der Sphäre des schulischen Lernens und sind noch nicht stark genug, religiöse Begeisterung unter den Massen auszulösen. Aber es scheint so, als ob das Wissen der Menschen dieses Landes in bezug auf den Buddhismus eine Wendung macht. Der Autor möchte den Blick auf diese Phase richten, denn es geht hier um den dritten der erwähnten Höhepunkte.

Die Überlieferung der Lehre Buddhas

Buddhismus ist eine Religion, die auf den Lehren Shakyamunis basiert, die dieser fünfundvierzig Jahre seines Lebens verbreitete. Die Worte, die er in seiner Lehre verwendete, haben daher in dieser Religion absolute Autorität. Obwohl es 84000 Dharma-Tore und eine große Anzahl von Schulen gibt, existiert keine ohne Verbindung zu den Schriften Shakyamunis. Diese Bücher, in denen die Lehre Buddhas aufgezeichnet ist, sind unter dem Namen "Issaikyo" oder "Daizokyo" bekannt und stellen eine vollständige Sammlung der heiligen Schriften dar. Shakyamuni trat ausdrücklich für die Gleichheit der Menschen ein und verbreitete die Lehre in schlichten und einfachen Worten des täglichen Lebens, damit jedermann ihn völlig verstehen konnte. Er setzte seine Lehrtätigkeit zum Wohl der Menschen bis zur letzten Minute seines Lebens im Alter von achtzig Jahren fort, ohne auch nur einen einzigen Tag in dieser langen Periode davon abzulassen.

Nach dem Ableben Shakyamunis verbreiteten seine Schüler die Lehre so, wie sie diese vernommen hatten. Da die Lehre übermittelt und weiter erzählt wurde, können sich natürlicherweise verschiedene Veränderungen eingeschlichen haben, die durch unbewusste Irrtümer seitens der Schüler verursacht wurden bezüglich dessen, was sie glaubten gehört oder verstanden zu haben. Und dennoch mußten die Worte Shakyamunis ganz exakt und vollständig übermittelt werden, und jedem und allen Menschen sollte ohne Diskriminierung Gelegenheit dazu gegeben werden, die Lehre zu hören. Daher kamen viele ältere Priester zusammen, um die Worte und Lehre zu berichtigen und zu festigen, indem sie sich gegenseitig vortrugen, was jeder glaubte gehört zu haben, und verbrachten so viele Monate mit Diskussionen zu. Das Werk, das auf diese Weise entstanden, ist unter dem Titel "Ketsujyu" bekannt. Daran zeigt sich wie hingebungsvoll und besonnen sie versucht hatten, genau diejenigen Worte zu übermitteln, die der große Priester gesprochen hatte.

Die Lehre, die nun auf diese Weise berichtet war, wurde daraufhin aufgeschrieben. Der Lehre wurden Kommentare und Interpretationen hinzugefügt, die von gelehrten Priestern späterer Zeit verfaßt als "Ron" oder "Kommentare" bekannt wurden. Die eigentliche Lehre Buddhas, die Kommentare und die Buddhistischen Vorschriften wurden "Sanzokyo" (Drei Abteilungen der Buddhistischen Schriften) oder in Sanskrit "Tripitaka" genannt.

"Sanzokyo" oder "Tripitaka" beinhaltet "Kyozo", "Ritsuzo" und "Ronzo"; "Zo" bedeutet Gefäß oder Behälter. Mit anderen Worten, "Kyo" bezieht sich auf die "Buddhistischen Lehren", "Ritsu" auf die "Vorschriften für

eine Buddhistische Bruderschaft" und "Ron" auf die von den Hohepriestern geschriebenen "Kommentare".

Der Überlieferung entsprechend soll der Buddhismus im Jahre 67 n.Chr., während der Regierungszeit König Mings von der älteren östlichen Han-Dynastie (25-220 n.Chr.), in China eingeführt worden sein. In Wahrheit geschah dies aber 84 Jahre später, als die Buddhistischen Schriften von König Huan von der späteren östlichen Han-Dynastie nach China eingeführt und übersetzt wurden (151 n.Chr.). Seitdem wurden die Bemühungen, die Schriften in die chinesische Sprache zu übersetzen, mehr als 1700 Jahre lang weitergeführt. Die Anzahl dieser übersetzten Bücher betrug 1440 Schriften in 5586 Bänden. Die Anstrengungen zur Erhaltung dieser übersetzten Schriften wurden bereits während der Wei-Dynastie unternommen, aber erst etwa in der Zeit der nördlichen Sung-Dynastie wurde mit dem Druck begonnen. Seit dieser Zeit kamen noch die Arbeiten der Hohepriester hinzu, so daß es nicht mehr angemessen erschien, diese Bücher als "Tripitaka" zu bezeichnen. In der Ära Sui's wurde ihnen deshalb der Titel "Issaikyo" oder eine "Vollständige Sammlung aller heiligen Schriften" gegeben, und in der Tang-Ära wurden sie "Daizokyo" oder die "Sammlung aller Buddhistischen Schriften, Gesetze und Abhandlungen" genannt.

In Tibet wurde der Buddhismus im 7. Jahrhundert n.Chr. eingeführt, und für mehr als 150 Jahre, d.h. während des 9.-11. Jahrhunderts wurden die Bemühungen um eine Übersetzung der Buddhistischen Schriften fortgesetzt, so daß in dieser Zeit praktisch alle übersetzt wurden.

Angesichts der Tatsache, daß die Schriften nicht nur ins Koreanische, Japanische, Ceylonische, Kambodschanische, Türkische und in fast alle orientalischen Sprachen übersetzt worden waren, sondern auch ins Lateinische, Französische, Englische und Italienische, kann mit Sicherheit gesagt werden, daß der Segen, der von Buddhas Lehre ausgeht, nun in jede Ecke der Welt verteilt worden ist.

Zieht man jedoch bei nochmaliger Erwägung die Qualität der Übersetzungen, die Geschichte der Entwicklung und der Wechselfälle dieser Religion während mehr als 2000 Jahre mit 10000 oder mehr Übersetzungen der Bücher in Betracht, so scheint es dennoch schwierig zu sein, die wahre Bedeutung der von Shakyamuni gesprochenen Worte zu erfassen, selbst mit Hilfe des "Daizokyo". Es ist daher unerlässlich, jene wichtigen Punkte aus dem "Daizokyo" herauszugreifen und diese zum Kriterium bzw. zur Grundlage des Vertrauens an diese Religion zu machen.

Im Buddhismus sind die Worte Shakyamunis oberste Autorität. Daher muß die Lehre des Buddhismus eine Lehre sein, die eng mit der Wirklichkeit unseres täglichen Lebens verbunden und vertraut ist. Andernfalls wird es nicht möglich sein, das menschliche Herz aus seinen Tiefen zum Vertrauen in die Lehren zu erheben. Damit die Lehre eine solche ist, die wir uns zu eigen machen können, muß sie schlicht, einfach, in ihrem Wesen objektiv und zudem in der Lage sein, alles zu erfassen und dabei gleichzeitig treffende und vertraute Worte des täglichen Lebens benutzen.

Dieses Buch entstand eingedenk der obigen Überlegungen, die "Strömung" des "Daizokyo" mit seiner

mehr als zweitausendjährigen Geschichte zu übernehmen. Diese Veröffentlichung kann natürlich vom Umfang her nicht vollkommen sein. Die Worte Buddhas sind in ihrer Bedeutung unendlich tief, und seine Tugenden sind grenzenlos, so daß es nicht leicht ist, ihnen gerecht zu werden.

Es ist daher äußerst wünschenswert, dieses Buch zu einem noch wahrhaftigeren und wertvolleren zu gestalten, da beabsichtigt wird, künftig eine revidierte Ausgabe herauszubringen.

Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"

Dieser buddhistische Text basiert auf einer revidierten und zusammengestellten Ausgabe des japanischen Originals "Neuübersetzung des buddhistischen Urtextes", das im Juli 1925 von der Gesellschaft der Verbreitung der "Neuübersetzung des buddhistischen Urtextes" veröffentlicht und von Rev. Muan Kizu vorgestellt wurde. Diese erste japanische Ausgabe wurde von Dr. Shugaku Yamabe und Dr. Chizen Akanuma in Zusammenarbeit mit vielen buddhistischen Schülern in Japan zusammengestellt, und es dauerte fast fünf Jahre, sie zu veröffentlichen.

In der Showa-Ära (1926-) wurde auch die "Volksausgabe des buddhistischen Textes" auf Japanisch von der Gesellschaft veröffentlicht und überall in ganz Japan verbreitet.

Im Juli 1934, als das Treffen der Pan-pazifischen buddhistischen Jugend in Japan abgehalten wurde, wurde "Die Lehre Buddhas", die englische Übersetzung der oben erwähnten "Volksausgabe des buddhistischen Textes" von dem buddhistischen Jugendverband für ganz Japan, mit der Unterstützung von Herrn D. Goddard, als eine seiner Arbeiten veröffentlicht. 1962, anlässlich des siebzigjährigen Jubiläums der Einführung des Buddhismus in Amerika, veröffentlichte Herr Yehan Numata, der Präsident der Mitutoyo Gesellschaft, eine weitere englische Ausgabe von "THE TEACHING OF BUDDHA".

Als Herr Numata 1965 in Tokyo die Gesellschaft zur Förderung des Buddhismus gründete, war die Verbreitung dieses englischen Textes auf der ganzen Welt als eine der Aktivitäten dieser Stiftung geplant.

Um diesen Plan zu verwirklichen, wurde 1966 ein Ausschuß gebildet, der diese "Lehre Buddhas" überarbeiten und zusammenstellen sollte. Mitglieder des Ausschusses waren die Professoren Kazuyoshi Kino, Shuyu Kanaoka, Zenno Ishigami, Shinko Sayeki, Kodo Matsunami, Shojun Bando und Takemi Takase. Herr N.A. Waddell und Herr Shunsuke Shimizu arbeiteten bei der Überarbeitung auch mit. So wurde eine englisch-japanische Ausgabe der "Lehre Buddhas" in neuer Form veröffentlicht.

1972 stellten die Professoren Shuyu Kanaoka, Zenno Ishigami, Shoyu Hanayama, Kansei Tamura und Takemi Takase Fehler richtig, überarbeiteten den Text und stellten ihn neu zusammen.

Wiederum 1974, überarbeiteten die Professoren Shojun Bando, Kodo Matsunami, Shinko Sayeki, Kansei Tamura, Doyu Tokunaga und Shoyu Hanayama (Hauptausgeber)

unter der Leitung von Herrn R. K. Steiner den Text, um unpassende und ungenaue Ausdrücke in der englischen Version des Textes zu berichtigen. So wurde die englisch-japanische Ausgabe der "Lehre Buddhas" in gegenwärtiger Form als Ergebnis ihrer Arbeit veröffentlicht. Anlässlich eines von Herrn Shinroku Inouye angeregten Treffens über einige Themen in den Jahren 1978 und 1980, entschloß sich die obige Redaktion, die Professoren Shigeo Kamata und Yasuaki Nara miteingeschlossen, das Buch erneut zu überarbeiten. Als Resultat ihrer Mühen ist auf diese Weise die gegenwärtige Englisch-Japanische Ausgabe von "Die Lehre Buddhas" veröffentlicht worden.

1980 wurde festgestellt, daß die Zeit dafür reif war, dieses Buch in noch weitere Sprachen als in die vier (Englisch, Französisch, Portugiesisch und Spanisch), in die es bereits übertragen worden war, zu übersetzen. So bat die Gesellschaft noch einmal Herrn Steiner, die Englische Ausgabe aufzuarbeiten und zu verbessern, da diese die Grundlage für die Deutsche, Italienische, Griechische, Chinesische, Holländische und Nepalesische bilden sollte. Wiederum 1981, um dieses Buch leichter lesbar zu machen, bat die Gesellschaft einige japanische und amerikanische Schüler Höherer Schulen, dieses Buch durchzulesen, und befragten sie nach der Meinung. Wir tauschten danach mit den Schülern die Meinungen aus und diskutierten die vorzunehmenden Änderungen. Das Ergebnis dieses Meinungsaustausches war das neubearbeitete vorliegende Buch.

Die deutsche Übersetzung wurde von Herrn Professor Shoei Ono vorgenommen, und Frau Professorin Friedl Ito, Rev. Gerhard Kell, Rev. Adrian Peel, Herr Professor Dr. R. Kornmann, Frl. M. Schneider, Herr Dr. Joh Iizuka und Herr Professor Michio Sato lasen sie, gaben wertvolle Ratschläge und nahmen zahlreiche Verbesserungen vor, die hier berücksichtigt wurden. Vor allem haben Frau Professorin Friedl Ito, Rev. Gerhard Kell, Herr Professor Dr. R. Kornmann und Frl. M. Schneider dem Übersetzer wertvolle Hinweise auch in bezug auf die Ausdrucksweise gegeben, so daß die Übersetzung in dieser Form erscheinen konnte.

Rev. Kell meinte, daß man die Wörter und Wendungen, die dem Christentum entnommen sind, möglichst vermeiden sollte. Auch der Übersetzer vertrat grundsätzlich dieselbe Meinung, aber er sah sich gezwungen, unter Umständen aus dem Satzzusammenhang heraus auch dem Christentum entlehene Ausdrücke zu benutzen. Da gab es also einen feinen Meinungsunterschied.

Im Verlauf von einigen Besprechungen stimmten dann Herr Professor S. Hanayama, Herr Professor K. Tamura, Herr Professor N. Tamaru und der Übersetzer überein, diese Fragen der Entscheidung des Übersetzers zu überlassen. Herr Professor Ono hat das Buch aufgrund vieler Ratschläge und Besprechungen und überdies nach seinen eigenen Überlegungen fertiggeschrieben.

Wir hoffen, daß dieses Buch im deutschen Sprachkreis weite Verbreitung findet und bitten die Leser, freundlicherweise ihre Meinung über dieses Buch zu äußern.

April, 1982

Buddhistische Aktivitäten inder BRDeutschland

VIENGIAC Pagode: Am 22. 10; 09. 11; 07. 12 und 14. 12. 90 haben 4 deutsche Schulklassen in die VIEN- GIAC Pagode gekommen, zum Vernehmen der Buddhalehre, Praktizieren des Zen – Buddhismus und zur Fragestellung über die buddhistische Anschauung. Diese fanden unter der Leitung von Ehrw. Abt und Mönch Thich Thien Son statt.

Reutlingen: Der Ortsverein der VBVF aus Reutlingen hat am 28. 10. 90 eine regelmäßige buddh. Andacht für deren Vereinsmitglieder und Freunde veranstaltet. Zu dieser religiösen Veranstaltung kamen etwa 100 Buddhisten.

Ehrw. Abteilungsleiter der CVBD, Rev. Thich Nguyen Hoi und buddh. Vorsitzender der VBVF haben diese Andacht bezeugt und geleitet.

Nach der Andacht trafen sich die Vorstandsmitglieder des örtlichen Vereins bei der Familie Tran Van Huyen zusammen, um über die geleisteten sowie bevorstehenden Aktivitäten des Ortsvereins zu besprechen.

Ehrw. Abteilungsleiter und dessen Begleiter haben auch aus diesem Anlaß die nahliegend Reutlingen lebenden Buddhisten besucht.

Norddeich: Am 10. 11. 90 war eine regelmäßige buddh. Andacht in Norddeich veranstaltet worden. Zu dieser kamen etwa 50 Buddhisten Ehrw. Thich Nhu Dien gab aus diesem Anlaß die Termine der buddh. Veranstaltungen im Jahre 1991 bekannt. Anschließend folgte die Unterweisung der Buddharlehre von Rev. Thich Nguyen Hoi.

Hamburg: Am 18. 11. 90 veranstaltete die Vereinigung der VN-Flüchtlinge in Hamburg ein Seminar mit Vorträge von Bruder Ha Dau Dong, Ehrw. Thich Nhu Dien und Professor Vo Cong Tru über die Themen von der Heimat, Religion und die Bemühung für eine freie VN von Ausland-vietnamesen.

Daran haben etwa 150 Landsleute teilgenommen.

Wiesbaden: Eine regelmäßige buddh. Andacht wurde am 24. 11. 90 von dem Ortsverein der VBVF aus Wiesbaden veranstaltet. Dies fand unter der Leitung von Ehrw. Thich Nhu Dien und Rev. Thich Nguyen Hoi statt. Etwa 80 Buddhisten haben daran teilgenommen.

Pforzheim: Unter der Leitung von Rev. Nonne Thich Nu Minh Loan fand am 25. 11. 90 eine

Zufluchtsnamhe - Zeremonie für die Jungvietnamesen der Jubfa - Khanh Hoa statt. Dies wurde von Ehrw. Thich Nhu Dien, Rev. Thich Minh Phu, Thich Nguyen Hoi und Rev. Nonne

Thich Nu Dieu An und Thich Nu Minh Loan bezeugt. Es gab 22 Jung - vietnamesen, die sich zum Buddhismus bekehrten.

Die Buddhasstätte Khanh Hoa hatte mehrere wöchentliche Vietnamesisch-Kurse für deren Jubfa. Dies ist eine lobenswerte Arbeit.

Neuankommene Nonne: Am 30. 11. 90 kam Rev. Nonne Thich Nu Nhu Vien aus Vietnam in die BRDeutschland, im Rahmen der Tätigkeit für die CVBD in der BRDeutschland. Zur Zeit verweilt sie in Hamburg bei Ehrw. Nonne Thich Nu Dieu Tam, Abtin der BAO QUANG Nonnen- Pagode aus Hamburg.

Jahresversammlung der CVBD-Mitglieder: Jährlich tagt die CVBD meisten im Dezember des Jahres zum Besprechen über die geleisteten und bevorstehenden buddh. Aktivitäten und Veranstaltungen der CVBD. Dies fand am 07. 12.90 in der VIENGIAC Pagode in Hannover statt.

Bremen: Eine regelmäßige buddh. Andacht wurde am 15. 12.90 von dem Ortsverein der VBVF aus Bremen veranstaltet. Auch zu diesem Anlaß wurde den Vorständen des Ortsvereins für die Wahlperiode 90 - 92 gewählt. Daran haben etwa 80 Ortsvereinsmitglieder teilgenommen. Mit großer Aufmerksamkeit haben die Teilnehmer, Buddhist und Nicht- Buddhist, die Unterweisung der Buddhalehre von Ehrw. Thich Nhu Dien vernommen.

Jahrestagung des Bundesleitersausschusses der Jubfa in der BRDeutschland: Dies fand vom 21 bis 23. 12.90 in der VIENGIAC Pagode in Hannover statt. Zu dieser Tagung kamen alle Bundesleiter sowie Leiter der Ortsjubfa in der BRDeutschland.

Tagesordnung war die Besprechung über die geleisteten und bevorstehenden Aktivitäten der Jubfa in Deutschland. Dies stand unter der Leitung von Jubfa-Beratender Ehrw. Thich Nhu Dien.

Viên Giác



VAI TRÒ LÃO NIÊN TRONG XÃ HỘI MỚI

Mười lăm năm sau biến cố tháng tư 75, số người tỵ nạn ở Hải ngoại khoảng triệu rưỡi, các vị Lão Niên - theo tục lệ "lên lão" khi 60 cái xuân xanh - ước lượng tạm cho là 100 000 (tại Âu Tây, tỷ lệ lớp tuổi này lên đến 25%). Lần đầu tiên trong lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc, cả trăm ngàn người già đã bỏ quê quán dứt áo ra đi! Căn cứ vào tuổi tác, khả năng lao động sản xuất và học hỏi sút kém, con số tuy nhiều đấy nhưng làm được gì? Nhưng nếu chúng ta sức nhớ, trăm ngàn người lớn tuổi này tiêu biểu cho một số vốn tinh thần với các khía cạnh đạo đức, văn hóa, phong tục... thì vai trò của Lão Niên trong xã hội mới không phải là không đáng kể.

Trước khi bàn đến vấn đề này, người viết xin điếm qua hoàn cảnh của các vị Lão Niên, cư ngụ trong gần 50 quốc gia trên thế giới.

Lúc đầu, các sự khó khăn dồn dập : vì thay đổi đột ngột về mọi phương diện : khí hậu thời tiết, thực phẩm và phương thức ăn uống, phương tiện lưu thông, ngôn ngữ, môi trường xã hội, sự giao dịch với người bản xứ... mỗi mỗi đều gây nơi cơ thể và tinh thần Lão Niên những sự khó chịu, mệt mỏi, bức bối và buồn chán. Nhất là sự hiu quạnh, lạc lõng trong môi trường xã hội xa lạ. Một là vì không biết nói tiếng nơi cư ngụ, hai là nếp sống Tây phương không có lệ nói chuyện thăm hỏi người lối xóm như bên nhà, thành thử vị nào có biết tiếng Pháp, tiếng Anh và sống tại các quốc gia xử dụng hai sinh ngữ này, cũng không có dịp chuyện trò với người bản xứ như với người đồng hương. Khi các con em đi làm hay đi học, ông già bà già ở nhà ru rú một mình, không biết nói chuyện với ai, muốn đi đâu cũng đành chịu, làm sao hỏi đường, hỏi xe cộ. May mà về vấn đề tài chánh không phải bận tâm. Phần lớn Lão Niên được chánh quyền địa phương tại các nơi đài thọ mọi chi phí : nhà ở, ăn mặc, thuốc men, bác sĩ. Còn lại một số, có con em đi làm, cũng được con em săn sóc, giúp đỡ tài chánh, chỗ ăn ở, hoặc cùng nhà, hoặc ở gần nhà. Ngoài vài trường hợp, vài "ca" lẻ tẻ : bệnh hoạn, chia ly, bất hòa trong gia đình, giữa vợ chồng hay giữa cha mẹ và con cái... những cảnh đau lòng, nói cho cùng, ở đâu cũng có thể xảy ra - tình trạng các vị Lão Niên ngày nay ở hải ngoại cũng khá quan. Tại nơi định cư, các Lão Niên không còn "lạ nước lạ cái" nữa. Về mặt "môi trường xã hội", bất cứ ở đâu, cộng đồng người Việt, với sự đóng góp đáng kể của người Việt gốc Hoa và người Miên, Lào đã tạo được "một môi trường Việt Nam" gồm các khu buôn bán làm ăn như khu "Choisy" ở Ba Lê và khu "Bolsa" tại Los Angelès cùng với những nơi họp mặt nhân dịp Tết nhất, lễ Phật, kỷ niệm lịch sử v.v... và trong các nơi họp mặt này, có tầm quan trọng bậc nhất, đó là hơn trăm ngôi chùa tại khắp nơi, "mái chùa che chở hồn dân tộc".

Đoạn trên vừa trình bày nếp sống Lão Niên Hải ngoại. Nay xin bàn về "Vai trò Lão Niên trong xã hội mới".

Thông thường đã gọi là Lão Niên, ở tuổi về hưu, công việc duy nhất là nghỉ ngơi dưỡng lão. Tuy vậy có một số

quý vị "ngoại lệ" đã vào 60, 70 hay hơn nữa mà vẫn tiếp tục hoạt động như hồi còn 40, 50... và tiêu biểu hơn cả, không ai khác cố Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy đã hoạt động tranh đấu cho lý tưởng đến hơi thở cuối cùng! Giáo sư ra đi là một mất mát lớn cho người Việt chúng ta. Nhưng vẫn còn một số vị Lão Niên khác hoạt động trong mọi phạm vi chính trị, văn hóa, văn nghệ, học hỏi, thương mại, kỹ nghệ... đối với những vị này không có vấn đề tuổi tác tuy đang đóng vai trò của thể hệ người già để "truyền đạt những kinh nghiệm mà những thể hệ đi qua đã gặt hái được những gì cho thanh thiếu niên Việt Nam tại Hải ngoại ngày nay". (Thư Tòa soạn VG.59). Các vị Lão Niên kể trên hoạt động tích cực. Đại đa số Lão Niên có thể nói là hoạt động tiêu cực.

Hai chữ "Lão Niên" làm chúng ta không khỏi liên tưởng đến các vị Bồ Lão họp tại điện Diên Hồng thời Trần, cách đây 700 năm chống với quân nhà Nguyên. Nhưng xưa khác nay và các vị Bồ Lão thời Trần trên đất nước nhà hội họp sau lời kêu gọi của nhà Vua, khác với trăm ngàn Lão Niên ngày nay tán mát khắp nơi. Tuy vậy xưa cũng như nay, lớp người già đều chung một ý nguyện : bảo tồn tinh thần dân tộc không để vì ngoại lai mà tiêu tan. Mấy chữ trong câu trên đặt lên vai Lão Niên một trọng trách, nhưng nghĩ lại, trong tình thế Lão Niên ở Hải ngoại, điều quan trọng không phải là đạt được kết quả tối đa mà điều quan trọng và cần thiết đó là tất cả chúng ta đều tham dự nhúng tay vào đóng góp. Xin lấy một hình ảnh đơn sơ và giản dị : dưới một mái nhà lụp xụp, trong khi trai tráng nam nữ bận đi làm việc đồng áng, ông già bà già ngồi gần bếp, canh chừng cho ngọn lửa khỏi tắt, đồng thời trông coi mấy đứa cháu, khi kể chuyện cổ tích lúc dạy dỗ đôi chút, đến giờ cháu đi ngủ, ông già bà già người ngồi với bóng, im lặng, hay suy ngẫm về cuộc đời về thể sự, khi tụng kinh niệm Phật.

Cư ngụ tại các nước tân tiến máy móc ngày nay, Lão Niên hải ngoại không cần canh chừng củi lửa mà chỉ cần giữ gìn ngọn lửa thiêng tinh thần dân tộc qua ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán cổ truyền, đừng để cho con em xao lãng rồi lần lần mất đi. Công cuộc này rất cấp bách và cùng một lúc tế nhị và phức tạp.

Cấp bách, vì nếu chúng ta để quá chậm một thời gian rất gần con em chúng ta dẫu vẫn da vàng mũi tẹt, nhưng ngôn ngữ và nếp sống đã 100% đồng hóa với người bản xứ.

đến đây người viết xin đặt một dấu ngoặc. Do một sự ngẫu nhiên của tin tức thời cuộc thế giới, mấy tuần vừa qua đài truyền hình đã cho chúng ta được chứng kiến với bao nhiêu màu sắc và nghi thức nghiêm trang buổi khai mạc Quốc hội hàng năm tại Anh Cát Lợi và lễ nghi Nhật Hoàng Akihito lên ngôi. Các khán giả toàn cầu chắc đều nhận thấy hai điểm :

- Các bộ lễ phục cổ xưa cách bao nhiêu thế kỷ khoác lên thân hình của nhân vật hiện đại và các bộ quần áo này y hệt như xưa - y hệt như xưa, như các nghi lễ diễn hành. Có thể cho đó là thủ cựu, nhưng cái thủ cựu này đã không làm cho dân tộc Anh, dân tộc Nhật "tiến bộ giạt lùi". Nước Nhật Bản và Anh Quốc vẫn tiến triển và giữ địa vị của nước hùng mạnh. Thấy người lại nghĩ đến ta. Chúng ta có bốn phận chung bảo tồn văn hóa dân tộc, một nhiệm vụ chung cho tất cả các lớp tuổi, trừ các em

thiếu nhi. Nhưng có thể thiên chức là của quý vị Lão Niên vì một lẽ Lão Niên có đặc điểm đó là đã sinh trưởng và sống trên đất nước trong những thập niên của lịch sử hiện đại với bao nhiêu biến đổi sâu đậm có nhiều bất ngờ và đau thương, lại thêm có tính chất định đoạt cho vận mệnh đất nước !

Về vai trò Lão Niên nói chung, xin có ý tưởng so sánh sau đây. Hiện nay một thanh niên Việt ở hải ngoại, có bằng Tú Tài chỉ cần năm bảy năm trở nên một kỹ sư chuyên môn, tại bất cứ một đại học nào ở các quốc gia tân tiến. Nhưng tìm đâu ra được một đại học có thể chuyên vào đầu óc, tâm khảm của thanh niên này số kinh nghiệm chung của thế hệ Lão Niên Việt.

Giới Lão Niên bảo tồn văn hóa, phong tục để chỉ dẫn lại cho con cháu. đây là phận tế nhị và phức tạp. Vì có vài điều nên chú ý và vài điều cần tránh :

- Nhất định khư khư giữ phong tục tập quán như xưa, không khẳng định cái gì nên giữ, cái gì nên "tân hóa" cho hợp với thời nay, với môi trường Tây phương,

- Chỉ chăm chú đến nếp sống Việt, không để ý đến đời sống chung quanh, nơi quốc gia đã tiếp nhận để thông hiểu người bản xứ, tiện bề giao dịch làm ăn,

- Không nhận thức các đặc tính tốt của Tây phương nói chung để bắt chước và những cái dở để tránh,

- Đối với con em quá nghiêm khắc, hoặc ngược lại quá dễ dãi. Quá dễ dãi, khi đề con em muốn làm gì thì làm dầu là việc rõ ràng không tốt, nghĩ rằng các con đã lớn không muốn có sự va chạm, nên bỏ qua dần quen nếp, lúc muốn nói cũng không nói được nữa.

Còn quá nghiêm khắc khi luôn luôn chỉ trích, bài bác, gây sự khó chịu nơi con em, mất sự thân mật mà rồi cũng không sửa đổi được gì. Bậc Lão Niên nên dung hòa cái tốt của người, của ta, lựa lời khuyên nhủ con em, tạo một bầu không khí ôn hòa thông cảm, có lẽ kết quả tốt hơn.

Hiện nay các vị Lão Niên có dịp sống chung với con em nhân các ngày lễ Tết, đi lên chùa nghe thuyết pháp, đi dự các buổi trình diễn văn nghệ... đây là dịp tốt nhất để con em hiểu biết thêm về văn hóa dân tộc. Sự gần gũi với con cháu có lợi cho cả ba thế hệ :

- Ông bà trong không khí gia đình bớt thấy hiu quạnh,

- Các con khi có việc cần, có thể nhờ ông bà coi giùm nhà cửa hay trông coi các cháu, và nhất là sự có mặt của ông bà có ảnh hưởng rất lớn đối với các cháu.

Nhờ ông bà, đôi khi chú bác cô dì mà các em thiếu nhi quen nói tiếng Việt, hiểu tiếng Việt, biết các chuyện cổ tích Việt Nam. đối với các con cháu, các vị Lão Niên như là một mẫu người Việt Nam (một mẫu người, Echantillon, Exemplar) và, cũng tự biết mình đang đóng vai trò này, các vị Lão Niên cũng giữ ý để hợp với tuổi làm sao làm gương tốt cho con em, như theo câu tu thân rồi mới tề gia, trị quốc... Và các con, các cháu được nhìn thấy lối sống thường nhật bình giản của Lão Niên trong những khi đọc sách, đọc kinh, lễ bái, tiếp đón bạn bè... những hình ảnh này có một tầm quan trọng không nhỏ. Vì đó là hình ảnh nếp sống Việt Nam để nhắc nhở cho con em chúng ta về Việt Nam, trong khi con em suốt ngày sống trong lòng xã hội Tây phương. Tại những nơi có một số khá đông Lão Niên, các vị này đã tổ chức những Hội Bô Lão, đóng góp vào hoạt động chung của cộng đồng, đời và đạo. Nơi đây phải nhắc đến phần quý

vị Lão Niên bà trong việc nấu các món ăn, làm bánh trái... với thi vị Việt Nam, một vai trò cũng cần thiết theo như câu "có thực mới vực được đạo".

Trước khi chấm dứt, có một điều cần nhắc lại về việc con em Việt Nam ở hải ngoại, nhất là các em thiếu nhi biết nói tiếng Việt. Một số phụ huynh Việt cho rằng trong xã hội Tây phương, nếu con em không sống như Tây phương không nói toàn tiếng Tây phương thì bị thua kém bạn bè cùng lớp tuổi, và sau này khó bề lên lối được trong xã hội cạnh tranh gắt gao. Xin thưa, các nhà giáo Tây phương đều tán thành chương trình dạy cho trẻ em một, hai sinh ngữ ngoài tiếng mẹ đẻ và sự hiểu biết thêm như vậy không phải là một cản trở cho sự học nói chung. Và lại, chúng ta đều biết, cách đây khoảng hai chục năm các thanh niên Việt du học toàn là biết nói tiếng Việt từ bé, một số thi tú tài Việt vậy mà tại các đại học Tây phương vẫn đạt được kết quả khả quan. Thêm một điểm nữa, hiện nay tại khắp nơi trên thế giới có phong trào quốc tế chú trọng đến văn hóa, phong tục của các dân tộc trên hoàn cầu, dù chỉ là một bộ lạc dân số vài ba trăm ngàn người có khi ít hơn. Trong các cuộc hội họp, có nhiều quốc gia tham dự, ai nấy đều hãnh diện giới thiệu văn hóa phong tục nước mình qua mọi hoạt động, ca nhạc, điệu múa, trò chơi, tiểu công nghệ, cùng các kiêu y phục, các món ăn. Ngày nay thế giới nói chung đã nhận là mọi dân tộc đều có thể đem nền văn hóa, phong tục của xứ mình đóng góp vào nền văn hóa chung của nhân loại, một sự thi đua hòa bình theo đuổi cái hay cái đẹp, để mong giữ được thăng bằng với nếp sống kỹ thuật, máy móc, gay gắt. Trong trường học hiện nay, con em chúng ta chung đụng với các học sinh thuộc nhiều quốc tịch. Bạn học, khi biết em là Việt Nam, tò mò hỏi em về Việt Nam, hỏi em có biết nói tiếng Việt không, nói thử vài câu xem. Chúng ta thử đặt vào địa vị em nhỏ lúc ấy sẽ nói ra sao. Tại Ba Lê đã có trường hợp một thanh niên ngoài 20, sinh trưởng tại Pháp mà không biết tiếng Việt đã trách cha mẹ sao trước kia không dạy.

Trái lại, tại các trường hiện nay, nếu con em chúng ta biết tiếng nói, biết hát bằng tiếng mẹ đẻ, biết các trò chơi Việt thí dụ múa lân đem giúp vui trong các buổi họp thanh niên, nhất định được các bạn học hoan nghênh.

Để kết luận, vai trò của Lão Niên hải ngoại trong xã hội mới, tích cực do một số Lão Niên "ngoại lệ", và tiêu cực đối với đại đa số, vai trò của Lão Niên Việt Nam (cũng như các vị Lão Niên nhiều nước Á Đông) đó là bảo vệ đạo đức, văn hóa, phong tục, tập quán cổ truyền - mà một điểm then chốt là ngôn ngữ Việt - để cho các con em noi gương theo - (không phải để bắt ép con em trở về với khuôn khổ dĩ vãng) - cũng như một kim chỉ nam hướng dẫn thế hệ trẻ Việt Nam, bản tính vẫn là "con Rồng cháu Tiên" cho khỏi vấp ngã trong môi trường xã hội Tây phương, khi chen vai với thế hệ trẻ Âu tây, để cho thanh niên ta với những đức tính cổ truyền cùng sự học hỏi Tây phương, có thể đóng góp vào công cuộc kiến thiết một nước Việt Nam tự do hòa bình và thịnh vượng bước vào thế kỷ XXI này nhiều thử thách nhưng cũng bao nhiêu hứa hẹn.

• **Thiện Nghĩa**
20.11.1990

Thư Ngỏ Kính Gởi Các Bậc Lão Niên



Tác giả bài này là kẻ hậu sinh nên không dám "bàn về vai trò của Lão Niên". Tác giả chỉ ước nêu lên một phần tâm tư của bậc con cháu để các Lão Niên hiểu thêm về giới trẻ, từ đó sẽ giúp thêm cho con cháu có cái nhìn, cách hành động đúng đắn trong nhiệm vụ mới. Tác giả xin phép các bậc Lão Niên được xưng là cháu trong bài viết này.

I.- Hoàn cảnh thực tiễn :

Suốt từ 30.4.1975 đến nay hàng triệu người VN đã phải bỏ nước ra đi, đến các quốc gia tư bản Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc để tỵ nạn cộng sản. Đến nay các bậc Lão Niên ra đi gồm 2 thành phần : vượt biên và phần được bảo lãnh đoàn tụ gia đình. Ở các quốc gia này đang có một thực trạng xảy ra các Lão Niên (nhất là dạng được bảo lãnh) không thâm nhập ngay được môi trường sống mới (phong tục, tập quán, lễ nghi), hơn nữa ngôn ngữ bất đồng, các bậc Lão Niên đã tiếp thu ngôn ngữ mới này một cách khó khăn và chậm chạp (do tuổi tác) do đó vẫn đề tiếp thu thông tin qua sách báo, radio bị hạn chế và chậm lại. Ngược lại lớp trẻ (nhất là trẻ mới lớn) đã tiếp thu rất nhanh môi trường sống mới, họ lại có khả năng học ngôn ngữ mới một cách dễ dàng và nhanh chóng, từ đó họ sớm hòa mình vào lối sống mới. Các bậc Lão Niên do không hội nhập lối sống mới, vì vậy thường các Lão Niên hay sống nhìn về quá khứ, đắm trẻ thì hầu như quên đi cái cũ (chữ viết, phong tục, lễ nghi...) của quê hương bủ vào đây họ có lối sống mới và thông thạo tiếng Anh,

Pháp, đức. Ở VN các bậc Lão Niên là những trụ cột chính của gia đình, có toàn quyền điều khiển quyết định gia đình theo ý muốn chủ quan của mình. Sang đây các quyền đó đã mất đi rất nhiều do sự độc lập về tài chính và luật bảo vệ của pháp luật. Ở đây mối quan hệ trong gia đình đã bình đẳng rất nhiều so với một gia đình ở VN. Bây giờ bậc Lão Niên khó có thể ép buộc hoặc dạy dỗ con cái theo một chiều như ở VN. Hơn nữa sự tiếp xúc cha con trong một ngày rất là ít.

II.- Vai trò Lão Niên trong hoàn cảnh mới :

Hiện nay các bậc Lão Niên vì môi thù cộng sản, đang tham gia sinh hoạt cộng đồng, một số đồng tham gia hội đoàn, tổ chức... mục đích cuối cùng là đấu tranh giải phóng cho quê hương. Các bậc Lão Niên thường giữ những vị trí quan trọng trong các hội đoàn. Hiện nay chúng cháu là những người còn thiếu hiểu biết rất nhiều về sự thực lịch sử VN cận đại. Chúng cháu cũng hiểu rằng công cuộc đấu tranh để quang phục quê hương là rất khó khăn nhưng rất chính nghĩa, chúng cháu thiếu nhiều về phương pháp đấu tranh, thiếu kinh nghiệm suy xét và quên đi nhiều cái hay cái đẹp của quê hương. Hiện tại rất nhiều hội đoàn đang tranh đấu cho một nước VN dân chủ thực sự và đa nguyên, nhưng chính các tổ chức này lại tranh đấu lẫn nhau, mà ai cũng có lý lẽ của mình. Vì thiếu kinh nghiệm suy xét nên chúng cháu khó mà nhận thấy ngay được đâu đúng, đâu sai, đôi khi còn hiểu lầm động cơ của người lãnh đạo từ đó mà mất niềm tin.

- **Vấn đề thứ 2** : Sự hoạt động của các bậc Lão Niên là tấm gương, niềm tin để con cháu noi theo, phát huy và hy vọng. Như vậy động cơ, hoạt động của các bậc Lão Niên ảnh hưởng rất lớn đến lớp trẻ. Nếu động cơ hoạt động không chính đáng rất dễ gây mất niềm tin cho lớp trẻ. Hành động của bậc Lão Niên ảnh hưởng đến sự say mê hay thờ ơ của giới trẻ. Lớp trẻ rất hăng say và nhiệt tình sẵn sàng nghe theo lời chỉ dạy của các bậc Lão Niên; nhưng nếu bậc Lão Niên chỉ hô hào mà không chú ý đến hiệu quả thì rất dễ gây cho lớp trẻ một sự chán chường.

- **Vấn đề thứ 3** : Các bậc Lão Niên là những người có nhiều kinh nghiệm lại có tuổi tác đáng kính trọng vì vậy chúng cháu nhiều khi không dám góp ý thẳng thắn (vì sự góp ý này nếu chúng cháu nói nghe rất chối tai) mà cháu nghĩ các bậc Lão Niên sẽ góp ý lẫn nhau như thế có hiệu quả và dễ nghe hơn.

- **Vấn đề thứ 4** : Hầu hết mọi người VN tỵ nạn CS đều hy vọng một ngày gần đây CS Hà Nội tan rã, một chế độ thực sự dân chủ đa nguyên nắm quyền và khi đó mọi người sẽ trở về phục vụ quê hương. Khi trở về quê hương những người trẻ hải ngoại được ăn học đầy đủ liệu có thể nhanh chóng hòa nhập làm chủ cuộc sống thực tế ở VN hay không? Hay lại là "khách quốc tế trên quê hương mình" để chuẩn bị điều này cháu thấy lớp trẻ đang thiếu ở 2 khía cạnh : - ngôn ngữ VN, phong tục, tập quán, lễ nghi... - thực tiễn, xã hội, con người VN.

Như đã trình bày ở phần thực tiễn, thời gian tiếp xúc giữa cha, mẹ con cái rất ít, do đó nếu cha mẹ không tạo nên một sự thân mật, bình đẳng thì rất dễ làm cho con cháu mượn cớ để xa lánh. Như vậy lớp trẻ sẽ càng ngày xa với quê hương.

- **Vấn đề thứ 5** : Hiện nay rất nhiều thanh niên không bảo lãnh được gia đình sang, sống độc thân rất dễ đi đến thói hư, tật xấu. Cháu thấy những người này cũng rất cần sự quan tâm của các Lão Niên. Hơn nữa đặc tính của lớp trẻ là rất chóng hứng, nhiệt tình, hăng say. Ngược lại họ cũng mau nản lòng hơn, việc tạo dựng và phân tích để con cháu luôn có được niềm tin sâu sắc vào tương lai là một việc làm vô cùng quan trọng.

- **Vấn đề thứ 6** : Các bậc Lão Niên là những người hiểu hơn ai hết, việc phân biệt Bắc, Trung, Nam là do Pháp chia để trị nhằm cô lập giữa các vùng để trị. Ở giữa thập kỷ 20 này do ý thức hệ, VN đã nằm trong vòng xoay của 2 luồng tư tưởng, cuộc chiến khốc liệt 30 năm đã để lại một sự thù hận sâu đậm giữa người Bắc, người Nam. Điều này là một đau thương lớn. Cháu nghĩ chính bọn lãnh đạo Hà Nội những người đã hấp thụ một tư tưởng điên rồ, cộng với sự lãnh đạo độc quyền, độc ác, phi nhân bản đã đẩy người dân VN đi đến cùng cực đau khổ. Người dân cả 3 miền là con chung một nhà đều đang chịu chung thảm họa của dân tộc. Do đó cháu nghĩ các bậc Lão Niên hãy giúp cho con cháu hiểu rõ ai là kẻ thù chứ không nên để con cháu có mối thù Bắc, Nam.

Tương lai hay đoạn kết :

Hiện nay người hải ngoại đang rất phấn khởi, tin tưởng chắc chắn rằng một ngày gần đây CNCS sẽ bị diệt vong, CS Hà Nội bị lật đổ hay tan rã, sẽ có một chế độ thực sự dân chủ, tự do, đa nguyên ở VN. Đó là điều đáng mừng nhưng cũng đáng lo. Mừng vì dân tộc VN thoát khỏi ách Cộng Sản, mừng vì chúng ta đã đi đến đích cuối cùng. Lo là làm sao có thể nhanh chóng xây dựng, khôi phục được XHVN sau bao nhiêu năm điêu tàn. Song lo nhất là chúng ta không nên hy vọng quá sớm, chặng đường cuối còn vô cùng gian nan vất vả, không bằng nỗ lực đấu tranh của toàn dân, của những hội đoàn hải ngoại thì cộng sản VN còn hấp hối lâu. Và cháu nghĩ chúng ta không nên hy vọng nó tự tan rã. Chúng ta đang có rất nhiều thuận lợi vì sự tan rã của hệ thống CS nếu không chớp thời cơ này, đó là sự sai lầm.

Cháu thành thật kính chúc các bậc Lão Niên luôn giữ được sức khỏe bền bỉ, dẻo dai. Chúc các bác sang năm mới có nhiều cống hiến mới cho công cuộc quang phục quê hương.

Trên đây chỉ là thiện ý của cháu, trong khi viết không tránh được sai phạm; nếu có lỗi gì cháu xin cúi đầu mong các bậc Lão Niên thứ lỗi cho.

Trần Phục

Melle 20.11.1990

Vai Trò Lão Niên Trong Xã Hội Mới

*Bỏ xứ ra đi khắp bốn phương,
Thân già chống gậy cũng tìm phương...
Để mong giúp được bày con trẻ,
Nhắc nhớ cội nguồn nhớ quê hương.*

● Hà Phước Thảo

Người Do Thái xưa kia chia tay bỏ xứ ra đi có chào tạm biệt "Hẹn gặp nhau lại ở Do Thái" còn người Việt Nam chúng ta cũng nên chào nhau bằng câu "Hẹn gặp nhau ở Việt Nam" khi không còn màu máu của lá cờ đỏ mà màu vàng của hạnh phúc.

Hiện nay thế giới đã chuyển mình sang một giai đoạn mới, nhân loại ý thức rằng, không có chế độ nào hay, không có lý thuyết nào có ưu điểm bằng một nền dân chủ thật sự và các chính khách phải tôn trọng nhân quyền, biết lo cho người dân có đời sống phúc lợi. Sự chiến thắng của nền dân chủ Tây phương không tốn một giọt máu tại nước Đức đã làm phân khởi mọi người từ trẻ cho đến những vị bô lão lụm cùm. Một bài học mới : Tình thương thắng hận thù, lấy đức báo oán oán tiêu tan, lấy oán báo oán, oán còn mãi (Đức Phật Thích Ca). đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Trong một xã hội mới ở Tây phương, các bậc Lão Niên có một vai trò nào trước sự vươn mình của nền dân chủ mới ở khắp nơi trong Thế Giới Cộng Sản? Có một vai trò nào trong Cộng đồng nhỏ bé sống chung đụng với người bản xứ? Mặc dù tóc bạc, mắt mờ, tiếng nước người không có bao nhiêu, nhưng với nhiệt tâm hướng về Tiền đồ dân tộc, bản khoán nhìn giới trẻ quên dĩ vãng, chúng tôi, một trong những người trong Nhóm cao niên, xin góp vài ý kiến về việc sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại xứ người, theo như chủ đề VG 60 với vài nhận định sau đây :

Với chính sách phân phối người Việt tỵ nạn của Chính phủ Đức, người Việt Nam được phân phối đi rải rác khắp các Tiểu bang, có lẽ không phải "chia để dễ trị" như người ta thường nghĩ mà người Việt Nam cần phải sống trực tiếp với người Đức hầu dễ hội nhập vào xã hội mới cũng như để nói cho quen và thông thạo tiếng Đức khi phải tự lo giao thiệp hằng ngày, cũng như phân phối công việc làm theo nhu cầu hằng xưởng rải rác khắp các vùng. Sau một thời gian sinh sống và có cơ hội tốt, một số đồng đồng hương chúng ta tìm cách gom lại nhau chung sống ở thành phố lớn như Muenchen, Frankfurt, Hannover... chẳng hạn, để dễ tương thân tương ái. Với tổng số khoảng vài ngàn người gần gũi với nhau trong Thành phố lớn mà bản thân chính mỗi người đã học được nhiều "Bài học đau khổ" và kinh nghiệm về giới lãnh đạo của mọi chế độ nên tánh đa nghi vẫn có ở mỗi người : Không tin ai cả, dù cho ai có nói thật tâm, có thiện chí đi nữa.

Vì đã sống dưới chế độ CS trong thời gian trước khi "vượt biên", đa số phải vật lộn với thực tế phũ phàng, lo chạy gạo từng bữa, lo buôn bán qua mắt nhân viên các

trạm kiểm soát trên các trục giao thông, các công an hốt chợ Trời... Trong trại cải tạo thì phải đề phòng nhau vì CS đặt rất nhiều antenne lập công v.v... Vì thế, khi ra xứ người chúng ta thường không tin nhau nếu là người chưa quen. Khi quen rồi bắt đầu đoàn kết, làm việc chung, nhưng sau đó lại rã cũng vì không đẹp bỏ được cái ngã. Mỗi chúng ta đều có một dĩ vãng một thời vang bóng, công cũng có mà cộng nghiệp cũng có, nên trong thâm tâm có trộn lẫn hai thứ mặc cảm : tự ti mặc cảm vì buông súng khi rấn mắt đầu, tự tôn mặc cảm vì đã từng giữ chức vụ quan trọng, tai to mặt lớn bên nhà.

Khi ra xứ người với mái tóc bạc màu và kinh nghiệm sẵn có về dân tộc, văn hóa, đạo đức, phong tục cổ truyền, ai cũng muốn đóng góp cho cộng đồng, muốn hy sinh cho đại cuộc, cho chính nghĩa quốc gia, cho chính nghĩa tỵ nạn, muốn làm cuộc chiến đấu bằng văn hóa, tâm lý, bằng cách phổ biến một nền đạo đức cổ truyền để chống lại sự cuồng tín, vô minh vì say mê chủ nghĩa không tưởng của những người CS hoặc họ đã thức tỉnh nhưng cố giữ khuôn khổ cũ là XHCN hay CSCN (bình cũ rượu mới) của những người đang nắm quyền hành trong nước để bảo vệ quyền lợi mà họ đang hưởng.

Chúng ta dùng nhân bản để chống lại sự bạo tàn vô nhân đạo của bất cứ chủ nghĩa vô nhân đạo nào, dùng đạo đức để ngăn chặn sự vong thân (tự lừa dối mình : có những người mặc dù không thích CS nhưng giao thiệp, kinh tài hưởng lợi), ngăn chặn sự vong bản mất gốc, dùng sự trau dồi đạo đức, biết khiêm nhường tự hạ để thắng cái bản ngã to lớn nhưng vô minh của cá nhân ích kỷ mà học hỏi với mọi người, hy sinh cho nhân quần xã hội, dẫn thân, can đảm vì nhiệm vụ thiêng liêng, dẹp tư hữu để làm việc công ích, không cầu danh đoạt lợi; dùng những buổi ngồi chung để nói lên quan điểm vong kỷ vị tha, hăng say phục vụ cộng đồng chứ không chỉ huy ra lệnh : dùng Thiên thời (thời kỳ vàng son của Thiên đường CS không còn nữa, một bài học đau khổ cho các dân tộc ở Liên bang Sô Viết và ở Đông Âu), địa lợi (ở VN có đủ tài nguyên thiên nhiên, địa hình địa vật cắm tú phong phú mọi thứ, chỉ cần tư bản và chuyên viên bỏ vào là phát triển nhanh chóng chẳng khác Nam Hàn và Đài Loan, nếu nhân tài khắp thế giới trở về xây dựng lại đất nước sau khi CS đầu hàng vô điều kiện vì chúng có tội tày trời là phá tan hoang đất nước) và nhân hòa (toàn dân đang mong đợi đổi đời lần nữa, kể cả cán bộ hạ tầng CS) để làm một cái gì cho quốc gia dân tộc chứ không chụp cơ hội để chia phần; không thể bó gối trùm chân để nhìn sự suy tàn của đạo lý mà giới trẻ, rường cột và tương lai của đất nước đang bị nền giáo dục quốc nội làm hư hại, bị nền giáo dục của các dân tộc khác nuôi dưỡng từ nhỏ, uốn nắn thành người của họ rồi. Không ai dẫn thân vì : Có những người dẫn thân nhưng lại bị chửi khi phải còn miếng cơm manh áo mà sự hy sinh thì có giới hạn về thì giờ và công sức, có những người hồi nào tới giờ lo cho cuộc sống riêng tư, khi thấy mình có trách nhiệm, khi thấy mình gần đất xa trời mà chưa làm gì hết, cố gắng chạy đua với tuổi già để làm công quả, làm chút văn hóa, lại bị chửi nên co rút lại trong vỏ, chán nản không dám làm gì vì sợ bị chửi nữa. Nếu tình trạng này kéo dài thì tình trạng đạo đức của thanh thiếu niên, tình đoàn kết của

các Hội đoàn không còn nữa và nếu không ai chịu trách nhiệm thì tương lai đất nước sẽ đi về đâu ?

Một số người có ít lòng can đảm nghĩ rằng "Mình làm nên việc trong công tác lợi ích cho Cộng đồng không ai khen mà khi thất bại thì bị chửi"... Mặc dù có thiện chí nhưng khi nghĩ đến những kinh nghiệm đã qua đâm ra chán nản, không tham gia việc gì với Cộng đồng người Việt cả.

Cộng Sản có rất nhiều mảnh khốc để một cây tên bắn hai con chim. Chúng ly gián chúng ta bằng cách đội cho những người quốc gia đang chống cộng những cái nón cối, đồng bào tỵ nạn cũng hay bắt chước hoặc hòa với chúng chụp nón cối những người quốc gia yêu nước. Vai trò của Lão Niên là cái bay và lớp hồ dùng để trét những viên gạch rời rạc cũ, mới, bẻ, mẻ, trầy trụa nhưng còn xây tường được, là những cái cửa để xén bỏ những miếng cây mục hư vì bị một Các Mác ăn nát, để đóng đinh gắn liền với những miếng ván mới hầu làm sườn nhà cho những Tòa Nhà Văn Hóa Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới, đồng thời chuẩn bị sửa sang lại đền Hùng Vương tại quê hương.

Đất nước đã bị những người mê cuồng chủ nghĩa làm điều tàn, bị thế giới tẩy chay, góp lúa của dân để dân đói mà xuất cảng kiếm ngoại tệ; bóp bao tử để trị; trong trường học thì tạo nền giáo dục nhồi sọ, tẩy não, sửa đổi cả hệ thống đạo đức cổ truyền nên thế hệ trẻ tại quốc nội đa số bị méo mó, mất căn bản thuần túy đạo đức. Tại quốc ngoại thế hệ trẻ không được những người có trách nhiệm hướng dẫn vì cư trú không gần nhau, không có liên hệ giáo dục thường xuyên của nền luân lý cổ truyền Việt Nam, không được các bậc trưởng thượng chăm sóc nên bị Tây hóa, Mỹ hóa, Đức hóa... Trong thời gian tỵ nạn chờ ngày hồi hương mà thanh niên không chịu học cho thành tài hay ít nhất có một nghề kỹ thuật trong tay để sau này hồi hương giúp ích đất nước mà chỉ thích đi làm lậu kiếm tiền đua đòi xe hơi, đi nhảy Disco, không quan tâm đến vận mạng đất nước. Nếu một ngày nào Việt Nam xây ra như Đông Đức và Đông Âu, tất cả mọi người đều hồi hương thì làm sao có đủ tay thợ xây dựng lại đất nước ?

Nhiệm vụ của những vị lãnh đạo tinh thần dĩ nhiên là thường trực trong các Thánh Lễ ở nhà thờ, trong các buổi thuyết pháp tại chùa rồi, nhưng cộng đồng rộng lớn cũng cần chú ý này, quý vị cao niên, các nhà mô phạm cùng nhau hợp tác cho nền giáo dục bằng các hoạt động văn hóa rất cần thiết để định hướng cho thanh thiếu niên.

Với bao nhiêu ý nghĩa trên, chúng tôi, những lão niên đồng lòng đứng ra làm công quả, đi từng nhà, từng hội đoàn, từng Tôn giáo... thủ thủ tâm tình, mời mọi người đủ mọi lứa tuổi đứng ra thành lập "Cộng đồng người Việt" tại mỗi địa phương và rộng lớn hơn nữa trong giai đoạn tới là "Cộng đồng người Việt tại Tây Đức", tại Pháp, tại Hoa Kỳ, ở Âu Châu..., là tiếng nói chung của người Việt ở tại mỗi địa phương nơi quốc ngoại trước và sau năm 1975 không phân biệt thành phần, tân (mới ra ngoại quốc theo chương trình đoàn tụ gia đình, từ các trại tỵ nạn mới định cư, từ Đông Âu mới trốn sang hay cựu (sinh viên du học kẹt ở ngoại quốc sau 30.4.75, người Việt tỵ nạn đến trước), chỉ chọn Chánh Nghĩa, Đạo Đức, Nhân Bản, Dân

Tộc và Khai Phóng, lấy Tự Tu Tự Sửa để hướng dẫn kẻ sai đường hồi tâm hướng thiện, lấy Nhân đạo để thắng hung tàn, coi các hội đoàn là những thành phần nòng cốt, góp công góp sức để tô điểm cho Cộng đồng, trăm hoa đua nở và mỗi cánh hoa, mỗi màu sắc làm đẹp thêm cho vườn hoa văn hóa hải ngoại để sau này mang về tô điểm cho vườn hoa dân tộc.

Dự Án : V/v Thành lập Cộng đồng người Việt tại mỗi địa phương.

Để có nơi hoạt động chung với nhau, có điều kiện đoàn kết, chúng tôi đề nghị một dự án như sau :

1) Tất cả các Hội đoàn thuộc Văn Hóa, Xã Hội, Tôn Giáo, Cựu Quân Cán Chính, các Liên Đoàn, các Mặt Trận, các Lực Lượng..., tất cả mọi người Việt Nam dù mọi thành phần, tuổi tác... đều là những phần tử của Cộng đồng người Việt. Những người trong Ban Sáng Lập gồm đủ các Hội Đoàn và thành phần vừa kể trên, là tiếng nói chung của người Việt Nam.

2) Cộng đồng sẽ mượn một Halle lớn để làm nơi sinh hoạt chung cho tất cả Hội đoàn trong các truyền thống dân tộc như Tết, Giỗ Tổ Hùng Vương, Tết Trung Thu, các lễ cưới, các đám tang, các cuộc triển lãm và trình diễn đủ mọi nghệ thuật (như hội họa, nhiếp ảnh, sách báo, phim Video, nhạc cổ truyền, đồ khảo cổ mang theo được như bàn ghế ốc sa cừ, tranh sơn mài, các loại nhạc khí cổ nhạc như đàn cò, đàn tranh, đàn độc huyền, kim, đàn tam, các loại y phục cổ truyền như áo dài khăn đóng, áo bà ba... tranh sơn mài như một viện Bảo tàng lưu động, các buổi thuyết trình của các Hội Đoàn, các Tôn giáo trong phạm vi rộng lớn chung cho Cộng đồng (phạm vi nhỏ của Hội), các buổi mạn đàm Văn Hóa trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, các lớp Việt ngữ cho trẻ em Việt Nam, các lớp đức ngữ cho đồng bào từ DDR, Tiệp Khắc... mới qua hay đồng bào từ Việt Nam mới đến theo chương trình đoàn tụ gia đình, các buổi dạy võ Tây phương và cổ truyền Việt Nam, các buổi văn nghệ với chương trình linh động do các Hội đoàn đóng góp (mỗi Hội đoàn có ít nhất một tiết mục), các Ballett được tổ chức thường xuyên để thanh thiếu niên đến hằng tuần đều đặn, gặp gỡ, trò chuyện hầu tránh sự lười cuốn của những buổi Disco quá tự do, thiếu người chăm sóc về đạo đức do tư nhân tổ chức thu lợi. Trước khi vào chương trình khiêu vũ thì có bài thuyết trình về văn hóa dân tộc, truyền thống đạo đức, nhắc nhở Thanh thiếu niên.

3) Việc quản lý tại trụ sở Cộng Đồng nhằm thu lợi đủ chi phí trả tiền mượn Halle hằng tháng, có thêm tài chánh tổ chức các buổi lễ lớn theo truyền thống dân tộc, có tính cách văn hóa như vừa nêu trên.

4) Trong thời gian trải nghiệm 3 năm để được chính phủ Tây Đức tài trợ, các Hội Đoàn đóng góp bằng nhau để chi phí tiền mượn Halle. Trong khi đó, các Hội đoàn ngồi lại với nhau họp bàn kế hoạch, hầu Ban Chấp Hành và vị Lãnh đạo Cộng Đồng làm đơn xin Chính quyền tài trợ tiền mượn Halle và tiền lương cho một người Thư ký thường vụ, phụ trách quản lý, điều hành Câu Lạc Bộ, bán thức ăn, thức uống cho cuối tuần, gây quỹ phụ thanh toán các chi phí tất cả đều có chứng từ phân minh.

Thư ký thường vụ làm việc ngày 8 tiếng, dùng cây ván cũ, kệ sách cũ xin được cùng với những người tự nguyện đóng kệ sách (tiết kiệm tối đa, vì mua kệ mới giá đắt gấp mấy lần) lập thư viện Cộng Đồng. Liên lạc các thư viện, các tư nhân, xin sách cũ, xin các nhà Xuất bản sách giới thiệu, mượn sách cũ mang được từ Việt Nam, mượn các thư viện lớn trong nước đức, chụp lại mỗi cuốn sách hiếm thành nhiều bản, đóng, đánh số thứ tự, quản thủ Thư viện.

Liên lạc các Hội đoàn tập trung sách về chung cho Cộng Đồng, tiến đến việc lập Thư Viện Việt Nam tại mỗi thành phố lớn. Trước việc lợi ích cho cộng đồng một dân tộc có mặt tại một quốc gia, Chính phủ hay Thành phố sẵn sàng yểm trợ tiền bạc khi chúng ta cần (Chúng tôi có lần xin Sở Văn Hóa Thành phố Kulturreferat yểm trợ, nhưng cho một Kulturverein thì không chấp thuận mà cho Cộng Đồng thì họ sẵn sàng. Thư của Dr.Peter Gauweiler và của Giám đốc Sở Văn Hóa Thành phố Muenchen).

Trong thời gian chờ đợi xúc tiến dự án trên, các Hội đoàn đứng đơn với nhiều chữ ký của Cộng Đồng người Việt xin Chính Phủ hay Cơ Quan Thẩm Quyền tại Thành Phố cho lập một Tủ sách tiếng Việt tại một Thư Viện Thành Phố do người Đức quản thủ, người Việt Nam đến làm thẻ Thư Viện, mượn đọc miễn phí và trực tiếp, khỏi phải qua hệ thống bưu điện như khi mượn sách tại Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam tại Bonn hay Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại Hannover mất nhiều thì giờ gửi đi và gửi trả lại, lại không đủ sách cho nhu cầu khắp nước Đức.

Phụ trách in một tờ báo hằng tháng, lấy tên "Cộng đồng Việt Nam" (Nguyệt san) khổ A5 để lưu giữ như cuốn sách, nội dung có đủ các tiết mục như : Quan điểm : chính nghĩa quốc gia, chính nghĩa tỵ nạn, hướng về quê hương. Chính trị: dựa trên lý thuyết dân chủ, dân tộc, đạo đức, truyền thống, trung dung không thái quá cực đoan, bất cập mà ôn hòa lấy Tình người hay lòng Nhân và lòng Khoan dung mà cư xử với kẻ phục thiện (Cộng sản chắc chắn đến ngày tàn, chúng ta không giết họ hết, không bắt học tập cải tạo như họ đã làm với chúng ta); Văn Hóa : đủ mọi ngành; Xã Hội : Tương thân, tương ái trong mọi trường hợp đúng lúc : quan, hôn, tang, tế, giúp các trại tỵ nạn... Nghệ Thuật : đủ mọi ngành; Kỹ Thuật : trau dồi kinh nghiệm các ngành; Y Học : phổ biến các phương pháp trị liệu đông Tây Y, các phương pháp thiền, dưỡng sinh... Tôn Giáo : phổ biến đạo học, giáo lý căn bản các Tôn giáo, so sánh các Tôn giáo để tìm chân lý ẩn tàng trong vạn giáo; Thời Sự : tin tức khắp thế giới; Khoa Học: phổ biến những kiến thức mới, những phát minh mới; Thông Tin : gom góp tin tức về Cộng Đồng người Việt khắp thế giới.

5) Tất cả những người trong Nhóm Lão Niên thiện chí không tham gia vào Ban Chấp Hành trong nhiệm kỳ đầu (2 hoặc 1 năm tùy theo Nội qui) nhưng có thể vào Ban Cố Vấn, có quyền đưa ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết. Việc này để tránh tình trạng có người nghĩ xấu rằng những người này có tham vọng cầu danh, cầu lợi, nên sau khi Cộng đồng thành hình thì xin được lui vào bóng tối, không được bầu vào chức chủ tịch, phó chủ

tịch và thủ quỹ, nhưng nếu ai có thiện chí có thể được làm các nhiệm vụ khiêm nhường hơn trong Cộng đồng. (Cái bay và thùng hồ khi xây xong thì không còn dùng nữa, chỉ để trét những chỗ thiếu, hoặc xây thêm phòng ốc khác).

6) Ban Sáng Lập soạn thảo Nội qui bằng tiếng Việt và tiếng Đức, tiếng Anh, Pháp tùy theo địa phương để xin đăng ký tại Tòa án, lo thủ tục lập Hội (lấy mẫu Satzung, mẫu Biên nhận cấp phát cho những người hiến giúp yêm trợ, tối thiểu 7 người họp làm biên bản thành lập Cộng Đồng, đem ra Thừa phát lại thị thực, trình đăng ký tại Tòa (tại Vereinsregister), trình Tòa Hành Chánh sở tại, báo cáo mỗi nhiệm kỳ khi có sự thay đổi.

7) Cộng Đồng có trách nhiệm thăm viếng, an ủi, săn sóc tất cả mọi người Việt Nam không phân biệt giai cấp, thành phần, tôn giáo, trước hay sau năm 1975 trong lúc bệnh hoạn, quan, hôn, tang, tế.

8) Ban Cố Vấn gồm nhiều thành phần : Mỗi tôn giáo có vị lãnh đạo tinh thần như Thượng Tọa, Linh Mục, Mục Sư, chức sắc... và mỗi Hội đoàn thì Hội Trưởng hay Hội Phó tham gia vào Cộng Đồng trong Ban Cố Vấn (không được tham gia vào ban Chấp Hành Cộng Đồng, nếu còn giữ chức vụ trong Ban Chấp Hành của Hội Đoàn, việc này để tránh các Hội Đoàn phân bì

Và nhận định : Hiện nay đồng hương ở tại Úc đại Lợi đã thành lập được Cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Úc Châu, đang làm việc chung với nhau trong mọi công tác chung của Cộng đồng, bỏ tất cả mọi tỵ hiềm có trước, dẹp tự ái cá nhân, tự hạ mình, làm công cụ phục vụ cho quốc gia dân tộc trong công cuộc "Lấy chí nhân mà thay cường đạo, lấy chính nghĩa thắng hung tàn" (Nguyễn Trãi). Chúng ta tại Tây Đức hiện diện trên ba mươi mấy ngàn người Việt tại sao không làm như đồng bào tại Úc? Tại sao chúng ta không noi gương Do Thái để có ngày về Việt Nam? Tại sao chúng ta không giúp đỡ nhau như người Trung Hoa đã làm khi họ ở tha phương và đã lập một quốc gia riêng nơi xứ người như ở Singapur? Tại sao họ có China town ở Mỹ, Quận 13 ở Pháp mà người Việt Nam chúng ta chưa làm được như họ? Tại sao chúng ta không làm tiếng vang tốt cho người Việt Nam khác đến sau được nhờ (tại Muenchen có một hãng rất thích mượn người Việt Nam nhờ những người làm trước làm việc tốt). Tại sao chúng ta không giữ tiếng thơm lâu dài dân tộc Việt Nam được khen là có những dân tộc tính tốt? Tại sao chúng ta không tự xét mình, tự sửa chữa lấy mình mà bươi móc lỗi người khác trong dĩ vãng? Người có lỗi mà biết ăn năn thì chúng ta có tha thứ để họ đoái công chuộc tội không? Chúng ta bỏ gổi trùm chẵn hay tham gia Cộng đồng để mang chuông đi đánh xứ người? Chúng ta tự hỏi và suy nghĩ và lấy câu "Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả" để tự trách mình sao cứ chần chờ mãi mà không ra tay.

Những nhận định trên đây của một người ẩn danh đề nghị cùng một số người có thiện chí kêu gọi cùng nhau xây lung đấu cật, làm việc thật sự chứ không nói suông, chủ trương vong kỷ vị tha, làm tấm gương cho người ta đi trên con đường về cố quốc. Nếu ai cũng làm như thế thì thật

đáng buồn cho một dân tộc nhỏ bé lang thang khắp bốn phương trời, không biết đoàn kết để có ngày trở về cố quốc.

Nếu chúng ta đã tin nơi luật Luân hồi nhân quả thì hằng bao nhiêu kiếp rồi, tiền kiếp chúng ta là người Anh, người Mỹ, người Phi Châu, đã từng là các chính khách ở châu Atlantis bây giờ đi tha phương để cầu thực, để hạ mình học hỏi mà tiến hóa. Đó là lẽ dĩ nhiên theo luật Nhân quả và luật Tiến hóa.

Câu Sấm của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm "Bất chiến tự nhiên thành" đã xảy ra ở đức rồi : Tây đức không dùng lòng hận thù, dùng vũ khí giết người để đánh thắng đông đức sát nhập đông đức vào Tây đức như Bắc và Nam Việt Nam, mà bằng Tình thương, bằng sự ban ơn, cho ra, cứu giúp, đỡ người quì xuống đứng lên chứ không đẩy cho nó chết luôn. Tình thương và lòng từ bi hỷ xả của Tây đức lan rộng như biển cả để cứu những thuyền nhân, lan rộng đến kẻ thù trong Y thức hệ bằng hằng tỷ đức Mã giúp đông Âu và Liên Xô để Tình Dân tộc được hàn gắn bằng sự thống nhất. Tiền bạc bỏ ra không nghĩa lý gì cả, sẽ kiếm lại nhiều hơn nhờ những nhà máy mới trang bị cho kỹ nghệ DDR cổ lỗ sĩ, sẽ sản xuất hàng loạt sau này. Đây là bài học về Tình đoàn Kết, Tình dân tộc và lòng yêu nước của người đức. Người Việt Nam chúng ta có suy nghiệm để có một Tình đoàn Kết chưa? Các chính khách CSVN đang quì xuống cầu lụy Mỹ vì Mỹ giàu chứ họ chưa quì xuống xin các chính khách VNCH đang tỵ nạn ở khắp thế giới vì chúng ta chưa giàu như Tây Đức và chưa biết đoàn kết, chưa biết đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên hết như người Đức (ở xa môi chân, ở gần môi miệng là tục ngữ của chúng ta vì thói quen sẵn có). Chiến tranh Thế giới lần thứ ba nếu không có bom nguyên tử xảy ra thì thực tế là sức mạnh kinh tế : Ai giàu, ở gần thịnh, đời sống người dân sung sướng sẽ thắng tất cả. Người Việt Nam tỵ nạn chúng ta nên noi gương người Trung Hoa trong việc hợp tác kinh doanh, trong tính tình sòng phẳng, "xứng xứng" (chút đỉnh tưng không, không đáng kể), giữ chữ Tín (Nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín) thì mới làm ăn lâu dài được. Có thể thì người Việt Nam chúng ta mới có những Thương Xá như ở China Town bên Mỹ hay những công ty lớn của người Hoa. Người Việt Nam ở quốc ngoại muốn giàu như Tây Đức thì phải có chữ Tín (nhơn vô tín bất lập) như người Hoa, có lòng rộng rãi như cách trang trải giúp đỡ của Thủ tướng Kohl đối với DDR, Nga và Đông Âu, có tinh thần dân tộc như dân tộc Đức, biết lấy Tình thương để xóa hận thù (chiêu hồi, thắng CS bằng Chiến tranh tâm lý, mặt trận Văn Hóa, thu phục nhân tâm, chuyên tư tưởng họ, để họ thức tâm phục thiện chứ không giết hay đẩy kẻ chiến bại như CS đã làm). Người quốc gia phải khác người CS là có lòng nhân chứ không tàn bạo), có tình yêu Tổ quốc như dân tộc Do Thái... thì Quê Hương Việt Nam sẽ sáng lạn trong một ngày rất gần. Muốn được vậy, trước hết chúng ta hãy ngồi lại với nhau, làm việc chung với nhau, người có kinh nghiệm hướng dẫn người còn trẻ, người đồng tuổi chung lưng đấu cật với nhau, đoàn kết nhau hướng về lý tưởng chung là cứu quê hương, vì dân tộc, vì tình đồng bào.

Mong thay !

BONSAI và Nét Đẹp Đông Phương

- KHÊ SON & ĐỒ VĂN LUẬT -

(tiếp theo và hết)

3. Đất trồng Bonsai.

Đất trồng Bonsai phải được pha trộn một cách thích hợp cho từng loại cây. Nếu độ giữ nước của đất trồng Bonsai quá xấu, rồi quá nhiều hoặc quá ít chất dinh dưỡng, cây sẽ bị héo khô, hoặc tăng trưởng bộc phát để tàn rụi, hoặc chết dần... Tuy nhiên, hỗn hợp đất trồng Bonsai sẽ tùy thuộc nhiều vào kinh nghiệm của mỗi người chơi và dưỡng Bonsai, cũng như môi trường mà họ sống.

3.1. Theo Koide, Kato, Takeyama, lượng số của mỗi phần trong đất trồng Bonsai phải tùy theo từng loại cây : (11)

- loại thông, loại cây sỏi.
70 phần trăm : đất đỏ
- 30 phần trăm : cát, sỏi
- loại rụng lá.
60 phần trăm : đất đỏ
- 30 phần trăm : đất đen
- 10 phần trăm : lá mục

3.2. Theo Tei Ichi Katayama, lượng số của mỗi phần trong hỗn hợp đất trồng Bonsai phải phù hợp với cá tính của từng loại cây (12).

- dennen, ceders Nhật, và họ thông : 7 phần đất đỏ và 3 phần cát sông.
- esdoorn (Acer palmatum), và các họ tương cận : 8 phần đất đỏ và 2 phần cát sông.
- những cây mang hoa : thông thường chỉ cần toàn đất đỏ. Tuy nhiên cho một số loại cây có hoa, nhưng cần một độ ẩm nhiều, chúng ta có thể áp dụng công thức : 8 phần đất vàng và 2 phần rêu.
- những cây mang trái : 8 phần đất đỏ và 2 phần cát sông.
- những cây có thân mộc hoặc thân thảo thường mọc ở vùng đồi núi hoặc đồng hoang : 5 phần đất đỏ và 5 phần cát sông.
- những cây thường mọc ở vùng đầm lầy : 4 phần đất đỏ và 6 phần than bùn.



3.3. Theo Yuji Yoshimara, Giovanna M. Halford, lượng số của mỗi phần trong hỗn hợp đất trồng Bonsai

không những phải thích nghi với một số cá tính của từng loại cây, mà còn phải tương ứng với từng giai đoạn phát triển của cây, cũng như từng lớp đất trong chậu trồng Bonsai (13).

- Bảng ký hiệu

- S : cát, sỏi mịn
- BS : đất đen trộn rơm mục đã tán nhỏ
- BP : đất đen trộn rơm mục đã tán nhỏ như bột
- C : đất đỏ



- K : đất sét đã được trộn với cát (Kanuma tsuchi)
- P : than bùn
- L : lá mục
- SM : rêu
- Chỉ số : số phần trăm trong hỗn hợp đất.

- Bảng hỗn hợp đất tương ứng với từng giai đoạn.

- Giai đoạn phát triển :

- Loại thông
đất dưới đáy : S60, C40
- đất giữa chậu : S20, C50, BS30 + BP10
- đất trên ngọn : S20, C40, B40

- Loại có lá xanh, bản lớn

- đất dưới đáy : S40, C40, BS20
- đất giữa chậu : C30, BS70 + BP10
- đất trên ngọn : S10, C30, BS60

- Loại mang hoa và trái

- đất dưới đáy : S40, C40, BS20 + L10
- đất giữa chậu : C20, BS80 + L10
- đất trên ngọn : S10, C30, BS60

Azaleas và Rhododendron

- đất dưới đáy : K50, SM50
- đất giữa chậu : K50, SM50
- đất trên ngọn : S10, C30, BS60

- Loại cây Phong và Zelkovas

- đất dưới đáy : S40, C40, BS20
- đất giữa chậu : C70, BS30 + BP10
- đất trên ngọn : S10, C30, BS60

- Tre và liễu

- đất dưới đáy : S40, C40, BS20
- đất giữa chậu : C20, BS60, L20 + BP10
- đất trên ngọn : S10, C30, BS60

- Loại thân thảo

- đất dưới đáy : S40, C40, BS20
- đất giữa chậu : C10, BS40, BP50
- đất trên ngọn : C10, BS40, BP50

- Giai đoạn hoàn tất :

- S60, C40
- S30, C60, BS10
- S20, C40, BS40

S40, C40, BS20
 S20, C40, BS40
 S10, C30, BS60
 S40, C40, BS20 + L10
 S20, C40, BS40 + L10
 S10, C30, BS60
 K50, SM50
 K50, SM50
 S10, C30, BS60
 S40, C40, BS20
 C70, BS30 + S10
 S10, C30, BS60
 S40, C40, BS20
 C20, BS60, L20 + BP10
 S10, C30, BS60
 S40, C40, BS20
 C10, BS40, BP50
 C10, BS40, BP50



3.4. Theo Horst Daute, hỗn hợp đất trồng Bonsai gồm 3 loại và theo lượng số như sau (14).

- *Họ thông*

50 phần trăm : đất đỏ hoặc đen

50 phần trăm : cát sông. Tùy theo độ già của cây, số lượng phần trăm cát này giảm dần...

- *họ rụng lá*

60 phần trăm : đất đỏ hoặc đen

30 phần trăm : cát

10 phần trăm : lá mục

- *các cây mang hoa và trái*

50 phần trăm : đất đỏ hoặc đất đen

30 phần trăm : cát

20 phần trăm : lá mục



3.5. Theo H. Donkel, J. Maris, F. Verschuren, P. Versteegh, P. Willems, hỗn hợp đất trồng Bonsai gồm 2 loại (15).

- *Họ thông*

50 phần trăm : cát sông

25 phần trăm : lá mục

25 phần trăm : đất

- *Họ rụng lá*

25 phần trăm : cát sông

25 phần trăm : lá mục

50 phần trăm : đất

3.6. Theo Paul Lesniewicz, Hideo Kato, đất trồng Bonsai đòi hỏi 2 yếu tố chính : nồng độ PH, và lượng số hỗn hợp của đất (16).

- **nồng độ PH của đất**

Nồng độ PH này, biến thiên tùy theo sự thích ứng của từng loại cây vào môi trường acide của đất, và trong khoảng

4, 8-6.

Nồng độ PH

- 4, 8-5, 5

- 5, 5-5, 8

- 5, 5-6

- 5, 8-6

Tên một số loại cây thường gặp :

Betula nigra

Birke

Betulaceae

Acer buergerianum

Acer palmatum

Cotoneaster

Cryptomeria japonica

Taxodiaceae

Larix decidua

Picea

Pyracantha

Zelkova serrata

Ficus

Gardenia

Jasminoides

Carpinus laxiflora

Ginkgo biloba

Winterjasmin

Juniperus chinensis

Juniperus rigida

Malus halliana

Pinus parviflora

Prunus mume

Japanische Aprikose...

- lượng số hỗn hợp của đất

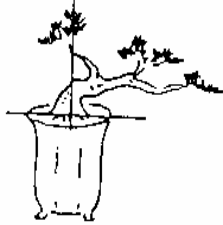
Hỗn hợp đất trồng Bonsai gồm 3 chất chính :

- . đất đỏ hoặc đen (L)
- . cát (S)
- . than bùn (T)

và, lượng số hỗn hợp thay đổi theo từng đặc tính của mỗi loại cây.

- Lượng số hỗn hợp đất

- 1T: 1T: 1S
- 1L: 1T: 2S
- 1L: 2T: 2S
- 1L: 3T: 2S
- 1L: 4T: 2S
- 2L: 1T: 2S
- 2L: 2T: 1S



Tên một số loại cây thường gặp :

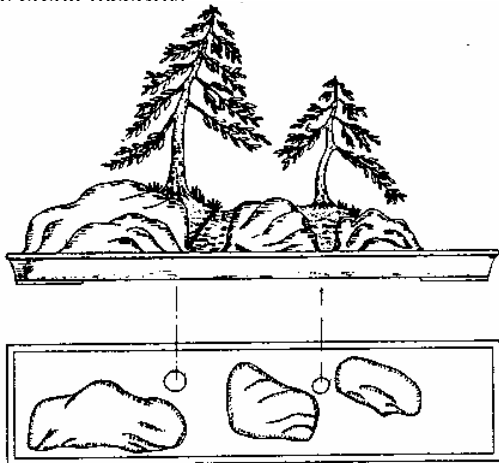
- Fuchsia fulgens
- Punica granatum
- Podocarpus
- Lantana Camara
- Myrtus communis

- Ficus microcarpa
- Crassula arborescens
- Euphorbia balsamifera
- Jacaranda mimosifolia
- Myrciaria cauliflora
- Schefflera actinophylla

- Camellia Japonica
- Gardenia
- Jasminoides

- Rhododendron "Simpsonii"
- Buxux harlandii
- Grevillea robusta
- Olea europaea

- Carmona microphylla
- Murraya paniculata
- Sageretia theezans



3.7. Theo Dan Barton, một trong những bậc sư về Bonsai ở Anh, trong cuộc triển lãm về Bonsai quốc gia được tổ chức tại Apeldoorn ngày 25, 26 và 27 tháng 5

năm 1985, đã cho một công thức phổ quát, và nhấn mạnh đến lượng số của cát.

- 2 phần : cát sông
- 2 phần : lá mục
- 1 phần : đất

3.8. Theo Lars De Liefde, hỗn hợp đất trồng Bonsai gồm 3 chất chính (17).

- đất sét đỏ hoặc đen
 - cát, sỏi
 - đất mùn, một hỗn hợp của than bùn và lá mục.
- và, lượng số hỗn hợp sẽ tùy theo :
- họ thông
 - thông trẻ
 - 1/2 phần : đất sét đỏ hoặc đen
 - 3 phần : cát, sỏi
 - 2 phần : đất mùn

- thông già

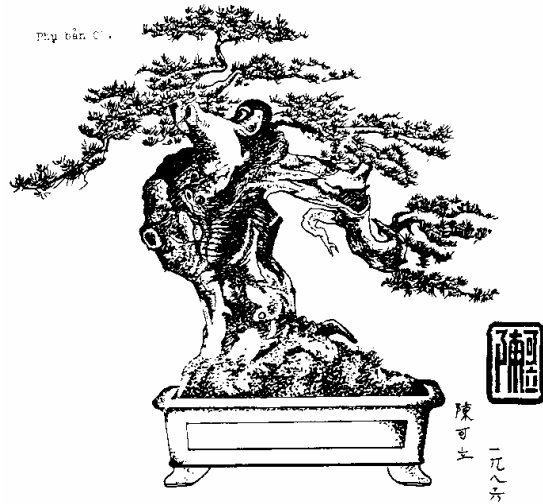
- 0 phần : đất sét đỏ hoặc đen
- 5 phần : cát, sỏi
- 2 phần : đất mùn

- họ rụng lá

- 1/2 phần : đất sét đỏ hoặc đen
- 2 phần : cát, sỏi
- 2 phần : đất mùn

- các cây mang trái

- 1 phần : đất sét đỏ hoặc đen
- 2 phần : cát, sỏi
- 2 phần : đất mùn



4. Phân bón

Như chúng ta đã biết : Bonsai là một cây được trồng, tăng trưởng trong một chậu, và chúng ta cũng thấy đất dùng cho cây để sống, để lớn thêm không nhiều. Vì vậy, tùy theo sự biến dịch của trời đất, tùy theo sự tiêu trưởng hỗ tương giữa đất và cây, mà chúng ta phải bón thêm những chất dinh dưỡng khác vào. Thông thường, chúng ta có thể bón cho cây những hỗn hợp chứa chất đạm (N), chất lân tinh (P), và chất Kali (K). Chất đạm (N) giúp

cho cây và lá tăng trưởng mạnh mẽ, chất lân tinh (P), và chất Kali (K) sẽ giúp cây một cách tích cực hơn trong việc tạo hoa, và mang trái. Thêm vào đó, cây cũng cần lưu huỳnh (S), vôi (Ca), sắt (Fe)... và, cả những dạng muối nữa. Lượng số của những chất này, thường thường, hiện hữu tạm đủ trong hầu hết các hỗn hợp đất mà chúng ta dùng để trồng Bonsai.

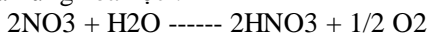
Những phân bón - hữu cơ, và hóa học - cho cây, chúng ta có thể tìm thấy trong những tiệm bán cây cảnh, và đặc biệt trong những tiệm bán Bonsai. Tại đây, chúng ta thấy rất thường những phân bón hóa học, được tạo từ 3 chất chính cần thiết cho sự tăng trưởng của cây :

- chất đạm N dưới dạng ammonium NH_4 , và gốc acide nitric NO_3

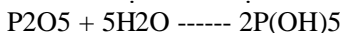
- chất lân tinh P dưới dạng P_2O_5

- chất Kali K dưới dạng K_2O

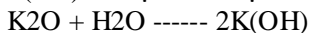
Trong trạng thái bình thường, chúng ta có thể có các phản ứng hóa học :



HNO_3 : một acide mạnh



$P(OH)_5$: một base mạnh



4.1. Cách làm phân bón

- Đối với phân bón hóa học:

Chúng ta có thể mua, và bón cây bằng phân bón hóa học. Lượng số cần thiết, cũng như khoảng cách thời gian, thường đã được ghi rõ trên bảng cách dùng. Tuy nhiên, sau một thời gian bón cây bằng phân bón hóa học, đất trở nên chua, cứng, và rễ con của cây thường bị hư thối. Chất chua này, chứng tỏ có sự hiện diện nhiều của các chất acide, do đó, tạo cho đời sống của cây ít được an toàn. Ngoài ra, nếu chậu thuộc loại đất thô không tráng men, cũng sau một thời gian bón bằng các loại phân hóa học này, chúng ta thấy thành bình ở bên ngoài xuất hiện những vết trắng, chất trắng này, chính là những chất vô cơ thặng dư (18).

Người viết cũng xin lưu ý quý vị mới chơi Bonsai : một lượng phân bón hóa học tưới cho cây nhiều hơn lượng số đã được ấn định, và ngắn hơn thời gian ghi trong bảng cách dùng thường làm chết cây.

- đối với phân bón hữu cơ

Phân bón hữu cơ tương đối tốt nhất, thời gian giúp cây sống và tăng trưởng thường chậm hơn - chứ không tăng trưởng bộc phát nhảy vọt như phân bón hóa học - nhưng bền, an toàn cho đời sống của cây hơn. Chúng ta

có thể tự làm phân bón hữu cơ theo như những công thức sau :

- theo Yuji Yoshimura, Giovanna M. Halford (19)

3 phần : hạt bông (cottonseed)

2 phần : bột cá

1 phần : vôi đã tô rời

3 phần : đậu nành

1 phần : mặt cưa cây trần bì (ash)

- theo Han Donkel

8 phần : bánh dầu

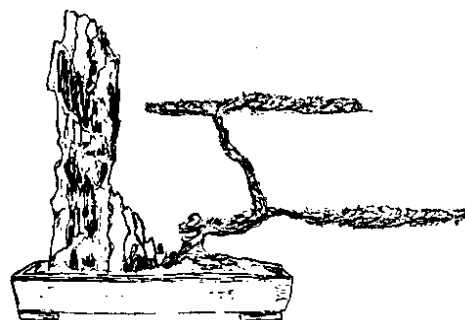
2 phần : bột cá

10 phần : nước tán cho nhuyễn, trộn đều, đổ cả vào một bình, đổ nước, đậy kín miệng bình lại, rồi để yên trong một thời vị nào đó, để các hỗn hợp này tự tiệt khuẩn.

4.2. Cách dùng phân bón hữu cơ

Trước khi đem tưới cho cây, chúng ta nên pha loãng nước phân bón trên theo tỷ lệ : 1 phần nước phân bón trong 10 phần nước. Phần bã còn lại, chúng ta nên để cho ráo nước, sau đó viên chúng lại thành từng viên to khoảng bằng đầu ngón tay cái.

Nước phân bón đã pha loãng, chúng ta không nên bao giờ tưới thẳng vào gốc, và trên những rễ mọc nổi trên đất. Viên phân bón, chúng ta cũng không nên bao giờ đặt sát ngay gốc, rễ nổi, hoặc chôn dưới đất, mà nên đặt trên mặt đất gần thành chậu.



Acer campestre

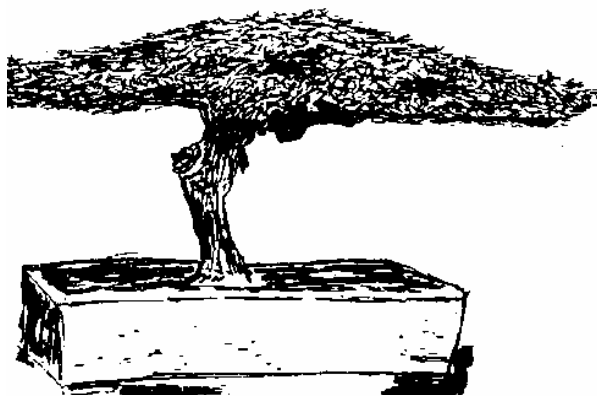
Bón thêm phân : bằng phân nước, hoặc bằng phân viên, hoặc bằng phân bột, là một điều cần thiết để bù vào chỗ mất mát do sự tăng trưởng của cây. Nhưng cần thận hơn, chúng ta nên bón với lượng số ít hơn số lượng đã được ghi trên bảng cách dùng, nhất là với loại phân bón hóa học thương mại. Loại này thường làm nóng cây (21), và do đó, giúp cây tăng trưởng thái quá. Vì, một khi cây đã tăng trưởng đột biến, thì ngay trong tiến trình tăng

trường đột biến này đã tiềm phục mầm của sự hủy hoại... điều này thể nghiệm đúng một luật quan trọng nhất trong Kinh Dịch : Luật Phản Phục. Chúng ta có thể thấy sự liên hệ tế vi cơ trong và giữa sự tăng trưởng đột biến, và sự mau tàn của cây qua hai quẻ :

Địa lôi phục : (☷☳)

và

Thiên phong cầu : (☱☴) (22)



- đối với loại thông

Họ thông, một cách chung chung, thích hợp với phân bón có nhiều đạm tố N, hoặc phân cá. Nhưng sự không đồng đều trong tiến trình tăng trưởng của cây cũng đòi hỏi những lượng phân bón không đồng đều : những cây còn trẻ thường cần nhiều phân bón hơn những cây đã già.

- Esdoorns, và các họ rụng lá khác

Chúng ta có thể dùng phân bón hóa học, hoặc phân bón tự chúng ta làm để bón những loại cây này. Phân nước có thể bón hai lần mỗi tháng trong những khoảng thời gian bằng nhau, và trong những điều kiện như nhau. để nhận được những màu đỏ, vàng, vàng đỏ, vàng cam... của cành, lá... một cách tự nhiên - nhất là vào cuối thu - của một số loại cây, chúng ta có thể ủ đất chậu bằng một lớp tro mỏng. Chúng ta có thể liệt kê họ và tên của một số loại cây mà cành, lá... mang những đặc tính kể trên (23).



- họ Acer với

- Acer griseum
- Acer nikoense
- Acer campestre
- Acer japonicum "Aureum"
- Acer palmatum "Atropurpureum"
- Acer palmatum "Dissectum"
- Acer pensylvanicum
- Acer pseudoplatanus "Brilliantissimum"
- Acer palmatum "Ozakazuki"
- Acer plantanoides
- Acer "Schlesingeri..."

- họ Cornus với

- Cornus alba "Sibirica"
- Cornus florida var. rubr
- Cornus mas
- Cornus kousa var. chin
- Cornus canadensis...



- họ Cotinus với

- Cotinus coggygria
- Cotinus americanus
- Cotinus coggygria "Foliis purpureis..."

- họ Cotoneaster với

- Cotoneaster conspicuus "Decorus"
- Cotoneaster x exburyensis
- Cotoneaster horizontalis
- Cotoneaster "Cornubia"
- Cotoneaster franchetii var. sternianus...

- họ Disanthus với

- Disanthus cercidifolius...

- họ Fothergilla với

- Fothergilla gardenii
- Fothergilla monticola
- Fothergilla alnifolia "Major"...

- họ Parrotia với

- Parrotia persica...

- họ Quercus với

- Quercus borealis maxima
- Quercus cerris
- Quercus coccifera
- Quercus coccinea
- Quercus ilex pedunculata...

- họ Sorbus với

- Sorbus aucuparia
- Sorbus hupehensis
- Sorbus cashmeriana
- Sorbus "Joseph Rock"
- Sorbus prattii
- Sorbus sargentiana
- Sorbus vilmorinii

Sorbus reducta
Sorbus scalaris...

- họ Vaccinium với
Vaccinium corymbosum
Vaccinium cylindraceum
Vaccinium myrsinites...

- họ Ginkgo với
Ginkgo biloba...

- những cây mang hoa

Với những cây chỉ mang hoa, chúng ta có thể bón phân từ khi mới có những búp non đầu tiên sau mùa đông.

Đặc biệt với Azalea's (azalée), Acer Nhật, loại này thích một môi trường có cường độ acide hơi cao.

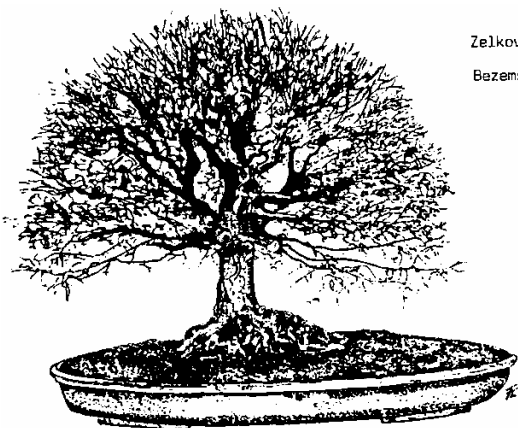
- những cây mang trái

Bón phân cho những cây mang trái cũng gần giống như cách bón phân cho những cây chỉ mang hoa, nhưng hơi khác một chút, nếu trái quá nhỏ - theo như cách bón phân thông thường - chúng ta nên thêm vào một lượng nhỏ và mạnh nữa của phân bón.

Đối với những cây như táo lùn (dwergappel), đào (perzik, pêche), zilverbes, lê, cây nhựa ruồi (hulst, houx), mận... có màu của thân, cành, lá... chưa đủ đậm so với màu tự nhiên, chúng ta nên thêm vào một ít lân tinh (P), một ít kali (K), và một ít đạm tố (N) nữa trong hỗn hợp phân bón. Kerseboom (cerisier) không tiêu thụ nhiều phân bón, chúng ta nên bón cho chúng một lượng tương đối ít hơn lượng bón cho những cây khác, để sự phát triển hoa và quả được hòa hài...

- những cây trồng trên đá

Phân nước thường thích hợp hơn cho loại này, vì mặt trái của lá thường không bị lấm bẩn do sự tưới nước. Nếu chúng ta dùng phân bột hoặc phân viên, nên lưu ý đến rễ nổi, vỏ cây ở góc, và lá.



Zelkova.
Bezenstijl.

Ghi chú

(11) Koide, Kato, Takeyama, Het Bonsai Boek, kweken en verzorgen van Japanse dwergbomen, (Oorsp. titel : The Master's book of Bonsai), ẽ druk, Ede, 1977/1981,

p.27.

(12) Tei Ichi Katayama, Mini Bonsai, Bert Bakker, A'dam, 1978, p.27.

(13) Yuji Yoshimura, Giovanna M. Halford, The Japanese Art of Miniature trees and landscapes - Their creation care, and enjoyment, 26 printing, Tokyo, 1979, p.50-51.

(14) Horst Daute, Bonsai, verzorging en teelt van Japanse minibomen, (Oorsp. titel : Bonsai, uit t Duits), Thieme en Cie, Zutphen, 1981, p.33.

(15) H. Donkel, J. Maris, F. Verschuren, P. Versteegh, P. Willems, Bonsai, Praktische handleiding, 1982, p.17.

(16) Cf. Paul Lesniewicz, Bonsai furr die Wohnung, Heidelberg, 1983.

Paul Lesniewicz, Hideo Kato, Bonsai, Miniaturbaume Gestaltung, Pflege und Anzucht, Heidelberg, 1981, p.118-125.

(17) Lars de Liefde, Dossier. Grondmengsels : theorie en praktijk, in Bonsai, Uitgave van de stichting Bonsai in de Lage Landen, 1ẽ jaargang - Januari-Februari nr. 01/1987 p.27.

(18) George Seddon, Your indoor garden, Londen, 1976, p.109.

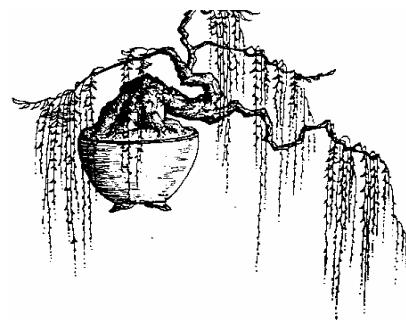
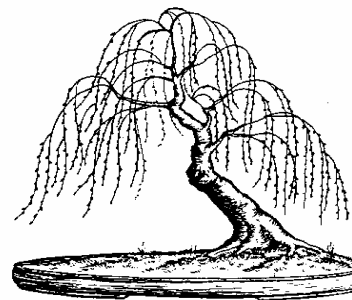
(19) Yuji Yoshimura, Giovanna M. Halford, The Japanese Art of Miniature trees and landscapes - Their creation care, and enjoyment, 26 printing, Tokyo, 1979, p.128.

(20) Han Donkel, Het praktische Bonsaiboek, (Oorsp. titel : The Essentials of Bonsai), Zomer en Keuning, Ede, 1983, p.64.

(21) Dr. Foveau de Courmelles, Biodynamique et radiations, Paris, 1936, p.182.

(22) Ngô Tất Tố, Kinh Dịch, (bản dịch), Khai Trí, Sài Gòn, 1973, p.345-355 và p.560-570.

(23) Cf. Roy Hay and Patrick M. Syngé, The (23) Cf. Roy Hay and Patrick M. Syngé, The Horticultural Society, Londen, 1976.



Núi Xanh Mây Hồng

(tiếp theo)

- VĨNH HẢO -

Chương Ba

Để chờ vé xe vào Sài Gòn, tôi phải từ Hội An ra Đà Nẵng, ở lại hai ngày nơi một tịnh xá của các sư Khất sĩ. Ở đây chỉ có hai nhà sư. Một trong hai vị rất thích thơ và làm thơ hay. Tôi đã được Từ đọc cho nghe nhiều bài thơ của nhà sư ấy.

Tôi cũng được Từ giới thiệu đến đây bằng một lá thư. Trong thư có giới thiệu tôi như một nhà thơ trẻ. Vì có đọc qua lá thư, tôi thấy tức cười và ái ngại quá đỗi. Cuối cùng, tôi chỉ gặp vị sư trưởng ở đây (vị sư sính thơ) và tự giới thiệu bằng miệng. Sư rất hoạt bát, dễ dãi. Tôi chưa kịp nghỉ ngơi thì đã được sư đọc cho nghe luôn một hơi tám bài thơ dài của sư sáng tác. Vừa đọc, sư vừa bình phẩm. Tôi chỉ biết im lặng và gật gù, rồi thầm nghĩ: "Hay thì hay thật là hay, mà sao nghe chán như ngày lại đêm!" Sư hỏi tôi thấy thế nào về các bài thơ của sư. Tôi nói: "Tuyệt!" Nhưng thực tình tôi không đủ tinh táo để thưởng thức sau một chặng đường dài từ Hội An ra Đà Nẵng rồi từ bến xe đò Đà Nẵng cuộc bộ gần một tiếng đồng hồ để tìm cho ra chỗ ở của sư. Hơn nữa, tôi không mấy thích những người vừa đọc vừa bình phẩm thơ của chính họ (dĩ nhiên là khen hay). Sự niềm nở của nhà sư tuôn ra cùng lúc với lời bình phẩm thao thao bất tuyệt làm tôi cảm thấy sượng sùng thay cho ông. Khoe thơ với một người lạ mà mình chưa biết rõ tâm tình của họ thế nào là điều tôi không thể làm được. Tuy nhiên, vào giờ chót, khi tôi sắp sửa rời Tịnh xá để ra bến xe, một thoáng duyên thơ được khơi dậy. Lúc ấy, nhà sư đang chèo thuyền ngoài rọc rau muống, mảnh y vàng phản chiếu dưới nước và nổi bật lên nền trời xanh biếc cuộn cuộn những cụm mây trắng, pha lẫn với màu xanh lục của đám rau muống và lục bình sau lưng sư tạo nên một bức tranh với nhiều cảm tưởng đẹp trong tôi. Tôi hứng cảm chép ngay một bài thơ ngắn để tặng sư:

*"Lá lục, áo vàng vào cuộc chơi
Trời xanh, mây trắng vượt lên đời
Thuyền xuôi ao tạnh lòng ngưng lại
Bất giác càn khôn động tiếng cười".*

Tôi âm thầm đặt bài thơ trên kệ sách của sư rồi lên đường. Bước ra khỏi tịnh xá, tôi mới nhớ ra rằng mình đã sống hai ngày hai đêm nơi đây như một người cầm.

Chiều, xe vào tới Đại Lãnh thì tông chết một anh bộ đội. Cả xe phải bị giữ lại. Nhắm vào lúc chập choạng tối, lại xa nơi có dân cư, công an không làm việc, chuyến xe phải nghỉ đêm tại nơi xảy ra án mạng.

Mọi người kéo nhau tìm mua thức ăn cách đó khoảng hai cây số. Đó là điều cần thiết của đời sống. Từ khi xuất gia tôi chỉ có thể ăn uống ở trong chùa chứ không thể ở

một nơi chôn nào khác. Hai chuyến tàu từ Nha Trang ra tới Đà Nẵng tôi đã nhất định nhìn đói nhìn khát (một phần vì không muốn biểu lộ cái bản năng sinh tồn không mấy hay ho của mình trước đám đông; một phần, vì không muốn thức ăn thức uống thúc bách mình đi... về sinh - cái điều khô sở nhất của một tu sĩ khi ra khỏi chùa). Do đó, khi mọi người láo nháo tìm ăn, tôi ngồi lại trên xe, lắng nghe gió biển thốc vào bờ. Cả một rừng dương lao xao dưới ánh trăng mờ nhạt. Bên kia đường là hai chiếc xe GMC chở đầy bộ đội mà từ đó nạn nhân đã nhảy xuống để đi vào cõi chết một cách vô duyên. Trước mũi xe là ánh lửa bập bùng được thắp bằng gasoline, đặt bên cạnh xác chết. Xác chết được đắp hồ một manh chiếu cũ. Càng về khuya, xe qua đường càng vắng.

Những người đi ăn lác đác trở về. Vài tiếng suýt xoa thương xót cho nạn nhân (như thể có ăn rồi thì tình thương mới đầy được trong bụng). Sau đó, không ai màng đến kẻ xấu số nữa. Có tiếng nhai thức ăn, tiếng một đứa trẻ khóc dai dẳng, tiếng một chàng trai chọc ghẹo tán tỉnh một thiếu nữ. Chết cũng là một cái gì bình thường thôi. Người ta tìm chỗ ngủ xa xác chết. Một số người ngủ gà ngủ gật trên xe. Xác người nằm co, tro rơi bên ánh lửa. Mấy chục chiến hữu của người chết còn ngồi lại trên xe, đang lo ăn uống và ngủ ngời trên đó. Họ bị cấm rời khỏi xe (tôi nghe những người chung quanh nói vậy) để tránh trường hợp có kẻ muốn đào ngũ. Hình như họ mới biết nhau, chưa có tình thâm giao. Hình như họ miễn cưỡng nhập ngũ nhưng vội vã lên xe để thi hành nghĩa vụ, chưa đủ thời giờ để kết thành bạn hữu. Một năm trước đây, nếu không có lý lịch xấu (gia đình có cha và anh làm việc cho chính quyền Quốc gia) tôi cũng đã thành một anh bộ đội cầm súng ngồi trên những chiếc xe như vậy. Và biết đâu tôi cũng là một anh bộ đội bất bình đào ngũ, nhảy xuống xe và hóa kiếp bên vệ đường như xác người hôm nay. Ngoài tiếng reo vi vút của những hàng dương và tiếng sóng biển gần đây vọng lại, tất cả đều im vắng. Tôi cơ hồ nghe được tiếng lửa nói chuyện với xác người nằm đó. Một nỗi buồn mênh mang kéo căng tâm hồn tôi ra như một cánh buồm no gió. Nếu có một người thân, một người bạn nằm xuống một cách thảm thương như vậy hẳn là buồn lắm. Tôi bước xuống xe, đến cạnh xác chết đọc thầm một lời cầu nguyện. Và khi tôi quay đi, một cái gì thật thê lương, buồn chán, bỗng trùm xuống cả tâm hồn. Cùng lúc, tôi cảm nhận cuộc đời như những giọt sương mai. Những giọt sương long lanh ảo diệu và thật đáng thích, nhưng chúng sẽ phai tàn đi trong khoảnh khắc, dù người ta có mong đợi hay không.

Tài xế bị câu lưu. Hành khách được một tài phụ tạm thời đưa về bến xe Nha Trang để chuyển sang xe khác, tiếp tục hành trình vào Sài Gòn. Tôi không ngờ mình lại có duyên nợ keo sơn với Nha Trang như thế. Xuống bến xe Nha Trang, tôi do dự không biết phải đi đâu. Tôi không thích phải trở về nhà hay trở về chùa, vì đó là điều tôi không chịu nổi. Tôi đương cần tự do. Tôi không cho phép mình trở về, mặc dù qua hai ngày hai đêm nhìn đói và mất ngủ, tôi rất thèm được yên nghỉ. Hơn nữa, đã bỏ Nha Trang hơn một tháng, chắc chắn tôi đã bị công an cắt hộ khẩu và trở thành một kẻ bất hợp pháp của xã hội

rời. Tôi còn tư cách pháp lý để trở về chùa hay nhà một cách công khai nữa. Tôi đứng mãi ở một góc đường, băn khoăn tự tìm cho mình một quyết định. Cuối cùng, tôi bước đi. Tôi cũng không hiểu rõ là mình đã quyết định gì chưa. Có lẽ vì thấy rằng không thể đứng mãi một chỗ để gây sự chú ý của kẻ khác mà tôi dời gót cũng nên. Tôi men theo các con đường vắng người và ít điện đường để xuống bãi biển. May mà trên đường đi tôi không gặp một người quen nào vì gặp thì phiền hết sức. Một kẻ đi hoang mà cho người ta thấy hình tung của hẳn lần quần nơi chốn hẳn từ bỏ thì quả thật là chẳng hay ho gì. Lúc đó tôi cảm thấy vậy.

Tôi bước xuống bãi. Trăng chưa mọc. Biển đen như màn đêm. Tôi chỉ có thể nhìn thấy một cách lơ mờ những đợt sóng vỗ vào bờ làm tung lên những bọt nước trắng xóa. Chung quanh rất ít người. Tôi nằm xuống thật thoải mái trên cát. Những ngôi sao điểm bạc trên nền trời đen kịt. Tiếng gió reo và sóng vỗ quả là bản hòa âm bất tuyệt và kỳ tuyệt mà tôi vẫn say mê từ thuở bé. Tôi thiếp đi trong một lúc êm đềm không mộng mị. Khi tôi bừng tỉnh thì trăng đã trải một vệt sáng vàng lóng lánh trên mặt biển. Cùng lúc, tôi chợt nhớ ra rằng tôi không nên ở lại đêm dưới bãi, dù rằng tôi có thể tự coi mình như một tu sĩ lang thang đi nữa. Tôi đã từng có cái ước ao là được ở tù. Người khác sẽ cho rằng đó là một ý muốn điên khùng. Nhưng quả thật tôi có ý đó. Có lẽ tôi muốn thử xem sức chịu đựng của mình đến đâu, hoặc muốn biến nhà tù trở thành một lò trui luyện ý chí cho bản thân. Ước ao như thế rõ đại thật. Tuy nhiên, tôi tin là nó sẽ có lợi cho chính tôi. Đó là tâm trạng của tôi lúc còn ở chùa. Nay, tôi đã lên đường, muốn đi khắp đó đây, muốn trải lòng ra với trời cao đất rộng, muốn hòa ca với cỏ nội hoa ngàn, muốn đồng điệu với nhịp rung của phố thị, rừng xanh; đâu có lý nào tôi lại còn ôm ấp ý nghĩ "muốn ở tù" đó! Tôi phải lên đường. Đó là tiếng gọi chân thành nhất trong tim tôi. Tôi không thể dừng chân lâu dài nơi nào, ngay cả ở nhà hay chùa tôi, hưởng nữa là ở tù! Mà ở lại ban đêm dưới bãi biển để là cái cớ để người ta kết tội mình vượt biên, là lý do chính đáng nhất để ở tù.

Và thật là đáng tiếc khi phải từ giả một bãi biển ngập trăng. Tôi đứng lên nhìn ánh trăng lấp lánh trên mặt nước. Trời biển mênh mông. Sóng vẫn ì ầm. Gió vẫn reo bên những hàng dừa và những hàng dương cao vút. Nhưng tất cả đều hiển hiện trước mắt tôi như những cảnh tượng đầu tiên đây mới lạ. Tôi chưa hề chứng kiến một khung cảnh nào trang nghiêm và thiêng liêng như bãi biển lúc này. Anh trăng loang trên nền trời, tràn trên mặt biển, nổi kết độ cao và chiều sâu của biển trời thành một cõi mênh mông rộng sáng. Thế giới bỗng mở ra vô hạn, và đồng lúc, tôi thấy tâm thức mình cũng bước vào vô cùng. Tôi muốn reo lên vì sung sướng.

Nhưng rồi nổi biến động đó của tâm linh cũng dịu dần. Tôi nhìn lại mình đứng lặng trên bãi. Thực tế vẫn không gì đổi thay. Tôi đang đứng đây với một chút âu lo, sợ sệt. Và tôi phải quay lưng bước về phố. Mỗi bước chân trên đường về như xoáy vào tim tôi một niềm đau. Tôi cảm thấy mát mát một cái gì đó thật lớn lao. Ngay lúc ấy, tôi tự hỏi mình rằng tự do nghĩa là gì. Một kẻ

lang thang không nhà có thể có được tự do chân thật chăng? Ý hướng thoát ly của tôi bắt nguồn từ ước muốn đập tung những qui tắc gò bó của cửa chùa hay từ một động lực sâu xa hơn, khởi đi từ khát vọng vượt thoát cái nhây nhụa tầm thường của thế gian? Và tự do ở đâu khi tôi đang loanh quanh tìm chỗ trú đêm như lúc này? Sao tôi không hưởng trọn vẹn hạnh phúc của mình khi nó quá hiếm hoi và ngắn ngủi? Sao tôi lại quay lưng với hạnh phúc vô vàn của tôi? Có phải chúng ta hy sinh tất cả, buông bỏ tất cả, ngay cả mạng sống, thì sẽ được tự do; hay là, chúng ta cũng sẽ mất tất cả? Tự do quả là miếng mồi béo bở để câu những con cá nô lệ. Và khi con cá mắc phải lưỡi câu âm hiểm cay nghiệt, nó thường biện minh cho sự lầm lẫn của mình bằng sự ca tụng miếng mồi mà nó không được hưởng. Và có lẽ tôi cũng đang ca tụng sự tự do mà tôi chưa thực sự nắm được khi còn đứng đây, giữa cuộc sống này.

Lang thang trên hè phố vào cái giờ mà mọi người đều yên giấc cũng là cái cớ để công an đưa về bắt điều tra. Nha Trang lúc bấy giờ khó khăn như vậy. Nhất là tôi, một tu sĩ ở lứa thanh niên. Đi đêm không phải là điều hay ho gì cả. Tôi đành phải leo trèo bậc cấp lên chùa Núi. Trước đây, tôi và đức mỗi đêm đều ngủ ngoài hiên chùa này, vì hiên chùa hướng về phía biển, có gió mát suốt đêm. Và mỗi lần trăng lên thì thật là tuyệt, bởi chúng tôi có thể nằm trong mùng mà ngắm trăng từ lúc mới mọc cho đến khi khuất hẳn sau cây me ở mé Tây.

Chọn một bậc cấp tương đối sạch và bằng phẳng, tôi phải sơ rỗi nằm nghỉ. Trăng bây giờ trên đỉnh đầu. Mặc dù tôi đã đi quanh phố, qua không biết bao nhiêu con đường để đến đây mà trăng vẫn còn đây, vẫn đi theo tôi không rời phút giây. Trăng như một người bạn đời chung tình một cách lặng lẽ và tế nhị nhất của tôi. Tôi cảm thấy vui khi nghĩ vậy. Tôi không là một lữ hành cô đơn. Dù cho tôi có ngủ thiếp đi, có quên đi tất cả thì trăng vẫn còn đây.

Tôi nằm duỗi thẳng người và tự thưởng mình một nụ cười thật tươi, tràn trề hạnh phúc. Hạnh phúc không những vì được nằm nghỉ sau nhiều giờ mệt nhọc mà còn ở chỗ đời sống không nhà thật là nhẹ nhàng, đơn giản. Trong tôi bây giờ không còn chút lo âu phiền muộn nào cả.

Tôi nhìn trăng qua nhánh lá me vắt ngang chỗ nằm. Có lúc tôi tưởng chừng như trăng đang chuyền xuống với tôi qua nhánh me. Cũng có lúc trăng như thứ trái cây gì đó treo lủng lẳng trên cành. Và cũng có lúc trăng như một bóng đèn treo lơ lửng giữa màn trời huyền ảo, soi sáng cho thế giới riêng tôi. Một Thiền sư nào đó đã nói :

"Anh có thể tước đoạt của ta tất cả, nhưng anh không thể cướp được con trăng của ta đâu". Tôi cũng có một con trăng vô giá chẳng ai có thể chiếm đoạt. Tôi mỉm cười và chợt nghĩ đến những căn phòng có đèn ngủ của thiên hạ. Có ai có được một chiếc đèn ngủ đẹp nên thơ và kỳ diệu như chiếc đèn ngủ của tôi không nhỉ ?

(Còn tiếp)

Những Ngày Tháng Êm Đềm

Chương II.-

Những người bạn trở về từ phía bên kia

Mấy ngày hôm sau Nhân trở về làng Phước Hải để thăm lại hai ngôi mộ của cha mẹ và phụ người chị bà con sửa lại căn nhà của chị. Khi đang ngồi trên nóc nhà và lấy những cục dầu hắc trét lại những cái lỗ mục trên những mái tôn, để mưa sẽ không thấm qua đó mà dột trong những ngày tháng tới, thì có mấy anh du kích xã tay xách súng AK, về mặt hầm hầm đi vô nhà. Họ ra lệnh kêu chàng xuống, và lăm le khẩu súng trên tay như có ý định sẵn sàng nhả đạn nếu chàng chạy. Bị kêu thì dĩ nhiên phải xuống rồi, hơn nữa chàng nghĩ mình cũng chẳng có tội tình gì cả, còn trình diện cách mạng thì chàng đã trình diện trong chiều ngày 30 tháng tư khi vừa về đến thị xã Bà Rịa rồi. Khi đến trung tâm thị xã ngay chiều hôm đó chàng đã vô trình diện để xin một giấy đi đường khi nghe có lệnh từ loa phóng thanh : Tất cả anh chị em nguy quân nguy quyền hãy đến trình diện Ủy Ban Quân Quản ngay để được cấp giấy phép đi đường trở về quê quán. Nghe thế nên chàng đã vô trình diện và được cấp một tấm giấy chứng nhận đã trình diện cách mạng để trở về quê quán mà nằm đợi những lệnh khác. Khi Nhân vừa xuống đến đất, một anh, có lẽ là xếp của toán du kích đến dọa ngay :

- Này, anh đi theo tôi! Tụi tôi có lệnh bắt anh ngay.

Nhân giật mình hỏi lại :

-Tôi có tội gì đâu mà bắt? Tôi đã trình diện cách mạng rồi mà, chỉ chờ đợi lệnh chung của cách mạng thôi !

Đến phiên thằng du kích ngạc nhiên :

- Đâu, anh nói trình diện rồi thì đưa giấy coi ?

Nhân vô nhà lấy tấm giấy chứng nhận trình diện chìa ra trước mặt tên du kích. Khi đọc, mắt nó lộ vẻ ngờ nghệch như tự hỏi : Lại kia! Sao không hỏi trước mà cứ ra lệnh bắt ?

Mặc thế, khi đọc xong, ngược mặt lên nó vẫn cứ tiếp tục nạt nộ :

- Tui không biết, tui chỉ có lệnh bắt anh thôi! Anh về đến Ủy Ban Nhân Dân xã rồi sẽ biết. Bây giờ mời anh theo tôi

Khi ấy người chị bà con của Nhân đã đứng sau lưng chàng cũng phân trần thêm với mấy anh du kích :

- Em tôi nó đã trình diện rồi, bây giờ chỉ chờ lệnh của cách mạng để trình diện học tập, chớ có tội tình gì đâu mà tự nhiên mấy ông bắt ?

Thằng du kích quay mặt lại phía chị trừng trộ :

- Tui đã nói rồi, tui tui chỉ có lệnh từ An Ninh xã, về đến xã mới biết anh tội gì.

Nhìn thấy cả bọn người đều đưa mắt sừng sộ nhìn mình, nên chị hơi rụt rè không dám nói tiếp. Mặt anh nào cũng thâm xanh, môi thì tím ngắt, chị nghĩ : đây có lẽ là du kích thứ thiệt trong rừng mới ra, loại sắt máu đây, chớ không phải mấy anh du kích mới theo, thôi đừng hồng nài nỉ gì với tụi này, tốt hơn là khuyên em nên đi theo ra

xã trước đã, chuyện đâu còn có đó. Chị nói trong khi nước mắt chực tuôn ra :

- Thôi đi theo mấy anh đây đi Nhân, rồi mấy ông ngoài xã sẽ xét sau, chớ mấy anh đây cũng không biết gì cả, mấy anh chỉ nhận lệnh thôi. Chị sắp xếp việc nhà xong cũng sẽ đi theo em ra xã liền.

Khi Nhân đi, chị vẫn đứng nhìn theo em mình mãi đến khi tất cả đều khuất bóng.

Chẳng biết là mình có tội gì, nhưng đêm hôm ấy Nhân cũng bị trói gu lại và chịu một đêm ngủ ngôi đây muỗi.

Buổi chiều khi về đến xã, mấy tên du kích ra lệnh cứ ngồi đó chút nữa sẽ có người vào làm việc. Văn phòng Ủy Ban Nhân Dân xã trống trơn. Cách mạng mới về, văn phòng trống chỉ còn mấy cái bàn cái ghế nằm tro vơ lạnh lẽo. Phòng ốc chưa được trang trí gì cả, chỉ có một tấm hình của "Bác Hồ" đã được treo trên tấm vách tường giữa nhà. Vừa nhìn phòng ốc, Nhân vừa nghĩ thầm : đã hơn sáu giờ chiều rồi mà còn làm việc cái nỗi gì! Thôi thế nào chắc cũng phải ngủ ở lại đây một đêm rồi! Đang suy nghĩ bâng quơ thì bỗng đâu một thằng du kích xuất hiện. Trời ơi! Thức! Trong phút giây, Nhân không nghĩ là mình có thể gặp lại thằng bạn thân trong hoàn cảnh trở trêu này. Thằng bạn nhà thật nghèo của những năm hai đứa còn học tiểu học trong ngôi trường ở làng Phước Hải này. Hai thằng đã bắt đầu học chung với nhau từ lớp năm cho đến lớp nhất. Mỗi ngày đều có nhau, mỗi trò chơi đều có nhau. Thời ấu thơ đã gắn với nhau như hình với bóng. Những ngày ấy, gia đình thằng Thức nghèo nhất xóm, hình như cho đến bây giờ nghe nói gia đình nó vẫn còn nghèo! Ngoài cái nghèo, gia đình nó còn là một gia đình đầy nghịch cảnh, xáo trộn và tan tác : anh nó đi lính bị chết mất tích lúc nó còn nhỏ. Khi nó lớn vừa được nhờ thì nó theo Việt Cộng; em nó cũng theo Việt Cộng. Ba má nó đã già yếu mà vẫn phải làm ăn vất vả để nuôi mấy đứa em còn nhỏ dại của nó. Nhưng kia, thằng Thức đang từ từ đi đến trước mặt Nhân. Trời ơi! Chân nó đã bị què!

Nó đang đi với chân thấp chân cao. Nhân muốn đứng dậy ôm chầm lấy thằng bạn của ngày xưa, nhưng cả người đã bị trói chặt trong cái ghế nên đành chịu :

- Trời Thức, tôi tưởng không có ngày gặp lại ông. Cũng có nghe tin ông theo cách mạng, nhưng không ngờ...

Mặt Thức lạnh lùng hỏi lại :

- Còn ông về bao giờ? Sao không trình diện mà để đến phải bị bắt ?

Nhân buồn rầu giải thích :

- Có, tôi có trình diện rồi! Nhưng đưa giấy mấy anh du kích xem xong vẫn nói đi về xã sẽ tính. Rồi đến đây này giờ cũng không thấy ai nói gì, cứ kêu chờ.

- Thôi ngồi đó đi! Tôi cũng không biết !

Nói thế rồi Thức bỏ đi.

Thức đi rồi, Nhân quên ngay cái thân phận đang là một tên tù của mình đang với bộ đồ dân sự rộng thùng thình của ông anh rể, mà chàng đã mượn mặc tạm khi trở về lại nhà sau ngày 30 tháng 4. Chàng cũng quên đi rằng mình đang bị trói chặt dính vào chiếc ghế. Chàng quên đi cái hiện tại tả tơi như thế, cái thân thể bị tù túng như thế,

mà để mặc cho tâm hồn đầu óc quay về với những hình ảnh của ngày cũ...

... Vào những năm đầu thơ ấy, Thức và Nhân, hai thằng có quá nhiều kỷ niệm với nhau. Nhà ở gần nhau trong một ấp, lại học chung trong một lớp, sáng chiều có nhau. Nhà Nhân đã nghèo, nhưng nhà Thức lại nghèo hơn, anh em nó lại đông nên mặc dù ba má nó làm lụng cực khổ mà nhà vẫn thiếu ăn. Những khi Thức kẹt, Nhân là người thường chia cho Thức vài đồng bạc để ăn bánh, bao nó trong những lúc đi chơi, nhất là dịp Tết. Sau khi anh hai của Thức đi lính chết, Thức là người cán đáng hết mọi việc trong gia đình, mặc dù lúc ấy Thức chỉ khoảng mười tuổi đầu. Mặc dù thế, mặc dù đa đoan nhiều về công chuyện trong nhà như thế, nhưng Thức vẫn là học trò giỏi nhất lớp, năm nào cũng lãnh thưởng, đây là niềm hãnh diện cho Thức và ba má nó. Cuộc đời Thức thiếu thời chỉ có vất lộn với sự khổ cực, cảnh thiếu thốn, lời mắng chửi và những lần roi vọt, ấy vậy mà nó luôn luôn dẫn đầu trong lớp học. Điều này chứng tỏ rõ ràng Thức là một cậu bé rất thông minh. Rủi thay! Thức cũng không thể học qua khỏi năm đệ lục, vì một điều rõ ràng là gia đình nó quá nghèo. Thức không phải là một thằng con nít ngỗ nghịch, vì thế khi nó bị nghỉ học có rất nhiều người trong xóm thương tiếc cho cuộc đời của nó. Thế là từ đó cuộc đời của Thức như triển dốc đi xuống thăm thẳm với đầy mù sương, mà ở đây chỉ tìm thấy sự lạnh lẽo trong cảnh mùa đông của cuộc đời. Sau đó thì Nhân và Thức, cũng như những thằng bạn khác, đều phải đi theo con đường của gia đình mình chọn. Thằng nghỉ học ở lại làng Phước Hải; thằng lên thị xã Bà Rịa học tiếp tục; thằng về Sài Gòn. Rồi tất cả những thằng con trai đó cũng lần lần lớn lên trong cơn lốc chiến tranh của đất nước, trong khói lửa của quê hương, như những nhánh sông con rẽ ra từ dòng sông mẹ, chỉ biết chảy đi, chảy mãi, mà không biết bao giờ gặp lại. Rồi lớn lên, thằng đi lính, thằng đi Việt Cộng, thằng vào đại học, thằng trở thành những người lao động, cu li, sống lây lất... Những tình bạn thoát thai từ những ngày thơ ấu êm đềm là như thế, rồi đến ngày có dịp gặp lại quả là đã qua bao việc đổi thay!

Khi hai thằng du kích lạ mặt oắc con trở lại, Nhân hỏi thì mới biết là đã mười giờ đêm rồi. Một thằng lại gần Nhân nói:

- Anh Nhân, em sẽ cời trói để anh dễ ngủ nha! Nhưng hứa với em là đừng có chạy mất. Anh mà chạy mất mấy ông sẽ bắt em bỏ tù. Em biết anh nên em mới dám mở dây cho anh đó!

Nhân ngạc nhiên trước lòng nhân đạo hiếm có của anh du kích trẻ con này:

- Ủa, sao em biết tôi? Em tên gì, con của ai?

- Dạ là Kiều, con ông Sáu Dàn đây. Ba anh và ba em là bạn đó! Hồi anh bằng em thì em còn nhỏ, mỗi khi anh về đây thăm ba má anh em thấy và biết anh, nhưng anh chắc không biết em đâu. Nhắc vậy, chớ chắc anh cũng không nhớ!

- Trời, tưởng ai chớ con của chú Sáu Dàn thì anh biết! Kiều đây hả? Anh còn nhớ mà, trời bây giờ lớn quá vậy! Vô cách mạng hỏi nào?

Kiều cười gượng gạo:

- Dạ em mới vô được vài ngày. Ba em nói quá nên em mới vô.

Nghĩ tới câu nói của Kiều lúc nãy, Nhân phân trần cho nó yên tâm:

- Anh không chạy đâu! Có chuyện gì đâu mà phải chạy. Anh đã đi trình diện cách mạng rồi, có trình giấy nhưng mấy ông vẫn cứ bắt, mấy ông nói về đây sẽ xét xử sau.

Kiều cúi mặt:

- Việc bắt bớ ở đây em không có biết. Mấy ông muốn bắt ai thì mấy ông cứ bắt, em không biết gì đâu. Nhưng thôi anh đừng buồn, anh đã trình diện rồi thì chắc ngày mai anh sẽ được tha, em nghĩ như vậy.

Giọng nói của Kiều nhỏ nhẹ, ngọt ngào, xoa dịu được những ray rức đang sôi bùng trong lòng Nhân. Nhân thấy Kiều còn hiền hậu quá, còn trẻ thơ quá, chưa trưởng thành kịp với những anh em cách mạng vừa từ trong rừng ra. Phải cần thời gian các chú cừ non này mới theo kịp bầy sói, mới thay lông đổi dạng để trở thành giống vật ghê tởm đối với con người. Chàng nghĩ thế mà thấy thương cho tuổi trẻ: dễ bị đầu độc, dễ bị hô hào theo những cái mới, những cái vừa mới xảy ra. Dù muốn dù không, dù vô tình hay cố ý, Nhân cũng phải nhận rằng chính tâm hồn mình, suy nghĩ mình, cũng chịu nhiều cái mới chi phối, thì chẳng nên trách ai. Chiếc lá non sẽ chuyển nở đẹp đẽ trong vùng không khí tốt dịu, xinh tươi, nhưng sẽ loang lổ trong vùng ô nhiễm. Không biết tương lai các em tuổi như Kiều sẽ đi về đâu? Cách mạng sẽ đem lại những gì cho những em rường cột nước nhà này? Vừa được cời trói ra thông thả, nên tự dưng Nhân lạc quan khi nghĩ tới việc cách mạng sẽ tạo điều kiện cho các em góp tay xây dựng, để đưa đất nước đi lên trong nay mai đây.

Nhân quay lại hỏi Kiều, khi thấy em vẫn có ý muốn trò chuyện:

- Sao, bộ đêm nay hai em có nhiệm vụ canh chừng anh hả?

Em du kích kia thay Kiều trả lời:

- Mấy ông ra lệnh tụi em canh chừng anh cho đến sáng, đừng để anh chạy mất.

Nhân cười với nó:

- Anh có làm tội tình gì đâu mà chạy? Anh đi lính, nhưng vẫn còn ở trong quân trường mà, chưa có gì nợ máu với cách mạng cả. Các em đừng sợ, các em cứ ngủ đi!

Nó liếc mắt qua Kiều rồi đề nghị:

- Mày ngủ một chút rồi đến phiên tao. Thay phiên nhau cho tới sáng. Chớ nếu ngủ hết, mấy ông đến bắt thành lính thì chết.

Nhân thấy em du kích này vẫn còn sợ mình nên kiếm chuyện làm quen:

- Còn em tên gì? theo cách mạng lâu chưa? Thằng bé không lộ vẻ xúc động trước câu hỏi của Nhân, nó nói với vẻ hãnh diện lắm, mặc dù vẫn xưng em với chàng:

- Em tên là Tín, em anh bảy Tất. Anh em làm trong cơ quan Mặt Trận. Anh theo cách mạng lâu rồi. Khi vừa về

ảnh kêu em vô làm du kích cho Xã Đội Bộ, chớ không sau này sẽ đi nghĩa vụ quân sự, hoặc nghĩa vụ lao động gì đó thì khổ hơn, ảnh nói như vậy.

Mặc dù hai anh em đã phân công với nhau rõ rệt, nhưng thằng Kiều vẫn muốn sẵn sàng thức trước để trò chuyện với Nhân và nhường cho thằng Tín đi ngủ sớm. Mặc dù đề nghị như vậy, nhưng khi thằng Tín ngủ rồi, Kiều cũng ngáp dài mấy cái, chứng tỏ nó cũng không thể nào cản lại cơn buồn ngủ được. Dù thế, nhưng Nhân biết mình không thể ngủ trong đêm nay, nên đã có ý gọi chuyện với Kiều, chàng mong nó ngồi nói chuyện với chàng cho tới sáng.

- Sao, chú Sáu Dàn làm ăn lúc này ra sao? Ruộng chú nhiều lắm mà! Chắc làm ăn khá lắm! Còn em làm gì? Có học hành gì không?

- Dạ, ba em làm ăn cũng được được, mỗi năm khoảng một xe lúa. Còn em học tới lớp nhì thì nghỉ ở nhà coi bò cho ba lâu rồi, đi chăn bò vui hơn đi học! Nhân quay qua hỏi cái hiện tại của nó:

- Sao không ở nhà phụ ba mà lại vô du kích chi vậy? Kiều hơi mắc cỡ:

- Thì ba em kêu vô chớ em đâu có muốn. Đó, thằng Tín nói với anh hồi nãy đó! Nghe nói không vô du kích xã thì sau này sẽ đi nghĩa vụ quân sự hay lao động gì đó, xa hơn, lâu hơn và khổ hơn. Nhưng bộ anh tưởng vô du kích dễ lắm sao? Tuyển chọn dữ lắm đó! Em hên lắm mới được vô.

- Vậy rồi ai phụ chú Sáu Dàn giữ bò?

- Dạ em còn mấy đứa em ở nhà, nó đã phụ giữ bò được rồi.

Câu chuyện tới lui đến gà gáy canh một thì Kiều chịu hết nổi, nó đến kêu thằng Tín dậy để gác thế cho nó ngủ. Tín chưa quậy rồi lại ngủ tiếp tục. Thấy thế Nhân nói luôn:

- Thôi Kiều để thằng Tín ngủ, đừng có kêu nó dậy. Còn em cũng đi ngủ luôn đi! Gần sáng rồi, anh cũng ngủ một chút, anh không trồn đâu em đừng sợ, anh có tội gì đâu mà trồn.

Kiều vẫn sợ:

- Em không sợ anh trồn, nhưng sợ rui mấy anh trong Xã Đội Bộ hoặc An Ninh đến bắt tử mà thấy cả hai thằng đều ngủ, thì chắc ngày mai cả hai thằng đều bị đuổi không cho ở trong du kích xã nữa. Về nhà còn đỡ, chớ lỡ bị nhốt ở tù còn chết với ba em.

Nhân nói cho Kiều yên bụng mà đi ngủ:

- Đừng sợ! Anh nằm đây nếu nghe tiếng chân sẽ kêu hai em dậy. Tin tưởng đi! Ngủ đi cho khỏe, khuya quá rồi!

Nghe Nhân nói thế thì Kiều vững bụng lắm, hơn nữa giờ này nó cũng không còn cưỡng nổi cơn buồn ngủ, còn thằng Tín thì cũng không còn cách gì kêu nó dậy, nó đã ngủ say mềm.

Giờ thì hai em du kích với hai khẩu AK để bên mình đã đi vào giấc điệp. Nhân vẫn ngồi dựa lưng vào vách, hết nhìn cái bóng đèn điện hột gà mờ nhạt lạnh lẽo, chàng lại nhìn về hai gương mặt trẻ thơ hiền lành của Tín và Kiều. Gương mặt hai em bình yên, thanh thản trong

giấc ngủ. Mặc dù ánh đèn mờ không đủ soi rõ gương mặt hai em, nhưng Nhân vẫn tìm thấy ở trên hai gương mặt ấy cái bình yên rõ nét, cái oán thù chẳng có chút nào trên hai vầng trán và đôi môi ấy. Chàng chỉ còn tìm thấy ở đây là hai em bé trai dễ thương trong cái quê hương đang đổi mới với nhiều xáo trộn này. Mệt quá, Nhân cũng chợp mắt, khi giật mình dậy thì trời bên ngoài đã sáng hẳn.

Sau một ngày bị bắt thì Nhân cũng được thả về, vì ở huyện cán bộ An Ninh xét ra chẳng thấy chàng có tội gì. Trình diện thì chàng đã trình diện rồi! Té ra chỉ vì mấy ông An Ninh ở xã làm bậy mà thôi! Sau vụ bị bắt vu vơ như thế, chị bà con của Nhân đề nghị chàng nên trở về Bà Rịa và ở luôn trên đó, không nên trở về làng Phước Hải nữa, dầu nơi đây mới thật sự là quê hương cắt rún của chàng từ thuở lọt lòng. Vừa chầm dứt chiến tranh ở thôn quê có nhiều xáo trộn hơn ở thị thành là như thế!

Rồi một buổi chiều đang ở nhà chị Phương trong thị xã Bà Rịa, Nhân lại một lần nữa, thật tình cờ, gặp lại một người bạn thứ hai đã theo cách mạng lâu rồi. Chàng cũng không ngờ gặp lại thằng này trong hoàn cảnh hiện tại của mình.

Khi đang múc nước ở giếng để tưới đám bắp đã héo rũ vì những cơn nắng thì một chiếc xe Honda 90 từ ngoài xa chạy ào ngay vào nhà. Người ngồi trên xe, xa xa đã thấy đúng là một tên cán bộ V.C.: áo quần màu xanh, nón kết Trung Cộng, có súng giắt lưng. Nhân nghĩ ngay đến việc có thể mình sẽ bị bắt trở lại, nhưng chưa biết là mắc tội gì đây.

Chiếc xe Honda đến ngay trước nhà, và ông cán bộ vẫn đeo kính đen ngồi chễm chệ trên xe, Nhân vẫn chưa nhận ra đó là Hoan. Khi Hoan lột kiếng ra và mỉm cười Nhân mới nhận ra. Trời, lại một thằng bạn của những năm học chung ở Sài Gòn! Hoan bây giờ mập mạp, đen đui, không như mấy năm trước ở Sài Gòn: mảnh mai, tướng tá học trò. Hoan vẫn giữ nụ cười trên môi, nụ cười ngạo mạn đặc ý; nụ cười của người vừa thắng trận. Nhưng có lẽ đúng nhất vẫn là nụ cười của một người vừa làm cho một người thân thuộc đối diện ngạc nhiên về cái thành công bất ngờ của mình.

Nhân nhào tới ôm Hoan:

- Hoan! Sao ông biết tôi ở đây mà đến? Ông đã theo cách mạng à?

Vẫn giữ nụ cười trên môi, Hoan trả lời:

- Vừa về Sài Gòn, tôi có đến nhà trọ của ông ngày xưa để hỏi thăm tin tức về ông, được người ta cho biết địa chỉ của chị ông trong khu gia binh Vạn Kiếp. Đến khu gia binh hỏi thì được biết chị ông đã dọn ra đây, nên tôi đến.

Sao bây giờ ông ra sao? Làm gì?

Nhân lại thấy ái ngại khi phải nói rõ cái lý lịch của mình trước một thằng bạn thật thân, nhưng nay đã thành một cán bộ cách mạng. Qua dáng vẻ, có lẽ nó là một thằng cán bộ trung cấp.

- Tôi đi lính, chắc ông đã biết? Nhưng còn ở trong quân trường, chưa ra đơn vị tác chiến.

Nói xong câu đó, Nhân thấy mình nhẹ hơn, hy vọng không vì chuyện đi lính trắng mà thằng bạn tởm nhạt với mình.

- Chuyện ông tôi có hỏi và có biết. Thôi bây giờ đất nước đã được giải phóng thì ông chỉ lo làm ăn và cưới vợ là xong !

Nhân chuyện vợ con, Nhân mới có chuyện để vui vẻ với Hoan :

- Ủ, còn ông sao? Vợ con gì chưa? Lâu quá, đâu có tin tức gì của ông đâu.

Hoan vỗ đầu, giọng nói có vẻ khản trương :

- Trời! công việc rồi bù ông à! Sài Gòn mới vừa được giải phóng, các cơ quan ở thành phố mới vừa được tiếp thu, ít người lại công việc tùm lum, còn đâu mà tính chuyện lấy vợ. Chuyện ấy rồi từ từ tính sau !

Buổi tối, sau khi cơm nước xong, ngồi chuyện trò một chút thì chị Phương và hai đứa nhỏ đi ngủ. Khi thấy cả nhà yên tĩnh rồi, Nhân nói Hoan đến nằm nghỉ trên chiếc ghế bồng dài để sát vách, còn chàng ngồi ở chiếc ghế dựa dựng đối diện phía Hoan đang nằm. Nhân bắt đầu hỏi về cuộc đời của bạn mình :

- Sao, bây giờ kể cho tôi nghe coi! Sau ngày thi đậu tú tài vài tháng, tôi có đến thăm lại ông, thì nghe em ông nói ông đã về Đà Lạt để học tiếp. Sao, có đúng vậy không? Và đi theo cách mạng từ hồi nào vậy? Tôi không biết gì cả !

Đêm ấy Hoan kể về đời mình kể từ ngày có kết quả kỳ thi tú tài.

- Ông còn nhớ cái ông đeo mắt kiếng nằm ở nhà tôi coi báo năm tôi và ông lo học thi tú tài không ?

- Nhớ !

- Ông còn nhớ cái nhà in ở đường Nguyễn Trãi lúc tôi đưa ông vào để mình in thiệp mời mấy ông thầy dự tất niên không ?

- Nhớ !

- Tất cả là của cách mạng không đó ông ơi! Ông nằm đó là bác tôi, giờ làm sở trưởng Sở Ngoại Thương ở thành phố. Tất cả những nhân viên trong nhà in đều là cán bộ, còn ba tôi bây giờ là giám đốc một công ty, ông có gửi lời thăm ông. Tôi hiện tại là trưởng phòng trong một công ty lo về việc xuất khẩu ở Sài Gòn. Ngày xưa tôi có ý định rủ ông cùng thoát ly theo cách mạng sau khi có kết quả kỳ thi tú tài. Lúc ấy muốn rủ ông nhưng không biết ông có ý định gì trong đầu. Một lần ông trả lời tôi một câu làm tôi ngại ông, dù tôi rất mến ông. Tôi đã hỏi : "Nhân, ông nghĩ gì về chế độ hiện tại?" Ông đã trả lời : "Tôi lớn lên trong chế độ này, chính phủ này, tôi phải có bổn phận bảo vệ nó". Thế là cái vụ rủ trực tiếp ông tôi bỏ qua một bên, đến khi cái nhà ở đường Nguyễn Tri Phương bị động tụi tôi dời nhà về Long Thành thì tôi thật sự thoát ly theo cách mạng. Vì còn mến ông nên tôi có nhờ một người đưa thư tới cho ông, nếu ông muốn theo cách mạng có thể gặp tôi ở một địa điểm tại Vĩnh Long mà tôi đã viết trong thư, còn nếu ông muốn tố tôi thì nhà tôi cũng đã dọn khỏi Sài Gòn rồi. Nhưng sau này hỏi lại tôi mới biết người đó không dám đưa thư tới cho ông. Thế là ông đường ông tôi đường tôi từ đó !

Trong rừng vui lắm ông à! Tôi làm trong cơ quan kinh tài. Ông còn nhớ chiếc xe hơi của nhà tôi không? Nhớ chứ gì! Chờ hàng triệu tiền Sài Gòn thời đó vào rừng.

Sài Gòn đã hiện lên nhan nhản những cơ quan kinh tài cho cách mạng. Nhà in ở Nguyễn Trãi cũng là một cơ quan kinh tài đó! Trong rừng đội kinh tài chỉ xử dụng bằng loại xe 90 này, loại xe Honda 50 không làm gì được, vì yếu lắm không chạy băng đồng được. Có những đêm trăng đoàn xe mười mấy chiếc chạy băng đồng dưới ánh trăng sáng ngời. Đi mà thấy rạo rức trong lòng vì đất nước đang chuyển mình bước vào thời kỳ chiến thắng, giải phóng toàn bộ miền Nam. Khổ nhưng vui lắm ông à! Tụi tôi tập tành quân sự thật nhiều để chuẩn bị ngày về chiếm thành phố. Là thành phần bán quân sự nhưng tập dợt không thua gì bên bộ đội. Cởi trần trụ trong những buổi trưa hè; lăn mình trên những đồng cỏ, dưới những lằn kẽm gai, bò tiến lên để tập đánh chiếm những mục tiêu trong ngày giải phóng. Hoan vẫn trên chiếc ghế bồng nằm sát vách nhà inh ỏi để nói về những vinh quang của mình trong ngày hôm nay đã thoát ra từ những ngày cực khổ. Nhân vẫn ngồi ở chiếc ghế dựa đối diện bên cái bàn cũ kỹ. Anh đèn từ cây đèn dầu trứng vịt nhỏ gieo vào mặt hai người một luồng ánh sáng ấm đượm và buồn thiu. Chuyện Hoan kể nghe hay không thua gì chuyện chiến tranh đã xảy ra trên phim. Con người ta khi chiến thắng thì mọi gian khổ đều có thể trở thành những chiến công hiển hách! Dù là chiến công hiển hách đó chỉ có một nửa bên nhìn nhận, còn một nửa bên kia là mất mát thua thiệt. Không biết Hoan có biết không, những thằng bạn cùng học chung năm đệ nhị. Quân đã mất tích luôn vì đi Biệt Động Quân. Vĩnh đã chết khi vừa đeo lon Trung Sĩ vài ba tháng. Huy cũng đã chết khi còn là Chuẩn Úy mới ra trường. Đây cũng là cái thất bại mà chỉ có một nửa bên này nhìn nhận và tiếc thương. Giờ đứng giữa để làm nhân chứng cho sự vinh quang chiến thắng và sự ra đi mất mát thua thiệt của từ hai bên bạn bè, chàng chỉ thấy đất nước như đang đi trong lầy lội của ruộng đồng trong những ngày mưa nguồn ngập nước.

- Ông còn nhớ không? Ông suy nghĩ gì đó? Ông còn nhớ thời gian tôi tập tậ và làm xà bông khi vừa thi xong tú tài không? Hoan hỏi to, kéo Nhân về với câu chuyện của mình.

Nhân giật mình :

- Nhớ! Nhớ! Ông kể tiếp đi! Tôi còn nhớ rõ lắm mà! Mới có một hai năm nay chớ bao lâu đâu mà không nhớ! Cái vụ ông làm xà bông bỏ vô bao mà không để hiệu chứ gì? Ông lại làm nó ở trong buồng tắm tối hù. Ngày đó, khi vô chỗ ông làm tôi thấy ngộp và ngạc nhiên hết sức, không hiểu tại sao ông làm trong chỗ tối quá, và lại làm nhiều quá xá trời! Hỏi ông, ông trả lời : Làm để xài, không có chỗ làm nên đành phải làm trong cái buồng tắm cũ đã bỏ từ lâu. Nhưng ông cũng bán cho tôi với giá rất rẻ, và ông cũng có bán cho một hai cô bạn gái học chung lớp nữa thì phải ?

Hoan cười :

- Ủ, con Huyền chớ ai! Ngày đó nó theo tao dữ lắm mày ơi! Chắc mày biết chuyện đó, không biết bây giờ nó ở đâu ?

- Nay mai về Sài Gòn ông ghé lại nhà cũ của em là biết chứ gì !

Hai người bạn cà kê dê ngỗng đến khuya, Nhân thấy mệt và đói bụng nên rủ Hoan ra sân đứng cho mát. Nhưng khi gần đến cửa chàng lại lên tiếng với Hoan :

Nhưng khoan đã! để tôi lục lại trong nồi xem còn mấy củ khoai không? Ông đói không? Chớ tôi thì tôi thấy đói bụng rồi đây !

Hoan cãi :

- Không! Không! Không đói bụng đâu Nhân, nhưng nếu có thì ăn với nhau cho vui cũng được, không thì thôi. Đãi bạn bằng hai chén cơm ăn với cá kho và canh rau từ hồi chiều, đến giờ cơm cá canh rau như đã đi đâu mất, chỉ còn nghe cái bụng kêu rồ rồ. Trong nhà thì nực thấy buồn ngủ, nhưng khi đã ra sân tự dưng Nhân thấy mình tỉnh táo lại. Vẫn cánh đồng trước mặt đó, ban ngày thấy đẹp vì màu xanh tươi, đêm về nó hắt lên màu đen thẫm. Những căn nhà lá hoặc chòi tranh dựng lên giữa đồng giờ chỉ còn là những ngọn đèn loe loét, đời sống dân quê thoáng hiện lên trong đầu Nhân tựa như những ngọn đèn ấy : Đơn độc, mờ cảm! Khi quay lại Nhân thấy Hoan đang đứng lui cui sát vào gốc cây để làm việc tiểu tiện, Nhân giật mình :

- Ý coi chừng rắn đó ông! Ở đây rắn Rồng còn nhiều lắm. Ngày rắn Rồng, đêm rắn Hồ đó! Phải coi chừng! Hoan cười hề hề :

- Ôi, thứ gì chớ rắn ai mà sợ! Trong rừng tụi tôi bắt nướng ăn cơm là thường.

- Thôi lẹ lên, lại ăn khoai đây nè! Hên lắm mới còn được vài củ. Bà chị hay luộc một hai nồi khoai mì, khoai lang, để ăn độn mỗi ngày.

Hoan đến, Nhân đưa cho bạn mình một củ. Trong ánh sáng mờ của ánh trăng đã khuyết, mỗi người tự lần lượt lột vỏ khoai và bỏ vào miệng nhóp nhép nhai. Trời về khuya, sương xuống nhiều, nên mặc dù vừa mới ra khỏi nhà Nhân đã thấy lạnh. Biết bạn quen nhiều với cái lạnh nhưng Nhân vẫn hỏi :

- Lạnh chớ hả ông? Chắc khuya lắm rồi! Tôi không có đồng hồ, ông có đồng hồ xem thử coi mấy giờ rồi ?

Hoan đưa đồng hồ lên xem :

- Còn sớm! Mới gần mười hai giờ. Trời như vậy mà lạnh! Nhưng nếu ông thấy lạnh thì mình vô nhà. Nhân gọi lại :

- Khoan! Không sao mà! Sợ ông thôi, chớ tôi có gì mà sợ!

- Không lạnh thì mình đứng ngoài nói chuyện. Hoan lại bắt đầu :

- Nhân, ông phải cố gắng làm lại từ đầu. Trình diện học tập cho xong đi, sau này tôi sẽ giúp ông đi làm, nhưng chắc chắn ông phải phấn đấu nhiều hơn mới được. Có dịp trở lại tôi sẽ mang theo cho ông quyển "Thép Đã Tôi Thế Đây" và quyển "Ruồi Trâu" cho ông xem. Xem để thấy tinh thần cách mạng của những nước anh em bên đó. Tôi, có lẽ một ngày không xa sẽ được đề bạt để đi học ở đất nước có nhân vật chính trong "Thép Đã Tôi Thế Đây", để xem đất nước thành đồng của cách mạng này ra sao.

Nghe Hoan kể về chuyện tương lai Nhân thấy nôn nao dùm cho bạn mình. Thật tình, Nhân thấy Hoan tốt thật.

Có lẽ Hoan vẫn còn cái tình cảm tiêu tư sản trong mình, nó không trách không phiền thẳng bạn học đã theo "Ngụy"; nó không một lời trách móc hay một thái độ khinh bỉ bạn mình. Hơn nữa, nó lại còn an ủi và chia sẻ những điều khó khăn mà bạn mình đang gặp; động viên để bạn mình cố vươn lên trong xã hội vừa đổi mới. Có lẽ Hoan chưa thấm nhuần tư tưởng cách mạng như ba Hoan, như ông bác của Hoan, như những người cách mạng đã thủ tiêu, giết người không gớm tay. Hoan còn trẻ, theo cách mạng cũng không được bao lâu, có lẽ vì thế đầu Hoan chưa hoàn toàn nhuốm đỏ. Con người ta khi vừa sinh ra, trẻ thơ trong trắng, ai cũng là tờ giấy trắng chưa dính vết mực; ai trong đầu cũng chứa những điều vui, sự thánh thiện. Rồi qua thời gian con người bị uốn nắn thành những sinh vật thù hằn hung dữ; chủ thuyết ngoại lai đã tra móng thêm nanh nên người ta dần dần trở thành loại người đã mất lương tri, không còn tình cảm, họ chỉ còn biết dùng nanh vuốt mình để cào xé đồng loại. Nhân thấy bạn mình cũng còn cái may mắn, vì thời gian nằm rừng của Hoan không lâu thì đất nước đã được hoàn toàn "giải phóng", nên nanh vuốt nó chưa nhọn và dài ra, đầu nó vẫn còn những chất nhựa tình cảm thân thiết nuốt nà, vì thế mà đêm nay nó vẫn còn đứng đây, bên người bạn mà những người anh em đồng chí của nó gọi là những tên lính Ngụy để chuyện trò. Anh trăng vẫn rải những tia sáng xuống trần gian. Màu vàng chiếu sáng trên nền đất, trên những ngọn cây xa xa; ánh sáng phản chiếu tạo thành những điểm sáng lân tinh thật đẹp. Trời bắt đầu rạng sáng dần và gà đã gáy hình như là canh ba rồi. Sương xuống thật nhiều, Nhân cảm thấy cái lạnh đã thấm lên da, nhưng bên trong vẫn thấy lòng rộn ràng những niềm vui âm cúng; cái âm cúng trong tình bạn nồng nàn của Hoan mang đến trong đêm nay. Hai người bạn rủ vô nhà để đi ngủ vì trời sắp sáng rồi.

(còn tiếp)

Xin Thăm Nụ Cười

*Thiên hạ họ khoe cái sự giàu,
Ta khoe rỗng túi, trắng chòm râu.
Lá, hoa là của, trăng tài sản,
Sương gió đầy kho, tuyết ngập lâu.*

*Thiên hạ họ khoe cái sự sang,
Ta khoe lắm giỗ, lại thừa nhân.
Tháng năm tặng hết cho mây nước,
Còn mấy vẫn thơ gửi bốn phương.*

*Thiên hạ họ khoe cái sự hay,
Ta khoe gói môi, nhả bàn tay.
Vinh hoa thì cũng đường sương, khói,
Cuộc thế vô thường, tựa áng mây.*

*Cho dẫu rằng ta khác với người,
Nhưng chung sầu muộn mãi không vui.
Đón Xuân tạm gác hờn ly quốc,
Tết đến cầu xin thăm nụ cười.*

● Thanh Nguyên.

Dời tôi có hai lần bố thí lớn. Lần thứ nhất vào ngày 30 tháng 4, 1975. Tôi buông bỏ hết quay lưng ra đi. Hồi đó tôi còn trẻ chứ đâu có già khú để như bây giờ. Hồi đó lòng tôi còn hăng hái làm ăn và nhất là đậu có muốn bố thí cho ai! Vậy mà của tiền sự nghiệp nhà cửa ngựa xe bao nhiêu năm đào tạo, thu góp bỗng nhiên chỉ trong một tuần, nhìn lại thì đã qua tay kẻ khác, Kẻ khác đó là ai, chắc quý bạn cũng đoán ra rồi... Mãi đến mấy năm sau tôi vẫn còn thần thờ, không tin là thật, tin làm sao nổi, cho nên cứ tự hỏi sao mình hào phóng rộng rãi thế nhỉ, dám bố thí cái một rồi ra đi tay không... mà nghĩ lại không bố thí cũng không xong, đây là loại bố thí dạng chẳng dùng!

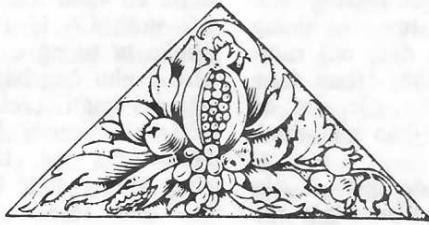
Bạn tôi còn siêu hơn tôi một bậc, bố thí của cải xong, còn bố thí luôn thân mạng của chồng và hai đứa con để ra đi tay không. Ông chồng hồi đời 75 bị tụi nó kiếm kẻ cướp sạch tiền của, sự nghiệp tiêu tan, ông uất ức nhảy từ lầu 7, trên đường Đồng Khánh, xuống đất chết chẳng toàn thân, để lại 1 vợ 2 con. Bà quyết đem 2 con lên thuyền hướng về biển khơi chạy chết, ngờ đâu ra đến biển sóng gió ngập trời, thuyền đắm kéo theo 2 con và đoàn người đi tìm tự do vào đáy biển sâu. Nhờ bám vào chiếc phao, bà lênh đênh trên biển 2 hôm thì gặp con tàu Ánh Sáng Mary II vớt được, đem vào tỵ nạn tại MTL Canada. Bà sống nửa diên nửa khùng giữa lòng thành phố 4 triệu dân, ngăn ngán ngơ ngẩn chẳng biết làm gì, tôi vẫn thường gặp một người diên trong thành phố ở đầu trạm Metro mỗi giờ tan sở, mắt bà thật buồn, yên lặng và tối như màu biển trong đêm...

Chúng tôi làm bạn với nhau được 2 năm, hôm trước nhân dịp lễ Vu Lan tôi rủ bà đi chùa. Bạn tôi cười buồn

- Hồi mới qua mình cũng có đi chùa vài bận nhưng rồi chịu thôi! Chùa là nơi thực hiện hạnh bố thí mà mình còn gì nữa đâu mà bố thí hở Nga? Tiền không có, thân nhân cũng chả còn ai, tay trắng một mình, lỡ mấy thầy kêu gọi xây chùa, thỉnh tượng, mình không đóng góp nổi, thêm buồn...

Bạn tôi cũng giống hàng vạn, hàng ngàn người khác nghe đến hạnh bố thí thì chỉ biết đến, nghĩ đến tài thí mà quên đi hoặc

BỐ THÍ



LÊ THỊ BẠCH NGÀ

không biết đến 2 loại bố thí khác là Pháp thí và Vô úy thí của nhà Phật.

Hôm nọ nghe thầy Tịnh Từ giảng về Pháp hạnh bố thí, thầy nhắc:

- Còn có 1 lần bố thí "dạng chẳng dùng" lớn hơn nữa, đó là lúc xuôi tay nhắm mắt, đó là lúc người nào có sống là cũng phải bố thí tận tình, bố thí sạch sành sanh, chỉ có điều kẻ này bố thí hôm nay, kẻ khác bố thí ngày mai hay vài ngày nữa hay vài tháng vài năm nữa. Giờ phút bố thí đó sẽ đến với từng quý vị ngồi quanh đây và tôi hoặc 2-3 năm nữa, hoặc vài chục năm sau những điều chắc chắn là quý vị không thể nào từ chối bố thí dù lòng không muốn, mà quý vị cũng như tôi bắt buộc phải bố thí. Lần này thì bố thí hết trọn hết trơn, không thể giữ lại bất cứ cái gì gọi là "Của Ta" cho dù bạc tiền, sự nghiệp danh tiếng, của cải, cha mẹ, vợ chồng, bà con thân thuộc và ra đi tay không một thân một mình với một cái dây trên lưng (dây nghiệp). Thầy kết luận:

- Một kinh nghiệm đã qua (trắng tay vì di tán). Một kinh nghiệm sẽ đến, và chắc chắn sẽ đến (trắng tay vì rời bỏ thân người). Một người biết Phật pháp, biết thâm tín nhân quả, biết khả năng tạo thiện nghiệp của mình sẽ sửa soạn sự bố thí kỳ 2 này một cách nghiêm chỉnh an vui, thanh thoi và nhân hạ, chứ không như lần chạy chết rồi bỏ quê hương mà đi, hoặc như con chó nọ, kiếp trước là một ông trưởng giả giàu sang nhưng keo kiệt, không biết bố thí là gì, bo bo giữ của đến nỗi chết xong phải trở lại làm thân con chó để nằm giữ hũ vàng năm xưa ông chôn dưới chân cột nhà trong ngôi nhà xưa của mình.

Bà chị họ của tôi từ Âu châu qua chơi, thấy Canada phồn thịnh, người Việt ở MTL đông đảo, hiền hòa nhiều chùa nhiều hội bà rủ tôi làm ăn, mở nhà hàng bán cơm chay. Bà khuyến cáo một cách rất tâm lý chiến.

- Bạn phải có tiền để hành nguyện bố thí, bà là Phật tử, muốn kinh doanh, mở nhà hàng bán cơm chay vừa được lợi vừa tránh nghiệp sát sanh, đến lúc mình giàu, có tiền mình xây luôn một cái chùa lớn như chùa Quan Âm hay chùa Viên Giác ở Đức... rồi phước báu để đời...

Mà thiệt, tôi tin bà thì đúng, mỗi lần cúng chùa Khánh Anh để ấn tống kinh sách, bà cúng cả ngàn Franc, hộ tạng, hộ chùa như bà cũng là hiếm có, đáng ca ngợi... nhưng đúng là đúng cho bà chị tôi, không đúng cho tôi.

Lòng ham muốn làm hạnh bố thí phước báu để đời của tôi cũng vô hạn.

Mà sức tôi thì có hạn, than ôi!

Tôi đi làm công lương 3 cọc 3 đồng, một tuần 30-40 giờ mệt nhoài, về đến nhà có thêm "job" thứ 2 là hầu hạ một đấng quân vương và 2 nàng công chúa! Triều đình gồm 4 mạng, hoàng hậu kiêm luôn nội tướng, kiêm luôn chủ bếp, kiêm luôn đủ thứ... sức đâu tôi kinh doanh để hành cho hay cho giỏi nghiệp bố thí??

Trong phòng tắm cũng như phòng thiền, tôi chưng một bình hoa. Mùa này hoa nở đầy vườn, những cành hoa lý màu tím, ngát hương thơm tôi chưng vào bình lớn để trong phòng khách, phòng thiền đơn sơ hơn với một cánh hồng độc nhất diễm tuyệt cắm trong chiếc bình pha lê thon nhỏ, phòng tắm tôi chưng 1 chậu cúc

vàng rực rỡ dưới chiếc gương treo. Mỗi tuần 2 lần, tôi lặng lẽ cầm chổi, cầm khăn đi thay hoa, tảo thanh nhà cửa... nhìn hoa tôi mỉm cười, hoa đẹp quá, hoa nở ta nở, hoa cười ta cười, tôi nói với các con, lúc này là lúc mẹ đang hành tịnh nghiệp đó!

Hôm nọ con tôi kêu àm lên:

- Mẹ ơi, chắc hôm nay mẹ phải "hành tịnh nghiệp Extra rồi đó mẹ!". Phòng tắm bị nghẽn rồi, con tắm không được, nước tràn ra tùm lum rồi nè!

Bạn ơi, hành thì hành cho trọn vẹn, tôi lại cầm chổi, cầm khăn bước vào phòng tắm. Tinh túy của bất cứ một nguyện hạnh nào của hiện hạnh nguyện của mình là sự hồi hướng. Thầy dạy hoài ở chùa, mà không cứ gì phải nghe thầy dạy, bất cứ quyển kinh sách ấn tống nào, giờ ra phía sau cũng có câu "nguyện hồi hướng phước báu này (pháp thí) đến cho cha mẹ, bà con thân thuộc cùng toàn thể chúng sanh đồng thành phật đạo".

Tôi, tôi cũng đang hành tịnh nghiệp, tôi cũng hồi hướng cho các con tôi, tôi thờ và nhìn hoa mỉm cười, tôi thờ hoa nở, tôi cười hoa cười, giờ này các con tôi đang thờ với các phương trình số học và tôi thấy tôi vui, niềm vui nhẹ và đơn sơ, cần gì phải đi làm restaurant bán cơm chay để làm hạnh bố thí nhỉ. Tôi đang làm 1 công việc tầm thường nhất trong cuộc đời, nếu so sánh với các công việc 1 chú tân tăng trong ngôi chùa nọ, ngày ngày cầm chổi quét đất Phật (hàng tảo gia lam địa) thì quả thật tịnh nghiệp của chú tiểu to lớn và quý báu hơn tôi biết chừng nào. Nhưng tôi bằng lòng với tịnh nghiệp nhỏ bé của tôi lúc này, tại đây, tại nơi chốn tôi hằng trú ẩn bởi vì tôi thấy ra rằng cái nhỏ nhất qua đến cái lớn nhất (vô lượng lớn) chỉ là một sát na thiền quán, lúc đó giòng tuệ giác lóe lên hé thấy niềm an vui phơi phơi hiện bày.

Nhưng thiền quán là một cái gì rất sống động, tuệ giác là một dòng sông nhiệm màu, tuệ giác không dừng lại ở niềm vui trong sự hạnh diện của tình thương. Trong lần hành tịnh nghiệp vừa qua sau 15 năm "hàng tảo gia đình địa" thì tôi phát hiện ra rằng hạnh bố thí, hạnh hồi hướng của tôi cũng khá, tôi thương gia đình tôi, tôi thương các con tôi nên tôi xả thân làm hạnh bố thí để các con

tôi được sướng vui, cho tôi sướng vui, nhưng niềm vui của tôi chấm dứt tại cửa ngõ nhà tôi, nguyện hạnh giúp người của tôi như ngọn đèn chiếu sáng trong hộp kín, không một tia sáng nào lọt được ra ngoài. Ví thử bây giờ bạn nhờ tôi hành tịnh nghiệp ở nhà bạn, biểu tôi cầm chổi và khăn đi vào phòng tắm của bạn, ở đó có 1 bình hoa, và tôi thờ, vừa làm việc dọn dẹp, vừa nhìn hoa cười... chắc là tôi cười không nổi... Hèn gì thầy dạy thứ hạnh nguyện này gọi là hạnh nguyện tham níu vào "cái của ta", mà phần đông chúng ta là những kẻ phạm nhân đều thuộc về hạng này.

Vậy bố thí là gì? Bố thí là cho, cho là 1 nghệ thuật, mà nghệ thuật thì làm sao mà phân tách phệ bình, chỉ có trực nhận.

Ở chùa có 1 thùng phước sương để giúp Phật tử hành nguyện hạnh bố thí, mỗi tuần bà B đi chùa hay lạy Phật, bà cung kính bỏ vào thùng phước sương mấy đồng, vừa bỏ bà vừa khẩn: Lạy Phật cho con được an vui, không bệnh hoạn, hưởng nhiều may mắn. Tôi đổ bạn, bà này mua vào hay cho ra?

Bà nọ hà tiện rất ra nước, bà đeo vàng dây tay, mà đi chùa không bao giờ hành nguyện bố thí, cho ra 1 đồng 1 cắc, không phải bà thiếu tình thương đâu, vì bà thương mình nhiều quá cho nên không nghĩ đến người khác. Lòng luyến ái dính mắc vào quyền lợi riêng của mình quá nhiều trở thành sự tham nếu vào "Tự ngã".

Vậy bố thí là gì, tại sao phải bố thí, trần bão tuyết cuối cùng đã thổi bay mất 1 góc của mái chùa nọ, Phật tử xôn xao, thầy trụ trì xin Phật tử phát tâm bố thí - Bà cụ già móc túi áo, lần 5 bày lớp, bỏ cây kim găm ra và rút ra 5 đồng, bà chỉ có chừng đó dâng lên thầy với niềm vui hồi hướng đến sự vững bền, an vui của ngôi chùa.

- Mà không cho cũng không được cháu ạ, bác có 5 đồng chứ bác có 10 đồng bác cũng cúng luôn, đến lúc cho là phải cho, không cho là không được. Có chùa thì mình được đi chùa, được lạy Phật, được gặp bạn bè, vui quá trời, và bác cười.

Bố thí như vậy thật đẹp quá.

Ở MTL có bác Sang chuyên hành Pháp thí, bác rất vui vẻ, có điều 1 câu Phật ngôn bác cũng không thuộc, nói gì đến đọc thuộc kinh, dù bác đi chùa rất đều. Bác hành

pháp thí bằng điện thoại, mỗi năm mấy lần, thầy Thích Thanh Từ giảng kinh ở Việt Nam, em bác thâu hết vào băng nhựa gởi qua cho bác, bác lần mò viết lại trên giấy, đưa đi in và hô hào Phật tử đóng góp in sách - Pháp thí và tài thí đối với bác là một. Cầm điện thoại lên nghe giọng bác là tôi biết bác hành nguyện gì rồi.

Chư Phật là những gương bố thí khác hẳn người đời, đã từ bao nhiêu đời đời kiếp kiếp, Phật Thích Ca đã cho ra không biết bao nhiêu là thứ, từ tay chân, tiền của cho đến mạng sống, đọc sách về tiền thân Đức Phật thì rõ.

Còn hạnh bố thí vô úy của Đức Phật Quán Thế Âm vẫn còn là 1 gương sáng cao cả mà toàn Phật tử đều ngưỡng mộ - Phật đã đi vào khổ đau của thế nhân để hành nguyện bố thí. Học đến hạnh nguyện bố thí của Phật Bà Quán Thế Âm tôi bèn tưởng đến chị Hai. Giờ này chị đang làm việc thiện nguyện ở nhà Dưỡng lão Côte des neiges, tại đó gần 200 người già cả, đốn đau, cô đơn, bệnh hoạn đang cần đến sự giúp đỡ, bàn tay cứu rỗi của những người như chị.

Một tuần 2 lần, chị đến thăm 1 bà cụ già nói chuyện với bà, giúp bà ăn uống, thay áo quần cho bà và nghe bà nói chuyện... chị đem lại niềm vui cho bà già gần đất xa trời... chị cho họ niềm vui sống. Chị không bao giờ học Phật miệt mài như tôi, hỏi chị chắc chắn chị không biết gì về tài thí, pháp thí, vô úy thí - nhưng chị đang bố thí từng phút từng giây. Chị đang ban phát niềm vui cho người xung quanh chị, và chị vui. Sau lần bố thí lớn nhất của đời chị hồi 75, giờ đây với 2 bàn tay trắng, không bạc không tiền, chị vẫn tiếp tục bố thí, ban phát niềm vui như 1 ánh hào quang vô tận.

Nhìn chị tôi tự vấn lòng mình, bố thí là gì?, mình học về hạnh bố thí mà học và hành có đi đôi hay chăng? hoặc là học mà không hành thì có ích gì?, hay cứ quay quắt lộn lộn giữa mở chữ nghĩa, lý luận gần xa cho đến ngày thực hiện hạnh bố thí cuối cùng bất khả kháng của đời người ???

Bố thí là cho, cho là 1 nghệ thuật mà nghệ thuật là trực nhận trong một sát na nào đó khi đối diện với cái đẹp của cuộc đời.

ĐƯỜNG SANG THIÊN TRÚC

TỪ HÙNG TRẦN PHONG LƯU

(Tiếp theo VG 58)

Mới tờ mờ sáng, chúng tôi đã lo xong thủ tục trả khách sạn, ra xe thúc bác tài chạy ngay xuống gần bến để kịp đón Bình minh trên sông Hằng. Xe phải ngừng lại từ xa, tìm chỗ đậu, vì nhiều đoàn người lên xuống như trẩy hội. Ngoài những người Ấn độ giữ đúng tâm nguyện: Trong suốt cuộc đời, ít nhất phải một lần đến đây để ngâm mình vào dòng nước Thiêng. Ngoài những người ngoại quốc mới theo Ấn giáo cũng muốn giữ tròn hạnh nguyện. Còn có khách thập phương đi hành hương. Còn có những phái đoàn du lịch đến xem cho thỏa tính tò mò và những nhóm nghiên cứu đến tìm hiểu phong tục tập quán của một dân tộc mang truyền thống tín ngưỡng xưa hàng nhiều ngàn năm.

Thầy trả giá muốn một chiếc thuyền có mui. Nhưng vẫn phải lui tới hai ba lần, hỏi hai ba chỗ mới có chiếc chèo giá hơi cao hơn giá Thầy muốn cho phái đoàn trước, dù chúng đã quen mặt thầy. Chờ chúng tôi chấp choàng xuống thuyền xong, ngồi yên chỗ, bác lái Ấn, khoảng trung niên mới ghì đôi tay khẳng khiu cổ đẩy hai mái chèo đưa thuyền chờ năm hành khách khá nặng cân, chen khỏi đám dân Ấn, già trẻ, đàn ông, đàn bà đang cời áo, tháo chân, nhúng mình xuống làn nước lạnh mùa Đông. Đám thuyền của các du khách, túa ra như đàn cá, lần lượt, trước sau giăng mắc ngang dọc khắp mặt nước đen ngòm vì trời còn tối. Thuyền chèo dần ra xa bến nước tấp nập. Xa những thuyền bè lao xao đón khách. Xa đám đông tấp nập. Những chiếc đèn giấy nhiều màu để chữ Nhựt được thả trôi lênh bênh trên sông để cầu nguyện cho những người đã khuất kết thành những vệt sáng ngoằn ngoèo tấp vào các be thuyền.

Mọi người hướng mắt về bờ sông. Những cung điện, dinh thự nhiều tầng nhiều lớp xây trên những bậc cấp, bậc thang nối dài bên sông

bên này lờ mờ hiện ra. Trong khi bờ bên kia chỉ là một vết đen chân trời dài lơ thơ vài cột thuyền ngất quăng. Tiếng giảng của Thầy Huyền Diệu về lịch sử, về truyền thống, tập quán, tín ngưỡng của dân Ấn đối với sông Hằng vang lên trong tĩnh lặng. Nhưng sự theo dõi tĩnh lặng của chúng tôi lại bị gián đoạn bởi những tiếng mời hàng của mấy ghe nhỏ bán quà kỷ niệm, bán cá phóng sinh. Chiếc này bị từ chối xua đi. Mấy chiếc khác lại hăm hở bu vào. Chợt Thầy gọi mọi người quay lại. Vệt xám đen bên bờ kia đã đổi sắc theo màu tím sẫm chân trời. Ban đầu chân trời tím chỉ ứng hồng với những đám mây vàng sậm vắt qua. Rồi cả một vùng đỏ vàng rực lên phản chiếu xuống dòng sông. Ánh vàng tràn lan, trong khi vàng hồng thu nhỏ lại dần dần. Thu nhỏ mãi vào một tụ điểm sáng. Như tinh hoa của vũ trụ thu về một mối. Vàng sáng mờ ảo đó lên dần khỏi vệt xám chân trời hiện rõ hơn và vẽ thêm một vệt sáng dài trên mặt nước lăn tăn sóng vàng. Tai tôi như nghe được âm vang xao động của bình minh không chỉ trong hiện tại mà như truyền về từ muôn kiếp. Dù tĩnh lặng đang ngự trị hoàn toàn: Thuyền đã ngừng chèo. Mọi sinh hoạt đều dừng lại kể cả những ghe mời hàng. Ai cũng im tiếng như những đạo sĩ đang ngồi thiền bên bờ sông để cùng chiêm ngưỡng cảnh biến thiên tuyệt diệu của trời đất.

Tôi đã được đọc nhiều sách tả cảnh bình minh từ Quốc văn giáo khoa thư, đến các tiểu thuyết hiện đại. Tôi đã chứng kiến những cảnh mặt trời mọc ngoài đời cũng như qua phim ảnh. Nhưng những âm thanh rộn rã của dàn nhạc đại hòa tấu trên màn ảnh không khiến tôi xúc động đến như vậy. Hình ảnh "vàng ô đỏ ối cánh đồng. Sương mù che phủ một vùng mênh mông" của bài tập đọc thuở nhỏ cũng không đem lại trong tôi niềm xao xuyến này.

Bình minh trên sông Hằng không rực rỡ, không có tiếng chim hót, oanh ca. Mà chỉ mờ nhạt trong

một không gian huyền hoặc ngưng đọng. Khiến mọi người đều cảm thấy sự hiện hữu an lạc của chính mình, của những du khách thập phương quanh mình; của những dân Ấn đang lặn hụp dưới sông, của những đạo sĩ đang đứng ngồi theo các tư thế Yoga trên bờ. Chẳng những đại chúng trong hiện đại. Mà như có cả những kẻ từ cõi âm lên, những người từ trên trời xuống, chúng hội tụ quá khứ hiện về để đón lễ mặt trời.

Trời sáng dần trong không gian tím nhạt. Các sinh hoạt ban mai hiện rõ hơn: Những kiến trúc cao nhiều tầng, nhiều lớp của các vua, quan, trưởng giả xây từ nhiều đời trước, trên những nền cao, dần xuống bờ nước bằng hàng hàng lớp lớp bậc thang dài. Những cung điện dinh thự nhà cửa nhiều màu sắc nhỏ dần và dần ra về phía hạ lưu chen khuất lẫn trong các đám cây xanh. Cũng như chúng tôi, những người du khách Âu Mỹ chung quanh cũng tò mò chụp hình quan sát những cảnh tượng diễn ra dưới sông, trên bờ. Đọc những hàng chữ Anh đã hiện rõ trên mặt tượng dinh thự. Nhìn những người Ấn đang lau khô sườn nắng trên các bậc thềm. Xem những đạo sĩ tu ép xác nếp mình trong những hang động thật nhỏ. Và cũng bị những chiếc thuyền nhỏ bán hàng quấy rầy! Thuyền chèo về phía đám người đang giặt đồ, giặt cả vải mới dệt. Nhưng không gặp Tây Thi giặt lụa. Mà chỉ thấy mấy anh, chị Ấn độ đen thui, ốm nhách đang tùm đầu xấp quần áo hay cuộn vải vừa nhúng nước sông lên, quật vào tảng đá hay thanh gỗ cho tóe nước ra mang theo cáu bẩn. Và họ cứ tiếp tục như vậy cho đến khi họ nghĩ là đã sạch, mới vắt ráo và đem phơi ngay trên bãi cát hoặc khu đất trên bờ sông! Anh chàng bán cá lại chèo thuyền theo lái nhái mời mọc. Bà G, sau khi quan sát kỹ chiếc ghe bên nói với nó một tràng tiếng Việt, như bắt buộc nó phải hiểu rằng: Nó phải vét hết cá trên thuyền bán cho bà phóng sanh và tự hậu không được vớt cá đem bán nữa. Nó gật đầu, đổ hết các túi cá vào thùng thiếc đang rong cá giao luôn cho bà. Bà trả giá 50 Rupies và đổ thùng cá xuống sông sau khi đọc một bài chú phóng sinh. Vậy mà chỉ vài phút sau đó nó lại lò dò chèo tới, đưa ra một thùng đựng

bày cá mới để tiếp tục mời bà mua. Té ra nó còn dẫu cá rong dưới đáy thuyền, đã được cẩn thận dẩy lên những tấm ván sàn. Bà mắng nó thêm một tràng tiếng Việt pha tiếng Tây để đuổi nó đi. Thầy tôi chỉ trả giá mua một bình đồng chạm nhỏ của chiếc ghe hàng khác. Rồi chờ ghe chèo ra thật xa, tới một chỗ nước sạch hơn, không còn rác rến, sẽ múc lên đầy bình làm kỷ niệm đặc biệt mang về Đức. Vì tôi chợt nhớ lại một lần xem truyền hình thấy Thủ tướng Gandhi mang một bình nước

và thêu hoa trắng, đeo đầy đồ trang sức như cô dâu, như nằm yên ngủ trên cáng tre đặt sát bờ nước. Các thân nhân mặc đồ trắng dang lần lượt bước xuống sông bùm từng bùm nước trong tay mang lên đổ vào miệng người chết. Rồi lát nữa đây họ sẽ khiêng cả cáng thân xác người chết đem những xuống nước sông Hằng, trước khi đem lại chỗ thiêu. Tại đó đã có một xác chết đặt trên đồng củi khô và đã được châm bởi lửa rơm đốt cháy. Kế bên đã có một xác đang thiêu. Thỉnh thoảng

có người đến khêu dậy ngọn lửa hay rắc thêm một chất gì đó cho ngọn lửa bùng lên cao. Phía trên xa hơn đã có một xác vừa thiêu xong chỉ còn một đồng tro than nghi ngút khói. Mấy đứa trẻ cười đùa, ngồi ăn uống ngay bên hỏa đàn còn khét mùi xác cháy để chờ bởi đồng tro tàn, tìm của rơi của rớt sót lại. Một con chó lảng xăng lui tới, đưa mũi đánh hơi tìm mảnh xương vụn. Vài con dê thơ thẩn kiếm ăn quanh đấy. Cái chết kề sát ngay bên sự sống. Sống và Chết sinh hóa tương quan gần gũi nhau vô cùng. Sống - Chết đã nhập chung làm

nạp, khiến đêm đó chúng tôi không ngủ được. Vậy mà sao đám ma họ lại đưa đi lặng lẽ, lạnh nhạt như vậy.

Thuyền quay vòng trở lại. Nhìn dòng sông rộng, tôi liên tưởng đến bài báo, đọc lúc còn đi học viết về đám táng của vị Kiến trúc sư nổi tiếng khắp thế giới Le Corbusier, một trong những người soi đường của Kiến trúc hiện đại, người đã vạch ra khuôn vàng, thước ngọc cho tiêu chuẩn nghệ thuật xây dựng mới. Hầu như các nhân vật lãnh đạo ngành Kiến trúc, xây dựng thế giới đều tham dự. Phái đoàn Hy Lạp đã mang đến nắm đất Acropole, chiếc nôi của Kiến trúc thế giới phương Tây, để gửi vào phần mộ của người đã làm rạng danh ngành nghệ thuật mẹ (Kiến trúc từ xưa đã được quan niệm như một mẫu hạm chuyên chở các ngành nghệ thuật khác, như hội họa, điêu khắc...). Phái đoàn Nga đã rầm rộ mang đến mô hình bàn tay để cảm ơn người đã thiết kế một quảng trường nổi tiếng bên Liên Xô... và phái đoàn Ấn độ đã mang theo lọ nước sông Hằng tưới lên quan tài để tri ân người đã qui hoạch thủ phủ Chandigha mới của một tiểu bang lớn Ấn độ. Tôi chợt quyết định: Thúc bác lái chèo thuyền ra giữa dòng dù thuyền đã trôi rất xa bờ, xa mọi sinh hoạt hỗn tạp của dân Ấn. Chèo luôn lên mạn ngược. Rồi cởi y phục ngoài, nhảy tòm xuống sông, theo niềm tin tưởng Ấn độ, lặn hụp một hồi, để mượn nước thiêng sông Hằng tẩy tịnh mọi nghiệp chướng và trong ý muốn thâm kín đón nhận thêm điềm may, duyên lành cho những thiết kế tôn giáo sau này.

Từ bến thuyền đi ngược lên, tôi thấy thấm mệt vì lúc này đã cố lội ngược dòng đuổi theo thuyền chèo. Vả lại dư hưởng bị tào tháo rượt hai ngày trước, đến nay vẫn chưa lại sức. Nhưng tôi cũng bắt kịp phái đoàn len lỏi qua những ngõ hẻm, phố hẹp Trung cổ để vào viếng chùa Vàng Ấn độ. Thầy chỉ cho chúng tôi phần mái chùa dát vàng, những tượng thép vàng đeo đầy vòng ngọc trang sức. Được dịp chen với đám đông trên nền gạch bông lầy lội nước sông Hằng do các tín đồ Ấn mang tưới lên các Thần tượng.

Chúng tôi lại lên xe trở về viếng Bảo tàng viện Sarnath. Hàng cây vô ưu với cành lá mọc ôm sát



Bình minh trên sông Hằng

sông Hằng sang Pháp rồi cùng Tổng thống Mitterand đổ xuống sông Seine cho hai dòng nước hòa nhau trong một nghi thức kết nghĩa giữa hai con sông. Thuyền đưa chúng tôi về phía bờ thiêu xác lộ thiên. Ở đây không được phép quay phim, chụp hình. Nên chúng tôi chỉ được ngồi xem từ xa. Mà các bà cũng sợ không muốn cho thuyền chèo gần sợ mùi khét thiêu xác phảng phất bay tới. Nhưng ai cũng thấy rõ xác một thiếu nữ trẻ mặc áo Sangha the xanh viền ren

một.

Bà G. buộc miệng hỏi: Sao đám ma mà không có ai khóc. Thầy trả lời, bà coi kỹ đi, đâu có phụ nữ đưa đám. Mọi người nhìn rõ lại: Đúng là chỉ toàn đàn ông, dù người chết là một cô gái. Thầy tiếp, mà hể không có đàn bà con gái thì đâu có tiếng khóc kể.

Tự nhiên ai cũng nhớ lại bữa đám cưới họ tổ chức rình rang trong xóm gần chùa Việt Nam tại Bồ đề đạo tràng. Bắc loa ca hát ngày đêm. Khách khứa ra vào tấp

thân thành những trụ cây tươi cao vót, trồng bên lối đi lát đá dẫn vào cửa chính. Cây mang tên La tinh Saraca nhưng vẫn giữ họ vua A Dục. Nên đến nay sách thảo mộc học vẫn giữ đủ tên họ Saraca Ashoka nguyên thủy. Còn cây Vô ưu trồng ở đây thuộc loại mới không hoa chỉ thuần lá cây cảnh. Bảo tàng viện chỉ xây một tầng cao, theo lối kiến trúc đương thời Ấn độ. Mặt tiền cửa sa thạch vàng chừa cửa vòm cung gãy.

Bước vào sảnh chính, chúng tôi gặp ngay hình tượng sư tử 3 đầu nổi tiếng qua các sách nghiên cứu lịch sử nghệ thuật xây dựng thế giới với tên Lilon Capital (đầu trụ sư tử) được đặt trang trọng trên trụ cao đặt tại trung tâm sảnh, Tượng được chạm trổ rất tinh vi trên cẩm thạch trắng vân nâu vàng. Thế hiện rất rõ nét sinh động của các đầu, thân, chân sư tử. Tượng vốn được an trú trên đầu trụ đá bia linh của A Dục Vương tại Vườn Nai. Giờ đã được tôn vinh thành Quốc Uy Ấn độ, được in trên tiền tệ

nước Ấn độ. Bức tượng Phật chuyển pháp luân, khá lớn chiếm gần hết chiều cao tường cuối sảnh, đối diện với cửa chính. Pho tượng đẹp này được tạc sớm nhất từ đầu kỷ nguyên Tây lịch trong một dáng điệu rất thanh tú.

Qua các phòng bên chúng tôi còn được chiêm ngưỡng những tôn tượng Phật được điêu khắc theo nhiều tư thế khác nhau trên đá hoa cương xám sậm, xám xanh và cả cẩm thạch nữa, một cách hết sức tinh xảo mà hiện nay rất hiếm nghệ nhân có thể đạt đến trình độ đó. Chỉ tiếc các chóp mũi đẹp của tôn tượng đều bị đập phá, vì xưa kia các Phật tử Ấn thường yếm vàng trong sóng mũi các tượng Phật.

Thầy giải thích thêm là Sarnath đã bị giặc Hồi tàn phá vào thế kỷ 12 và họ đã thẳng tay tàn phá rồi chiếm đoạt các thánh tích của Phật giáo. Chính thượng thơ Jagat Singh của Quốc vương Ba La Nại vào năm 1794 còn cho người tới tháp Pháp Bảo (Dharmarajika) để tháo gạch về cất tư dinh

của ông ta. Khiến tháp phải đổ nát. Họ còn đem tháp dựng xá lợi Phật chôn bên trong vạt xuống sông Hằng. Ngoài những bảo tượng, viện còn tàng trữ những dấu ấn cổ xưa được đúc nặn bằng đất nung, được khắc trên đá, và các bánh xe pháp luân tạc trên đá theo tiến trình từ buổi sơ khai đến thời Trung cổ. Viện cũng trưng bày những khí cụ bằng đá và những dụng cụ đất nung của đại chúng từ thời vua A Dục.

Tháp Dhamekha và tháp Dharmarajika cũng như trụ đá ba đầu sư tử đã được vua A Dục dựng lên vào thế kỷ thứ ba trước Tây lịch để tưởng niệm đấng Thế Tôn, cùng các bảo tượng Phật, những thánh tích Phật giáo và các di tích khảo cổ thể hiện các sinh hoạt của dân chúng từ thời vua A Dục đã hợp thành những kỳ tích vô giá, trên hai ngàn năm, của nền văn minh cổ Ấn-Hà, duy nhất còn tồn tại đến ngày hôm nay.

(còn tiếp)

TRÊN XA LỘ

UỐNG CÀ PHÊ MỘT MÌNH

*Khói thuốc vương trong nắng
buổi chiều
như làn nước mắt của mẹ nhạt nhòa năm
tháng
như khói lam chiều bếp lửa buồn thiu*

*Bên quán nhỏ
đọc đường xa lộ
một mình ngồi uống cà phê
nhớ về quê
bằng nỗi dầy vò ái ngại
để thấy hai tay mình thừa thãi*

*Ngày mai
con đường trở về quê hương nghe còn thật dài
như con đường trước mặt
như con đường đấu tranh có ai nghĩ rằng làm lạc
mà xuyên suốt đời người
đi hoài chưa tới,
để mãi lưu lạc phương trời*

*mang niềm tức tưởi
không người*

*Bởi nghi ngờ, đổ kỵ
bởi chia rẽ, ty hiềm
người đã lạc trên dặm đường thiên lý
nên càng đi càng thấy xa thêm*

*Bởi tham danh, vụ lợi
bởi chấp ngã, u mê
người vẫn đi quanh co mù lối
nên càng đi càng mất mát bạn bè*

*Có những lần phải bơ vơ như hôm nay
để nhìn lại quá khứ
nhìn lại mình
nhìn lại tháng ngày
nhìn những đổi thay
của một thời xưa cũ
sẽ chẳng còn gì như khói thuốc xa bay!*

(Tháng 7-90).

TÙY ANH

Mật Ôi



Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa

(Tiếp theo VG 59)

Sau đó đổi về tỉnh nhỏ, mấy cô bạn sợ tôi buồn chuyện đám cưới Trường và Ngọc, họ thường an ủi.

Tôi đùa,
"Nợ ai người ấy trả!"

Trường và Ngọc sống thiếu thốn do bài bạc, rượu chè. Cuộc tình thơ mộng ngày xưa không thích hợp thực tế cho sự tạo dựng gia đình có đông con.

Mất bà Buchanan quả có chút cảm thông, ông choàng khăn cho bà. Bà lim dim lắc đầu nhìn ra ngoài, nước mưa đục mờ cửa kính. Bà lại hỏi, "Sau đó chú em có gặp lại cô ấy thường không?"

Đạ, tôi có gặp lại, kẻ cũng khá lý thú. Lúc ấy vì tình hình chiến sự căng thẳng, tôi bị động viên. Một buổi xế trưa, trên đường về trại quân, chúng tôi đi bộ ngang một vùng chợ ven đô thị. Nơi đó người ta dựng những tấm lều, che bằng đủ thứ vải thô, thấp và kín đáo, họ bán rượu và thức nhắm cho khách dọc theo xa lộ. Thay vì đi vòng bên hông chợ, chúng tôi lười đi xa nên đi len lỏi xuyên qua khu này cho đỡ mệt, nhìn thiên hạ hưởng thụ, chen chúc cười cợt quanh bàn rượu thấp lè tè. Tôi đi sau, chợt nghe tiếng cãi vã và xin lỗi của anh bạn đồng đội đi đầu. Lúc đi ngang chỗ cãi vã, tôi tò mò muốn biết việc gì xảy ra, thấy một viên Trung úy ôm một thiếu phụ, uống ực ly beer, đặt ly mạnh xuống bàn, bực

tức. Thiếu phụ ăn mặc hở hang, mặt sùng sộ, đang dùng khăn tay lau khô vạt áo dài đỏ, bốn mắt nhìn nhau, người thiếu phụ đó là Ngọc, son phấn diêm đũa tro trên, chàng Trung úy đó không phải là Trường. Tôi tiếp tục theo đoàn quân ra bãi, chờ xe chở về trại. Ở bãi tập họp, bọn tôi mới biết chuyện ồn ào xảy ra do anh bạn đồng đội vô ý, lúc đi ngang bàn Ngọc, cây lưỡi lê giắt bên hông vương nhằm lave trên bàn đồ ướt vạt áo Ngọc. Hấn chống tay hai bên sườn nhăn nhó, phân trần, "Tôi đã xin lỗi, là cái lưỡi lê dài vương ngã ly lave chớ không cố ý, vậy mà cha Trung úy và con mẹ đó sùng sộ, ướt vạt áo mà như lửa cháy nhà!"

Tôi cười góp chuyện, "Ê, phải mấy trái lựu đạn anh đeo trước ngực đó, vương cái bàn, rồi sút chốt, chắc bà không có thời giờ sùng sộ!"

Mấy năm sau, cũng vào dịp ngẫu nhiên, ngày tôi được biệt phái về nhiệm sở cũ tôi đón xe Lam đến trung tâm 3 quân trị làm thủ tục xuất ngũ. Trên chuyến xe Lam chật chội, tôi ngồi đối diện với một thiếu phụ tóc ngắn, áo màu đỏ choét, phấn son dày mặt, dáng mệt mỏi, thân mình lắc lư theo xe. Nhíp xe và thùng xe kéo kẹt day nghiến, tiếng máy nổ giận dữ một phần vì sức nặng tằm thân bồ tượng của bà. Tư thế ngồi hơi hênh bẻ xè, buông thả, choán gần hai chỗ ngồi. Nặng, hơi ẩm, và mùi mồ hôi khách trên xe xông nồng nực không làm tôi mất cảm giác khoan khoái, nghĩ chuyện tương lai, màu xanh mạ non trong những mẫu ruộng màu mỡ, bên nội dành sẵn miếng vườn cây trái mát mẻ có chim kêu, gà gáy sáng chiếc xe hàng chờ nông phẩm đi giao, tôi tự mỉm cười giấc mơ xây sự nghiệp.

Thiếu phụ mở mắt trao tráo nhìn tôi, đôi mắt trắng bạc, gương mặt đen thâm phấn son che không hết dấu vết. Bà ấy tay che một bên mặt nhăn nhó, lộ vẻ đau đớn khó chịu, miệng mấp máy, tiếng máy xe nổ ầm ĩ nên tôi không nghe bà ấy nói gì. Lúc xe ngừng, tôi vội vã xuống xe, thiếu phụ cũng lật đật xuống theo. Tôi vừa đi vừa chạy như ma đuổi, hôm ấy là ngày cuối trong tuần lễ, tôi phải hoàn tất thủ tục tồn nhiều thì giờ, không muốn kéo dài đến thứ hai.

Thiếu phụ cũng theo tôi gấp rút, gọi tên, tôi giựt mình,

"Gặp lại anh, em chưa kịp mừng, trên xe hỏi anh không trả lời, bây giờ chạy trốn em sao?"

Tôi ngỡ ngác, đầu óc đang lo việc riêng, chưa định thần để nhận ra bà ấy. Bà ấy lanh trí, nhãn mặt cười, "Ngọc nè, anh chóng quên quá!"

"À, à! Tôi la lớn, tốc độ đi bộ giảm lại, tuy vậy Ngọc cũng vất vã mới theo kịp. Tôi đã nhận ra Ngọc và nét quen thuộc xưa, gương mặt, đôi mắt, sóng mũi giải phẫu "Bombay" làm tôi điêu đứng bao lâu, bấy giờ hiện thành bà già gần 50 tuổi, dù Ngọc lớn hơn tôi có 2 tuổi, chưa tới 30. Ngọc xoa bàn tay trên má, lúc nói chuyện, tôi thấy có vết máu đọng trong các kẽ răng. Nàng quay đi, kéo miếng bông đỏ máu trong miệng ném xuống lề đường, rồi lấy miếng bông khác trám vào hàm răng trên, Ngọc vừa ở phòng nha sĩ ra. Tôi cảm thấy bất nhẫn, nhưng tìm chưa được lời an ủi - Ngọc vừa đi vừa than con cái đông, Trường mãi mê bài bạc, nàng chịu trăm bề đắng cay. Ngọc khoe có một bác sĩ đang theo đuổi nàng, nàng nghiêm nghị, "chưa quyết định bỏ chồng", bác sĩ rất nể nang nàng. Nàng biện bạch liên tục như mê sảng.

Tới trung tâm quân trị, tôi đưa giấy trình cho anh lính gác, nàng chưa kịp kết luận câu chuyện với đầy đủ chi tiết nguyên nhân xa gần, trực tiếp hoặc gián tiếp được kết thành chuỗi những câu chuyện vụn vặt rồi rạc có thể kéo dài vô tận.

Khoảng gần nửa giờ, xong thủ tục, tôi ra khỏi cổng trại, thấy Ngọc vẫn đứng chờ. Tôi vô tình bước đi vùn vụt, Ngọc khố khăn mới theo kịp tôi ra bên xe Lam, buột miệng,

"Anh đi chậm lại, anh có số vất vả vì đi mau, em lo ngại cho anh!"

Tôi không tìm hiểu lý do Ngọc theo tôi, là và trả lời, "Quen rồi chị à, trong quân ngũ, hơn nữa tôi phải ra nha nhân viên nộp hồ sơ để làm lương bổng cho xong buổi chiều nay, tôi còn có tuần lễ nghỉ phép cuối cùng phải về quê thăm gia đình".

Vừa ra khỏi cổng bộ giáo dục, sau khi hoàn tất hồ sơ, tôi nhẹ nhòam, thì gặp ngay Ngọc đứng chờ, như bà chủ nợ đón con nợ. Nàng ngó ý

muốn ghé tiệm "giải khát" để thảo luận, tìm lại kỷ niệm xưa, giải quyết vấn đề có lợi cho tôi. Ngọc nhắc thời "lá me rắc nhớ trên hè phố", thời "áo màu thưa bóng nắng thưa hương", thời "em cố làm cho hờn giận qua", hôm nao hội ý nắng sang nhà"...

Tôi quên hết chuyện cũ rồi, thưa chị, tiếng súng, tiếng pháo kích hàng đêm cướp mất bản chất mơ mộng trong người tôi, bây giờ tôi chỉ muốn yên thân, cái thuở vụng dại thời đi học đã qua, chị đã có gia đình con cái, nhắc làm gì?"

Nàng im lìm, bước nhanh, tự nhiên lái tôi vào một nhà hàng, ngày trước cả hai thường là thực khách trung thành. Cẩn thận hơn, nàng kéo ghế ấn tôi ngồi xuống rồi ngồi sát bên cạnh thay vì đối diện. Anh bồi mang thực đơn đến, nàng tự nhiên như ngày trước, mở thực đơn, nhìn chăm chú, miệng nói liên tục,

"Anh cứ gọi, em không đói"

"Tôi cũng không thấy đói, chị"

Mắt Ngọc sáng lên chăm chú, lay quay tìm các món ăn trên thực đơn,

"Không", nàng không nài nỉ, "anh phải ăn cái gì chớ, chiều rồi, anh xanh xao hơn thời đi học, phải bồi bổ".

Tôi rút thuốc lá hút, dừng dừng, nếp sống quân nhân làm tôi khỏe mạnh hơn xưa gấp bội, cười thầm cho cái nhận xét theo tiêu thuyết của bà kịch sĩ già ngồi bên cạnh.

Ngọc đã tìm được món nàng thích nhòn miệng tươi cười,

"Anh ăn tôm lăn bột chiên nhè, đồ biển ăn tốt răng, món bò nướng chanh nè, anh cần bồi bổ thời gian kham khổ. Em khao anh"

Nàng không cần tôi đồng ý hay không, đưa trả lại thực đơn cho anh bồi, bắt đầu nói "Gặp lại anh, một sự tình cờ may mắn, lúc trước em hiểu lầm, bây giờ hối hận thấy thương anh vô hạn. Em thấy ở anh, con người cao thượng và tài giỏi hơn Trường, nó chỉ biết nói và đánh bài, rượu chè. Em ghen tỵ với người có diễm phúc làm vợ anh, tương lai anh định làm gì? Nghe bạn bè nói anh hùn hạp mua xe vận tải, chắc chắn anh sẽ giàu to. Còn anh muốn xuất ngoại du học, chắc chắn với khả năng, anh dư sức". Nàng vồn vã hỏi tôi và liên tục trả lời giùm tôi.

Ngọc vừa nói vừa che miệng, thỉnh thoảng ngừng để uống ừng ực ly nước cam vắt.

Anh bồi vừa mang hai đĩa thức ăn đến. Nàng nhanh nhẩu gấp con tôm bỏ vào chén tôi "Ăn đi anh, cho em được săn sóc anh, ít khi có cơ hội như chiều nay!"

Miệng nói, tay gấp nhẹ nhàng, Ngọc nhai ngấu nghiến, thỉnh thoảng lấy tay xoa bên má chỗ răng đau, miệng nhắc tôi "Ăn đi anh, đồ ăn nguội!" nhai không kịp nuốt.

Tôi ngồi nhâm nhi ly beer và phì phà thuốc lá. Ngọc vẫn xem tôi như con trừu 6 năm trước, sắp xếp mọi việc, tôi chỉ có thi hành. Nàng ngồi ăn rao ráo, cái "savoir vivre" của nàng là như vậy. Tôi bình tĩnh ngồi quan sát, không đồ quạu nao núng như ngày đầu thấy Ngọc và Trường sống vai cười cười nói nói, cũng không thấy thất thế như lúc hai đứa thay nhau "giảng" cho tôi bài học xử thế ngày nào. Nhìn nàng chăm chú thường thức hai đĩa thức ăn, nhai ngòm ngòm, tôi chỉ muốn bật cười "Tái ông thất mã". Giá tôi cưới Ngọc, vẫn học trường cũ, lúc bị động viên sẽ không được hưởng qui chế biệt phái, lại vất vả nuôi một bà mập có thể xơi hai đĩa thức ăn mà còn thòm thèm. Mặc cảm tự ti nhờ vậy nhẹ bớt. Nếu Trường có bắt gặp, hẳn sẽ làm gì tôi? tôi đủ khả năng bảo hấn về dạy vợ hẳn đừng đeo theo làm ô nhiễm cái không khí tự do của tôi, suốt buổi chiều.

Ngọc ăn xong, hỏi tôi ăn thêm gì không. Tôi có ăn miếng nào đâu, được dịp đùa làm nàng sợ hãi, tôi nghiêm nghị nói,

Vừa được biệt phái về, người bạn đầu tiên tôi gặp là chị, duyên bèo nước của người quân nhân sống nay chết mai. Cảm ơn chị mất nhiều thì giờ đãi tôi buổi ăn thịnh soạn, chiều rồi, tôi phải về.

Tôi đứng dậy, đội mũ, tinh nghịch gơ tay chào kiểu nhà binh".

Ngọc luống cuống, chụp tay tôi áp úng,

"Chết, em quên cái bóp tiền ở nhà!"

Tôi nhìn vào mắt nàng cười. Ngọc đứng dậy đeo bóp lên vai, giả vờ vào toilet, tôi gọi anh bồi, trả tiền rồi ra khỏi quán. Ngọc lèo đèo đi bên cạnh

tôi, đèn thành phố vừa sáng, 6 năm trước, trên đường phố này có tên thất tình cô đơn đêm bước như người điên vừa trốn khỏi dưỡng trí viện. Ngọc lại bắt đầu câu chuyện, những mẩu chuyện gia đình, khúc chiết, tiền hậu bất nhất, chỉ làm tôi tổn thuốc lá. Nàng lại thay đổi đề tài, gây hứng thú, tôi nhận xét thấy nàng lái tôi đi xăm xăm về phía hàng quán bán đồ ngọt ban đêm, sau cả tiếng đồng hồ đi quanh quán.

Tôi không biết buổi giải lao với Ngọc, nhưng tưởng tượng mấy đứa con Ngọc ở nhà biết có ai săn sóc, nếu Trường bận đi ngồi sòng bạc, tội cho mấy đứa nhỏ biết bao. Tôi đang thềm dạo chơi thong thả, hưởng không khí tự do, sau đó về nghỉ để hôm sau dậy sớm, ra xa cảng về quê. Tôi nhứt quyết đi thẳng ra bến xe bus, nàng rẽ về phía khu bán chè, rồi miễn cưỡng trở lại theo tôi đến bến xe. Nàng ôm bóp lưng lờ đờ mắt liêu linh, không chịu lên xe, về mặt làm lì như sắp nằm vạ, tôi không nỡ bỏ đi.

Bất ngờ có bác quân cảnh đi tuần tiêu, thấy tôi mặt quân phục, đến hỏi giấy phép, xem xong họ trả lại. Sẵn dịp, tôi theo toán quân cảnh, khi đi khuất, tôi rẽ đường khác ra về.

Sau đó nàng ghé nhà trọ tôi nhiều lần, lần nào tôi cũng vắng nhà, nàng để lại mảnh giấy dặn dò, cần gặp tôi về vấn đề "khẩn thiết".

Đêm khuya, ông bà Buchanan thờ dài, tôi ngừng câu chuyện cá nhân vô vị. Bà Buchanan buồn rầu

"Tội nghiệp chú em, câu chuyện tình không đoạn cuối!"

"À ông bà Buchanan ơi, cái thư bà vừa hỏi đó là của Ngọc, Ngọc tìm ra địa chỉ tôi qua người bạn thân". Bà Buchanan rụt rè hỏi "Thư viết gì đó?"

"Thưa bà, đó thật là bức thư khẩn cấp, Ngọc than đời sống chật vật quá. Cái mũi nàng hơn 12 năm bắt đầu bị nhiễm trùng làm hàm răng trên của nàng bị hư tất cả. Muốn đi bác sĩ giải phẫu mà không có tiền,. Nàng nhờ tôi tìm bác sĩ tai mắt mũi họng xem có loại thuốc mạnh mua gởi cho nàng. Bà có biết ở nhà thuốc nào bán trụ sinh không cần toa bác sĩ, để tôi mua gởi cho nàng không?"

Bà Buchanan la lớn,

"Chú em thật là ngốc, không có người được sĩ nào ở đây dám làm điều bất hợp pháp đó. Thôi khuya rồi, chúng ta đi ngủ".

Sáng hôm sau, sau bữa điểm tâm, tôi soạn đồ đạc, sửa lại giường gối cho ngay thẳng chuẩn bị ra về. Ông Bà Buchanan còn ngồi tại bàn. Ông trịnh trọng mang kính trắng lấy quyển sổ lật từng trang, vừa bấm máy tính, ghi ghi, chép chép. Bà cũng mang kính ngồi bên theo dõi.

Ông Buchanan ngừng tính, mỉm cười.

"Mật ơi! Kỳ Giáng Sinh và Tết Dương lịch này anh chi dụng cho thiệp Giáng Sinh và quà cáp tất cả là 69 dollars 40 cents. Còn em chi bao nhiêu?".

Bà Buchanan lật sổ, bấm máy tính một lúc, cẩn thận trả lời, "Em mua tem để gói tất cả là 41 dollars 50 cents.

Ông Buchanan sửa lại kính, mỉm cười bấm máy tính, "À, mật ơi, em thiếu anh 13 dollars 95 cents".

Bà mở bóp đếm tiền trả đủ cho ông, những đồng xu kêu lách cách trên mặt bàn.

Ông cất tiền vào bóp, "Cám ơn em, mật ơi chút nữa mình qua trại ông bà Norton xem vườn hoa hồng của ông thiệt hại thế nào sau cơn mưa lớn hôm qua!"

Tôi chân thành cảm tạ ông bà trước khi từ giã. Ông bà không giữ tôi lại, vì biết hai ngày sau tôi phải đi làm, hẹn tuần sau đó sẽ gặp nhau ở cùng tính.

"Tốt, ông dặn dò, chú em đi xe gắn máy cho cẩn thận, hôm nay đài khí tượng loan báo sẽ có cơn gió lốc ở hẻm núi giữa Masterton và Upper Hutt. Tuần sau gặp lại nghe chú em!".

Ông bà vẫy tay chào, ông dẫn bà trở lại, tôi nghe thoang thoáng, "mật ơi, mưa gió suốt đêm qua mà những đóa hồng vẫn còn nguyên không bị rụng, thật là tuyệt diệu!"

Liếc kính chiếu hậu, tôi thấy ông bà lụm cụm dất nhau lên đồi.

Wellington - Những ngày nóng cuối năm 1980.

GIỚI THIỆU :

Vicki Mackenzie là một ký giả có danh, đang ở trên đỉnh của một đời sống phong phú và thành đạt thì bất ngờ chạm mặt với Đạo Phật.

Khoảng cuối năm 1986, một bài tường thuật về vị sư người Tây Ban Nha - vị sư nhỏ nhất thế giới nhưng có định nghiệp trở thành thần quan trọng nhất thời đại - được đồng loạt đăng tải trên những tờ báo lớn ở Anh, Tây và Bắc Âu, Nam Phi và Viễn Đông. Tác giả bài tường thuật là Mackenzie. Và vị sư tóc vàng mắt xanh được đích thân Đạt Lai Lạt Ma thừa nhận chân tướng đó là hóa thân của Lạt Ma Yeshe, thầy của bà, người đã chết, và trước khi chết đã tự tay sắp đặt cái chết của mình để một lần nữa quay trở lại cuộc đời, trong một hình hài mới, thích hợp với sự nghiệp Độ sinh ở Tây phương hơn.

phiêu lưu vào một thế giới xa lạ và kỳ thú - cuộc phiêu lưu làm thay đổi cuộc đời bà hoàn toàn - để nhìn lại những điều đã học hỏi bằng một cảm quan mới, và để chiêm ngưỡng phong thái của những bậc đại sư.

Hồi tưởng lại thì chuyện tôi gặp gỡ các vị Lạt Ma chỉ có thể xem như tiền định, hoặc nghiệp duyên, theo cách nói của họ. Tôi chỉ có thể nhớ đó là một ngày trong tháng 9 năm 1976, lúc tôi còn làm cho trang phụ nữ của tờ Daily Mail, chuyên về những bài viết dài. Khi tôi đang ngồi trong văn phòng bữa bộn của mình trong tòa soạn thì chuông Điện thoại reo inh ỏi. Leslie Kenton, ký giả chuyên về sức khỏe và sắc đẹp, muốn nói chuyện với người chủ nhiệm. Tôi quen Leslie năm trước nhân một chuyến công tác tại Thụy Sĩ, và chúng tôi trở nên thân thiết. Leslie định nói chuyện gì vậy ? "Em sắp

Chuyến Đi Của Một Đời Người

THƯỜNG LONG KHÁNH dịch

Điều gì đã khiến Đạt Lai Lạt Ma đem Đạo Phật Tây Tạng và thanh danh của ngài ra hứng chịu búa rìu dư luận khi công khai thừa nhận rằng chú bé Tây Ban Nha đó là Lạt Ma Yeshe tái sinh ? Lạt Ma Yeshe là ai, và sở ngộ tâm linh của ông ra sao để ông có thể làm chủ sự sống chết của mình ? Nếu ông thật sự quay trở lại cuộc đời thì cái gì là ông - một tăng sĩ Tây Tạng cao lớn da vàng mắt xếc - trong thân thể Tây phương bé bỏng và trắng trẻo kia ?

Những câu hỏi trên và nhiều câu hỏi khác được Mackenzie soi sáng và giải đáp trong tác phẩm của bà, The Boy Lama (đã được chuyển dịch sang Việt Ngữ, sẽ xuất bản). Ở đây, chúng ta theo bà trong cuộc

sửa đi Nepal, tập thiền. Do các Lạt Ma hướng dẫn", Leslie trả lời. "Thế hở ? Thật là tuyệt", tôi nghe mình nói, và nghĩ thầm rằng cô này quả thật là đầy lương tâm nghề nghiệp, lúc nào cũng nghiên cứu thật kỹ trước khi viết về một đề tài. "Vậy thì chị hãy đi với em cho vui", Leslie đề nghị. "Ừ. Sao lại không nhỉ ? Được rồi, tôi sẽ cùng đi cho vui !". Leslie sẽ khởi hành trong vòng ba tuần nữa.

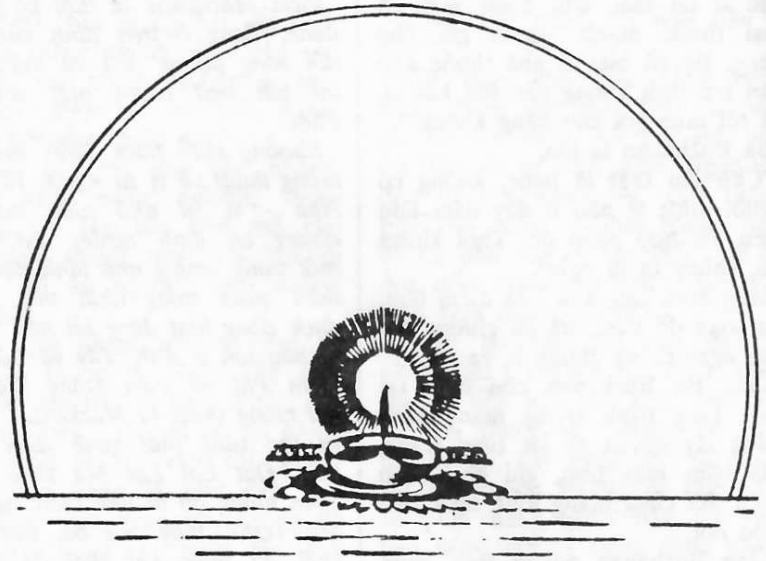
Đây có vẻ là một quyết định thật phi lý. Tôi chẳng có một ý niệm nào về Đạo Phật, những vị sư hay Nepal. Kiến thức về thiên gì gì đó cũng thế; một con số không to tướng. Tôi liên tưởng đến một bóng người lè loi đơn độc ngồi như tượng trên nền nhà lạnh lẽo,

mắt nhìn trùng trùng vào vách hết năm này qua năm khác, ngồi cho đến khi nào một cánh cửa nội tâm mở ra để Tất Cả được khám phá. (Hiển nhiên tôi bị ảnh hưởng bởi một cuốn phim dở tệ nào đó về các Thiên sư !) Tôi biết chắc là trầm tư mặc tưởng, ngồi im lìm không cử động,... không phải là việc tôi làm được. Hai giờ thì may ra; nhưng khóa thiền kia sẽ kéo dài đúng một tháng !

Thế nhưng nổi kinh ngạc về việc để dài đồng ý tham dự vào một chuyến phiêu lưu phi lý và tốn kém lại bị lấn át bởi niềm xác tín lạ thường, rằng điều tôi sắp sửa làm là tuyệt đối đúng. Tôi đặt ống điện thoại xuống mà nghe lòng rộn vui. Hiếm, rất hiếm khi tôi cảm thấy đời sống của mình là "đúng", rằng tôi đã định đúng hướng cho cuộc đời mình và điều duy nhất phải làm là cứ thế mà đi cho đến nơi đến chốn. Lần này là một trong những lần hiếm hoi đó.

Bây giờ, 12 năm sau, nhìn lại thì tôi thấy mình đã có đủ cơ duyên để phải theo con đường tôi đã đi. Một ràng buộc tình cảm lâu dài nhưng đầy những khó khăn đã chấm dứt; và một năm sau đó, tôi đã bỏ đi, đến Hồng Kông để tìm một điều tôi tin là chỉ có ở Đông Phương. Tôi chẳng tìm được gì ! Việc làm cố vấn báo chí cho cảnh sát (ngài xếp của những người bạn dân lúc ấy đang lợi dụng chức vụ để ăn hối lộ) làm tôi tính ngộ và đâm ra chán ngán. Căn nhà tôi ở rất đẹp, nhìn ra Nam Hải, nơi có những chiếc thuyền đáy bằng buồm đỏ chằm chằm ra vào trong yên lặng; nhưng những người tôi gặp chỉ lo đi mũi vào túi tiền của tôi. Sau 5 tháng ở đó, tôi quay về với London và Daily Mail, lòng đầy phiền muộn và chán chường.

Nhưng cái đã thúc đẩy tôi lao mình vào cuộc trốn chạy khốc liệt đó, điều đã đến với tôi từ những ngày còn thơ dại nhưng tôi đã không nhận diện được, cơn khát tâm linh, không vì thế mà vội đi. Tôi có được một hiểu biết phức tạp nhưng hài hòa về tôn giáo, vì mẹ tôi vốn là một tín đồ Tin Lành trong khi cha tôi lại là Thiên Chúa Giáo Roma; được rửa tội theo Anh giáo nhưng tôi cũng từng theo học tại các trường thuộc một hệ phái cải cách khác và những trường dòng Thiên Chúa Giáo Roma, vì gia đình phải theo chân cha tôi, một sĩ quan trong Hải



Quân Hoàng Gia thường xuyên di chuyển khắp nơi. Chúng tôi đã đi lễ tại bất kỳ nhà thờ nào thuộc bất kỳ hệ phái nào, miễn là gần nơi mình cư trú nhất. Điều này làm tôi cảm thấy hài lòng; ngay từ thuở ấu thơ đó, tôi đã sớm biết hoài nghi những tư tưởng phân cách tôn giáo hẹp hòi. Tuy nhiên những nơi này lại không cho tôi câu trả lời thỏa đáng cho những băn khoăn, xao động, những thắc mắc của tôi. Bằng trực giác, tôi cảm thấy Chúa Jesus đã đạt được cái biết thực, điều không thể diễn bày thỏa đáng bằng ngôn từ, nhà thờ, các tu nữ hay những mục sư; chắc chắn là không thể trả lời thỏa đáng nếu chỉ nói rằng ngài là Con Thiên Chúa ! Cái gì làm cho ngài có thể đi trên mặt nước, tạo thêm nhiều cá và nhiều bánh để phân phát cho người khác ? Vì ngài mang lấy thân xác và qua đó những giới hạn của con người nên tôi tin rằng chuyện đó vượt quá tầm của những giải thích mù mờ "Ân Sủng" và "Đức Tin", những ý niệm cơ bản của thần học Thiên Chúa Giáo. Bản chất con người của ngài còn cho thấy, ít nhất, rằng ta có đủ khả năng để làm những điều như ngài. Chính ngài đã ám chỉ nhiều lần, chẳng hạn trong câu : "Mọi điều học được từ Cha, ta đã làm để các người biết". Hoặc câu nói được biết đến nhiều nhất : "Nước Trời là ở trong lòng người". Tại sao và làm thế nào để học được ? Tại sao và làm thế nào Nước Trời ở trong lòng người

?... Những câu hỏi loại đó là những điều tôi khao khát muốn có câu trả lời.

Sau đó, lúc học văn chương ở đại học, tôi thoáng thấy bóng dáng của Sự Thực trong những bài thơ của William Blake và T.S. Elliot. Nhưng Sự Thực, giống như thơ, không thể khái niệm được. Tôi bèn làm một cuộc xâm nhập vào truyền thống thần bí Tây phương, đọc sách thông linh học, thăm viếng những "con đồng", và mơ hồ nhận ra một trật tự ẩn tàng trong những khác biệt ở bề mặt của sự vật. Qua lăng kính thần bí, những huyền bí của Vũ Trụ và nguyên nhân tồn tại của con người đầy vẻ quyến rũ; nhưng tự nền tảng, những giải thích này không làm tâm trí tôi thỏa mãn. Đa số các con đồng cũng không đáng tin cậy vì dễ dàng thấy rằng điều họ nói thường pha trộn với những tưởng tượng vu vơ. Căn cứ vào đâu để tin vào lời của những hồn ma bóng quế ? (Tuy nhiên cũng có những ngoại lệ, như Rosemary Brown, rất nổi danh vì các nhạc sĩ "quá cổ" đã chọn bà làm trung gian để truyền lại những sáng tác mới của họ. Tôi đã thực hiện một bài phỏng vấn bà cho Daily Mail vào năm 1974, trở nên thân thiết với bà, và sau nhiều năm giao du, tôi tin rằng khả năng tâm linh của bà là có thật, đặc biệt vì khả năng này có nền tảng Thiên Chúa Giáo, không liên hệ gì với phong trào thần bí).

Tôi nghĩ những điều mình muốn liên quan đến một bậc thầy hiện sống trong đời này, một người tôi nhìn thấy, đụng đến và có thể cùng ông trò chuyện, kể có thể kể cho tôi nghe những bí mật ông đạt được bằng kinh nghiệm tự thân, cái biết mà tôi tha thiết tìm cầu. Bấy giờ tôi chưa từng thổ lộ ý tưởng này với ai - ngay cả với chính mình - chỉ vì tôi chưa ý thức được nó, chưa thấy rõ hình dáng của nó; nó có đấy, nhưng chợt ẩn chợt hiện và chỉ làm tôi thêm xao xuyến. Thế nên tôi đã chạy trốn, tìm quên bằng việc làm ban ngày và những dạ tiệc ban đêm, nơi những cuộc đàm thoại được xem là chọn lọc, thông minh và "hơn người", thường được phân định cao thấp bằng rất nhiều những ly rượu. Vui, nhanh, hợp thời trang và rất là phù phiếm!

Nhìn lại thì quả thật việc đồng ý theo Leslie đi Nepal để gặp các nhà sư Tây Tạng chẳng có gì là lạ lùng lắm.

Nhưng bị vây hãm trong những phiền phức của việc mua vé máy bay, xin thông hành, chủng ngừa và sự bức rức khó chịu vì bộ đồ lót giữ nhiệt (Nepal rất lạnh trong tháng 11 và tháng Chạp), gần như tôi không còn giữ được những háo hức ban đầu về điều mình sẽ được gặp khi đến nơi.

Chẳng có gì giống như tôi đã phác họa trong trí. Tu viện Kopan, nơi chúng tôi đến, nằm trên một ngọn đồi nhìn xuống thung lũng Kathmandu, là một địa phương đầy vẻ mời gọi với những lùm tre khổng lồ xào xạc trong gió, những cây sứ trắng đầy hoa, những bụi sơn trà thoang thoảng hương, những lá cờ cầu nguyện phất phơ in hình trên nền trời xanh ngắt, và với dãy Himalaya nằm phía sau. Cộng đồng tu sĩ là một số lạt ma Tây Tạng, nhiều tăng sinh còn nhỏ tuổi và một nhóm người Tây phương cả nam lẫn nữ đã thọ giới xuất gia; tất cả đều có vẻ an nhiên thư thái.

Tôi được hướng dẫn đến nơi tạm trú: một căn phòng beton bé xíu nhưng tôi phải san sẻ với 7 người khác, cùng thuộc phái yếu nhưng khác biệt nhau về tuổi tác, tầm vóc và gốc gác. Tôi trải túi ngủ lên những đệm cỏ mỏng trên nền

với ít nhiều sợ hãi và nhòm góm. Và chắc chắn là những thanh chắn cửa sổ mong manh kia không thể nào ngăn được những làn gió đêm buốt giá thổi về từ Himalaya! Chẳng giống như ở nhà tỷ nào cả! Không phòng tắm, không bồn rửa, không nước ấm, và ngay cả nước lạnh cũng phải xuống đồi lấy từng ngày. Nhà cầu, một cái hố đất, mới khiếp chứ!

Người có trách nhiệm chỉ rõ nơi ăn chốn ở cho chúng tôi, một vị sư cô người New York, đọc thời khóa biểu sinh hoạt. Tôi tái người. Thức dậy vào lúc 4 giờ 30 sáng. Đến thiền đường lúc 5 giờ. Uống cà phê đậu nành 6 giờ. Tiếp tục tập thiền từ 6 giờ 30. An sáng với



porridge (một món điểm tâm làm bằng bột kiều mạch và sữa) lúc 8 giờ. Từ 9 giờ nghe thuyết giảng. Lại tập thiền từ 11 giờ 30. An trưa lúc 12 giờ 30, toàn rau với đậu, không được tí thịt cá gì cả. Từ 2 giờ bắt đầu thảo luận về giáo lý. Từ 3 giờ 30 lại nghe thuyết giảng. Nghỉ giải lao, uống trà lúc 5 giờ 30. Lại tập thiền lúc 6 giờ. Giải lao với sôcôla nóng lúc 7 giờ 30. Lại tập thiền một lần nữa từ 8 giờ. Và đi ngủ lúc 9 giờ! Tính ra thì tôi phải ngồi yên tại một vị trí nhất định, bên cạnh một người mình đã nhắm mắt, trong tất cả 12 giờ mỗi ngày, liên tục trong suốt một tháng 30 ngày như thế! Người Tây Tạng chẳng đếm xỉa gì đến cuối tuần và cũng chẳng buồn biết đến ngày Chúa nghỉ ngơi gì cả.

Hãy còn nhiều thứ "không" khác nữa: không rượu, không thuốc, không quan hệ nam nữ, không nhận hoặc gửi thư, không nghe radio (và dĩ nhiên nói dè heo hút gió này chẳng có gì gọi là TV hay điện thoại), không xem báo, không đọc những sách không liên hệ đến

việc tu tập, và không được rời khỏi phạm vi tu viện. Về sau tôi mới hay rằng những cái "không" này chỉ nhằm mục đích tẩy rửa tâm trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu học chứ không phải là những hình thức trừng phạt.

200 người chúng tôi từ khắp thế giới bị kéo lôi về Kopan vì những lý do rất khác biệt. Hầu hết là những hippy, những người đã tiêu phí cả một quãng đời quý báu trước khi họ gặp được các lạt ma. Họ nhìn tôi từ đầu đến chân, có vẻ ngỡ ngàng và thiếu thiện cảm với lối ăn vận của tôi; ngược lại tôi cũng cứ ngỡ là mình gặp người Hỏa tinh khi nhìn thấy họ. Nhưng rồi chúng tôi nhanh chóng thông

cảm và dần ra ưa thích nhau. Tôi cảm thấy thân thiết với những người bạn ở cùng phòng hơn cả; chẳng hạn với Mo, cô gái Alaska 22 tuổi (cha cô cũng là dân hải quân) đã 3 năm phiêu bạt, làm việc trên một tàu đánh cá và cũng có lúc làm chuyên viên thu hình các phim khiêu dâm; hay với Lynn, người Gia Nã Đại, đã đi

theo các đạo sư khắp đất Ấn và chụp hình những cảnh khổ cô đã chứng kiến trên đường đi; hay với Felicity, cô gái Úc mắt nâu dịu dàng có ý định làm ni cô; và Suzanna, cô gái Ý đầy nghị lực, đang cai bạch phiến, đã trải qua nhiều nỗi đau khổ: ly dị, nghiện ngập, buồn chán triền miên, 2 lần tự sát. "Tôi biết rõ thế nào là sự nhớp nhúa bên trong tâm hồn", Suzanna nói, "và kể rằng chỉ khi gặp Lạt Ma Yeshe vào năm trước ở Pháp, cô mới tìm ra lý do để kéo dài thêm cuộc đời mình."

Lối sống khổ hạnh phơi bày trước mắt càng làm tôi thấy cuộc phiêu lưu không tính toán của mình thêm phần mê hoặc và thú vị. Khó có ai có cái điểm phúc được đứng yên lặng trên sườn đồi ngắm nhìn mặt trời bình minh vàng ối trên những đỉnh cao phủ tuyết của dãy Himalaya, nhìn những ngọn cây xanh đen ẩn hiện trong những làn sương mù trắng đục che phủ thung lũng phía dưới. Cũng khó có ai có may mắn được tham dự vào những cuộc lễ của Đạo Phật Tây Tạng với những âm thanh lạnh

xương sống của những câu mật chú, tiếng khàn đục của kèn và tù và, tiếng nhức óc của não bạt, và với hình ảnh kỳ hình quái trang của những vị hộ pháp nhiều đầu nhiều tay treo đầy trên vách thiền đường.

Có những tin đồn lan truyền từ người này sang người nọ về các Lạt ma, rằng họ là những người thấu thị biết chuyện tương lai, có những năng lực dị thường như không cần ăn ngủ, vài người biết bay, những người khác có thể biến hiện theo ý muốn; người ta còn nói là những người đã "đạt" nhất có thể chết trong thế ngồi hoa sen và vẫn ngồi yên như thế trong mấy tuần lễ sau khi chết, thể xác chẳng những không hư rữa mà còn tiết ra hương thơm. Quả là đây những điều huyền bí.

Khóa tu tập này được gọi là "Lam Rim" (Con Đường Tiệm Tu, tu tuần tự theo những giai đoạn một, từ thấp lên cao). Như đã được vị thánh tăng sống vào thế kỷ 13 là Tsong Ka Pa trình bày một cách trong sáng và mạch lạc, Lam Rim vạch ra từng chặng đường, từng giai đoạn tu tập để đi đến Giải Thoát toàn diện, hợp nhất với cái Vô Cùng. (Tsong Ka Pa là nguyên tổ của Hoàng Giáo, hay tông phái Gelug, tông phái lớn nhất trong 4 tông phái của Đạo Phật Tây Tạng). Chúng tôi được nghe về Lam Rim qua những bài giảng dài của Lạt Ma Zopa Rinpoche (Zopa : "Nhân"). Như những hiền triết Âu Châu Trung cổ, ông ngồi trên một bục cao phủ gấm thêu chói lọi, kính cẩn lấy từng trang sách rời - nghệ thuật đóng sách chưa bao giờ có mặt tại Tây Tạng - từ một vòng lụa, trịnh trọng nâng nó lên và chậm rãi đọc.

Qua Lạt Ma Zopa, người gặp chúng tôi thường xuyên nhất trong suốt khóa tu học và là người sẽ có một vai trò rất quan trọng trong những diễn biến sắp tới, lần đầu tiên tôi biết thế nào là một bậc thầy tâm linh đúng nghĩa, Cảm nghĩ đầu tiên của tôi, thành thật mà nói, là ông chẳng có vẻ gì phi thường cả; đó chỉ là một người đàn ông gầy như que tăm, bé nhỏ, mang kính cận và gầy gập xuống vì bệnh lao ông mắc phải trên đường vượt thoát sau khi Tây Tạng bị người Trung Hoa chiếm đóng. Nhưng lạ lùng thay, con người lưng còng có dáng dấp tầm

thường đó lại trở thành một thân vóc đường bệ, cao lớn, uy nghi khi ngồi trên bục nói về giáo thuyết của Phật. Trong mảnh y phục đơn giản màu vàng (tượng trưng cho trí tuệ) và đỏ nâu (để chỉ lòng từ bi), con người đó bắn ra quanh mình một hỗn hợp mãnh liệt của uy quyền tuyệt đối và sự khiêm cung cùng độ, một thứ uy quyền không có dấu vết của sự kiêu ngạo hợm mình, làm mê hoặc tất cả mọi người. Chúng tôi bị ông chinh phục hoàn toàn. Mỗi lần lên và xuống pháp tòa, ông đều phủ phục trước tượng Phật 3 lần và ông giảng giải liên tục từ ngày này qua ngày khác về Lam Rim, từ kinh nghiệm cá nhân cũng như từ kinh điển. Không có lúc nào tôi thấy ông lúng túng tìm chữ, vấp vấp, ngần ngừ, giải thích không thông, mệt mỏi hay có vẻ bực tức. Quả thật tôi chưa từng thấy một tu sĩ hay giảng sư nào như thế.

Hiển nhiên ông đã cố gắng để trao truyền cho chúng tôi thật nhiều những sở học của mình; nhưng khi chúng tôi kiệt lực thì ông vẫn thao thao bất tuyệt, không biết đến mỏi mệt là gì.

Thoạt đầu chúng tôi không hiểu nổi một chữ; lối phát âm Anh ngữ khác lạ và những câu nói bị ngắt quãng thường xuyên vì những cơn ho dài càng làm việc lắng nghe và hiểu ý ông trở thành một việc cực kỳ khó khăn. Chúng tôi đã vượt ngàn dặm về đây cầu học, nhưng cái minh triết cổ truyền đang ở trước mắt vẫn không chịu chấp nhận chúng tôi ! Nhưng lạ lùng là chỉ sau đôi ba ngày kiên nhẫn, tất cả chúng tôi đều chợt nhận ra mình đã "bắt đúng tần số", nghe rõ mọi điều ông nói, và lúc ấy mới thấy ông quả đúng là một nhà hùng biện đại tài. Rồi chúng tôi được nghe ông giảng về Lam Rim, điều đã được Đức Phật giảng giải từ hơn 2500 năm trước và được khẩu truyền từ muôn ngàn thế hệ cho đến con người ngồi trước mặt chúng tôi lúc bấy giờ.

Lạt Ma Zopa giảng rằng đời người quý báu, không nên xem thường, vì khi nó đã qua thì hiếm khi trở lại, và những thành tựu có thể đạt được trong đời này rất là lớn lao. Rồi điều chắc chắn nhất của đời người nhưng lại đến bằng những cách thế, trong những thời gian và tại những nơi chốn bất ngờ nhất, cái chết, được ông dài hơi giảng giải để cho thấy sự đẹp

đẽ quý báu của đời người. Ông cũng nói về sự báo ứng của Nghiệp, định luật nhân quả chi phối toàn thể Vũ Trụ, và cho biết rằng vì mỗi hành động, lời nói và ý nghĩ đều tạo ra những phản tác động nên chúng ta bị trói chặt trong vận hành của nhân quả, do đó bị trôi lăn theo vòng quay sinh tử luân hồi. Rồi đến những lời giảng giải về Tâm hay tâm thức, sự vận chuyển như một dòng chảy bất tuyệt từ vô thủy đến vô chung của nó; tùy thuộc vào các khuynh hướng bị chi phối bởi Nghiệp, Tâm sẽ mang lấy những hình thái mới của sinh hoạt tâm, sinh và vật lý - lý thuyết về tái sinh - và sự hiển lộ này tương đương với những tầng cấp khác nhau của Thiên Đường và Địa Ngục, được ông mô tả một cách cụ thể, chi tiết và giống với những mô tả của thi sĩ Ý Dante Alighieri sống vào thế kỷ 13-14 lạ lùng.

Đó là những chẩn đoán của Phật về bệnh trạng của con người. Lạt Ma Zopa giảng tiếp về phương cách trị liệu, một việc thật khó khăn; nhưng tôi bị chấn động vì sự trong sáng và vững chắc cực độ của giáo thuyết này. Thêm nữa, đây không phải là những lời nói suông; đang sau chúng là một truyền thống hành trì nghiêm mật và không gián đoạn từ cả ngàn năm qua.

(còn tiếp)

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa Viên Giác kính xin Quý Vị đến nhà Bank của Quý Vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

Dauerauftrag
vào trường mục của Chùa:

**Congregation der Vereinigten
Vietn.-Buddh. Kirche e.V.
Deutsch e Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01**

Xin cảm tạ Quý Vị
Chùa Viên Giác

Bài dự thi số 19

Bế Tắc



*"Với tôi tất cả đều vô nghĩa
tất cả không ngoài nghĩa khổ đau."*

Nếu bất cứ ai nghe tin người khác tự vẫn đã vội kết luận "đúng là một thằng ngu hết chỗ nói" thì tôi cho rằng người đó kết luận hơi vội vã và thiếu chín chắn. Bản thân tôi đã biết nhiều trường hợp tự vẫn. Có trường hợp tôi khâm phục, có trường hợp khó mà lý giải vì cuộc đời ba chìm bảy nổi lắm éo le, còn những kẻ chết cho người tình sợ hoặc chết đi để trốn tránh trách nhiệm thì tôi cho là hèn. Xong tất cả chỉ là sự tương đối khó mà lý giải hết được. Riêng trường hợp này mong các bạn lý giải dùm.

Tôi là một thanh niên hiền lành và thẳng tính. Phải sống trong một chế độ phi nhân bản, đầy rẫy sự lừa dối, bất công tôi cảm thấy ngột ngạt khó sống. Được ăn học đầy đủ, lại có thú say mê truyện từ tâm bé, bên trong tôi cái thiện, cái ác nó rất rõ ràng. Giữa cuộc đời thực với những điều tốt đẹp trong truyện nó hoàn toàn

xa lạ. Tôi cảm thấy bất lực trước cuộc sống và mất niềm tin sâu sắc với chế độ. Đã rất nhiều lần tôi giao tay hiệp sĩ cứu những người bị trộm, cướp hoặc đấu tranh phê bình gay gắt với những hành động thô bỉ của giám đốc. Sau những lần đó tôi đã phải trả giá đắt bằng xương máu và vị trí xã hội của mình. Chưa bao giờ tôi phải ân hận vì những hành động đó. Bây giờ việc xấu đầy dẫy, bất kể lúc nào ở đâu tôi cũng nhìn thấy, tôi không làm xuể, dần dần đành phải nhắm mắt làm ngơ, để sau đây về nhà bị dằn vặt lương tâm, đau khổ. Sự bất lực, yếu hèn của bản thân đã đẩy tôi đến làm bạn với rượu. Rượu lúc này là anh bạn tốt bụng. Rượu không lăm lờ dạy đời, rượu không dừng dung lãnh đạm, rượu cũng không khinh tôi là kẻ hèn yếu. Như một người bạn tốt, rượu đi vào trong tôi từ từ, từ từ xóa đi trong tôi những nỗi buồn, những điều sai trái, làm cho tôi hăng hái lên, để sau đây tôi mơ màng làm một giấc ngủ ngon lành quên hết sự đời. Từ đó mỗi khi có chuyện buồn tôi lại tìm đến bạn rượu uống thật say. Trong khi tôi ngày càng làm bạn thân với rượu, thì bạn tôi đã đến để lôi tôi ra. Lan là cô gái đẹp, sắc sảo. Trước kia chúng tôi học cùng ngành, cùng trường. Lan học sau tôi 3 khóa, nay về làm chung nhà máy. Bây giờ tôi mới thấy Lan rất cao thượng. Lan hiểu con người tôi, thương tôi, Lan không muốn thấy một người con trai học giỏi nổi tiếng, hiền lành, chỉ vì sự đời ngang trái, lại bị rượu xóa nhòa cuộc đời. Lan từ chối khéo léo mọi lời mời mọc của những thanh niên giàu có và có địa vị. Từ khi có Lan tôi lại rơi vào thăm cảnh cũ, Không có rượu tôi lại bị giày vò, đau khổ vì những bất công ngang trái. Tôi và Lan không chung một quan niệm, Lan cho đó là lẽ thường của cuộc đời trần tục, Lan không bị dằn vặt bởi sự suy đồi đạo đức của xã hội. Lan khéo léo lách đi trong mớ hỗn độn cuộc đời, để tìm ra những cái phù hợp có lợi cho mình. Lan được mọi người yêu mến có đầy đủ cả nhờ tài "xoay khéo trong kinh tế". Riêng tôi, vẫn không chấp nhận thua tí, tôi nguyên rửa nó, vì thẳng tính mà mọi người xa lánh tôi, tôi mất dần tất cả. Giữa tôi và Lan đã xảy ra những cuộc tranh cãi. Lan khẳng định "Chúng ta chỉ là những thành viên vô cùng bé nhỏ trong xã hội rộng lớn. Mỗi người cần làm tròn trách nhiệm của mình. Thế là quá đủ. Những việc ngang trái khác, đã có người khác giải quyết. Trộm cắp có công an, tham nhũng hối lộ có tòa án... ai không làm tròn trách nhiệm thì phải chịu kỷ luật, việc gì mình phải bận tâm. Hãy thương lấy chính bản thân mình".. Tôi phản đối "Ồ cái xã hội này, mình làm tròn trách nhiệm riêng chưa đủ, thấy việc ngang trái mà ngoảnh mặt làm ngơ, thì chính mình là kẻ đồng lõa, mình phải chịu trách nhiệm. Mặc khác ai cũng thế thì cái xấu sẽ tất phát triển. Hơn nữa không có tòa án nào bằng tòa án lương tâm. điều quan trọng là lương tâm cắn rứt, dày vò..." Lan cười thẳng vào mặt tôi, cho tôi là chàng hâm, hiệp sĩ kiểu đôngKisốt. đến lúc đó tôi mới hiểu, Lan chỉ thương tôi, chứ không yêu. Tôi đau đớn, sau mấy đêm dài trần trọc tự đấu tranh, tôi quyết định xa

rời Lan. Tôi không thích ai thương hại tôi. Dịp may đã đến với tôi, đang trong lúc khủng hoảng về mặt tình cảm, niềm tin thì có đợt đi lao động xuất khẩu. Tôi sẵn sàng vứt đi mảnh bằng đại học để đi làm công nhân. Tôi mong muốn sang xứ người để thoát khỏi cảnh sống ngang trái, mất tự do để được làm người. Ngày đầu đặt chân lên nước bạn, tôi cảm thấy sung sướng. Thiên nhiên ở đây tuyệt đẹp, những thảm cỏ xanh rờn sạch sẽ, những khu rừng ven thành phố có những lối nhỏ đi dạo thơ mộng. Mùa đông đến, lần đầu trong đời tôi được trông thấy những bông tuyết bay, cả một vùng rộng lớn trắng xóa tinh khiết. Cuộc sống mới làm tôi ngây ngạo phần nào và quên dần nỗi khổ của quê hương. Tôi sống như thể chẳng được bao lâu, sau tháng rười học tiếng tôi bắt đầu đi làm, tiếp xúc với người bản xứ, lúc này tôi mới hiểu "Tôi chưa được làm người". Để đổi lấy vài trăm Mác chúng tôi phải làm việc cật lực, song đó cũng là lẽ thường, điều đáng buồn họ vẫn coi chúng tôi là những kẻ ăn bám, bọn "mọi". Thực là trớ trêu, đau lòng khi ngay cả những kẻ mà phép nhân, chia còn ngọng, cả đời chưa từng cầm một quyển truyện, chưa thuộc lấy một câu thơ, suốt ngày chỉ rượu, mà nó cũng vỗ ngực tự hào là thượng đẳng, chửi chúng tôi là "mọi". Về nhà nằm ngẫm mới thấy đau, nó ngu thật nhưng nó nói có lý "Chúng mày tài giỏi sao không ở quê hương để xây dựng, để kiếm ăn. Tại sao phải bỏ vợ, bỏ con sang đây làm thuê, thế thì tài giỏi nổi gì", Còn nó ngu ư? Nó vẫn sống đàng hoàng trên quê hương nó, bất cứ ai đụng đến nó đều được luật pháp bảo vệ, còn mình tài giỏi phải chịu mấy tầng bất công áp bức? Chẳng ai bảo vệ mình. Sứ quán chỉ là kho buôn lậu, hối lộ làm tiền. Đã đi ăn nhờ ở đậu mình phải cầm nín. Không nói được thì sự tức tối nó chất chứa trong lòng như một khối u ác tính. Có được đồng tiền do mồ hôi nước mắt làm ra mà cũng không được thoải mái sử dụng. Mỗi khi vào cửa hàng, nhân viên bán hàng nhìn người VN như con "thú". Hỏi rất rõ ràng mà nó cũng tảng lờ như không hiểu thậm chí còn xua đuổi, nó không còn coi mình là giống người. Từ đó tôi lại làm bạn với rượu. Rượu không còn là người bạn tốt nữa, rượu không giúp ích tôi như xưa, nay càng uống lại càng tỉnh, nhìn đời rõ nét hơn, như thế càng thêm khổ. Trong cảnh nhẩy nhót, la hét, đùa rờn của mọi người, tôi thấy buồn hơn bao giờ hết, những lúc vui như thế, riêng tôi thấy cô đơn lạ lùng. Tất cả là sự vay mượn và chấp vá. Nhẩy Disco, quang thung, đầu xù, trai gái ôm nhau, tất cả là sự học đòi thiếu thẩm mỹ. Chẳng ai bận rộn suy nghĩ, họ sống gấp để quên đi ngày tháng. Đến nay tuyết rơi không còn làm tôi xốn xang như buổi ban đầu, tuyết rơi nặng nề, lạnh băng, màu trắng là màu tang tóc, Thỉnh thoảng ngời buồn lặng ngấm tuyết rơi tôi thấy mình lạc lõng. Tôi sống cô đơn lạc loài. Tôi sống bết tắc, không có mục đích, không có niềm tin. Trong những ngày này tôi sống khắc khoải. Ngày cứ dài lê thê mình vẫn sống kiếp cu li làm thuê. Bây giờ tôi mới thấu hiểu bộ mặt "Xã hội chủ nghĩa anh em",

đây là danh từ bịp bợm, chúng dùng danh từ hoa mỹ để che lấp, lợi dụng lòng tốt và sự khốn cùng của những kẻ đi làm thuê. Mọi cái khổ, bất công đè lên đầu bọn làm thuê. Tôi thấy làm thấy căm thù cái bọn lãnh đạo giả nhân, giả nghĩa. Chúng vất chúng tôi ra nước ngoài làm thuê như đem con bỏ chợ, sống chết mặc bay, tiền mầy thầy bỏ túi. Đức thì lợi dụng sức lao động rẻ mạt lấp vào phương tiện lạc hậu, lấp vào sự lười biếng của công nhân họ, để lấy lại tiền đã cho VN vay trong chiến tranh... Than ôi cái mộng ra nước ngoài để làm người, để mở mang hiểu biết, để được đọc, được nhìn cái tâm rộng lớn hơn đã đổ vỡ trong tôi. Càng ngày tôi sống càng buồn thảm. Lắm lúc tôi mong được điếc được đui để khỏi phải nghe, khỏi phải nhìn, khỏi phải dằn vặt suy nghĩ. Lúc này tôi thấy cuộc sống thật vô nghĩa. Đôi lúc tôi đã nghĩ đến "chết để giải thoát". Trong tôi có sự đấu tranh giằng co sống hay chết. Nửa muốn chết lên tiếng "Chết là giải thoát tất cả, dài hay ngắn cũng chỉ một lần chết, sống vô nghĩa thì chết còn hơn..." Nửa muốn sống lại biện luận "Mình chết thì cha mẹ, anh em sẽ đau khổ vì mình, chết mà không làm được một việc gì có ích thì là hèn, xã hội VN sẽ khá hơn, mình sẽ có cuộc đời đẹp hơn..." Tất cả cứ giằng co trong lòng. Đang trong lúc tâm trạng rối bời thì công thành Berlin mở. Như người chết vớ được cọc, một niềm hy vọng mới đến với chúng tôi. Tôi cùng người yêu bỏ lại tất cả của cải tích lũy sau 2 năm lao động để trốn sang West Berlin.

Thế giới tự bản, thế giới tự do, bao năm mơ ước trông chờ nay tôi đã được đặt chân lên, được hít thở và sờ mó thấy nó. Tôi mơ đến một tương lai tốt đẹp kết thúc những năm tháng sống vô hy vọng, sống hoài sống phí. Từ nay tôi sẽ được sống tự do, sống làm người, bình đẳng như mọi người khác. Những ngày đầu nhập trại thật là vui, tôi đã ứa nước mắt trước bao cử chỉ giúp đỡ chân tình của kiều bào ở W. Berlin. Bây giờ tôi mới thấy thấm nghĩa câu ca dao:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

Niềm hy vọng của tôi kéo dài chẳng bao lâu. Vài tháng sau hy vọng của tôi rơi vào ngũ cụt. Tôi không có hy vọng sớm được tỵ nạn. Ở đây không có luật chấp nhận người muốn "Sống làm người". 35 năm sống ở VN tôi không biết tự do, bình đẳng. Tôi chỉ hiểu nó qua sách, báo. Tôi mơ ước nó như cá trong chậu mơ biển cả, như chim trong lồng mơ bầu trời xanh. Họ không hiểu chúng tôi khát khao điều đó đến mức nào.

Đúng trong thời gian này Liên - người yêu cùng đi bắt đầu xa lánh tôi - Cả hai chúng tôi đều chẳng "chính chị, chính em" gì. Như thế một tương lai sương mù dày đặc đã hiện ra trước mắt hai đứa. Ở bên Ost Berlin Liên đã đến với tôi bằng tất cả tình cảm nồng cháy, Liên đã cho tôi những ngày tháng sống thật đẹp của tình yêu, nhờ em tôi đỡ đau khổ phần nào, em

thường tâm sự "Giờ đây chỉ là những năm tháng sống tạm thời, anh hãy quên đi thân phận của kẻ làm thuê, về VN chúng mình sẽ có căn nhà xinh, 2 trái tim vàng. Em sẽ suốt đời bên anh, giúp anh hoàn thành sự nghiệp chúng mình sống sẽ hạnh phúc". Sang W. Deutschland Liên may mắn được về Hannover, tôi phải về vùng núi Troestau. Tôi rất lo cho Liên, trong hoàn cảnh này tôi chỉ biết tiết kiệm đủ thứ, dành tiền mua tem gửi thư động viên Liên bằng tất cả tình cảm yêu thương, chân thành của mình. Tôi hy vọng tình cảm chân thành của tôi sẽ giúp Liên đỡ buồn và yên tâm hơn với cuộc sống mới. Tôi lo cho em là thân gái bơ vơ xứ người. Liên không phải là cô gái có nhan sắc nghiêng nước, nghiêng thành song em có lối tiếp chuyện rất duyên, rất dễ thu hút mọi người. Chỗ Liên ở có 12 cô gái, Liên nổi lên như ngôi sao sáng, tất nhiên em được sự mời mọc ân cần của mọi chàng trai từ những chàng thô lỗ, cục mịch lắm tiền đến những chàng hào hoa lịch sự. 8 tháng xa cách nhau tôi nhớ em đến điên đầu, nhất là cuộc sống quá buồn tẻ nơi rừng núi. Tôi đến thăm em mà không báo trước, tôi muốn dành cho Liên một sự bất ngờ thật lớn. Trên tàu tôi hình dung ra khuôn mặt Liên với sự mừng rỡ vô bờ. Đến nhà Liên tìm tôi như muốn nhảy ra, tay cầm bó hoa tôi nghĩ miên man làm cách nào để em ngỡ ngàng nhất, mừng rỡ nhất. Đến nơi Liên đi vắng, mọi người đón tiếp tôi như một người khách xa lạ. Tôi đọc được trong mắt mọi người như có cái gì đó như dò hỏi, nghi ngờ. Mãi đến 12 giờ đêm, Liên mới trở về cùng một chàng trai to cao; Đêm đó chúng tôi đã ngồi nói chuyện thật lâu, không như tôi tưởng, Liên chẳng vui lắm khi thấy tôi đến, Thỉnh thoảng em ngáp dài một cái, song tôi quyết định hỏi Liên cho rõ ràng. Liên chối tất cả, nhưng cuối cùng em nói một câu làm tôi bàng hoàng "Anh đừng viết thư nhiều nữa, tốn tiền, dành để làm việc khác có ích hơn, em biết anh mỗi tháng cả 65 DM sống cũng không nổi. Lần sau để em xuống chơi, anh đừng lên nữa phải vay nợ khổ lắm". Nghe Liên nói tôi giật run người, Liên coi thường tình cảm chân thành của tôi. Liên đã có bên đậu mới. Sáng hôm sau tôi ra tàu trở về chuồng củi của mình. Ngồi trên tàu tôi thấy người như ngầy ngậy sốt, đầu óc quay cuồng. Tôi không quá đau đớn vì Liên bỏ tôi, cái mà tôi đau và khủng hoảng nhất là niềm tin cuối cùng của tôi đã mất. Tình người duy nhất cũng đã vượt khỏi tay tôi. Nhớ đến hôm trước khi trốn sang W.Deutschland, tôi vì lo sợ tương lai cho Liên, tôi đã khuyên em ở lại, khuyên giải thế nào Liên cũng nhất định đi, em còn khóc lóc "Em sẽ suốt đời bên anh, sướng khổ có nhau, em không muốn anh phải bơ vơ buồn tẻ nơi xứ người, có em anh sẽ được sưởi ấm và vững bước trên con đường mới". Nghĩ đến đó tự dung nước mắt tôi ứa ra. Tình người mỏng manh như gió mùa xuân.

Chúng tôi sống đông đúc trong một ngôi nhà lớn. Trước mặt, sau lưng, xung quanh toàn là rừng núi.

Chúng tôi không được làm gì, họ nuôi đủ sống. Tôi thấy mình sống vô ích hơn cả con thú trong vườn bách thú. Thú cũng được nuôi trong lồng được nuôi ăn, nhưng nó có việc làm trò vui cho khách xem, và miếng ăn của nó được trả bằng vé vào cửa. Chúng tôi chẳng ai buồn xem, miếng ăn có được là do lòng nhân đạo và sự bố thí. Cả đời tôi không muốn ai thương hại mình, nay đành cam chịu. "Nhàn cư vi bất thiện" Câu này thật đúng với trường hợp của chúng tôi. Sống đơn điệu, rồi rãi đã đẩy chúng tôi đến với cờ bạc, rượu chè. Đủ 24 tiếng trong ngày không đi đâu, quanh ra quần vào với 30 khuôn mặt râu rĩ với ngôi nhà 100 m², mọi cái đều cũ kỹ nhàm chán. Rượu, bia sinh ra say sưa cãi cọ. Cờ bạc nảy sinh sát phạt, đánh nhau. Buồn nữa là sự phân biệt bắc, nam. Mọi người bết tắc tương lai, niềm tin quay ra qui tội cho nhau, lấy danh từ "bắc, nam" để qui nhau là kẻ thù. Tôi buồn lắm. Tôi buồn lắm, mỗi lần xung đột cãi nhau tôi thấy thương cho họ và thương cho chính mình. Bắc hay nam cũng là con rông cháu tiên cũng họ Trần, họ Lê, họ Nguyễn, đều là anh em một nhà. Thảm cảnh này là do bọn lãnh đạo CS mặt người, dạ thú gây nên. Đó mới là bọn đáng để ta nguyên rủa và căm thù. Chẳng ai hiểu tôi, tôi chẳng tài giỏi gì, cũng như người ta, tôi không thể khuyên bảo, dung hòa. Từ đó mỗi khi buồn hay thơ thẩn vào rừng chơi, tôi muốn lấy thiên nhiên xoa dịu nỗi buồn. Có những hôm tôi ngồi vài giờ liền để đếm lá rơi hoặc theo dõi hàng giờ con sóc nhảy. Cuối cùng cũng nhàm chán vô vị. Một hôm tôi được anh Viên Việt kiều mời đi quán uống rượu, được vài chén anh tâm sự "đời là một chuỗi ngày đen tối, khi xưa tao không tiếc gì xương máu, xông pha nơi trận mạc với lý tưởng cao đẹp vì chế độ tự do, ngờ đâu bọn Thiệu chỉ là những tên bất tài, vô dụng và tham nhũng, khiến bao chiến hữu anh hùng đã phải bỏ mình vô ích nơi trận mạc. Tao không chịu nổi chế độ CS bất nhân, bất nghĩa, nó tước đoạt mọi quyền sống của con người, mình sống như cầm thú. Tao quyết định vượt biên, sẵn sàng chấp nhận cái chết để đổi lấy 2 chữ "Tự do". Sang được đây tao hy vọng và mơ ước nhiều. Bây giờ dưới con mắt mọi người tao là kẻ sung sướng tao có xe hơi, nhà riêng, công việc cố định. Song tất cả chỉ là hình thức, thực chất thì buồn lắm. Tao không thể hoà đồng với lối sống tây phương. Phong tục, tập quán, đạo đức VN ngấm sâu vào từng tế bào mình, do đó mình cảm thấy lạc lõng, cô đơn. đi làm mới tức, bọn đức nó dân tộc lắm, dùng bao giờ hy vọng mình có quyền bình đẳng như chúng nó, kể cả nhập quốc tịch thì mình vẫn là da vàng mũi tẹt. Tao là Chef mà thằng Đức dưới quyền còn dám chửi mình ăn bám! Tôi cắt ngang lời anh "Sao anh không tham gia hội đoàn, đứng lên làm cách mạng lật đổ chế độ CS trở về quê mẹ có phải hạnh phúc không".

Anh cười nhìn tôi như thương hại "Nói thì dễ nhưng làm khó lắm chú em ạ, nếu ai dám trở về VN làm cách mạng lật đổ chế độ thì tao xin quỳ cả hai

Quê Hương Ghi Chép



"...quê hương, mỗi người chỉ một, như là chỉ một mẹ thôi.

quê hương, nếu ai không nhớ, sẽ không khôn lớn thành người".

Mỗi khi nằm một mình tôi thường nghĩ về quê hương, một cảm giác buồn buồn, một nỗi niềm lạc lõng, khó tả. Có ở xứ người mới thấy thấm nghĩa 2 chữ "Quê Hương". Nhắc đến quê hương là nói đến những kỷ niệm ấu thơ, là mái đình, cây đa, những buổi trưa hè, những chiều hoàng hôn và những đêm trăng dát vàng phủ bạc...

Trong tôi làng quê Việt Nam sao mà yêu dấu bình dị và chân thật xiết bao. Xưa kia sự đói nghèo, chiến tranh cũng không làm mất đi vẻ đẹp đặc thù của làng quê Việt Nam.

Cổng vào làng tôi 2 cây gạo cao vút, thân cây to phải 2 người ôm mới xuể. Cây đứng sừng sững như những người lính canh không lờ. Làng tôi họ Trần, đầu làng có ngôi đền lớn, được xây dựng chắc chắn, mái cong lợp ngói nhỏ. Bên phải sân đền có cây hoa đại, cây không cao, nhưng tán lá rất rộng, mùa hoa nở, bông trắng xóa, thơm tinh khiết. Bước vào, chính giữa thờ "Ngọc Hoa Công Chúa", bên phải là bàn thờ họ, bên trái là bàn thờ bà cô tổ. Đền nổi tiếng linh thiêng. Hàng năm vào ngày hội, người xa gần đến cúng viếng rất đông. Người vào cầu khẩn phải đứng ngoài đợi lượt. Hồi nhỏ vào ngày rằm, mong một ta, tôi hay theo mẹ đến đền cầu khẩn xin lộc. Trông coi đền là ông già

chân bái lạy trăm lần. Ở hải ngoại đấu tranh chỉ là hậu thuẫn cho trong nước làm cách mạng, hơn nữa người ta đấu tranh cho đỡ bị lương tâm cắn vọt. Hồi mới sang tao cũng hăng hái lắm, nhưng thằng lãnh đạo hội bọn anh cũng chỉ là kẻ làm lấy danh, mất niềm tin từ đó tao chán. Bây giờ buồn thì đi uống cho say để quên đi nỗi day dứt nhớ cha mẹ, anh em và quê hương...". Anh nói rất nhiều và dài dòng tôi nghe chẳng được là bao, đầu tôi quay như chong chóng. Tôi bỗng tỉnh hẳn và nhìn anh như một tấm gương, nếu được tỵ nạn thì 10 năm sau tôi cũng có hình dạng ra nó giống như anh, thật là khủng khiếp. Trở về nhà tôi quay cuồng với suy nghĩ nếu tiếp tục sống thì cũng vô nghĩa. Tôi nguyện rửa cho sự ăn học của mình, thà rằng tôi là thằng đàn, hoặc là người nông dân thuần túy chất phác có lẽ tôi đã không khổ.

Tôi không trở về VN, tuy nó là quê hương chắt chứa bao kỷ niệm, nhưng trở về là tôi cam chịu cuộc sống hấp hối của một con vật. Ở đây tôi bé tấc niềm tin. Tôi không thể sống thêm chuỗi ngày vô hy vọng, sống như cây tầm gửi. Tôi không đủ can đảm nhìn sự thù hận trong anh em, tôi không đủ sức chịu đựng phải sống trong một căn nhà mà suốt trong 24 tiếng trong ngày cứ ra ra, vào vào hết tháng này đến năm khác. Người thân duy nhất, cũng đã bỏ rơi tôi. Sống như thế chắc chắn không bao lâu nữa tôi sẽ bị diên khùng, biết mà không thể giải thoát vì bé tấc. Tự dung tôi thấy thú vị với cái chết, chỉ có chết tôi mới biết thế nào là "tự do". Tôi sẽ tự do lựa chọn cho mình cách chết thích hợp nhất. Ai cũng vậy thôi, chỉ 1 lần trong đời, trước hay sau cũng đến lượt. Quan trọng sống phải có nghĩa, sống mà vô nghĩa thì đi trước còn hơn. Khi đã xác định được ý nghĩa, tôi bỗng thấy mình thanh thoi lạ lùng, tôi đã tìm được ý nghĩa và lối thoát. Bây giờ làm cách nào không còn liên lụy đến mọi người, không ai phải thương hại tôi. Chết sao cho thật chắc, sợ nhất là ngắc ngoải và được cứu sống lại. Sau 2 lần suy nghĩ, cân nhắc tôi đã lựa chọn được cách chết thích hợp. Trong 2 tuần đó tôi ăn uống thỏa thuê mọi cái mình thích, vô tư cùng bạn bè, xóa bỏ mọi thù hận, ngắm nhìn lại mọi nơi mình thích. Điều kỳ lạ trong 2 tuần này tôi nhìn cái gì cũng thấy có màu vàng. Tôi mang theo ý liệu thuốc ngủ mạnh. Tôi ra cửa biển đợi lúc hoàng hôn xuống, xung quanh cảnh vật im lìm được phủ một lớp ánh sáng vàng nhạt. Tôi quay đầu về phương Nam, cúi lạy cha mẹ tha tội, cầu cho mọi người thân bình an, nguyện cùng đất trời, nếu tôi được hồi sinh theo luật "luân hồi". Tôi sẽ mượn guơm báu của Nguyễn Trãi trở về quét sạch bọn Cộng sản trả lại cho quê hương bình yên, hạnh phúc. Tôi uống hết liều thuốc lao mình xuống dòng sông, bơi lội, kỳ cọ sạch sẽ. Một lúc sau thấy có cảm giác mơ hồ buồn ngủ, tôi nằm ngửa lên ngắm nhìn bầu trời lần cuối, đầu hướng ra biển, chắc chỉ còn 5 phút nữa tôi sẽ đi vào giấc ngủ vĩnh cửu, tôi đã hoàn toàn "Tự do trời". Xin vĩnh biệt người thân, loài người. /.

họ Trần. Ông rất nghiêm nhưng lại nhân từ. Giữa làng có ngôi đình rộng đến 10 gian, chếch bên trái đầu hiên là cây đa cổ thụ, rễ rũ lòa xòa. Trước mặt đình có sân gạch rất rộng. Mùa hè vào buổi tối sáng trăng chúng tôi hay kéo nhau ra đây chơi, chơi trốn tìm, mèo đuổi chuột, bịt mắt bắt dê... vui thật là vui. Mọi hội họp của làng cũng đều kéo nhau ra sân đình cả, đám đàn ông thì ngồi với nhau hút thuốc lòn sòng sọc, uống nước chè xanh, đàn bà, con gái ngồi túm tụm với nhau kể chuyện làng trên xóm dưới, đám trẻ con thì nô đùa, đuổi bắt nhau, cấu chế nhau kêu ầm ĩ. Đình làng là nơi tôn nghiêm, mọi tôn ti trật tự, đạo đức gia phong được truyền và điều hành từ đây. Cuối làng có đầm sen rất rộng. Mùa sen nở hoa, cả làng được hít thở hương sen thơm ngát. Chúng tôi rất hay ra đầm câu tôm, câu cua. Đầm lấm tôm, cua, cá cắn câu mãi mà vẫn nhiều. Đặc biệt nước đầm trong và mát. Những ngày hè nóng bức nước ao nóng như nước đun vậy mà nước đầm vẫn mát lạnh. Thường thường vào những ngày nóng chúng tôi kéo nhau ra đầm tắm, cả bọn tòng ngồng, trần như nhộng bơi lội trong đầm, khóa nước từ dưới lên mát lạnh nổi da gà. Người làng tôi cũng nghèo, vào những tháng giáp hạt không đủ cơm ba bữa phải dọn thêm khoai sắn. Mọi gia đình đều chăm nuôi thêm gà lợn. Xong cả năm chỉ dám có 3, 4 bận ăn tươi thường là dịp giỗ, tết, hội hè... Còn lại, cộng với hoa quả trồng được đem bán hết dành tiền phòng lúc giáp hạt, mất mùa, dành làm nhà, cho con cháu. Mọi người sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc. Tôi lừa tất đèn có nhau. Đèn làng được trông coi cẩn thận sạch sẽ, hương khói liên tục. Làng tôi không giàu vật chất, nhưng giàu tình cảm. Nhà nào cũng rất hiếu khách. Mỗi khi có khách ở tỉnh về chơi, là giết gà, thả lưới bắt cá... cơm khách ngày 3 bữa, khi khách về chủ cố giữ khách, còn khách thì lưu luyến từ biệt. Cái nghĩa họ hàng nó đầm ấm gắn bó lắm. Trẻ con được giáo dục rất ngoan và lễ phép. Mỗi khi được khách cho gói kẹo, tấm bánh không bao giờ dám cầm ngay, phải được sự đồng ý của bố mẹ mới dám cầm và cảm ơn khách.

Cuộc đời tôi đã đi lang thang nay đây mai đó có chẵn ăm nệm êm vậy mà chưa bao giờ tôi thấy được ngủ ngon lành, thoải mái như những trưa hè dưới rặng tre gai.

Vào những trưa hè oi ả, trời nắng như đổ lửa, chúng tôi thường rủ nhau ra bụi tre ven ao, căng tấm võng, trải manh chiếu, nằm đó tán chuyện gẫu, hoặc đọc truyện. Tiếng võng kẽo kẹt, đu đưa phát ra điệu nhạc đơn điệu rời rạc. Thỉnh thoảng một làn gió thổi tới mang theo hơi nước của ao mát rượi, nằm đó thành thói được mơn man bởi tiếng gió rì rào, cơ thể đang căng lên vì nóng bức, nay chùng xuống vì mát và dịu lại. Một cảm giác dễ chịu, mơ hồ len lỏi vào trong cơ thể kéo mi mắt từ từ díp lại người ta đi vào giấc ngủ trưa lúc nào không hay, một giấc ngủ say sưa khỏe khoắn. Buổi chiều hoàng hôn trên làng quê êm ả, yên tĩnh đẹp làm sao. Khi mặt trời chỉ còn là quả cầu to,

đỏ ối treo lơ lửng gần cuối làng được phủ một màu hồng biếc, xen lẫn màu xanh trái cây. Vào giờ đó tôi rất thích được chạy, nhảy trên con đường làng mang theo cái điều sáo ra đồng thả. Mọi âm thanh của làng như lắng lại, cả một vùng không gian rộng lớn im ắng, chỉ nghe tiếng sáo điều vi vu bay bổng. Cả làng bình yên thanh vắng, trên mỗi nóc bếp từng đụn khói len lỏi qua mái rạ, lững lờ bay lên, mang theo hương vị bữa ăn chiều của mỗi gia đình. Đó là hương vị của bát canh mồng tơi ngọt ngào dễ nuốt, bát canh bầu mát lịm, bát canh cua ngọt đậm xen lẫn mùi rau rút thơm ngọt... tất cả hương vị đó quyện lấy nhau, tạo nên một mùi thơm rất làng xóm, rất thôn quê, vào những buổi chiều hoàng hôn. Nó gọi cho ta một cảnh sống thanh bình, đầm ấm, hạnh phúc.

Không ai không có quê hương, không ai không có mẹ. Tôi có cả hai mà giờ đây cũng như không, tôi sống lang thang xứ người. Tôi không được đem chút tài sức nhỏ mọn phục vụ quê hương, không được giúp đỡ thờ phụng cha mẹ tuổi cao sức yếu. Phải chăng tôi là đứa con bất trung, bất hiếu? Ai đã đẩy buộc tôi vào hoàn cảnh đau thương này?

Sau 10 năm xa quê hương, tôi có dịp bảo lãnh đưa em trai sang, tôi vô cùng hồi hộp chờ đón giây phút anh em gặp lại nhau. Nhìn đứa em bước xuống thang máy bay gầy yếu, đen đúa tôi thương quá, nước mắt tự dung ứa ra. Tôi không tưởng tượng được nó như thế này, sự gầy yếu nằm ngoài trí tưởng tượng của tôi. Anh em gặp nhau mừng mừng, tủi tủi. Chuyện đầu tiên tôi hỏi là về sức khỏe ba má, mọi người thân... Buổi tối nó nằm kể cho tôi nghe chuyện quê tôi, nó kể bình thân như không, nghe mà đau đứt từng khúc ruột, vậy mà nó còn nói "Em không thể diễn tả hết bằng lời, mà phải sống, phải tận mắt mới thấu hiểu hết được, quê mình thâm lắm rồi anh ơi".

Đầu làng vẫn là ngôi đền thờ họ, ngôi đền trở nên cũ kỹ dột nát vì thiếu bàn tay chăm sóc thường xuyên của con người. Mái đền đôi chỗ bị thủng vì mưa bão, nay phải lấy rơm che tạm. Tường ngoài rêu mọc màu xin, xen lẫn những cây dương xỉ. Mỗi khi vào đền cảm thấy âm mốc lạnh lạnh thiếu hơi thở thường xuyên của con người. Đây là nơi linh thiêng, thờ cúng tổ tiên của cả dòng họ Trần oai linh. Đây là nơi chăm sóc phần hồn của cả dòng họ, là nơi nhắc nhở mọi người phải gắn bó thương yêu đùm bọc lấy nhau vì cùng một ông tổ chỉ khác ngành trên, chi dưới. Vậy mà giờ đây chỉ vì sự không bé ép buộc của chính quyền, vì miếng cơm manh áo quá lo lắng hằng ngày, con cháu đã không đủ sức để lo hương khói thường xuyên cho tổ tiên. Năm 1980 chủ tịch xã đã quyết định phá đền lấy đất xây cất trụ sở ủy ban, xong cả làng họ Trần lại là nơi thờ cúng tổ tiên, đền linh thiêng nên bọn dân quân tự vệ, công an xã cũng sợ và còn chân chừ, bà con lối xóm phản thì phản đối, do vậy việc phá đền bị trễ lại - Ít bữa sau chủ tịch đi họp

bị trúng gió, ngã lăn quay, đứt mạch máu não, cấp cứu mãi mới sống, nhưng bị cấm khẩu, miệng méo, lật toàn thân. Ai cũng bảo là do các Ngải vật, đáng đời. Từ đó đến giờ, không ai dám nói phá đền nữa. Xã cũng cấm mọi người không được lễ bái, hội hè cho là mê tín dị đoan? Mọi người phải "duy vật" phải thờ cái ông râu xồm, phải tận trung với đảng như thế không ai cấm. Thực là khôn nạn cái quân quên cả cội nguồn. Làng bây giờ tiêu điều lắm rồi, cả làng lúc nào cũng vắng. Màu chết chóc đang phủ lên làng xóm. đình làng bây giờ không còn là nơi tôn nghiêm, không còn là nơi hội họp nữa. Nó trở thành kho chứa đồ của các gia đình thiếu thuế. Sân đình rêu phủ mọc đầy, một vài chỗ bị nạy, đào xới lung tung. Người trong làng mỗi người một ngã. Kẻ thì đi bán khoai sắn bên tàu, kẻ đi buôn bán vùng ngược, một vài gia đình còn chút ít thì có "đám mồm quan trên tỉnh để xin con em được làm công nhân. Một vài gia đình khác cơ cực quá, bao tài sản bị tịch thu hết vì nợ thuế, đến manh chiếu lành cũng không còn, chẳng còn mặt mũi nào sống ở làng, đành cán rặng, ứa nước mắt bỏ quê cha đất tổ, vợ chồng con cái kéo nhau lên rừng thiêng, nước độc mà khai phá nơi mà đảng gọi 1 cách văn hoa là "Vùng kinh tế mới". Đất làng bỏ hoang nhiều lắm, đất khô cằn, thiếu phân bón trông cứ bạc phếch nứt nẻ tan hoang. đất bị vất kiệt sức rồi. Bây giờ nông dân chẳng ai dám nhận đất làm, nhận vào là chết, làm bao nhiêu cũng không nuôi đủ bộ máy hành chánh xã, lại còn sưu thuế. Những miếng đất ngon thì gia đình cán bộ xã chia nhau cả. đất 5% (đất riêng) cũng bị bỏ hoang, bao vốn liếng, công sức bỏ ra chờ đến ngày thu hoạch đều bị cướp hết. Xã, tỉnh, thu mua hết, mua với giá rẻ hơn cho, lại còn nợ tiền, đến khi đòi được thì đồng tiền mất giá, hóa bằng cho không. Không bán bị qui là tiếp tay tiêu thương, là phản động, con cái không được học, gia đình bị theo dõi... Thà rằng bỏ đất hoang còn hơn. Buồn nhất là khi có khách ở tỉnh về chơi, chủ không dám nhìn khách, mắt cứ lảng đi đâu như người có lỗi. Biết lấy gì tiếp khách bây giờ? Đói quá, túng quá chẳng còn gì tiếp khách cả. Trẻ con thấy khách đến là đứng đầy xung quanh, mắt chúng hau háu nhìn xem khách cho gì, khách cho gói kẹo tằm bánh là chúng vồ lấy, giành nhau chí chốc, khóc lóc đòi hơn thật. Cả chủ lẫn khách đều cảm thấy ngượng, mẹ chúng quát đuổi bọn trẻ, xin lỗi khách vì trẻ con dạo này hư quá? Xong việc là khách phải vội vàng xin phép về tỉnh ngay, vì còn nhiều việc gấp phải làm, thực ra có việc gì đâu, ở lại càng làm chủ khổ sở. Chẳng ai dám nói sự thật, toàn nói dối cả, ai cũng hiểu đấy, nhưng nói ra phủ phàng quá. Tỉnh máu mủ, ruột rà họ hàng thân thích cũng chỉ vì miếng cơm manh áo mà xa dân nhau. đau đớn quá. đầm sen bây giờ bỏ không, chẳng ai trồng sen, mà cũng chẳng ai quan tâm. Tôm, cua, cá bây giờ khôn lắm, ngồi cả ngày cũng chỉ được vài con. Mùa hè bây giờ nước nóng như nước ao. Trẻ con không còn chỗ nô đùa, tắm mát. Buổi chiều nhìn làng mới thấm bại. Quả cầu đỏ ối vẫn

treo lơ lửng cuối làng, màu hồng biếc của nó không còn phủ lên làng xóm lẫn màu xanh cây trái. Màu hồng đó được hòa với màu bạc phứt của đồng khô nứt nẻ, trộn với màu xin xin của các mái rạ mục nát, cái màu tang tóc đó phết lên cả xóm làng. Màu tang tóc đó được gia vị thêm bởi màu khác. Những đụn khối cỏ chui ra mái bếp rạ bết nệt mang theo mùi của lá cây cháy, với mùi khoai sắn luộc quyện lấy nhau tạo ra mùi nồng nồng mới người thấy buồn ối. Cảnh thì vẫn tĩnh mịch song ta có cảm giác đang sống trong bãi tha ma. Cả làng bây giờ cũng có được dăm nhà ngói của mấy cường hào xã. Khoảng 7, 8 giờ tối mọi người đã tắt đèn đi ngủ để đỡ hao sức và quên đi cái đói đang giày vò.

Nghe em tôi kể, tôi thấy tủi thân quá, cả một làng xóm đầy ắp kỷ niệm bình yên, hạnh phúc bây giờ bỗng đổ vỡ trong tôi. Tôi cố quên đi những hình ảnh làng xóm đẹp đẽ. Càng cố quên hình ảnh càng rõ nét. Lòng tôi bây giờ như con thú khổng lồ hiền lành đang giãy giụa dưới bàn tay sắt khát máu của lũ quỷ đội lốt người. Năm tháng qua, tôi đã sống vô trách nhiệm, tôi đã ích kỷ sống mà quên đi nỗi đau thương của làng xóm. Tôi đã vui cái vui của kẻ khác. Tôi học và làm để phụng sự ai? Cái tôi trong tôi nó hèn yếu, tôi đã tự lừa dối chính mình. Tôi suy nghĩ miên man.

- Ai đã gây lên tang tóc đại họa cho cả dân tộc Việt Nam.

- Ai đã đầu độc cả một dân tộc, một thể hệ bằng tư tưởng ngoại lai độc ác.

- Ai đã lấy cường bạo đè bẹp trí nhân, lấy hung tàn để thay nhân nghĩa.

- Ai làm cho mỗi gia đình tan nát, cho con xa mẹ, cho vợ xa chồng.

Cho hàng trăm nghìn người vô tội phải vùi thân nơi biển sâu làm mồi cho cá.

Cho hàng triệu người phải sống tha phương cầu thực?

....

Người Việt Nam từ hàng nghìn năm nay có ai muốn quên cội nguồn, quên tiếng mẹ đẻ? Không thể tự lừa dối lương tâm, không thể than thân trách phận, Không thể cam chịu nữa, hãy cùng nhau đứng lên tự cứu lấy chính mình, cứu cả dân tộc VN đang sâu đau khôn xiết. /.



Bài dự thi số 21

Tuổi Thành Niên



Được sinh ra và lớn lên trong một gia đình gia giáo, tôi lúc nào cũng được sự dạy dỗ về luân lý đạo đức trong cách sống hằng ngày để xử sự với mọi người cho đúng với cái lễ của Nho-Phật-Lão. Gặp thời đất nước bị suy, cha tôi phải chịu cái khổ chung như bao nhiêu quân nhân công chức của chế độ Cộng Hòa là phải vào Trại Cải Tạo để học bài học cộng nghiệp. Với tuổi mười bốn, việc đời là những bất ngờ làm đảo lộn tất cả những gì gọi là tuổi mộng thời niên thiếu: Người ta chỉ dạy cho nhau cách qua mặt các Trạm Kiểm Soát Kinh Tế ở dọc theo các Quốc lộ tại Việt Nam để mang chút gạo từ quê lên Tỉnh cho bà con hay bán kiếm chút tiền xe cho chuyến về thăm quê ngoại. Người ta dạy cho nhau cách mua rẻ tích trữ để bán ra cho đắt hầu kiếm cho được nhiều tiền giúp gia đình và thăm nuôi phụ thân. Tôi giúp mẹ tôi trong lúc bà một mình gánh vác đàn con đại và lặn lội thăm nuôi chồng trong tù. Cha tôi dạy cho tôi phải thành thật, mẹ tôi dạy tôi chữ thương yêu, thầy cô ở nhà trường dạy khuôn phép, đạo đức mấy năm trước đây, bây giờ bà con xóm giềng dạy cho nhau phải biết làm sao cho hợp thời, hợp lúc, nghĩa là khôn cũng chết,

dại cũng chết, chỉ có biết mới sống mà thôi. Trong trường, nền giáo dục đổi mới về quan niệm sống, về lịch sử, triết lý, luân lý, các danh từ đôi khác hết thầy. Bài học về sử thì tôi được các thầy, cô ở chế độ cũ được lưu dụng dạy đúng theo giáo án, nhưng chúng tôi được học sự thật tại nhà trong những giờ thăm thầy, cô vào dịp Tết hay bãi trường. Thầy, cô tôi bảo rằng trong lớp phải giảng đúng theo bài soạn của 5 bước lên lớp vì sợ những học trò "nằm vùng" báo cáo với Giám hiệu dạy những điều phản động, nhưng khi nói với từng nhóm nhỏ trong vườn chôm chôm, vườn mận... thì thầy, cô tôi dạy tôi bằng tình thương và đạo đức của bậc thầy, còn trong lúc tưng tể phải tưng quyền. Qua nhiều lần tâm sự thì thầy, cô tôi mới biết thật rõ nhóm học trò đến "học kèm tư gia miễn phí" này là "gốc Ngụy", nên mới an tâm mà nói sự thật. Thí dụ trong sách lịch sử của nhà trường nói rằng Liên xô đánh bại Nhật ở Mãn Châu nên Nhật phải đầu hàng, còn hai trái bom nguyên tử của Mỹ bỏ xuống Hiroshima và Nagasaki là thừa cơ hội hưởng lợi trong chiến thắng, chính Hồng quân Liên xô mới có công nhất hoặc chuyện "vượt người" theo thuyết Darwin... làm tôi thắc mắc nhiều nhất. Khi được thầy, cô, chư vị sư, tăng, linh mục giảng theo giáo lý Nhà Phật hay theo Sáng Thế Ký trong Kinh Thánh thì mới rõ chân lý.

Tuổi vị thành niên trong lúc phải học một bài học chưa cay mà tôi thấy qua cái nhìn ở nhà trường giữa lúc giao thời làm cho tâm hồn đảo lộn trắng thành đen đen thành trắng. Cha tôi đi học tập ở Chi khu Long Khánh (Long Toan), chuyển trại đi làm Xà ngôn rồi làm ruộng muối ở Láng Chao với bao nỗi tang thương. Mẹ tôi và tôi đi thăm nuôi gặp những người tốt cũng nhiều mà những người chỉ biết nghĩ đến mình cũng lắm. Ai có lòng nhân đạo, ai biết giúp người khác, thì tôi tin rằng Chúa sẽ giúp họ theo đức tin của Công Giáo hoặc theo Phật Giáo thì sự công bằng của luật nhân quả sẽ giúp họ gạt quả tốt. Cha tôi nghiên cứu nhiều tôn giáo tôi tò mò cũng lấy sách đọc cho biết, nhờ thế tôi có một quan niệm rộng rãi và một lòng khoan dung phá chấp hơn các bạn tôi. Cha mẹ tôi là người Công Giáo và tôi được rửa tội khi mới sinh ở Nhà Thương Saint Paul, lớn lên mới học giáo lý để được phép thêm sức, tôi hiểu lơ mơ và không thỏa mãn óc tò mò. Tôi mong có dịp sẽ học thêm cho rõ hơn. Trong những lúc buồn bã vì phải xa cha, không ai để hỏi về chân lý nên tôi lật Kinh Thánh rồi lấy sách Phật ra học để so sánh. Tôi thấy Chúa dạy luật Nhân Quả rất rõ ràng như câu "Ai dùng gươm sẽ chết vì gươm hay cây nào sanh quả nấy" hoặc câu chuyện về Ni-cô-đem hỏi về sự tái sinh, tôi hiểu đó là Luật Luân Hồi vậy. Tôi cầu Chúa và khẩn Phật cho cha tôi sớm trở về. May thay! sau khi cha tôi được thả ra, cả gia đình cùng "vượt biên", nhưng không may, ghe chúng tôi bị công an biên phòng giả ghe đánh cá bắt kéo về Rạch Gốc (Cà Mau). Chúng tôi ném đủ mùi

đau khổ của muối mòng, đói khát, chen nhau từng tấc đất để nằm, biết ăn hột muối để lười thắm mặn mà uống nước cho nhiều đầy bụng trừ cơm, khi họ phát cho ba mẹ con tôi có vài muống cơm cho một buổi ăn. Tại sao họ bắt trẻ con phải ở tù vì tội muốn tìm tự do và muốn có tương lai trên đường học vấn mà họ ngăn cản vì cha tôi là "Nguy"? Vài ngày sau khi ở trong Khám Lớn Cà Mau, mẹ tôi sợ tôi bị khổ cực nên gọi tôi và em trai tôi cho một nữ tù nhân được thả, để chúng tôi về với bà ngoại đang chờ ngóng ngoài cổng khám, bà phải đi mấy ngày đường từ Sài Gòn xuống Cà Mau, ngủ lẫn lóc ở các bên xe, chờ mua vé mà không có xe. Tâm thân già phải chịu cực khổ vì con cháu. Nào ngờ, tôi và em trai tôi lại bị đưa lên Trại cải tạo Cây Gừa (Bạc Liêu), vì người đàn bà mẹ tôi tưởng là được thả lại là người được chuyển trại đi lao động chớ không phải được thả. Bà ngoại chúng tôi đến Cây Gừa lãnh chúng tôi ra, dọc đường, chúng tôi thấy những nhóm cải tạo viên làm lao động như đào đất, chuyên đất in gạch, hầm gạch để cất Trại cải tạo cho kiên cố thêm và lớn hơn, trong đó có cả nhóm đàn bà thân hình mảnh mai cũng phải chuyên từng cục đất to có những anh bộ đội cầm súng canh giữ như đám dân nô lệ của thời mà Ai Cập dùng sức người xây Kim Tự Tháp mà tôi đã xem phim trước ngày 30.4.75.

Về nhà, tôi được đi học lại, vì thầy, cô cũng đồng cảnh ngộ như gia đình chúng tôi, nghĩa là cũng dự định "vượt biên", hỏi thăm những kinh nghiệm sống trong tù, hỏi ra đường nào, làm cách nào để thoát những sự kiểm soát của công an... nhưng tôi không rõ, vì tôi quá sợ khi từ sông nhỏ ra cửa biển trong lúc đêm tối, chỉ thấy bóng đen của cây rừng, và dòng nước bạc mà thôi.

Hai tháng sau, mẹ tôi được thả ra, tiếp tục đi bỏ mồi thuốc hút và cà phê cho các thân chủ mà ba tôi trước đây sống nhờ cách buôn bán tạm chờ ngày "vượt biên".

Đùng một cái, cha tôi về trong đêm tối. Vừa mừng, vừa sợ, vì cha tôi trốn trại, mẹ tôi giúp tiền để cha tôi lên Sài Gòn tìm mua giấy Biên Nhận Chứng Minh Nhân Dân giả để trình khi bị xét hỏi, nhưng đây nguy hiểm.

Trước đây, cha tôi có bảo mẹ con chúng tôi trốn đi trước, cha tôi sẽ tự lo sau vì không đủ tiền lo, nhưng có lẽ các đảng Thiên, Trời, Phật, Thần, Thánh không nỡ để gia đình chúng tôi xa lìa nhau, nên trong một chuyến kể, "cá nhỏ" của ba mẹ con chúng tôi bị rớt lại vì "cá lớn" bị công an biên phòng rượt nên "Taxi" đưa chúng tôi lên ghe lớn không kịp, trong số có cả chủ ghe, bị bắt vô tù. Những người khác đã đến Nam Dương.

Sau khi chủ ghe chuyến này trốn ra được, về Sài Gòn, gia đình chúng tôi liên lạc được và cha tôi phụ lo với bác chủ ghe, cũng là đồng nghiệp và đồng cảnh, lo mua ghe, mua máy cày John Deere gắn xuống ghe, giả

đi buôn dừa nạo ở vùng Bến Tre để tránh sự dò xét của công an.

May mắn thay! chuyến này cả gia đình chúng tôi được "Thuyền Bác Nhã" "Cap Anamur" vớt từ Biển Mê rước sang Bờ Giác đến nước "Tây Trúc" (Tây Đức) tạm ngụ để chờ ngày hồi hương.

Khi qua Đức, tôi tò mò tìm học Kinh Thánh với những người rao giảng ngoài đường là Nhân Chứng Giê-hô-va để vừa học tiếng Đức, vừa tìm hiểu chân lý. Tuy nhiên, tôi rất thích đọc báo Viên Giác qua những bài trích trong sách do người Tây Phương viết là "Tin có luân hồi" cũng như sách về Phật Giáo.

Nhờ thế, tôi tuy đạo Thiên Chúa mà biết khá về Phật Giáo.

Tôi thấy những gì mà cha tôi nghiên cứu ở vạn giáo lại có lý hơn và tôi coi Tôn giáo không phải là chân lý mà là phương tiện để tìm hiểu chân lý mà thôi. Sợ dĩ người ta bảo đạo người ta đúng, đạo người khác là sai vì người ta còn vô minh, còn chấp ta, chấp người, chỉ thấy có một phía mà chưa nhìn tổng quát mọi phía. Ai cũng nói mình là đúng cả, nhưng tôi nhờ học đủ các đạo nên tôi thấy "đường nào cũng tới La Mã" khi mình biết sử dụng phương tiện để đi đến nơi, hoặc đi bộ, hoặc đi xe hơi, bay bằng phi cơ... tất cả đều đến cả, chỉ có nhanh hay chậm mà thôi... Việc hiểu đạo thì quá ít ỏi, nhưng việc đời của tuổi thanh niên cần phải được gia đình xã hội hướng dẫn và sự chọn bạn mà chơi cũng rất cần thiết cho việc trau rèn lẫn nhau.

Đến khi tôi 18 tuổi, lũ bạn người Đức ở trường học bảo tôi rằng đã có tự do rồi, có quyền làm người, không còn bị lệ thuộc ở cha mẹ nữa, cứ bay nhảy tự do đi. Tôi thấy được một bài học nữa rồi đây! Tôi nghĩ rằng kiến thức cổ truyền Việt Nam cũng như tình thương bao la của ba mẹ tôi không cho phép tôi tự do bay nhảy như tụi nó được. Có những buổi sinh nhật có khiêu vũ, tôi cũng vui đùa nhảy nhót mà không quên nhìn đồng hồ để làm tròn lời hứa với cha mẹ "đi phải thưa về phải trình", đi và về đúng giờ cho tròn câu hiểu đạo, vì tôi hứa với mẹ về trước 10 giờ đêm. Tiệc chưa tàn, những bản nhạc còn tiếp tục vang lên, bọn con gái bạn Đức bảo:

- Mày trên mười tám tuổi rồi, tại sao mày còn sợ cha mẹ? Mày có quyền tự do muốn đi và về giờ nào theo ý muốn của mày mà!

Nhưng tôi bảo:

- Tụi mày là người Đức, văn hóa của Tây Phương khác với Văn hóa Việt Nam chúng tao. Ở quê nhà tao, những người con trong gia đình đã 25, 27 tuổi có gia đình rồi mà lúc nào cũng vâng lời cha mẹ, coi lời dạy của cha mẹ là lời vàng tiếng ngọc, vì cha mẹ có những kinh nghiệm quý báu. Tuy cha mẹ tao nói tiếng đức không bằng tao, học khoa học, kỹ thuật của thời trước lỗi thời, nhưng những lời dạy là kho tàng đạo đức cổ

truyền, nên tao phải nghe lời cha mẹ tao. Con cái lớn lên giúp đỡ, phụng dưỡng cha mẹ để lo tròn chữ hiếu chứ không ích kỷ nghĩ đến mình như thanh niên ở Tây Phương.

Sau khi tôi nói như thế, bọn trẻ đức ngạc nhiên, câm lặng và kính phục tôi, còn bảo về ngay kéo mẹ tôi trông.

Từ đó tôi thấy tôi đã giúp bọn trẻ Đức một bài học đạo đức Đông Phương.

Sau đó chúng nó xin phép cha mẹ tôi đến thăm nhà chúng tôi. Khi đến nhà, chúng nó thấy nhà cửa ngăn nắp vì chị em chúng tôi cùng giúp cha mẹ tôi lo dọn dẹp nhà cửa tươm tất, lo phụ bếp núc, em trai tôi vừa lo học nghề vừa học thêm bằng lái Taxi, mỗi tuần vào ngày thứ bảy chạy kiếm tiền phụ với cha tôi lo trong gia đình. Chúng tôi vâng lời, lễ phép với cha mẹ. Chúng bạn Đức thấy vậy mà bất chước chứ không khuyên những lời trái với đạo đức cổ truyền Việt Nam nữa. Có lần tôi bảo với chúng nó:

- Tụi mày nên học cái lễ của người Việt Nam chúng tao và thử áp dụng trong vòng một tháng thì cha mẹ tụi mày sẽ ngạc nhiên và thương tụi mày nhiều hơn.

Có lần tôi đến nhà vài đứa bạn Đức chơi, cha mẹ chúng bảo:

- Con Helene nhờ cháu mà thay đổi tính tình. Hồi trước hay cãi lời cha mẹ, bây giờ biết vâng lời, đi thưa về trình và về đúng giờ chứ không còn giống như nó hồi mới lên 18 tuổi nữa. Bác cảm ơn cháu đã dạy cho nó biết lễ phép. Bác được biết như thế vì nó nói là học được ở cháu lối sống đạo đức của Việt Nam. Bây giờ nó còn biết làm chả vò với nước mắm mà bác ăn ngon quá ! Món ăn Việt Nam độc đáo thật! Luân lý Việt Nam thật đạo đức!

Tôi mừng vì đã làm được một việc phổ biến Văn Hóa Á Đông cho giới thanh niên Đức đã bị vật chất và nền dân chủ quá trớn làm mất những cái hay của thời trước, trong khi người Việt Nam chúng tôi còn coi đó là khuôn vàng thước ngọc cho cuộc sống. Khi giao thiệp với bạn trai Đức cũng như Việt Nam tôi thường bảo phải đến nhà có sự hiện diện của cha mẹ tôi, làm quen, tìm hiểu tánh tình của nhau để xây dựng tương lai chứ không quơ ngang bắt hụt hay sống thác loạn như những thanh niên từ Việt Nam qua Mỹ vào năm 1975. Bất chước cái hay thì khó chứ chạy theo cái xấu rất nhanh. Cuộc đời thật là một trường học rất phong phú!

Tôi cũng mong rằng các bạn tôi, ai còn giữ chút đạo đức cổ truyền thì lúc mang chuông đi đánh xứ người thì ráng nêu cao danh dự dân tộc. Mình nên ảnh hưởng người chứ đừng để người ảnh hưởng mình. Đó cũng là cách bảo tồn và phát huy Văn Hóa Việt Nam vậy./.

Bài Dự Thi Số 22

Hồi Tưởng



Kính dâng hương hồn 2 Cậu Ph. và Q, cùng tất cả đồng bào Huế bị Việt Cộng thảm sát trong biển cố Mậu Thân 1968.

Trưa hôm ấy "đỏ quân" xuống Bắc Vàm Cống, rồi từ "cá nhỏ" lên "cá lớn"; tôi nhớ có khoảng 8 hay 9 chiếc "taxi" đưa khách. Năng chói chang trên mặt sông, từng cụm lục bình nở hoa tím trôi dạt dờ. Đời mình rồi cũng sẽ phiêu bạt về đâu? Có an phận thủ thường như cánh lục bình xanh điểm bông tím kia chăng? Mùi nước sông nồng nồng đất phù sa, cảnh miền Tây đẹp như vậy mà phải đành lòng lia bỏ ra đi. Lòng bồi hồi, tôi đắm suy nghĩ vẩn vơ: lần này vượt biên - trước khi chia tay Mẹ khóc nhiều quá, tôi bỗng xót xa chi lạ. Nhìn tóc Mẹ bắt đầu điểm bạc, nước mắt rung rung; lòng tôi nghe cay đắng nghẹn ngào. Cha Mẹ ơi! Phận làm con chưa đền bồi chữ hiếu, ơn dưỡng dục sinh thành cao tựa Thái Sơn, con chưa mời lấy Cha Mẹ được một bữa cơm, lại phải tìm đường vượt biên. Lần này là lần thứ mấy rồi? Các đợt trước tôi đều quay lại nhìn Mẹ lần cuối trước khi "dứt áo". Mẹ dị đoan bảo rằng bởi vậy con đi bao nhiêu chuyến vẫn chưa lọt. Kỳ khởi hành bên cầu chữ Y đêm Noel - bến Phạm Thế Hiển - nguy trang làm ghe chở củi định xuôi hướng Rạch Giá, tới được Nhà Bè - Phú Xuân thì bị "bê". Cha hay tin kịp - phóng Honda xuống đón; đưa xe cho tôi chở P. về Sài Gòn, còn người đón xe đồ lên lại sáng hôm sau. Đợt tính "đông" ngã Phan Rang thất bại, bị người ta gạt. Mất mát tốn kém nhiều quá, đưa em trai kế tôi chán nản không muốn đi nữa. Nó tuyên bố rằng vì ba chuyện này mà lỡ dở sự học hết trơn: "thôi anh đi một mình đi! Em muốn thi vào Phú Thọ kỳ này, kiếm đường "đọt" hoài chả học hành được gì cả!". Ph. nói vậy và tôi cũng thấy cu cậu có cái lý của nó. Rồi lần "thăng" ngổ đật đồ - Bà Rịa

cũng chẳng xong. Hôm sắp sửa "hạ thủy" ở Long An - Cần Giuộc bị dân địa phương đi tố Việt Cộng vây bắt, chạy trốn chết ngoài ruộng - thấy đèn sáng tường đồn Công An, không dám vô lối đó, mà sao chẳng đập mìn hay lựu đạn nổ gì cả? Mạng mình còn lớn chẳng hay nhờ ơn Trời Phật phù hộ? Phúc đức ông Bà để lại - gia đình thoát chết bao nhiêu lần - cảm tạ Phật, Trời che chở bảo bọc nhà con (tôi xấu hổ thấy mình ích kỷ dễ sợ). Tết Mậu Thân - những "anh hùng" sinh Bắc, tử Nam đã dẫn cha tôi đi rồi đó chứ. Mẹ tôi kêu ngất khi thấy ông vẫn bình tĩnh thay Pyjama, mặc chemise và quần tây, lại tròng thêm áo len (trời đầu Xuân ở miền Trung hơi lạnh hơn trong Nam). Cha tôi nhét theo giấy tờ, thẻ căn cước (đặng sau này vợ con dễ nhận ra hài cốt mình mà đem về mai táng chẳng? Những đau đớn này của người dân cố đô nói chung - "sinh viên" Hoàng Phủ Ngọc Tường, "giáo sư" Nguyễn Văn Hào... có hay, có biết?). Lúc ấy Ba tôi còn lấy thuốc cho mấy anh em tôi đang lên sởi uống, hôn trán chúng tôi và quay lại ôm Mẹ tôi từ biệt, lẽ đâu là lần chót? Nhánh mai vàng nở rộ trên bàn thờ phòng khách, ngày Tết sum họp đầm ấm chưa ai được hưởng - bây giờ đồ nhân danh chủ nghĩa này, học thuyết kia để vào đây bóp nát tất cả, để hằng say chém giết lương dân. Vậy mà - lạ Phật! - mấy hôm sau cha tôi trở về được, chuyện thật không ngờ! Mẹ té xỉu khi thấy mặt mày lem luốc hốc hác, mắt thâm quầng mắt ngủ - (Mẹ tôi cũng vậy chứ có khá gì hơn)- lù lù xuất hiện trước mặt, áo quần rách rưới bởi lội suối băng rừng. Còn những người khác bị dẫn đi cùng một lượt - chẳng thấy ai trở về, sau này cũng thế. Cha tôi bảo họ bị Cộng sản thủ tiêu hết tất cả rồi! Cứ đến Tết là người Huế lại có kỳ giỗ thân nhân bị thảm sát trong đầu năm 1968 kinh hoàng ấy. Nhiều gia đình có đến hai, ba cái tang một lượt hoặc hơn nữa. 22 năm làm đám giỗ nạn nhân Tết Mậu Thân đã qua đi - bằng tuổi thanh xuân của một người đang lớn lên chứ ít đâu! Không hiểu tại sao nhà tôi chẳng ai tử thương trong "địa ngục trần gian" đó - may mắn thật khó tin. Ngay cả lũ quý sứ mệnh danh là "bộ đội chính quy Bắc Việt" lừa mọi người chạy băng qua sân trường Đồng Khánh, làm bia đỡ đạn cho chúng trong khi đại liên trên trục thẳng Mỹ tưới xuống như trút: họ làm tướng tất cả là Việt Cộng! Trời ơi! Âm mưu của bọn mang dèp Bình Trị Thiên thâm độc quá chừng!... Đạn nổ tung tóe khắp nơi, đạn cày mặt đường đá nháng lửa; tai tôi ù lên, mắt choáng váng - người ta ngã gục chung quanh thiên hạ chết nhiều quá, chết không kịp trời trần lấy một lời. Đầu tôi đội một cái nón lá rách của ai đó từ nạn dọc đường, Mẹ tôi lượm che đỡ cho con. Trời mưa lâm râm, mùi tử khí bốc lên đến buồn nôn, lợm giọng. Chúng chiếm Huế thật rồi! Chúng ở đâu về nhiều quá, mặc đồ kaki xanh màu cỏ úa, tay trái thắt 2 băng vải đỏ và xanh da trời, tay phải giơ cao khẩu AK khát máu - miệng rống to "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng". "Ngày vui đại thắng" của chúng đó, chúng lấy chuyện sát nhân, giết hại dân lành vô tội

làm niềm vui mà! Phía bên kia - trên Phú Văn Lâu - gió như ghê tởm lá cờ nửa đỏ, nửa xanh có ngôi sao vàng của cái gọi là "Mặt trận giải phóng miền Nam". Huế thất thủ nhanh vậy sao? Chúng vào ngõ nào mà không ai hay cả "Khe Sanh? Ba Lòng?... Tôi nhìn xuống sông Hương - nước đục ngầu, cuộn cuộn chảy như đang khóc cho đất Thần Kinh bỗng gặp cơn đại nạn. Cầu Trường Tiền sáu vài mươi hai nhịp đã bị chúng giật sập một khúc, sông lung thành phố yêu dấu của tôi đã gãy! Điều tàn, đổ nát; chẳng còn gì ngoài điều tàn, đổ nát... Còn nhiều nữa, nhiều lắm: bom Napal cháy lan vô mền của đứa em gái mới ra đời mấy tháng còn đỏ hỏn, Cha nhanh tay dắt kịp trong tiếng thét khủng khiếp của Mẹ; mọi người nước mắt ràn rụa, ho sằng sặc vì khói cay. Anh Ch. con bà TT. mới cho gia đình tôi mấy trái chanh và bao nylon để chống hơi cay. Anh L. con dì Q. ở sau nhà bị chúng dẫn đi hồi sáng, anh ấy trốn trên xà ngang mà cũng chẳng thoát khỏi tay bọn nó. Tiếng dì Q. gào khóc, van lạy chúng thảm thiết lạc trong tiếng trung liên chúng nó bắn sang lao Thừa Phủ - khi ấy Cảnh Sát Dã Chiến của mình còn cố thủ bên đó. Nghe nói những người cai ngục bị chúng dồn vào bờ tường xử tử ngay tại chỗ khi chúng chiếm được lao, chỉ có ông coi tù trốn được nhờ cải trang giả dạng.

Ở bên này sân trường Đồng Khánh, mọi người tập trung trong các lớp học - chất bàn ghế lên nhau làm hầm trú ẩn tạm thời, nệm giường phủ mặt trên chống mảnh bom, miếng đạn. Cha tôi ngoa ngán nhìn hai người tù mới được Cộng Sản giải thoát - chờ nhau thích thú trên chiếc Vespa của ông; Mẹ tôi thờ dãi - đăm đăm dõi mắt theo mấy người nữ tù đang khoe nhau áo quần, nữ trang của bà mà họ đã lấy trong phòng ngủ Cha Mẹ tôi. Rồi đêm kinh hoàng, một trái đại bác 105 ly nổ ngay cửa hầm gia đình hàng xóm chết 7 người, trong đó có em bé chưa dứt sữa mẹ. Tiếng la hét, tiếng rên rỉ của những người còn sống; tiếng bàn nhau nên chạy lên Phú Cam, hay về Nam Giao, An Cựu - xen lẫn với tiếng niệm Phật của Mẹ tôi, tiếng rì rầm cầu Chúa của dì Ng. . Cảm giác tức ngực, nghẹt thở khi một quả đại bác khác nổ tung trên trần nhà, gạch ngói rơi ào ạt xuống nóc hầm. May nhờ nó xuyên qua 2 lần: nóc nhà và tầng lầu trên trước khi phát nổ, nên gia đình tôi vẫn bình yên vô sự; mọi người chỉ bị chảy máu cam, tai lưng bưng khó chịu. Chúng tôi đã có "kinh nghiệm" chiến tranh, mĩa mai thay! - Đêm nằm nghe trọng pháo rít dài, đến phát quen; biết chừng nào nó sắp nổ và bày trò chơi ăn thua, cá nhau đêm mấy tiếng kể từ khi đạn hú lên cho tới lúc nổ. Mấy đứa em tôi rúc trong tấm chăn mỏng một cách ngây thơ, làm như đó là bức giáp sắt kiên cố, không bom đạn nào có thể xuyên thủng được... Và lúc ngưng tiếng súng, lúc giọng chị L. mừng rỡ gọi Mẹ tôi ngoài cửa hầm: "O ơi! Gia đình O còn sống không? Mỹ lên đông ghê! Lính Mỹ dưới Phú Bài lên O ơi!". Tiếng tài công B. ôn tồn - cắt đứt cuốn phim quá khứ

Em Cũng Xin Làm Cách Mạng



*"Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân"
Nguyễn Trãi*

Chủ Nhật.

Hôm nay nhà tôi có khách. Gọi là khách cho nó thêm phần long trọng thôi, chứ thật ra chỉ là mấy thằng bạn, trí thức ròm "như vợ tôi thường gọi". Lâu lâu rảnh việc lại ngồi với nhau nhấm nháp gì đó rồi tán gẫu chuyện đời cho vui. Thời buổi này những người vào cái tuổi bạn tôi thì đang lo tới mặt tới mày mảnh mung để kiếm sống, còn bọn tôi vẫn trơ trơ, nhớn nhớn tán gẫu với đời. Chẳng phải mình giàu có gì cho cam, nghèo thấy mồ, lâu lâu mới nhìn thấy miếng thịt, miếng tóp mỡ chứ hàng ngày chỉ nhìn thấy toàn rau với cà. Tôi thường đùa với vợ tôi là hàng ngày mình ăn toàn màu xanh hy vọng.

- Ừ, mà ăn rau cho nó nhiều Vitamin, mát da mát thịt, trẻ lâu chứ ai dại gì ăn thịt cho nó chóng già - Vợ tôi nói thế. Với lại bọn tôi đã chẳng có tài mảnh mung, vốn liếng lại không có nốt nên đành rồi rồi mà nhìn thiên hạ, chứ biết làm sao?

Mới có 8 giờ, khách cũng chưa có thằng nào đến mà vợ thì đi chợ cũng chưa về. Vợ tôi mà đi chợ thì mất thời gian lắm. Nguyên tắc của vợ tôi là: "ngon, nhiều, tốt, rẻ" thì phải để lên trên cùng. Một cái thứ nguyên tắc trái ngược với quy luật tiến hóa của xã hội, vậy mà vợ tôi vẫn bảo thủ. Vì thế mà mỗi lần đi chợ cô ấy phải dạo quanh chợ hàng chục vòng, mặc cả hàng trăm lần. Hồi mới cưới do chưa biết nên tôi

đang lộn xộn trong đầu tôi: "Xin bà con cô bác ai ở đâu ngồi yên đó, đừng hút thuốc và giữ yên lặng như hồi mới xuống ghe, tàu sắp sửa qua B.G". Tôi nằm ở tầng trên, nhìn lên ô cửa trống - trời đêm nay nhiều sao, những vì sao nhấp nháy như muốn gọi đến ai những lời nhắn nhủ yêu thương - tôi chợt nhớ tới lời Bà Ngoại dặn dò âu yếm: "Luôn luôn con cứ niệm "Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ Cứu Nạn" liên tục, Phật Bà sẽ độ trì cho con tai qua nạn khỏi, con nhớ nghe!". Còn như đầu đây mùi nhang thơm ngào ngạt Ông Ngoại đốt lên cho tôi lễ Phật trước khi đi. Nhưng kỳ này không "tầu" cũng chẳng được, tên H. công an khu vực đã đến rêu Mẹ tôi mấy lần; nó đòi "ăn" nhiều hơn nữa đây mà - tên tôi đã bị xóa từ lâu trong "hộ khẩu" gia đình. Không lẽ ở lại để "hãng hái thi hành nghĩa vụ quân sự"? Trời đất ơi! Bà con đồng họ hai bên đều thuộc loại "ác ôn" có "nợ máu với nhân dân" như giặc Cộng tuyên bố, lý nào lại có thằng cháu "bộ đội cụ Hồ". Chẳng đời nào tôi chịu đi lính cho Cộng phỉ, tiếp tay cho kẻ thù không đội trời chung. Bọn bè tứ tán gần hết chẳng biết tụi nó có đến được bến bờ tự do hay đã trảm mình ngoài biển khơi, làm mỗi cho bọn hải tặc Thái Lan" khôn kiếp; hoặc bị bắt giam ở một nơi nào trên giải đất hình cong chữ S đang quần quai đau thương mà phi quyền gọi là "Cộng Hòa XHCNVN", nơi mà độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc chỉ là bánh vẽ. trong một "thiên đường" mù chột, tối tăm. Sài Gòn sau tháng Tư đen mang tên của xác một kẻ chết vô phúc chẳng được chôn, những con đường phải miễn cưỡng nhận những cái tên kỳ cục khi "đôi dép râu dẫm nát đời son trẻ, mũ tai bèo che kín cả tương lai". Tên đường đã bị người Sài Gòn phản kháng bằng cách đặt thơ thật đặng cay, thấm thía:

"Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu Công Lý,
Bến Tre đồng Khởi diệt Tự Do!".

Bỗng dưng tôi nhớ nhà quay quắt, những kỷ niệm chợt về, buồn tênh. Tôi lại nhớ thành phố ấy bằng những suy tư thả buông, rung động nhất : tôi yêu Sài Gòn! Mười ba năm ở đó, những dĩ vãng buồn vui lẫn lộn, "thời gian tựa cánh chim bay, qua rồi những tháng cùng ngày", những tháng ngày phấn trắng bâng đen Pétrus Ký; những buổi trưa lá me xanh ngát trước cổng Nguyễn Ngọc Linh, những buổi sáng Hội Việt Mỹ tóc ai xoa bờ vai, nụ cười thánh thiện tuyệt vời. Nhớ căn gác Tân Định, nhớ đường Trần Khắc Chân; ngày Cha vào Quang Trung - Thủ Đức, nắng cháy da cháy thịt. Ngày Mẹ về Suong Nguyệt Ánh, những đêm lửa trại, sinh hoạt Nghĩa Sinh, "đá đảo, hoan hô; tôi đứng lên làm người".

Những hôm lang thang Đà Lạt sương mù với H. , với Qu.; những chiều Vũng Tàu sóng biển thì thâm Bãi Sau, Bãi Phụng, Trung Tâm Hồ Lục... Tôi thiếp đi trong tiếng máy chạy ì ầm, tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền lao xao; giấc ngủ cô đơn đi về, ngày tháng nào... Trên không, những vì sao vẫn lấp lánh, ánh tinh cầu cô độc âm thầm, câm nín/.

còn chờ vợ đi chợ, nhưng sau vài lần thì thấy ớn. Mặc dù rất muốn thấy cảnh vợ chồng son hạnh phúc chờ nhau đi mà cũng đành chịu vậy. Ở nhà một mình buồn rỗi, tôi lôi mấy tờ báo ra đọc. Báo cũ trong tuần mượn của ông Cự bên hàng xóm. Mang tiếng là vợ chồng trí thức nhưng đồng lương cũng đủ ăn một cách rất tiện, nên chẳng khi nào có được tờ báo mới để coi. Với lại tôi chẳng quan tâm gì đến báo chí cho lắm. Thời buổi này báo chí toàn nói láo đọc cũng mệt. Những lúc rảnh việc thì đọc cho hết thời gian và cùng để có cái mà đến cơ quan hoặc ngồi với bạn bè mà nói phét, kéo người ta lại chê mình là "lạc hậu với thời cuộc".

Ngồi đọc báo mà tôi mong vợ về chợ lắm, cứ như trẻ con mong mẹ về chợ làm quà cho cái bánh đa. Chẳng là mỗi lần đi chợ về là vợ tôi lại lôi về hàng đồng chuyện giết gân ngoài xã hội, mà chuyện chẳng lần nào giống lần nào cả. Lần thì chuyện có hai vợ chồng chạy xe CUB đưa nhau đi mua gì đó. Chẳng hiểu vợ vả thế nào anh chồng khi chạy vào tiệm, để vợ đứng trông xe, mà vẫn để xe nổ máy. Hai thằng cướp ở đâu bất thần xông ra, một thằng cúi xuống tút cái quần lụa của chị vợ, chị ta luống cuống mắc cỡ, cúi xuống kéo lên thì thằng khác thừa cơ nhảy lên xe rồ ga và hai thằng phóng mất. Lần thì chuyện một ông cụ nào đó đang khỏe mạnh thì lăn đùng ra chết. Sau đó người ta mới phát hiện ra là con dâu đầu độc để lấy của. Lần thì ở đâu đó người ta mới khám phá ra một quán phở nấu thịt người. Khi khám nhà đào sau vườn thấy hàng đồng đầu lâu, v.v...

Bao giờ cũng vậy, cứ vợ tôi kể xong là chúng tôi tranh luận. Tôi thì cho đó là sự suy đồi về đạo đức của cái xã hội này, còn vợ tôi bảo là do đói kém. "Đói ăn vụng, túng làm liều"- vợ tôi lý luận.

- Nhưng các cụ dạy "đói cho sạch, rách cho thơm" cơ mà - Tôi bảo thù cãi lại - Thế tại sao anh cũng đói, cũng nghèo mà anh không đi ăn cướp? Tất cả đều do đạo đức suy đồi - Có phải ai cũng ăn cướp được đâu. Muốn ăn cướp người ta cần phải có bản lĩnh nữa chứ. Vì thế anh mới thấy xã hội có kẻ ăn xin, có kẻ ăn cướp. Chứ cái ngữ anh cất tiết gà không nổi, đã nghèo còn sĩ ta đây là trí thức, suốt đời ngồi rú rú ở nhà rồi đổ cho xã hội vô đạo đức.

- Ai bảo là anh không cất tiết gà - Tôi cãi cùn
- Từ hồi nào đến giờ đã khi nào em mua gà cho anh cất tiết đâu mà cũng...

Thế là vợ tôi chịu thua. Quả thật chúng tôi sống rất tiện mà chẳng khi nào đủ tiền mua con gà. Tôi hay đùa vợ tôi là nhà mình nghèo nên an tâm, chẳng khi nào trộm cắp thêm "sò" tới. Thế mà nó vẫn "sò" tới. Số là vợ chồng tôi được thừa hưởng

của bố mẹ nội ngoại hai cái xe đạp tông tọc. Chả có chủ nhật nào mà tôi không phải mất vài tiếng đồng hồ để tu sửa. Rồi một hôm sơ ý thế nào vợ tôi để bọn trộm xoi mất một cái. Hai đứa còn một xe nên đành phải đi làm sớm, chờ vợ tôi đến cơ quan trước rồi vòng lại chỗ mình làm việc sau.

Đang đọc báo thì khách tới. Thằng Trung tay cầm chai cuốc lủi, còn thằng Hòa tay cầm hai con mực khô nhỏ với mấy gói lạc. Ba thằng tôi thân nhau từ nhỏ nhưng chỉ mình tôi là "dám" lấy vợ. Được cái vợ tôi cũng dịu dàng mến khách và chúng tôi chưa có con nên thỉnh thoảng nhà tôi thành nơi tụ họp. Biết hoàn cảnh của chủ nhà nên bao giờ chúng nó cũng đem theo một vài thứ gì đó để góp phần. Tôi đang pha trà thì vợ tôi đi chợ về.

- Em mua cho bạn anh con cá, lát nữa rán lên để nhậu. Ngoài ra còn 2 cái đầu để nấu canh chua ăn cơm - Vợ tôi khoe và chào khách. Chúng tôi thông thả uống trà đợi vợ tôi làm đồ nhậu. Nhà tôi chật bếp lại để ngay trong nhà nên vợ tôi vừa làm bếp vừa kể chuyện ngoài chợ.

- Úi dào, bạn anh biết không? Hôm nay ở ngoài chợ người ta bắt được một tay công an đang móc túi đó.

- Thế thì quá quái quá - Thằng Hòa thốt lên - Xã hội này chẳng còn chút kỷ cương gì nữa. Kẻ bảo vệ pháp luật thì phạm pháp, thật là hết chỗ nói.

- Xã hội này làm gì có pháp luật mà bảo vệ - Tôi xen vào rồi tò mò hỏi vợ - Thế rồi sao hả em?

- Còn sao được nữa chứ - Vợ tôi trả lời - kẻ quốc, người dếp, kẻ đôn gánh, người quả đấm cứ thế cho hấn một trận nằm ngay giữa chợ, chứ không nhẽ lại giải hấn lên đồn công an?.

- Đây các cậu thấy không - Thằng Hòa bắt đầu - Chủ nghĩa xã hội là như vậy đấy. Người ta cứ ra rả suốt ngày khen nó tốt, nó đẹp mà quên mất một điều là cụ tổ của cái chủ nghĩa xã hội này đã nói: "Muốn đánh giá xã hội này tiến bộ hơn xã hội kia thì phải lấy năng suất lao động làm thước đo". Cứ to mồm mà chửi xã hội tư bản trong khi năng suất lao động của xã hội này không bằng một phần của người ta.

- Thì ngày xưa - Tôi tham gia - tớ không nhớ rõ tên, nhưng một nhà văn nào đó đã viết "kẻ bán cháo lòng thì chỉ biết đánh tiết canh chứ làm sao mà làm chủ tịch được". Thế mà giờ nó làm chủ tịch đó. Vì vậy mà đất nước này khi thì đen đui sền sệt như bát cháo lòng, khi thì đỏ loét máu me và lộn nhon sụn như bát tiết canh.

Hai thằng tôi thi nhau mở máy. Đề tài này thì cứ cả tháng cũng không hết. Thằng Trung mọi bữa tham gia hăng say là vậy mà bữa nay chỉ ngồi im nghe. Tôi và Hòa đang hăng nên cũng quên không để ý đến nó. Chợt vợ tôi hỏi:

- Anh Trung bữa nay gặp chuyện buồn hay sao mà im lặng vậy? Hay là bị cô nào lấy mất hồn rồi hả ông nhà báo?

- Làm gì có chuyện đó - nó trả lời - Nhưng bây giờ cứ chửi bới mãi thì có ích gì đâu. Phải làm thế nào để thay đổi xã hội này đi chứ.

- À há! - Thằng Hòa reo lên - Ông nhà báo của chúng ta muốn làm cách mạng. Nhưng xin hỏi, ông định làm cách mạng nào đây? Ông không thấy hề ai hỏi ti toe một chút là ở tù ngay à?

- Thế theo mày - thì cứ phải cầm súng, cứ phải xuống đường biểu tình chống chánh phủ thì mới là làm cách mạng à? - Thằng Trung vặn lại.

- Thì ra cậu có cao kiến mới? - Thằng Hòa giễu.

- Cao kiến không phải của tớ - Thằng Trung sửa lại.

- Nếu vậy nói nghe coi - Tôi sốt ruột - nếu thấy hay thì bọn này sẽ ủng hộ.

Thong thả nhấp ngụm trà như để cho bọn tôi hỏi hộp thêm, thằng Trung mới thong thả:

- Bữa rồi tớ có dịp phỏng vấn một tay cán bộ cao cấp, chức vụ bự đó. Khi nghe tớ phàn nàn về tệ nạn xã hội hiện nay thì lão ta lên lớp cho tớ một bài như sau.

Nó dừng lại sửa lại giọng cho bệ vệ cứ như nó đang là tay cán bộ nó.

- Như chúng ta đã biết lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử đấu tranh thay đổi các chế độ xã hội. Những chế độ xã hội tốt đẹp hơn luôn luôn chiến thắng và thay thế cái chế độ xã hội thối tha mục ruỗng trước nó. Vì vậy mà loài người mới tiến được từ nguyên thủy đến văn minh như bây giờ. Lịch sử đã khẳng định rằng muốn có những thay đổi đó thì phải có các cuộc cách mạng và người làm cách mạng phải là nhân dân. Cứ nhìn từ Spatacus thì thấy, mà chẳng cần nói đâu xa, ngay ở Việt Nam mình thì Quang Trung Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Cầu, Phan Bá Vành v.v.. đã chứng minh hùng hồn: có áp bức, có đấu tranh người dân khổ quá thì họ vùng dậy khởi nghĩa làm cách mạng. Các cậu tưởng tôi yêu chủ nghĩa xã hội lắm hả? Các cậu nhầm rồi. Tôi cũng biết nó xấu xa tôi tặc lăm chứ. Nhưng chúng tôi làm sao mà thay đổi nó được. Chỉ có nhân dân mới có khả năng thay đổi nó mà

thôi. Bọn tôi chỉ là đày tớ nhân dân thì làm được gì. Mà muốn cho dân làm cách mạng thì phải để họ thấm khô, họ thấy xã hội thối nát. Bọn này đã góp phần tuyên truyền bằng cách tăng cường tham ô, hối lộ, lấy tiền của dân đút vào túi mình, mặc cho trộm cướp đi điểm hoành hành. đã vậy mấy thằng nhà báo ngu xuẩn các cậu lại lên án, bới móc bọn tớ. Các cậu làm như vậy thì khi nào dân mới biết, mới vùng lên làm cách mạng. Các cậu là những thằng phản động làm cản trở bánh xe lịch sử. Nhẽ ra các cậu thấy bọn tớ tham nhũng thì phải bao che, khuyến khích, thấy trộm cắp thì phải giúp nó, thấy gái điếm thì phải hoan hô. đồng lương của các cậu tuy ít ỏi nhưng mỗi tháng cũng phải cố gắng mà thăm, các "em" lấy một lần. Ra đường thấy ai hơi cái gì là phải chôm ngay. Có như vậy dân mới nhanh hiểu, cách mạng mới nhanh đến được.

Bọn tôi mắt chữ O, mồm chữ A nhìn Trung mà thán phục cái lôgic triết lý mà nó vừa trình bày. Chẳng thềm để ý đến bọn tôi thằng Trung thong thả kết luận:

- Đấy ngồi mà chửi được nước mẹ gì. Hãy bắt tay vào làm cách mạng đi.

Vợ tôi đang mãi rán cá cũng quay lại sôi nổi:

- Ô, làm cách mạng dễ thế thì em cũng xin một chân. Không ai bảo ai, tự nhiên ba thằng tôi quay mặt nhìn nhau, mắt cứ trợn tròn./.

Bài Dự Thi Số 24



Phàm ở bất cứ Quốc Gia nào trên Thế Giới hầu như có tiếng nói và chữ viết riêng của nó, nước Việt Nam của chúng ta cũng có trên 4.000 năm văn hiến, nên cũng có tiếng nói và chữ viết riêng của Dân Tộc Việt Nam, mặc dù có mẫu tự (Alphabet) giống như chữ viết của Dân Tộc Pháp, ngoài ra chữ viết Việt Nam còn có thêm các dấu nữa, ví như dấu hỏi (Point

d'interrogation), dấu huyền (accent grave), dấu mũ (accent circonflexe), dấu nặng (accent sous-voyelle), dấu ngã (accent horizontal) và dấu sắc (accent aigu).

Nhìn chung tất cả các nước trên Thế Giới, chúng ta cũng lấy làm hãnh diện cho tiếng nói và chữ viết của Dân Tộc Việt Nam, vì nước chúng ta nếu so sánh từ ngữ của nước Pháp, thì chúng ta sẽ thấy nước chúng ta cũng khá dồi dào có thể nói là hơn nước Pháp, ví như Porter của tiếng Pháp mà dịch ra tiếng Việt thì nào là: Mang, cầm, ôm, vác, xách, bế, bồng v.v.. Còn chữ Prendre thì có nghĩa là: Nắm, cầm, lấy, đem, mượn, mắc, bị, cho v.v... còn chữ Mettre thì cũng có nghĩa là : đặt, để, xếp, bỏ, rắp, lắp vào, mặc v.v... Đó là những động từ tiêu biểu cho tiếng Pháp, mà chúng ta cũng có thể kết luận rằng nước của chúng ta rất giàu có về động từ.

Khi nói về động từ Porter của tiếng Pháp mà dịch ra tiếng Việt Nam thì tôi lại nhớ đến Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Giác Nhiên đã thuyết pháp qua băng cassette với đề tài Nhơn Hữu Tứ Nan, có đoạn Thầy nói rằng "Các đệ tử ở thời mạt pháp này nên Lập Công bồi đức hoặc bòn ngọc, nếu có thể: Gánh 1 Gánh, Vác 1 Vác, Đội 1 Đội, Xách 1 Xách, Nắm 1 Nắm... thì sau này sẽ được kết quả tốt đẹp". Đó là những động từ có gọi hình thật chính xác.

Còn về màu sắc, thì ngôn ngữ của chúng ta cũng dồi dào, ví như màu đỏ thì có: đỏ tươi, đỏ thắm, đỏ bầm, đỏ ôi, v.v...; màu đen thì cũng lắm, những món đồ vật hay súc vật hoặc con người v.v... đều có một từ ngữ dành cho nó, ví như: Con ngựa đen thì gọi là Ngựa Ô Con Mèo đen thì gọi là Mèo Mun, Con Chó đen thì gọi là con Chó Mực, đôi mắt đen thì gọi là đôi mắt Huyền, mực đen để viết liễn thì gọi là Mực Tàu, dầu màu đen để tráng đường thì gọi là Dầu Hắc v.v...

Như nói ở trên, nếu mẫu tự của chúng ta mà thêm dấu thì nó lại khác nghĩa, nên có thể so sánh với tiếng Pháp thì có nghĩa như sau : Chữ MA dịch ra tiếng Pháp là FANTOME; nếu chữ Ma bỏ thêm dấu huyền thì ra chữ Mà, dịch ra tiếng Pháp là MAIS, nếu chữ Ma bỏ thêm sắc thì ra chữ Má, dịch ra tiếng Pháp là JOUE hay MAMAN, nếu chữ Ma bỏ thêm dấu nặng thì ra chữ Mạ, dịch ra tiếng Pháp là JEUNE PLANT DE RIZ, nếu chữ Ma bỏ thêm dấu ngã thì ra chữ Mã, dịch ra tiếng Pháp là CHEVAL.

Kể từ bọn Cộng Sản cai trị thì từ ngữ và tiếng nói Việt Nam cũng thay đổi, là vì bọn CS miền Bắc cho tất cả ngành giáo dục phải được học tập cũng như các ngành nghề khác, để hòa hợp đúng theo chủ trương đường lối cai trị của bọn chúng, bắt buộc các Giáo viên Trung, Tiểu Học cũng như Giáo Sư Đại Học không dùng chữ Hán nữa, vì bọn chúng nói chúng ta là người Việt Nam, phải dùng tiếng Việt Nam, không được dùng những từ ngữ ngoại lai của Tàu. Tất cả anh em trong ngành Giáo Dục lúc bấy giờ rất vừa ý mà tuân theo lệnh của bọn chúng, thế nên những từ ngữ

chữ Hán đều phải chuyển sang Việt hết. Trong giai đoạn này các giáo viên Trung, Tiểu Học và Giáo Sư Đại Học đều phải trải qua khóa học tập Chính Trị, mỗi bài học Chính Trị đều có các đoạn, mỗi đầu đoạn trước kia đánh số La Mã, nay được đổi lại là số La Ngựa. Tôi cũng nằm trong thành phần này, anh bạn tôi đọc hết số 1 La Mã, thì đến tôi đọc đoạn kế tiếp là số 2 La Ngựa, làm cho cả hội trường học tập Chính Trị cười vang, vì mới lần đầu được áp dụng, làm bọn Cán bộ Cộng Sản phải bực mình, vì tôi đã áp dụng đúng đường lối giáo dục của bọn Cộng Sản và chọc quê bỏ chữ Hán, dịch đọc sang chữ Việt, nên chữ Mã thành chữ Ngựa. Do vậy, mà các anh em đồng nghiệp gọi tôi là Hai La Ngựa, thế mà sau khi năm giờ học tập Chính Trị tôi bị kêu lên văn phòng để bọn lãnh đạo khóa nói tôi đủ điều, nào là phá cách mạng, nhưng vì đường lối của bọn chúng tôi thi hành đúng, mặc dù có tính cách chệch bai, chọc quê, nên tôi cũng được tạm tha và lúc nào cũng bị theo dõi tôi cùng một số bạn bè khác cùng nhóm dạy chung với nhau.

Sau đó, anh em đồng nghiệp của tôi mới tìm ra là không phải bọn Cộng Sản không dùng chữ Hán đâu, mà có thể nói là những từ nào ở Miền Nam Việt Nam thường dùng, thì bọn chúng lại không dùng, hoặc có dùng thì lật ngược lại, ví như hồ tương thì chúng nói là Tương Hồ, Cầm Tinh thì chúng nói là Tinh Cầm; còn tiếng Hán thì chúng còn dùng nhiều hơn thời VNCH nữa, ví như dạy thêm giờ thì chúng gọi là Phụ đạo (là chữ Hán), Thầy, Cô là Chủ đạo lớp, còn các em học sinh là Chủ động, lớp các em học sinh học vũ được gọi là Vũ Công, rồi lập sổ gia đình nay chúng gọi là sổ Hộ Khẩu, v.v.. Ôi thôi! kẻ làm sao hết những từ ngữ mà bọn chúng dùng rất nhiều như chữ Hán, nếu chúng ta đọc lái lại, thì vô cùng tục tiếu cho cái chế độ CSVN. Nên về sau này bọn Cộng Sản thấy bị phá quá làm cho bọn chúng phải bỏ hẳn những từ chúng dùng, mà trở lại những từ dễ thương của VNCH, ví như nhà thương Từ Dũ gọi là Xưởng Đê thì xem người đàn bà giống như cái máy không hơn không kém; Vì đời sống càng ngày càng khốn khổ, nên người dân mới thấy cái từ Hộ Khẩu mà nói lái lại là Hậu Khô là đúng quá rồi, còn những người vượt biên, bị Cộng Sản cắt Hộ Khẩu (nói là cắt Hậu Khô) thì được sung sướng sau này.

Riêng những gia đình Việt Nam được may mắn đến xứ người thì rất sung sướng, có dịp để các con, các cháu có cơ hội học hành, để tiếp nhận cái văn minh cũng như văn hóa xứ người, đó là môi trường thuận lợi cho lớp tuổi thanh xuân. Riêng những bậc làm Ông, làm Bà, làm Cha, làm Mẹ, thì xem như cây diệp Việt Nam ở xứ nóng, búng gốc đem qua trồng xứ Tây lạnh lẽo thì không bao giờ được trở bông. Vào mùa hè mà có thể nói là mùa thi cử, hoặc mùa Phụng Vĩ nữa, thành ra phần đông các gia đình người Việt của chúng ta ở xứ người lâm vào tình trạng rất ư là khổ tâm, các con, các cháu hằng ngày đi học và đi làm hết, còn các

Ông Bà, Cha Mẹ lớn tuổi thì không có đi làm việc và ít tiếp xúc với người bản xứ nhiều, nên ở nhà với 4 bức tường giống như giam lỏng, nếu chúng ta chịu khó xem truyện Một Thời Đang Qua của Nhất Tiến với bài Bông Hồng Nào Cho Mẹ từ trang 47 đến 54, thì chúng ta thấy tác giả đã viết lại tâm trạng của người Mẹ Việt Nam khi mất nước ra đi sống ở Hải Ngoại, người Mẹ Việt Nam của chúng ta sau khi mất nước rồi, tưởng rằng khi đến xứ người sẽ được sung sướng bên con, bên cháu, nay thì lại mất con, mất cháu nữa, là vì các con, cháu nó đã sống với đời sống mới, bỏ hẳn nếp sống bên nhà, rồi nói chuyện thì pha tiếng bản xứ, không kể phong tục tập quán Dân Tộc Việt Nam, mặc dù còn có Bà Mẹ thân yêu, mỗi ngày ở nhà một mình, hay trông đợi các con đi làm, hoặc đi học về để mà an ủi, nhưng than ôi, sự trông chờ đó chỉ được hưởng vài mươi phút trong bữa cơm tối, rồi mỗi người vì công việc cho ngày mai, cứ thế mà thời gian trôi qua, mỗi lần nghỉ cuối tuần, thì các con cũng có cái vui của nó, riêng Bà Mẹ thì ngày vẫn mọi ngày, chỉ sống âm thầm cô độc, chỉ được đi lễ Chùa trong những ngày lễ lớn trong năm và khi nào ngày nghỉ cuối tuần đó các con của Bà không có cuộc vui quan trọng thì may ra Bà Mẹ mới được đi Chùa Lễ Phật và nói chuyện vãn với mấy người bạn đồng lứa tuổi và đồng cảnh ngộ của Bà.

Riêng các con, các cháu còn đi học, thì mỗi ngày ở trường học khoảng 8 giờ đồng hồ, về nhà thì chúng nó xem truyền hình, xem sách vở, đồ chơi điện tử đều là tiếng xứ người hết, nên chúng nó đã trở nên giống những người bản xứ hết, chúng ta rất đồng ý, vì chúng nó sống trong môi trường nào, thì chúng nó hấp thụ môi trường đó là dĩ nhiên, ở Pháp những bậc làm Ông Bà, Cha Mẹ vì trước kia đã học chương trình Pháp cũng nhiều, thì ít; hơn nữa tiếng Pháp dễ học hơn tiếng nước khác, như tiếng Đức, nên các con, các cháu có thể trao đổi tư tưởng với nhau mỗi khi bàn một việc gì, làm cho cả nhà được thông hiểu nhau mà tạm vui sống xứ người, trong những dịp hè, gia đình chúng tôi cũng thường đi thăm bạn bè nên đã thấy một gia đình Việt Nam ở Paris, Anh chị này dạy các con, các cháu thật là kỹ càng, khi khách đến nhà các con, các cháu đều đến khoanh tay cúi đầu chào, cả nhà nói chuyện không bao giờ pha tiếng Pháp, sau bữa cơm tối xong thì đến bàn thờ Phật cúng lạy, sau đó lại có phim hay, nên cả nhà cũng xem phim, tôi mới thấy đây là một cái sinh hoạt tổ ấm gia đình khó kiếm, vì phim bằng tiếng Pháp, nên có những từ ngữ nào mà anh chị hiểu không kịp thì được các con giải thích tận tường, còn cái mà có ảnh hưởng về đời sống, Dân Tộc Việt Nam thì anh chị đó cũng cắt nghĩa hoặc phê bình cái hay, cái dở của Pháp, để sau này các con, các cháu lấy kinh nghiệm sống. Nếu mọi người, mọi gia đình Việt Nam của chúng ta sống ở xứ người mà chịu khó dạy dỗ các con, các cháu học tiếng Việt, viết tiếng Việt và giữ được Phong Tục Tập Quán; những ngày

nào có hội họp, cúng chùa, nhà Thờ thì chúng ta cho các con, các cháu đến để chúng nó hiểu biết, mà sau này chúng ta không phải sợ sống cô độc hoặc bị các con, các cháu đưa chúng ta đi nhà dưỡng lão giống như phong tục tập quán đa số của người Pháp, sợ dĩ người Pháp có cái hành động không đẹp đẽ và không hiểu đạo này, là do việc làm của cha mẹ, vì sự sống văn minh vật chất quá độ, nên muốn hưởng thụ đầy đủ đôi khi còn dư thừa, nên mỗi ngày cha lẫn mẹ phải đi làm việc để có tiền mà mua những vật dụng đòi hỏi, nên sau khi sanh con ra rồi thì lại bỏ con vào nhà trẻ để đi làm, chỉ có buổi chiều về mới được gần bên con, rồi con lớn lên nó thấy người ngoài Cha Mẹ lo cho nó từ sự sống đến học hành, mà nó không thấy cái tình máu mủ ruột thịt mang nặng, đẻ đau, làm ra tiền của Cha Mẹ để nuôi cho đứa con lên vóc lên hình qua tình thương của Cha Mẹ, nên khi Cha Mẹ già yếu thì nó đưa cho Cha Mẹ nó vô nhà dưỡng lão là thế đó, cứ thế đời này sang đời khác. Trong băng cassette của Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Giác Nhiên có giảng giải một đoạn như sau: "có một gia đình họ thấy Cha Mẹ tuổi già, sức yếu nên mới đóng một chiếc xe bằng gỗ, để tính cho Cha Mẹ ruột mình bỏ vào rừng mà rãnh rang sung sướng, nên trong khi đóng chiếc xe này, có đứa con thấy nên nó hỏi: Thưa Cha đóng chiếc xe này để làm gì, thì người cha nói để chờ Ông Bà Nội của con bỏ vào rừng, vì thấy Ông Bà Nội già yếu, lại khó tánh làm Cha Mẹ bức mình, người con để ý lời người Cha vừa nói, nên nó có ý xin chiếc xe này, thì người Cha rất lấy làm ngạc nhiên và hỏi, con xin chiếc xe này làm gì? Người con đáp: để khi nào Cha Mẹ già yếu, con sẽ đưa chờ Cha Mẹ vào rừng giống như Cha Mẹ đã làm cho Ông Bà Nội của con vậy. Nghe thế, người Cha sợ mới nói lại là Cha đóng chiếc xe này để chờ Ông Bà Nội của con đi hóng mát, vì ở nhà nực nội lắm, hơn nữa lại buồn, nên Cha Mẹ mới có ý đóng chiếc xe này, để cho Ông Bà Nội." Đó là cái Nhân và cái Quả trước mặt vậy.

Chúng ta người Việt sống ở xứ người, nếu cùng nhau mỗi người, mỗi nhà, ở khắp các nước trên thế giới đang sống tạm, chịu khó làm một việc nhỏ ví như mỗi nhà chúng ta đều có 1 kho chứa đồ ăn Việt Nam, nếu chúng ta làm Cha, làm Mẹ cứ sai các con, các cháu đến kho lấy những món đồ ăn để nấu nướng, xài trong gia đình, nhưng phải nói tiếng Việt, thì chúng nó sẽ biết món này, món kia tên Việt, rồi chúng thấy món này Mẹ làm ăn ngon, chúng nó sẽ hỏi cách làm, mua thứ gia vị gì ở tiệm Việt Nam về nấu, cứ thế thì chúng nó sẽ lần lần hấp thụ được đời sống Việt Nam, hoặc mỗi lần có thơ bên nhà, chúng ta đọc để cho chúng nó nghe, nó sẽ thấy tình ruột thịt giữa gia đình, họ hàng thân tộc với nhau, thì chúng nó biết đất nước của chúng nó ở Việt Nam, chứ không phải ở nơi tạm bợ này, cứ lần lượt như thế, mỗi ngày nghỉ cuối tuần, chúng ta có dịp thì dạy dỗ, nhắc nhở thêm, để chúng nó không bao giờ quên Văn Hóa, Quốc Gia và Dân

Tộc của chúng nó, vì Văn Hóa còn thì Dân Tộc còn, khi nào chúng nó Việt và đọc được tiếng Việt rồi, thì chúng ta cho nó đọc lịch sử đất nước Việt Nam, để nó biết Dân Tộc mình như thế nào? Chúng ta phải công nhận người Trung Hoa đi đến đâu thì mở trường học tới đó, và lúc nào cũng nói tiếng của nước họ, ở Việt Nam khi chúng ta bước vào Chợ Lớn, hay ở Quận 13 Paris chúng ta sẽ thấy giống như chúng ta đến đài Loan hay Trung Quốc vậy, có như thế thì làm sao mất Văn Hóa và Dân Tộc được. Mong rằng đất nước mình được thật sự độc Lập, Tự Do, mỗi xứ đều có người Việt tạm trú và sẽ trở về kiến thiết xứ sở quê hương qua tình dân Tộc với nhau./.

Xuân Viếng Chùa



*Hoa hương ngát lộng thoảng mùi thiên,
Như tuyết lạc vào cảnh Phật, Tiên.
Xa cõi ta bà tràn suối lệ,
Lánh đường tục lụy ngập mê phiền.
Câu kinh đưa tới bên bờ giác,
Tiếng kệ ngân vang khắp mọi miền.
Đuốc Tuệ tăng cao soi lối bước,
Vê tròn quả phúc cũng tùy duyên.*

● Đồ Cao.

Một đời Cũng Có Như Không

*Gần năm chục!
quá nửa đời vô nghĩa
sống tựa hồ, vô tích sự, có, như không.
ngày quần quật áo cơm,
đêm về ngủ vùi quên tất cả.
ai hạnh phúc!
ai khổ đau!
như truyện thần tiên, ngày xưa mẹ kể.
ta sống đây như một quái vật, từ một hành tinh xa
lạ.
tìm về địa cầu, vì tưởng nơi đây có nắng mưa, hoa
nở và người!
nhưng!
tất cả đều không thật.
nắng, mưa, tháng nhiều, năm ít,
nóng lạnh ngày có, ngày không.
hoa cũng chẳng được lớn và nở tự nhiên
bị bắt nở bằng những, loại phân hóa học,
nở và tàn bị cưỡng bức bi thương.
còn người!
Ôi thật muôn vàn giả dối
những mặt nạ, được đeo lên bỏ xuống.
Màn kịch đời, vụng dại bịp lừa nhau
hạnh phúc!
khổ đau!
cũng dường như, không thật
cả tiếng cười, tiếng khóc.
thật!
có!
không!
Kịch đời đó, ai quay cuồng thủ diễn.
màn kéo rồi,
còn mấy kẻ vắn vương...*

* *
*

*Nay nơi đây tuyết trắng màu tang phủ.
Lạnh rợn người!
đời lạnh đến thế sao?
nhìn lên đó.
cả một trời thăm thẳm.
nhớ ngút ngàn,
thương đứt ruột mẹ ơi!
Việt Nam đó!
quê hương giờ mẹ đợi.
biết bao giờ tìm lại thuở xuân xưa.*

Hạ Long - 1990

Lá Thư Trang Sen



Bước chân vào đời, từ những thành công hay thất bại trong xã hội do mình tạo nên, chị vẫn thấy đâu đó có liên quan từ giáo dục của gia đình mình trong thời niên thiếu. Thật vậy các em ạ. Chị sẽ không thích gán trẻ em, nếu cha chị xưa kia không là thầy giáo. Chị sẽ không thích đến chùa tụng kinh, nếu mẹ chị không từng dẫn dắt đi lễ mỗi chiều vào những dịp An Cư Kiết Hạ của quý Thầy. Cha mẹ đã ảnh hưởng rất nhiều đối với tương lai con cái, chị luôn tin như vậy. Chắc chắn trong các em, phải có em từng mơ ước sau này mình sẽ giống như cha hoặc mẹ. Hình ảnh song thân thường vẫn là tấm gương cho con cái. Từ bé, khi em còn chập chững thì mẹ là mối liên lạc giữa vũ trụ và em. Lớn lên một chút, hành động và vóc dáng người cha nghiêm nhiên trở thành thân tượng mà em chiêm ngưỡng. Đến tuổi trưởng thành, em và thế giới chung quanh là những quan hệ trực tiếp. Mẹ không còn là vũ trụ, cha cũng không phải vị anh hùng cao cả. Cuộc sống của em là ước mơ cho chính bản thân, nhưng mơ ước đó chắc chắn cũng bắt nguồn từ hình ảnh song thân, hoặc do sự giáo dục mà em đã tiếp nhận từ tấm bé. Như nhân duyên kết hợp để quả được tạo thành. Nếu không nhờ phân bón tốt thì chắc gì cây cho trái đẹp.

Cho dù ngày nay, và nhất là nơi này, các em suốt ngày ở trường học, tiếp xúc với nền văn hóa nước ngoài, chị vẫn không tin rằng gia đình mất đi ảnh hưởng. Nếu các bậc phụ huynh đã không tạo điều kiện cho con cái gần gũi với mình, hay

gần gũi người đồng hương, dĩ nhiên là con cái phải bị xã hội lôi cuốn. Đó cũng là ảnh hưởng đầy chủ, ảnh hưởng ở chỗ thiếu tinh thần và trách nhiệm... Riêng các em của chị, chị biết các em thật hạnh phúc đã có những vị cha mẹ luôn lo lắng và nghĩ đến tương lai các em. Chị đã được gặp một số phụ huynh vào mỗi ngày chủ nhật, đưa con em tới chùa học Phật Pháp và Việt ngữ. Có vị đã ở lại cả ngày chờ đón con về. Dù ai cũng hiểu rằng quý vị rất mỗi mệt với công việc làm suốt tuần, sự nghỉ ngơi vào mỗi chủ nhật phải quý hóa biết bao. Nhất là lúc này trời trở đông, phải dậy sớm đi đưa đón con đến chùa thật không chút đơn giản, thế mà quý vị đã làm được, còn gì đáng khâm phục hơn.

Các em thương của chị.

Chị nghĩ quý phụ huynh của em không ít thì nhiều đã nói lên tinh thần trách nhiệm đối với Dân Tộc và Đạo Pháp. Lo cho các em học hành, tạo điều kiện cho em luôn gần gũi Văn Hóa nhà. Đã không là đóng góp cho Dân Tộc đầy ư. Còn nữa nhé! Các em lại còn được trau dồi đức hạnh của người con Phật

- Hạt giống lành hay nói khác hơn là chủng tử đang nảy mầm trong các em, đã nói lên được nhiệm vụ của bậc làm cha, làm mẹ đối với đạo Pháp.

• Tâm Bạch

CHỦ ĐỀ VIÊN GIÁC

Số 61 viết về Xuân Tân Mùi. Bài vở xin quý vị gửi về tòa soạn trong tháng 1/89. Thành thật cảm ơn quý vị trước.

ĐẶC SAN XUÂN VIÊN GIÁC

Gần 200 trang khổ giấy A3. Bìa in 4 màu rất lộng lẫy. Mỗi gia đình nên có 1 tờ Đặc San này để làm quà Tết cho gia đình. Giá báo 5DM + 2DM cước phí tại Đức + 4DM tại Âu Châu.

Xin kính mời

Nhà Hậu Lý

Lý Thần Tông (1125 - 1138)

Vua Lý Nhân Tông mất năm 1128, không có con nối dõi, triều thần lập con nuôi của Ngài là Dương Hoán lên nối ngôi tức là vua Lý Thần Tông - năm ấy, Dương Hoán mới 11 tuổi - Lý Thần Tông là một ông vua trẻ thông minh, hết lòng tận tụy chăm lo việc dân, việc nước.

Tháng giêng năm Mậu Thân 1128, Thần Tông xuống chiếu trả lại ruộng đất cho dân đã bị lấy làm công điền. Những người bị trưng dụng làm điền nhi được cho về hết. Sáu quân được thay phiên nhau về làm ruộng.

Cũng năm 1128, Thần Tông cho thả 130 tội nhân ở Đô Hộ phủ từ tội đi đày đến tội bị giáng.

Năm 1129, trời làm đại hạn. Vua Thần Tông đích thân cầu đảo không nghiệm. Sau vua xuống chiếu tha các tội nhân vì e có việc oan trong thiên hạ. đầu tháng tư được mưa. Tháng chín năm sau, lại mưa quá nhiều. Vua Thần Tông lại thả tất cả tù nhân ở Đô Hộ phủ là do ý làm việc ân đức để tránh thiên tai cho nhân dân.

Năm 1129, vua Thần Tông coi châu tại điện Thiên An xong xuống chiếu cho quần thần bỏ khăn tang và cung nữ lên hỏa đàn để tuần táng theo vua.

Tháng giêng 1128, nước Chân Lạp đem hai vạn quân vào cướp ở Ba Đậu, Nghệ An Thần Tông phái Thái phó Lý Công Bình đem tướng sĩ và người Nghệ An đi đánh. Tháng hai Lý Công Bình thắng trận bắt được chủ tướng và 169 tù binh Chân Lạp.

Tháng 8 năm ấy (1128), Chân Lạp lại vào cướp phá làng Đỗ Gia, Nghệ An. Nguyễn An Viêm và Dương O được lệnh đi đánh, Chân Lạp lại thua.

Tháng 8 năm 1132, Chân Lạp và Chiêm Thành vào cướp Nghệ An, Thần Tông cử Dương Anh Nhị đem quân đánh dẹp lại đắc thắng.

Sau đó, Chân Lạp và Chiêm Thành đều sang xin thần phục và triều cống.

Năm 1130, sứ nhà Tống sang phong vua Thần Tông làm Giao Chỉ Quận Vương, hai năm sau lại gia phong cho Thần Tông làm Nam Bình Vương.

Vua Thần Tông ở ngôi được 10 năm thì qua đời.

Lý Anh Tông (1138 - 1175)

Thái tử Thiên Tộ lên nối ngôi vua Thần Tông lúc mới ba tuổi, tức vua Lý Anh Tông. Thái hậu Lê Thị cầm quyền nhiếp chính.

Thái hậu tư thông với cận thần Đỗ Anh Vũ, nên mọi việc triều chính do một tay Anh Vũ quyết định. Từ đó, Anh Vũ trở nên lộng quyền, ra vào cung cấm như chỗ không vua và coi rẻ các đình thần. Các

quan Vũ Đại, Nguyễn Dương, Nguyễn Quốc, Dương Tự Minh họp nhau trừ Anh Vũ nhưng bị thất bại, đều bị giết hại cả.

May sao trong hàng đại thần còn lại các người có uy tín như Tô Hiến Thành, Hoàng Nghĩa Hiền, Lý Công Tín nên Anh Vũ không dám đi xa hơn nữa.

Triều đại vua Anh Tông là triều đại tương đối bình yên là nhờ có quan đại thần Tô Hiến Thành có tài chính trị và biết điều khiển việc quân sự.

Tô Hiến Thành lo việc khai hóa dân trí, mở mang Nho học, xây miếu thờ Khổng Tử. Năm 1165, mở khoa thi học sinh.

Về quân sự, dưới triều Anh Tông được gọi là hùng mạnh, vì Tô Hiến Thành biết tìm tướng tài, biết luyện tập quân đội, nên giặc đã các nơi đều được dẹp yên.

Nhờ lập được nhiều chiến công vua Anh Tông phong ông Tô Hiến Thành làm Thái úy coi cả việc văn lẫn việc võ. Năm 1175, vua Anh Tông lại gia phong cho Tô Hiến Thành chức Thái phó Bình Chương quân quốc trọng sự và thêm vương tước.

Năm 1171 và 1172, vua Anh Tông vi hành khắp mọi nơi trong nước để xem xét sự sinh sống của dân chúng và địa thế đất nước. Khi về kinh ngài cho làm quyển địa đồ đất nước, tiếc rằng quyển này nay đã bị mất tích.

Năm 1164, nhà Tống thấy dân tộc ta đã mạnh mẽ, chính trị và quân sự cũng đã qui mô và vững mạnh của một quốc gia độc lập nên Tống triều phải công nhận ta là một nước, đổi Giao Chỉ quân làm An Nam quốc và phong vua Anh Tông làm An Nam quốc vương. (*)

Năm 1175, vua Anh Tông mất, ngài ủy thác ông Tô Hiến Thành lập thái tử Long Cán lên làm vua.

Vua Anh Tông ở ngôi được 37 năm, thọ được 40 tuổi.

(*) - Ngày xưa, Hán triều gọi nước ta là Giao Chỉ quận; năm 203, do đề nghị của Trương Tân và Sĩ Nhiếp, dưới đời Hán Hiến đế đổi tên nước ta là Giao Châu. Đến đời Đường, Đường gọi ta là An Nam đô hộ phủ. Khi vua Đinh Tiên Hoàng dành được nền thống nhất cho đất nước liền đặt quốc hiệu là "Đại Cồ Việt", ngụ ý rằng : "Đại Cồ" là một nước lớn mạnh, "Việt" là danh tộc của người nước ta. Đến đời vua Lý Thánh Tông đổi tên nước ta là "Đại Việt". - ngụ ý vẫn không thay đổi - Trong Khi ấy, Bắc triều vẫn phong cho các vua ta Giao Chỉ quận vương hay là Nam Bình Vương. Các triều vua thời ấy không đòi cải chính vì không muốn gây sự xung đột với Bắc triều một cách vô ích miễn là họ đừng xâm phạm đến chủ quyền nước ta.

Thư gửi bạn Lam từ Liên Hoa II

Lập mền !

Mùa hè năm nay sao Lập không về Norddeich dự trại hè Liên Hoa II của các GDPT tại Tây Đức?

Lập đành lòng nằm nhà trên nệm êm chăn ấm trong khi các bạn mình ăn chay nằm đất ê ẩm cả người? Nghĩ lại tình bạn thân thiết của tụi mình Phục thông cảm cho Lập chắc gặp trục trặc bắt từ, và luôn tiện có đôi dòng thuật lại vài kỷ niệm nho nhỏ khó quên để chúng ta cùng sống lại những ngày vui vẻ nơi vùng biển Norddeich này.

Các anh chị GDPT Quan Thế Âm đã vào học và các anh chị GDPT Pháp Quang bận lo chuẩn bị lễ ra mắt và văn nghệ cúng dường Đại lễ Vu Lan tại Hamburg cho nên không về được. Còn lại mấy GDPT kia đều họp mặt đông đủ cả. Riêng GDPT Chánh Niệm tại Bá Linh, kể từ ngày bức tường Bá Linh rộng mở, tối mật tối mày ra công góp sức, giúp đỡ đồng hương từ đông đức chạy sang. Nên nhân dịp trại kỳ này Chánh Niệm về trước mấy hôm vui chơi thỏa thích, bù lại những ngày tháng vất vả vừa qua.

Chiều thứ hai, Tâm Minh và Chánh Dũng kéo quân về. Tâm Minh đổ bộ từ xe buýt xuống với số hành lý thật vĩ đại, mang từ xe xuống muốn ngất ngư luôn. Còn Chánh Dũng tới bằng xe "bánh sắt", đặc biệt toàn đoàn sinh phái "làm dáng". Riêng phần Minh Hải lết bộ cả hàng... hai cây số tới nơi cắm trại.

Sáng thứ ba, 14.8.90 lễ khai mạc được bắt đầu dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điển, Đ. Đ. Thích Nguyên Hội, Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm và vài quan khách. Buổi lễ tuy đơn giản, nhưng khá vui vẻ, Thầy và Ni Sư tặng quà bánh, không vui sao được ?

Ngày chiều hôm ấy các giải túc cầu và "thủ cầu?" (bóng chuyền) được mở màn. Hấp dẫn nhất là trận "cầu thủ quần thoa" Chánh Dũng đụng "cầu thủ chân trâu" Chánh Niệm. Ra trận cùng con cháu Bà Trưng, Bà Triệu mấy chàng mất đi phần nào dũng khí. Trận đấu xảy ra trong bầu không khí "đầy tiếng cười". Gay go lắm phe "ta" mới thắng phe "quần hồng" 2:0, muốn trầy vi tróc vảy đó nghe bỏ.

Sang thứ tư, trời rất âm u, mây đen từng cụm tụ giữa bầu trời bao la. Thời tiết như vậy mà Chánh Dũng đòi qua chơi đảo Nordennay. Là thô địa lâu năm Phục đành lãnh trách nhiệm dẫn đường chỉ lối.

Thấp tùng theo còn có Thầy Nguyên Hội, gia đình anh H.T. Tâm Cừ và hai anh bạn trẻ đến từ Lingen. Trên chuyến phà, được trò chuyện với Thầy rất lý thú. Thầy ra câu :

- Ni Cô chải tóc bên bờ suối, và bắt đổi lại.

Phục đáp :

- Hiệp sĩ mù ngắm ánh sao đêm.

Thầy lắc đầu nhăn mặt, bảo đổi bằng câu này mới chính :

- Góa phụ trông chồng dưới ánh trăng.

Phục đổ lại Thầy :

- Thầy có biết nước nào lạnh nhất và nghèo đói nhất không ?

Lập ơi, mi có biết rằng Phục hí hửng chờ thầy trả lời là "nước đá" và "nước Việt Nam nghèo nhất vì nền kinh tế kiệt quệ không đủ lo cho dân cơm no áo ấm" lắm chẳng? Nào ngờ Thầy giới môn địa lý, lại rành đồ mọ, Thầy đáp :

- Nước "Đại Hàn" cực lạnh như băng giá và nước "Campuchia" nghèo xơ nghèo xác, có mỗi trái cam mà cả nước bu nhau lại chia, đáng thương quá hả con !!!

- Dạ, Thầy tài quá, con chẳng dám múa rìu qua mắt thợ nữa.

Tới đảo phái đoàn quyết định ra bãi tắm ngay, làm như mấy ngày qua ngắm biển Norddeich chưa đã thêm (hay tại vì bãi ở đó nhiều bùn quá?). Ngoài gia đình anh H.T. Tâm Cừ đi dạo phố riêng, bác Chi Hội Trưởng vùng Nuernberg, Thầy và anh Thiện Nguyên; cả bọn ào xuống nước vén quần xắn ống lên... lội, chứ nước lạnh cỡ 14 độ C ai dám tắm. Lúc đó Phục tách ra một mình đi ngắm cảnh biển bao la bát ngát với những gợn sóng bạc lăn tăn trên mặt nước. Sau một hồi thả hồn theo mây nhẹ, gió hiu hiu Phục quay lại cùng nhóm.

- Ủa, sao người nào người nấy ướt ráo trời vậy nè ?

Theo phản ứng tự nhiên (hay đúng hơn tập luyện lâu năm trong GDPT Minh Hải) Phục biết thế nào cũng sẽ tới lượt mình bị ướt. Vì thế Phục vội vàng cởi bớt cái áo ngoài để "dành". Y như dự đoán, nguyên một đám ùa tới, kẻ tay người chân, kẻ kéo người vịn Phục xuống cho uống nước. Với sự góp sức của hai "lực sĩ Lingen" Phục cố gượng lại vẫn không nổi. Thế là bị tắm biển lạnh thấu xương sườn một cách bất đắc dĩ. Trong lòng sân si nổi dậy đùng đùng, phải trả đũa cho bằng được, nhưng trí tuệ kịp thời phát xuất, mình sức yếu thế cô đâu làm gì nổi, lỡ bị kéo ra xa nữa, không chừng về diện kiến đức A Di Đà sớm !

Tắm biển xong, rủ nhau đạp xe đạp bốn bánh quanh phố, vừa dạo chơi vừa "phơi đồ" luôn thế (đâu có ai đem đồ thay, chỉ có Phục đem phòng hai bộ, đoàn sinh Minh Hải mà lị!). Sau đó trở ra bến tàu, đi phà gần một tiếng đồng hồ, lại phải lội bộ về trại Liên Hoa. đôi chân của ai dù là ngọc là ngà cũng đều hóa "chì" hết. May nhờ cặp giò "chì" nên dễ dàng dụng công "Thiên câu trụ" của nhà võ chống lại những cơn gió chiều mạnh kinh khủng.

Bước vào thứ năm, đến lượt GDPT Chánh Niệm đi đảo chơi. Còn lại ba gia đình Tâm Minh, Minh Hải và Chánh Dũng. Sau khi ăn cơm trưa no nê, nữ Minh Hải nổi máu "anh thư" đòi "quyết chiến tay đôi" với Chánh Dũng trên sân cỏ bằng bóng tròn. Mô Phật, nhờ có hai cô Tâm Minh đòi tham dự, nên trận chiến đành hoãn lại. Mấy anh H.T. họp chung 3 GDPT và chia thành ba nhóm chơi chung cho vui.

Trong ngày hôm ấy mấy bô lão, tức ban quản trại, tự "già gân", cũng đã giao đấu quyết liệt với các cầu thủ tí hon oanh vũ. Cuộc tranh tài xảy ra trong sự náo nhiệt, đầy tiếng cười thích thú. Sau này trong lễ bế mạc, tân huynh trưởng Thị Nhơn trao huy chương vàng cho nữ Minh Hải (ưu tiên chủ nhân), bạc cho nữ Chánh Dũng và đành phải "nhường" mề đai đồng cho nữ Tâm Minh. Anh nói thêm :

- Chia ra vàng, bạc và đồng cho vui vậy thôi. Chứ thật ra cái nào cũng đồng trị giá 4 mác rưỡi cả.

Thế là "huê" cả làng nhé.

Từ thứ ba đến thứ năm, tối nào cũng có một buổi sinh hoạt chung trao đổi kinh nghiệm. đặc biệt đêm thứ sáu có buổi trình diễn văn nghệ sân khấu của các GDPT tại trại tạm cư Norddeich. Lập à, mi quả thật không có duyên với Norddeich, bỏ qua đêm văn nghệ ni uống lăm đó hí! Trước hết là màn ba con lân ra chào mừng quan khách cùng bà con cô bác. Hai lân lớn và một lân "ốc tiêu" mặc sức trở tài. Nó ngoạn mục làm sao ấy, con lộn bên này con lộn bên kia trông rất đẹp. Kế tiếp là các màn vũ "Châu Pha", "Hận đồ Bàn" và "Hái Hoa" do các "tiên nữ mới giáng phàm" của ba GDPT kể trên "múa may tay chân". Ngoài ra còn có đơn ca, song ca, hợp ca, hòa tấu, kịch vui... Trong các tiết mục Phục khoái nhất bài "đêm ngón tay" do các em oanh vũ diễn tả trong vai trò của từng ngón tay. Lập biết Cu Vinh, con anh LĐT. Tâm Minh không? Trước khi trình diễn, nó đòi Phục kiểm cho một cái gối bằng được.

Số là cu cậu đóng vai ngón tay cái, mà ngón cái thì phải thật bự con mới được. đến khi hát "xòe bàn tay, đêm ngón tay, một anh béo trông thật đến hay...", Cu Vinh liền tách ra khỏi mấy ngón tay kia, bước ra trước và lắc eo lắc mông trong điệu bộ đùng đình của cái bụng phệ. Tưởng tá nó chẳng khác gì con cháu Đức Phật Di Lặc trông dễ thương hết sức vậy đó. "... Xòe bàn tay, đêm ngón tay, một anh đứng trông thật quá cao. Hỏi rằng anh, sao cao thế này? Thì anh nói anh chăm thể thao...". Chương trình kéo dài hơn tiếng đồng hồ. Khi chấm dứt mỗi người "một tay, một chân!" lo dọn dẹp và rút về trại Liên Hoa.

Người bạn thân mến của tôi ơi! Nãy giờ mi đọc "mò mắt kiếng" chưa? đó là mới chỉ tóm tắt những điều Phục mắt thấy tai nghe thôi đấy! Hãy ráng sống nốt với Phục ba ngày "cúng cuội" Lập nhì.

Theo dự tính, vào ngày thứ sáu sẽ có trò chơi lớn, sẽ là một ngày vui nhộn nhất, mọi người đều trông chờ... tích tắc... tích tắc... Nhưng hồi ôi, tiếng reo "sáng" của trại Liên Hoa II không thấu tới tai ông Trời, sáng đó ông râu việc gì mà lệ rơi là chả suốt buổi. Làm uổng công các anh H.T. cùng Thầy Nguyên Hội thức trắng đêm bàn chương trình thi đua cho thật hấp dẫn, sôi nổi. Nào là thực hành lòng từ bi công một em nhỏ bị thương về nhà (cỡ Cu Vinh chắc chết!), nào là đọc chú cứu nạn, giải mật mã, tìm dấu đi đường... Ô, tiếc quá ! Vào ngày thứ bảy, Chánh Niệm nhỏ lều từ giả bạn bè và rút quân về Tây Bá Linh. Chánh Niệm từ biệt, mất đi vài tay diều, vài tay vãn "gừng" vài tay "dọn dẹp đặc lực", uổng ghê !

Còn Đoàn nam Tâm Minh cùng Minh Hải lên đường múa lân tại hai nhà hàng VN. Chuyến hành trình dài cả trăm cây số, đi đến 11 giờ đêm mới về lại. Mặc dầu cả người ê ẩm, nhưng không một ai đi ngủ sớm cả, vì là ngày cuối bên nhau mà! Bấy giờ có hai nơi để đi, anh chị nào có máu "ca hát" thì mời vào lều nữ Minh Hải, còn người nào có chút máu "đen đỏ" xin bước vô lều Chánh Dũng đánh bài quẹt lọ nghe. Lập ơi, Phục vẫn còn ngứa tay nghề lăm, như vậy còn hơn vào chỗ "xương ca vô loại" để bị ru vào giấc điệp. Bởi vậy, đêm ấy bỗng nhiên Phục trở thành một "táo quân trại Liên Hoa II", mặt mũi đen bóng như Bao Công. Chơi xong, nhóm "hắc diện" cùng đi chộp ảnh đêm. Mấy anh thợ rửa hình khi rửa ra chắc phải kinh hồn sáng vía, người gì đâu mà chẳng thấy

đầu mặt đầu cá?! Tụi này chơi tới 2 giờ tưởng khuya lăm rồi, ai ngờ nhóm văn nghệ chơi suốt tới 4 giờ sáng !

Mấy ngày chung sống trong tình Lam thật vui vẻ, mang đầy kỷ niệm đẹp. Gặp nhau đây, để rồi chia tay. Còn giây phút nào buồn hơn giờ vẫy tay chào biệt bạn bè. Hy vọng Phục sẽ cùng sống với tất cả anh chị em áo Lam trong trại hè Liên Hoa III.

Mến chào,

Chúc Phục

Gởi Thiểu Nhi Việt Nam ở Hải Ngoại

*Là người Việt sống nơi hải ngoại
Thấy nhiều điều gai mắt, chướng tai
Thiểu nhi thích nói tiếng ngoài (ngoại ngữ)
Văn chương tiếng Việt nói sai, nói càn*

*Thấy con cháu nói rành ngoại ngữ
Nhiều phụ huynh cứ ngỡ là hay
Rằng hay thì thật là hay
Biết rành tiếng Việt mới tài, đáng khen*

*Lúc còn nhỏ nói toàn tiếng Việt
Khi đến trường mới biết tiếng Tây
Giữ sao gốc chẳng lung lay
Cây "Văn Hóa Việt" ngày càng tốt tươi*

*Công khó ấy do cha và mẹ
Luôn cùng con tiếng Việt luận bàn
Rảnh rang dạy trẻ viết văn
Tập ca lời Việt bông trầm thiết tha*

*Thương mến cháu ông bà thường kể
Sử nước nhà oanh liệt, vẻ vang
Dân Nam luôn chống xâm lăng
Mở mang bờ cõi, khó khăn giữ gìn*

*Rèn tâm tánh thảo ngay, hiếu đễ
Giữ lòng nhơn, lễ, nghĩa thuận hòa
Mọi người thương tưởng đến ta
Vì gìn chữ tín, là người trí tri*

*Lời bình dị mong sao trẻ Việt
Biết đồng lòng giữ lấy cội nguồn
Tiếng còn văn hóa mới còn
Học nhiều (mà) vong bản đau lòng nước non*

• Bà Thanh Bình
Genève 6.1990

Thời Sự Thế Giới

Vũ Ngọc Long

(Phân tích và Bình luận)

Trước những biến chuyển dồn dập của tình hình thế giới. Nhất là trong các xứ CS ở Đông Âu; các đảng CS nắm quyền trong nhiều thập niên qua, nay đều phải co về làm thân phận một đảng đối lập bé nhỏ, với tên đảng phải thay đổi, để mong tiếp tục lừa bịp, thành phần nhe dạt, non lòng. Mặt khác tại Liên Xô, Tổng thống Gorbachev đã quyết định xa lìa hẳn chủ trương kinh tế CS, để theo đuổi đường lối kinh tế thị trường. Hủy bỏ điều 6 của hiến pháp Liên Xô, dành độc quyền cho đảng CS trong sinh hoạt chính trị. Tóm lại cả khối Cộng Đông Âu và Liên Xô đã tan vỡ ra từng mảnh. Trong bối cảnh đó, đảng CSVN đã nhanh lẹ bám víu lấy Trung Quốc, để quyết duy trì quyền lực. Bất chấp sự chống đối từ phía nhân dân, và áp lực từ phía quốc tế, cho đến nay tập đoàn lãnh đạo Hà nội, mà người đứng đầu là Nguyễn văn Linh vẫn lớn tiếng từ chối mọi thay đổi cởi mở trong lãnh vực chính trị ở VN. Mới đây Linh lên tiếng loại ra khỏi đảng tất cả những đảng viên nào cô động, cho sự thay đổi chính trị ở VN. Ngoài ra Linh cũng kêu gọi lực lượng quân đội phải tích cực hơn tham gia vào việc loại trừ mọi âm mưu chống đối. Mới đây trong một buổi gặp gỡ với các sĩ quan cao cấp trong lực lượng bộ đội CSVN, Nguyễn văn Linh đã tuyên bố VN vẫn còn trong cơn khủng hoảng kinh tế và đang bị tấn công chính trị. Linh nói : "Hiện nay một số nước tư bản và các lực lượng phản động quốc tế đang gia tăng tấn công chúng ta dữ dội".

Trước thế kẹt bị Liên Xô và các nước Đông Âu bỏ rơi CSVN đã nhanh lẹ bắt tay với Trung Quốc. Nhiều viên chức ngoại giao cao cấp CSVN đã lũ lượt kéo nhau qua Trung Quốc, để van nài một cuộc tái quan hệ. Hai thứ trưởng ngoại giao Đinh Nho Liêm và Trần Quang Cơ đã thay nhau qua Trung Quốc. Cuối cùng là cuộc gặp gỡ thượng đỉnh VC của Trung Quốc. Với chuyến Hoa du của Phạm văn Đồng, Nguyễn văn Linh, Đỗ Mười vào đầu tháng 9/1990, kẻ đó là Võ Nguyên Giáp. Như chúng ta biết những điều kiện Trung Quốc đưa ra trước đây để có quan hệ hai nước là CSVN phải dứt khoát trao Hoàng Sa, Trường Sa cho Trung Quốc, cho mở cửa biên giới để hàng hóa Trung Quốc được tự do bán ở VN, phục hồi lại các quyền cho những người Việt gốc Hoa, trước đây bị bắt bớ và tịch thu tài sản v.v... cũng như phải cho một số tay chân của phe Hoàng văn Hoan về trở lại VN.

Cuộc gặp gỡ VC của Trung Quốc đã diễn ra ở Chengdu thủ phủ của tỉnh Si Chuân. Chủ tịch đảng CS Trung Quốc Jiang Zemin và Li Peng đã tiếp Đồng, Linh và Mười. Sau cuộc gặp gỡ này coi như mối quan hệ giữa VC và Trung Quốc được nối lại. Sự bắt tay lại với Trung Quốc cho chúng ta thấy chính quyền CSVN quyết tâm theo đuổi đường lối chính trị như của Trung Quốc, nghĩa là không chia xẻ quyền lực với các phe đối lập. Họ chỉ cho nói lỏng kinh tế mà thôi. Mặt khác cũng để phá vỡ thế bao vây kinh tế của Mỹ từ ngày CSVN xưa quân xâm

lăng Miên vào 12/1978. Cuối tháng 9/1990 Nguyễn Cơ Thạch phó thủ tướng kiêm ngoại trưởng đã gặp gỡ ngoại trưởng Mỹ Baker tại New York. Cuộc gặp gỡ cao cấp đầu tiên giữa Mỹ và CSVN từ ngày miền Nam lọt vào tay CS. Thạch đã tới New York để tham dự buổi họp thường niên của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc. Sau đó Thạch đã xin gặp Baker. Cuộc thảo luận chỉ diễn ra trong 30 phút. Tuy nhiên giới ngoại giao cho rằng đã có sự tiến bộ trong vấn đề tiến tới quan hệ giữa Mỹ và VC. Sau cuộc gặp gỡ phía VC đã đưa ra lời tuyên bố "là đã có những bước tiến cụ thể để đưa tới việc bình thường hóa quan hệ giữa 2 quốc gia". Còn về phía Mỹ, thì cho biết "ngoại trưởng Mỹ đã nói với Nguyễn Cơ Thạch nên xúc tiến gấp những nỗ lực đơn phương của phía VC, để giải quyết vấn đề tù binh và người Mỹ mất tích. Phía Mỹ cũng nhấn mạnh số tù binh, và binh lính Mỹ mất tích ở Đông Dương phải được thanh toán càng đầy đủ bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Ngoài ra giữa Baker và Thạch cũng thảo luận vấn đề Kampuchea; riêng phía Mỹ đã cho biết CSVN đã có những đóng góp tích cực trong việc giải quyết vấn đề Cam Bốt, trong thời gian qua. Riêng phía Baker lúc gặp Thạch cũng đã nói "Mỹ chỉ có thể quan hệ bình thường với CSVN khi vấn đề Kampuchea đã đạt được một giải pháp. Ngoài ra sau cuộc gặp gỡ giữa Baker và Thạch ở Nữ Ước, sau đó Thạch đã xuống Hoa Thịnh Đốn để gặp tướng John Vessey người phụ trách vấn đề tù binh và những người Mỹ mất tích ở Đông Dương. Sau đó là những cuộc gặp gỡ một số dân biểu nghị sĩ Mỹ, Thạch hứa sẽ dành mọi dễ dàng để Mỹ có một phái đoàn đặc biệt tìm kiếm người Mỹ mất tích ở VN thường trực. Ngoài ra Thạch cũng hứa sẽ nhanh lẹ giải quyết vấn đề lính Mỹ mất tích này.

Nhìn chung cuộc gặp gỡ giữa Mỹ và CSVN lần này, cũng như những thúc hối của một số Dân biểu nghị sĩ Mỹ về vấn đề thiết lập quan hệ lại với CSVN, trước hết nhanh chóng Mỹ hủy bỏ chính sách bao vây kinh tế CSVN. Để tư bản Mỹ có thể chạy kịp cùng các tư bản quanh vùng đổ xô vào đầu tư, chiếm phần ở VN. Chúng ta thấy rằng có lẽ trong một thời gian ngắn tới đây, Mỹ và CSVN sẽ tái quan hệ. Ngoài ra phía CSVN, cũng chấp nhận một giải pháp về vấn đề người tỵ nạn ở Đông Nam Á. Theo Nguyễn Cơ Thạch cho báo chí biết là sẽ chọn một hải đảo của VN làm một trung tâm tỵ nạn, các người tỵ nạn sẽ được chuyển về đây, dưới sự tài trợ của Cao Ủy Tỵ Nạn. (Nhiều tin đồn đảo Cát Bà ở ngoài khơi Hải Phòng sẽ được chọn làm thí điểm? Được biết đảo này có diện tích chừng 50 Km² chung quanh có rất nhiều đá ngầm, đa số cư dân là người Việt gốc Hoa. Trong khi đó ở Paris có một vài đoàn thể lại đưa ra giải pháp là chọn 2 đảo Phú Quốc và Côn Đảo làm nơi gom các thuyền nhân ở Đông Nam Á về).

Để phá thế bao vây chính trị và kinh tế của Mỹ, cũng như tìm lối thoát cho sự khủng hoảng kinh tế, sau khi Liên Xô và các xứ Đông Âu cắt viện trợ. CSVN ngoài sự bất liên hệ ngoại giao với Trung Quốc, cũng như cố ve vãn Mỹ để nối lại quan hệ, CSVN còn cố gắng hòa dịu với các xứ quanh vùng.

Vào 21.11.90 đáp lời mời của VC, Tổng thống Nam Dương Suharto đã mở chuyến viếng thăm VN. đây là

chuyến viếng thăm đầu tiên của một nhà lãnh đạo xứ quanh vùng không CS, kể từ ngày 30.4.75

Suharto và Nguyễn Văn Linh đã có những thảo luận về mối quan hệ trên mọi lãnh vực giữa 2 xứ.

Liên sau đó Nguyễn Cơ Thạch và Ali Alatas ngoại trưởng Nam Dương đã ký kết những hiệp ước về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, nông nghiệp và trao đổi văn hóa. Theo giới phân tích tình hình chính trị ở Đông Nam Á thì VC cố gắng bắt liên hệ mật thiết với Nam Dương để chứng tỏ CSVN đã mở rộng cửa quan hệ với các nước không CS, vì Nam Dương là một xứ chống Cộng mạnh nhất trong các nước ở Đông Nam Á hiện nay. Mặt khác CSVN cũng tuyên bố mong mỏi được gia nhập vào khối ASEAN, cùng phát triển kinh tế và duy trì an ninh hòa bình trong vùng. Song song đó CSVN đã cho mở lại các đường bay quốc tế đi khắp nơi. Riêng tại Sài Gòn tăng 35 chuyến bay quốc tế một tuần, và Hà Nội 15 chuyến một tuần. Các hãng hàng không Nhật, Hồng Kông, Nam Hàn, Singapore, Đài Loan, Pháp, Đức, Phi, Mã Lai, Liên Xô v.v... đều có những chuyến bay trực tiếp tới Sài Gòn và Hà Nội. Mục đích mở các đường bay này của CSVN là nhằm vào giới du lịch và các thương gia Âu Mỹ tới đầu tư, buôn bán ở VN, có phương tiện di chuyển. Như chúng ta biết trước đây, vấn đề giao thông đi lại rất khó khăn, với thời gian 3, 4 tháng mới mua được một vé bay, vấn đề này đã làm các thương gia Âu Mỹ phân nản rất nhiều. Mới rồi CSVN tính mua 2 máy bay Air Bus A.310 của hãng chế tạo máy bay Tây Âu, nhưng Mỹ đã ngăn cản không bán cho VC, lý do lệnh phong tỏa kinh tế của Mỹ vẫn còn hiệu lực với CSVN.

Do đó CSVN phải mua 6 cái Tupolev TU.134 của Liên Xô. Với loại máy bay này, đã làm một số hành khách lo sợ về sự an toàn của nó. Một hành khách của một công ty ngoại quốc tới đầu tư ở VN đã nói với báo chí như vậy. Mặt khác giới hành khách ngoại quốc cũng nhắc tới vụ nổ của một chuyến bay Sài Gòn Bangkok cách nay hơn 2 năm, các hành khách thiệt mạng, đã không được bồi thường, vì hãng hàng không của VC không có bảo hiểm.

Sau khi tái quan hệ với Trung Quốc, CSVN đã gặp ngay phải vấn đề khó khăn trước mắt, là hàng hóa Trung Quốc ào ạt đổ vào VN. Cả hàng chính thức lẫn hàng lậu thuế, khiến hầu như toàn bộ hãng xương, kỹ nghệ ở VN bị sập tiệm, vì không thể cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc. Vấn đề hàng lậu thuế chiếm 60% hàng hóa. Theo tờ quân đội nhân dân số trong 8/1990, chỉ trong 8 tháng của năm 1990, số hàng hóa tràn ngập ở thị trường VN trị giá tới 26 tấn vàng, không kể một số đổi bằng gạo và đồ biển. Các hàng lậu chờ từ biên giới Trung Quốc và Thái Lan, các tay buôn lậu là những đảng viên cao cấp trong cả quân đội và hành chính, những hàng lậu thuế từ xe hơi Nhật tới cả những tấm xia răng. Hồi tháng 9/1990 một cuộc đụng độ ác liệt giữa các tay buôn lậu và công an ở Tây Ninh làm 2 công an bị giết, 300 người bị bắt vì có liên hệ trong vụ chuyên hàng lậu thuế này. Cuộc giao tranh diễn ra trong 40 phút, cuối cùng phía công an đã tịch thu được một số xe gắn máy trị giá hơn 240.000 \$US.

để ngăn chặn hàng lậu thuế, nên cuộc tổng bố ráp khắp nơi, kiểm kê các cửa hàng bán đồ nước ngoài.

Giới tư sản, mại bản lại bị một cơn "lên ruột". đặc biệt trong lần bố ráp này, nhiều dân ty nạn ở các xứ Âu Mỹ, năm qua nghe theo lời đường mật của CS gợi tiền, hoặc về VN mở các cửa hàng buôn bán, giờ lại trắng tay.

Trước những khó khăn vây bủa nhiều mặt nhiều người nghĩ rằng, đại hội kỳ 7 vào đầu năm 1991 tới đây, chắc chắn tập đoàn lãnh đạo Hà Nội sẽ có những thay đổi lớn. Mặt khác sau cái chết của Lê đức Thọ, người cầm đầu của phe cứng rắn, càng làm cho người ta tin rằng, vào ngày tháng tới CSVN sẽ lại dùng màn khổ nhục kế, thay hình đổi lốt, để bám víu lấy quyền lực hầu tiếp tục công việc đầy dân, phá nước. Nhiều người đã tiên đoán rằng có thể vào tháng năm tới đây bạo quyền CSVN giữ lại trò bịp bợm vào 1946. Một chính phủ liên hiệp quốc cộng, nghĩa là CSVN sẽ cho một vài phần tử đón gió, trở cờ ở hải ngoại, mang danh nghĩa quốc gia, nhưng thật ra chỉ là công cụ của chúng, đóng vai trò bù nhìn. Với một chính phủ nói rộng này, CSVN, sẽ phá vỡ được toàn bộ sự chống đối từ phía đối lập ở hải ngoại. Cũng như CSVN sẽ được thế giới nhìn với con mắt cảm tình hơn. Đây là một đòn phép rất độc hiểm, mà VC đã chuẩn bị trong nhiều tháng qua. Hẳn mọi người chúng ta đã nghe những tiếng kêu mê sảng của một số phần tử trở cờ ở hải ngoại tán dương tập đoàn CS và kêu gọi hòa hợp hòa giải. Giả thử nếu một chính phủ hỗn hợp này ra đời mà căn bản của nó là sự bịp bợm của VC, cộng với đám trí thức ngây thơ, háo danh háo lợi. Nó chẳng đại diện cho đại đa số quần chúng, dĩ nhiên nó sẽ chẳng mang lại lợi lộc gì cho quốc gia dân tộc VN cả. Trong khi đó một sự kiện được ghi nhận, trong mấy tháng qua về một cao trào tranh đấu cho tự do dân chủ ở VN của các anh chị em công nhân và sinh viên VN ở Tiệp Khắc. Nó đã có một sự khác hẳn với đám trí thức sống trong tháp ngà ở vài xứ Âu Mỹ trong cộng đồng người Việt mang danh ty nạn. Đám thanh niên trẻ Việt ở Tiệp Khắc, đã dùng phương tiện truyền thông để kể tội ác của tập đoàn CSVN, cũng kêu gọi đồng bào trong và ngoài nước giúp cho họ đẩy mạnh công cuộc đấu tranh, hầu lật đổ bạo quyền CSVN thì mới mong quang phục được quê hương. Là những người sinh ra và lớn lên trong xã hội CS ắt họ hiểu, sự gian manh và dối lừa của tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN. Họ đã có một thái độ dứt khoát đứng về phía tập thể quần chúng Việt chứ không có thái độ lập lờ như đám trí thức "sớm là cỏ, chiều là sâu" hô hào bắt tay với CS. Như chúng ta biết vào ngày 15.12.1990 tại thành phố Plzen một trong những thành phố lớn ở Tiệp Khắc, Trung tâm liên kết người Việt tại Tiệp Khắc đã phối hợp cùng một số hội đoàn và nhân sĩ quốc gia chân chính ở hải ngoại đứng ra tổ chức buổi hội thảo với chủ đề "Quyền con người ở Việt Nam".

Ngoài những bài thuyết trình do chính anh chị em sinh viên, công nhân Việt ở Tiệp trình bày, còn có những bài tham luận của nhà báo Thế Huy đến từ Paris, nhân sĩ chống cộng Lại Thế Hùng đến từ Strassbourg (Pháp) và nhà báo Vũ Ngọc Long đến từ Đức quốc. Ngoài phần hội thảo còn có chương trình phụ diễn văn nghệ đấu tranh của nhiều thành phần nghệ sĩ đến từ khắp nơi,

người ta ước tính con số tham dự lên đến trên 800 người. Những tiếng nói đấu tranh này, mong là những tiếng kêu khắp báo cho cả thế giới biết về sự chà đạp quyền làm người đối với dân chúng VN của bạo quyền Hànội. Cũng như nói lên sự khát máu, cực đoan và lạc hậu của đám chóp bu CS đang nắm quyền ở VN, cho mọi người biết. Ngày nhân quyền 15.12.90 tại Tiệp Khắc sẽ mở đầu một phong trào đòi hỏi quyền làm người của những người đã sinh ra và lớn lên trong xã hội CS. Tiếng kêu này nó phản ánh trung thực những gì đang diễn ra tại Việt Nam, về vấn đề nhân quyền.

Trong một nỗ lực tranh đấu khác, chiếu theo những đề án công tác do nghị hội người Việt tỵ nạn CS tại Âu Châu kỳ 3 hồi tháng 9/1990 vừa qua. Ngày đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ tại VN được sự phối hợp tổ chức của nhiều đoàn thể đã diễn ra tại Paris vào 8.12.1990. Như tin tức đã loan trước đây nghị hội Âu Châu kỳ 3 đã đề ra một số công tác đấu tranh chung, của nhiều hội đoàn, quốc gia chống cộng ở Âu Châu, cùng nhau phối hợp làm việc. Nếu công việc cứ tiến hành tốt đẹp như cho đến nay sau hơn 3 tháng nghị hội khai mạc. Với các thành quả đạt được như phái đoàn nghị hội được cựu tổng thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing chủ tịch khối dân biểu tự do, dân chủ và cấp tiến tại quốc hội Âu Châu tiếp. Cũng như cuộc gặp gỡ ông chủ tịch ủy ban Nhân quyền và chủ tịch ủy ban đặc trách vấn đề người tỵ nạn tại quốc hội Âu Châu... Ngoài ra các thành viên nghị hội đang trù tính sau những phối hợp với Trung tâm Liên kết người Việt tại Tiệp Khắc, sẽ mở rộng hoạt động cùng với các công nhân lao động VN ở các xứ Balan, Đông Đức cũ, Hung và cả Liên Xô nữa...

Nhìn chung ngày tháng tới đây nhiều biến chuyển sẽ xảy ra trong nhanh lẹ ở VN cũng như trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Một điều chúng ta phải tin rằng, sớm muộn gì tập đoàn CSVN cũng phải chết như những đảng CS cha, anh của họ ở Đông Âu.

Mùa đông năm nay lạnh nhiều và tuyết rơi sớm hơn các năm trước, ở toàn vùng Tây và Trung Âu. Riêng tại Liên Xô, đây là một mùa đông lạnh nhất kể từ 50 năm qua. Tuy nhiên cái lạnh của mùa đông, chắc vẫn ít lạnh hơn, nổi lòng băng lạnh của giới lãnh đạo điện Cẩm Linh. Hơn 70 năm kể từ ngày cuộc cách mạng vô sản thành công ở Liên Xô, chưa lúc nào, đất nước Liên Xô lại rơi vào tình trạng bi thảm như hiện nay. Đế quốc Liên Xô đã tan vỡ ra từng mảnh, thời vàng son của đế quốc vào những năm của thập niên 70, giờ hoàn toàn tan theo mây khói. Thê thảm hơn, nạn đói đã xảy ra ở Liên Xô, chính Tổng thống Gorbachev đã phải lên tiếng kêu gọi sự giúp đỡ từ các xứ tư bản Âu Mỹ, để dân chúng Nga có thể sống qua mùa đông khắc nghiệt này, cũng như qua giai đoạn kinh tế khủng hoảng hiện nay ở Liên Xô. Vào tháng cuối cùng của năm 1990, các đài truyền hình thế giới, cũng như báo chí khắp nơi đã truyền đi những hình ảnh dân chúng Nga, xếp hàng dưới tuyết lạnh hàng 5, 6 giờ để được mua 200gr bơ, hoặc bánh mì, cũng như các bộ mặt cười ra nước mắt, của dân Nga, xếp hàng nhận các thùng đồ cứu trợ từ các xứ Âu Mỹ gửi tặng. Từ một siêu cường, hùng mạnh, gieo kinh hoàng và chết chóc cho cả thế giới trong nhiều thập kỷ. Nay trong một sớm,

một chiều phải ngửa tay nhận những gói quà cứu đói, từ những xứ, trước đây từng là kẻ thù của họ.

Đáp lời kêu gọi của Tổng thống Gorbachev về lời kêu cứu đói, các chính phủ Tây Âu, nhất là chính quyền Đức đã phát động rầm rộ chương trình giúp đỡ cho dân Nga, trên 100.000 thùng đồ gồm cà phê, đường, gạo, sữa, muối v.v... đã được chính quyền và các tổ chức tư của Đức gửi tới dân Nga. Nhiều thành phố lớn như Lenigrad, đã phải phát khẩu phần lương thực. Theo tin tức từ giới ngoại giao Âu Mỹ, sở dĩ Liên Xô lâm vào tình trạng đói kém hiện nay, vì vấn đề chính quyền trung ương đã mất sự kiểm soát ở các nơi. Mặc dù vụ mùa năm nay Liên Xô thu hoạch con số kỷ lục, so với các năm trước.

Nhưng một số Cộng hòa như Estonia, Kazakhstan, Ukraine, đã không cung cấp lương thực qua các cộng hòa khác. Ngoài ra, vấn đề chuyên chở, cũng như chính sách cho tự do kinh tế, nhiều con buôn đã lợi dụng, tình trạng giao thời, đầu cơ tích trữ, bán giá cắt cổ. Chính quyền địa phương, quen thói quản trị kiểu xã hội chủ nghĩa, lè mề, hình thức... Tất cả đã đưa tới tình trạng khủng hoảng trầm trọng hiện nay. Liệu Tổng thống Gorbachev có đứng vững trong những ngày tháng tới không, câu hỏi được nhiều người đặt ra, cũng như chính sách kinh tế tự do mà Gorbachev cho áp dụng trong thời hạn 500 ngày, có còn được duy trì, hay phải hủy bỏ, để trở lại sự kiểm soát như cũ. Cho tới nay uy tín của Gorbachev đối với dân Liên Xô, đã xuống tới mức độ báo động. Chỉ 22% dân Xô Việt tin vào tài lãnh đạo của ông mà thôi. Trong khi đó phe bảo thủ được thể, chống đối mạnh, cố tìm cách hạ bệ Gorbachev. Trái ngược với sự mất uy tín ở quốc nội, trên lãnh vực quốc tế Gorbachev đã được cả thế giới Âu Mỹ, coi như là một nhân vật vĩ đại, đi vào lịch sử của hòa bình thế giới. Giải Nobel hòa bình 1990 đã được trao cho ông, cũng như Gorbachev đã được tôn vinh là người của thập niên 80. Trở lại vấn đề các xứ Âu Mỹ nhanh lẹ đáp lời kêu cứu đói của Liên Xô, vì các xứ sợ làn sóng tỵ nạn từ Liên Xô ào ạt đổ qua các xứ Tây Âu, nếu tình trạng đói kém diễn ra trầm trọng. Tại Balan, chính quyền xứ này đã cho quân đội dàn dọc biên giới với Liên Xô, để ngăn ngừa sự bỏ nước ra đi của dân Liên Xô có thể xảy ra. Trong khi đó tại Đông Đức cũ, hàng ngàn Hồng Quân Xô Việt đã đào ngũ xin tỵ nạn ở Đức.

Cho tới nay đế quốc Xô Viết, coi như tan vỡ toàn bộ, tại hội nghị an ninh Âu Châu vừa qua ở Paris, Xô Viết đã đồng ý một cuộc tài giảm binh bị, xuống mức độ, chưa từng có trước đây. Những gì sẽ xảy ra ở Liên Xô vào những tháng ngày tới, và tương lai của cá nhân Gorbachev và 286 triệu dân Nga đi về đâu... cho tới nay chưa ai có câu trả lời được.

Giữa lúc đế quốc CS do Liên Xô cầm đầu, tan vỡ từng mảng, và rơi vào tình trạng bi thảm chưa từng có. Trận chiến tranh lạnh giữa tư bản và CS coi như chấm dứt, nhân loại nghĩ rằng một nền hòa bình sẽ đến. Các xứ sẽ cùng nhau bắt tay xây dựng một nền hòa bình lâu dài. Nhưng chẳng ai học được chữ ngờ. Sự suy thoái quyền lực của các siêu cường, là khởi đầu cho một sự bất ổn mới. Tình hình Trung Đông bùng sôi động, một trận

chiến nguyên tử có cơ xảy ra bất cứ lúc nào. Và nguy hiểm hơn nữa, nó lại mang bóng dáng của một cuộc thánh chiến. Sự kinh chống Đông Tây, mấy thập kỷ qua, giờ được thay thế bằng sự xung đột Bắc Nam.

Hơn 4 tháng tính tới trung tuần tháng 12/1990 cuộc xua quân xâm lăng xứ Hồi giáo láng giềng Kuwait của Irak đã tạo nên sự sôi bồng của tình hình chính trị thế giới. Thậm chí không khí chiến tranh bao trùm khắp nơi, cả vùng Trung Đông sặc mùi lửa đạn.

Nền hòa bình thế giới bỗng nhiên bị đe dọa trầm trọng, mà chỉ trước đó không lâu ai ai cũng tin rằng mỗi hòa dịu Đông Tây và nhất là sự tan vỡ của khối Cộng Đông Âu, chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh kéo dài nhiều thập niên qua.

Hàng trăm ngàn quân đội các xứ Âu Mỹ, cũng như hàng triệu tấn chiến cụ đã ào ạt được đổ vào vùng đất Trung Đông. Cường độ của không khí chiến tranh lên cao độ, hàng chục hàng không mẫu hạm của các siêu cường Mỹ, Anh, Pháp đã được gửi đến các vùng biển Trung Đông. Trong khi đó tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc, lần đầu tiên có sự đồng ý của 5 xứ trong hội viên thường trực của Liên Hiệp Quốc về một biện pháp răn đe xứ xâm lăng Irak. Lệnh phong tỏa hải vận, rồi sau đó không vận, Irak đã được nhiều nước tán đồng. Giá dầu đã lên cao theo nhịp độ căng thẳng của tình hình quân sự. Trong khi đó tại Irak, Saddam Hussein, đã tăng cường quân đội, với một lực lượng trên một triệu tay súng.

Riêng tại xứ Kuwait, lực lượng Irak đã gia tăng nhanh chóng hơn 300.000 quân được trang bị với vũ khí tối tân, quyết đương đầu với bất cứ cuộc tấn công giải phóng Kuwait nào của quân đội các xứ Âu Mỹ, mà đứng đầu là Hoa Kỳ. Mặt khác Hussein đã tuyên bố Kuwait trở thành một tỉnh của Irak. Cũng như hàng ngàn con tin, đã bị Irak cầm giữ, và thách thức bất cứ cuộc tấn công nào của Hoa Kỳ, thì các con tin sẽ bị giết dần. Trong khi đó Mỹ đã đổ một số lượng quân khổng lồ vào Ả Rập-Saudi, để ngăn ngừa một cuộc tấn công của Irak vào xứ dầu hòa nhiều nhất thế giới này. Khác với những lần mang quân đi tham chiến ở nước ngoài trước đây, đặc biệt lần này chính phủ của Tổng thống Bush đã được sự tán đồng mạnh mẽ của Quốc Hội, cũng như dân chúng Mỹ. Mặt khác các xứ đồng minh của Mỹ cũng như một số xứ trong khối Hồi giáo cũng gửi quân hoặc lên tiếng ủng hộ các quyết định bao vây Irak của Liên Hiệp Quốc. Trước những áp lực mạnh mẽ của quốc tế, cũng như các toan tính biến Kuwait thành một quốc gia Palestine mới, dưới sự bảo trợ của Irak đã được chuẩn bị. Hàng trăm ngàn dân Palestine các nơi được đổ dồn về Kuwait. Cho đến nay nếu có một cuộc thống kê ở Kuwait, chắc chắn dân Palestine thân Irak chiếm đa số. Trong khi đó người ta thấy rằng vấn đề khủng hoảng ở Trung Đông nó hàm chứa rất nhiều các thủ đoạn chính trị của các siêu cường, nhất là phía Hoa Kỳ. Như chúng ta biết cuộc xâm lăng của Irak vào Kuwait ngay trước khi khởi đầu, tình báo C.I.A. của Mỹ đã biết trước, cũng như cả phía Liên Xô. Nhưng Mỹ đã không ra tay trước để ngăn chặn, lấy lý do là không được sự yêu cầu của vua Kuwait. Đến khi Irak tràn ngập Kuwait, thì Mỹ ào ạt đổ quân vào xứ

Saudi Arabia, hay kho dầu lớn nhất thế giới. Cho tới nay cuộc khủng hoảng ở Trung Đông dần dần được hé mở những gì gọi là bí mật. Phía Irak với những lời tuyên bố của Saddam Hussein là sẽ rút quân khỏi Kuwait với điều kiện một cuộc tổng tuyển cử sẽ diễn ra tại Kuwait. Dân chúng ở đây sẽ định đoạt thể chế chính trị của mình. Lực lượng Mỹ phải hứa là không tấn công Irak, cũng như phải có một hội nghị quốc tế về vấn đề Palestine, mà Hussein muốn Mỹ áp lực Do Thái phải trả lại 2 giải đất Tây Ngạn, và Gaza.

Dù lệnh phong tỏa Irak được hội đồng an ninh Liên Hiệp Quốc cho thi hành, nhưng chẳng làm Irak sợ hãi. Lý do nhiều nước vẫn lén lút trao đổi lương thực cho Irak để lấy dầu hỏa. Trong khi đó Irak vẫn giữ cả chục ngàn con tin của các nước Âu Mỹ. Tuy nhiên khác với các lần giữ con tin trước đây, lần này các xứ Âu Mỹ đã tỏ ra khôn ngoan hơn, không đặt vấn đề con tin là chuyện quan trọng hàng đầu, nên Irak đã không thể dùng con tin để bắt bí như trước đây nữa. Song song với nỗ lực tìm kiếm sự ủng hộ nhân vật lực và tài chính của các xứ đồng minh, Mỹ đã nỗ lực vận động quốc tế. Vào thượng tuần tháng 12, một nghị quyết mới của Liên Hiệp Quốc cho Irak thời hạn chót là 15.1.91 phải rút quân ra khỏi Kuwait, nếu không Mỹ và các đồng minh dùng vũ lực để bắt Irak phải triệt thoái ra khỏi Kuwait.

Trong khi đó quân đội Mỹ được tăng cường nhanh chóng lên gần nửa triệu ở các xứ láng giềng Irak là Ả Rập Saudi. Không khí chiến tranh bao phủ toàn vùng Trung Đông. Nhiều câu hỏi được đặt ra liệu Irak có lặng lẽ rút ra khỏi Kuwait, hay trận chiến sẽ bùng nổ. Song song với nỗ lực chuẩn bị chiến tranh của Mỹ, mặt khác Tổng thống Mỹ cũng chuẩn bị dư luận quần chúng Mỹ một cách thật chu đáo, qua những cuộc thăm dò dư luận cho thấy dân chúng Mỹ đa số ủng hộ Tổng thống Bush nếu trận chiến phải xảy ra với Irak. Mặt khác ông cũng cử ngoại trưởng Baker tới Irak trực tiếp nói chuyện với Saddam Hussein. Riêng về phía Irak, Saddam Hussein đã tỏ ra là một nhà chính trị đảm lược, biết ve vãn khối Ả Rập Hồi giáo, cũng như giới quần chúng Âu Mỹ. Việc khơi dậy lòng ái quốc nơi dân Irak, lồng vào đó vấn đề tôn giáo, để trận chiến mang tính chất một cuộc thánh chiến. Vào gần trung tuần tháng 12/1990, Saddam Hussein bỗng tuyên bố thả hết tất cả con tin, gồm cả những kiều dân Mỹ. Tuy nhiên vấn đề rút quân khỏi Kuwait vẫn không được đá động tới. Trong khi đó những tin tức tình báo, thì cho rằng Irak đã chế tạo được bom nguyên tử, ngoài những bom hóa học đã được sử dụng trước đây. Irak là một địch thủ rất lợi hại, nếu trận chiến xảy ra, số tổn hao nhân mạng thật lớn lao, cho cả đôi bên. Về phía Âu Mỹ, ngoài Hoa Kỳ, Anh đã tỏ ra quyết liệt chống Irak, còn các xứ khác thì lập lờng, thái độ sợ sệt, e dè vì sợ hao tổn cũng như làm mất lòng khối Ả Rập. Cũng vì lý do khiếp nhược này, nên Irak đã tỏ ra chẳng e sợ. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng Irak là một canh bài quyết định cho tương lai chính trị của Tổng thống Bush và đảng Cộng Hòa của ông. Nên chắc chắn ông sẽ phải làm sao đạt thắng lợi, một là bằng giải pháp chính trị với những nhượng bộ nào đó cho Irak, để Saddam Hussein lặng lẽ rút một số quân, một chính phủ

ảnh hưởng Irak ra đời, dù trên danh nghĩa quốc tế xứ Kuwait vẫn tồn tại. Nhưng nếu Saddam Hussein vẫn không chấp nhận, thì chiến tranh có thể xảy ra, mở màn trận chiến lực lượng đặc công khủng bố của Irak và Palestine, sẽ tấn công Do Thái thay vì tấn công chủ lực vào phía Mỹ và đồng Minh ở Ả Rập Saudi. Cuộc tấn công của Irak vào Do Thái, sẽ kéo được khối Hồi giáo ủng hộ. Thật là khó lường được sự khốc hại, nếu chiến tranh xảy ra. Ngoài số nhân mạng tiêu vong, còn các trung tâm dầu hỏa bị tàn phá, giá dầu sẽ tăng vọt, ảnh hưởng dây chuyền khắp nơi. Mọi chuyện có lẽ sẽ ngã ngũ vào đầu tháng 2/1991. Tuy nhiên nếu Irak lạng lẽ rút quân khỏi Kuwait trước hạn kỳ 15.1.91, thì trận chiến sẽ không bùng nổ, trong hiện tại, nhưng một tương lai gần, hoặc xa nào đó cũng bùng nổ. Dù rút quân Saddam Hussein cũng trở thành một người hùng của khối Ả Rập Hồi giáo. Một người đã dám đương đầu với cả khối Âu Mỹ.

Ngoài những tin tức được đưa lên hàng đầu của báo chí thế giới về vấn đề Trung Đông. Cuộc tổng tuyển cử của xứ đức thống nhất, cũng làm chú ý của mọi người, đương kim thủ tướng Helmut Kohl đã đắc thắng về vang, đảng đối lập đã thảm bại, cũng như một đảng nhỏ thuộc cánh tả tức đảng Xanh, bị thất bại nặng nề, mất luôn ghế trong Quốc hội Liên Bang, ngoài ra đảng CS cũng chịu chung số phận.

Tất cả các đảng đối lập với đảng của thủ tướng Kohl, đã là nạn nhân của vấn đề thống nhất nước Đức. Chỉ sau hơn một năm khi bức tường Bá Linh bị kéo đổ và hơn một tháng 2 xứ Đông Tây Đức thống nhất tính tới ngày tổng tuyển cử 2.12.1990 các biến chuyển đã diễn ra thật nhanh lẹ ở Đức, cho tới đầu tháng 12/90, những con số đầy khả quan về sự ổn định ở 5 tiểu bang mới, tức xứ Đông Đức trước đây. Với con số thất nghiệp ở tỷ lệ 6,5%, mặc dù chỉ trước đó vài tháng con số trên 20%, những vấn đề an sinh cho 17 triệu dân ở 5 tiểu bang mới đã ổn cố dần. Nhiều dấu hiệu cho thấy có lẽ không cần tới 5 năm, dân chúng 2 miền sẽ ngang bằng nhau trong cuộc sống. Và một nước Đức thống nhất sẽ trở nên mạnh mẽ, ảnh hưởng toàn thế giới. Và một sự kiện chính trị mới, sẽ được chính quyền Đức áp dụng, là tỏ ra cứng rắn với bất cứ đề nghị nào từ phía Mỹ đưa ra. Mặt khác về phía Liên Xô, ít ra là cho tới sau 1994 khi 380.000 Hồng Quân Xô Viết rút khỏi xứ Đông Đức cũ, thì xứ Đức thống nhất mới thôi ve vãn Liên Xô. Như chúng ta thấy phong trào cứu đói cho Liên Xô, đã được đức phát động thật ồn ào. Vì nếu Gorbachev bị lật trong lúc này, Đức là xứ âu lo nhất vì dù thống nhất, nhưng số quân Xô Viết lớn lao còn ở lại. Nếu một nhân vật cứng rắn nắm quyền ở Liên Xô, lại đặt ra những đòi hỏi khác, hoặc yểm trợ lại cho đảng CS ở Đông Đức quấy phá, thì nhiều vấn đề sẽ xảy ra, khó khăn cho Đức. Cho nên trong thời gian qua sự lung lay quyền lực của Gorbachev làm chính giới Đức rất lo ngại.

Với một dân số gần 80 triệu, một vị trí địa lý Trung Âu, và một nền kinh tế vững mạnh, bước vào thế kỷ 21, xứ đức sẽ trở thành một siêu cường đích thực, điều đó chẳng còn là điều không tưởng nữa.

Cũng tại Âu Châu sự ra đi của Nữ Thủ tướng Anh Margaret Thatcher sau 11 năm nắm quyền, với chủ trương cứng rắn, độc lập, không đồng ý với các xứ trong khối thị trường chung Âu Châu về một Tây Âu thống nhất, khởi đầu là vấn đề tiền tệ. Chính quyền Anh dưới sự lãnh đạo của Thatcher đã tỏ ra lo ngại về sự thống nhất nước Đức, cũng như thống nhất một Liên Bang Tây Âu. Vì sợ kinh tế Đức mạnh sẽ khuynh loát tất cả. Vai trò cường quốc của Anh sẽ bị lu mờ. Sau 11 năm nắm quyền Margaret Thatcher đã tỏ ra là một nhà lãnh đạo xuất sắc, và có những quyết định đầy táo bạo từ vụ tuyên chiến với Á Căn Đình về vụ tranh chấp đảo Frankland năm 1982, tới vụ công nhận mỏ than đình công, cuối cùng vì vấn đề tăng thuế, đã đưa tới những sự bất đồng trong chính phủ và đảng Bảo Thủ của Bà. Từ đó đã đưa tới sự bất tín nhiệm Bà trong vai trò Thủ tướng. Trong lần bỏ phiếu đầu của đảng Bà đã không chiếm được đa số, dù chỉ thiếu 4 phiếu. Qua vòng hai, lượng thấy không thể thắng được Bà đã rút lui. Kết quả vòng hai với 3 ứng viên John Major, Michael Heseltine và Douglas Hurd, tranh sự tín nhiệm của đảng Major được 185, Heseltine 131 phiếu và Hurd 56 phiếu. Sau đó Hurd đã liên minh với Major, để Major đạt số phiếu tối đa, hầu đứng ra thành lập tân nội các. John Major 47 tuổi từng là ngoại trưởng trong chính quyền của Thatcher một thời gian. Xuất thân từ một gia đình nghèo, cha là chủ một gánh xiếc, ông là một Thủ tướng đầu tiên ở Anh không xuất thân từ một đại học nào. Để cầm đầu chính phủ, Major phải đối đầu với nhiều vấn đề khó khăn trước mắt, nạn thất nghiệp, chính sách thuế khóa, vấn đề thống nhất tiền tệ của khối thị trường chung Âu Châu. Giới quan sát chính trị cho rằng cuộc họp 12 xứ trong cộng đồng vào tháng 1/1991 sẽ là một trắc nghiệm khả năng lãnh đạo của Major. Mặt khác Major phải làm sao giải quyết được vấn đề khó khăn tại quốc nội như thất nghiệp, lạm phát... và chuẩn bị để đảng Bảo Thủ tiếp tục nắm quyền trong cuộc tổng tuyển cử vào tháng 6/1992 tới đây.

Quay qua phía Đông Âu, cuộc bầu cử ở Balan đã diễn ra trong gay go. Lãnh tụ công đoàn Đoàn Kết Lech-Walesa đã không chiếm được đa số phiếu trong vòng đầu, vì sự bất đồng giữa ông và Thủ tướng Mazowiecki, cũng như sự xuất hiện bất ngờ của một nhân vật mang tên Tyminski lưu vong ở Canada trên 21 năm, và hiện là một triệu phú. Tyminski rời Balan năm 1969 tới Canada, năm 1982 qua Peru sống 6 năm, và lấy vợ một người đàn bà Peru gốc Ấn Độ. Tyminski là ứng viên ra tranh cử cùng Walesa và Mazowiecki, trong vòng đầu Tyminski đã chiếm được 24% số phiếu, đứng hàng thứ 2 sau Walesa. Cho tới lúc ra tranh cử lý lịch của Tyminski có nhiều điểm rất mơ hồ. Mới đây báo chí Balan đưa tin, từ 1980 tới 1989 Tyminski về Balan 7 lần qua giấy nhập cảnh do Tòa đại sứ Balan ở Lybya cấp. Ngoài ra còn có những tin tức Tyminski hoạt động bí mật cho đảng CS cầm quyền ở Balan trước đây. Cuộc tranh cử vòng hai giữa Walesa và Tyminski. Tin cuối cùng Lech Walesa đã đắc cử tổng thống dân cử đầu tiên tại Balan từ sau thế chiến thứ 2 với 77% số phiếu và Tyminski 23%.

● **VŨ Ngọc Long**

Tin Văn

* Một phái đoàn Tòa Thánh Vatican do Hồng Y Roger Etchegaray cầm đầu đã tới Hà Nội vào 7.11.90. Phái đoàn đã thảo luận với chính quyền CSVN, đề bổ nhiệm 5 Giám Mục mới, hiện đang khiêm khuyết ở VN. Mặt khác đại diện Tòa Thánh cũng điều đình để sự bổ nhiệm các Linh Mục, Giám Mục không phải xin phép chính quyền nữa. Tin tức không cho biết kết quả ra sao.

Trong khi đó tin tức từ VN, thì chính quyền CS đã cho phép tất cả các Giám Mục đi Vatican trong dịp họp Hội đồng Giám Mục Thế Giới tại Vatican.

* 34 lãnh tụ các xứ Âu Châu trừ Albani nhưng thêm Hoa Kỳ và Canada đã tham dự hội nghị an ninh chung Âu Châu được tổ chức tại Paris thủ đô Pháp. Hội nghị đã kéo dài trong 3 ngày kể từ 19.11.90. Vấn đề tài giảm vũ khí, vấn đề Irak xâm lăng Kuwait, cùng nhiều vấn đề an ninh hợp tác Đông - Tây sau khi trận chiến tranh lạnh chấm dứt, đã được các nhà lãnh đạo bàn cãi.

* Vào ngày thứ sáu 16.11.90 chính phủ Đức đã ban hành quyết định phân phối số dân tỵ nạn tại 11 tiểu bang Tây Đức trước đây qua 5 tiểu bang mới, với tỷ lệ 20%.. Quyết định được thi hành từ 1.12.90, với con số 8000 người từ Tây Đức cũ phải chuyển qua 5 tiểu bang mới, con số cho năm tới là 200.000 người. được biết trong năm qua hàng trăm ngàn người từ các xứ Cộng Sản Đông Âu chạy qua Tây Đức trong đó có nhiều ngàn công nhân Việt Nam bị chính quyền CSVN đưa qua lao động trả nợ ở Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc... trốn qua Tây Đức tỵ nạn.

* CSVN ngõ tiếng mời thủ tướng Thái Lan viếng thăm VN. Sau chuyến viếng thăm của Tổng thống Nam Dương vào tháng 11 vừa qua. Nguyễn Cơ Thạch ngoại trưởng VC đã lên tiếng mời Chatichai Choonhavan thủ tướng Thái Lan qua thăm VN trong cuối năm 1990. Trong thời gian qua CSVN đã tìm cách kết thân với tất cả các xứ quanh vùng, hầu phá vỡ sự bao vây kinh tế của Mỹ.

* Sau hơn 30 năm nắm quyền, Thủ tướng Lý Quang Diệu của Tân Gia Ba đã từ chức; tuy nhiên ông vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ trong chính quyền của Tân Thủ tướng Goh Chok Tong.

Tân Gia Ba là 1 đảo quốc nhỏ bé gồm đảo Singapore và 57 đảo nhỏ nữa; diện tích tất cả 618km2, dân số 2,6

triệu. Năm 1963 tách khỏi Mã Lai, và chính thức độc lập 1965. Dân số 77% người Hoa, 15% người Mã, 2,3% người Âu Châu. Tuy nhỏ bé nhưng Tân Gia Ba ngày nay là 1 trong 4 con cọp nhỏ ở Đông Nam Á. Tổng sản lượng quốc gia năm 1987 gần 20 tỷ US . Lý Quang Diệu đã trở thành một nhà độc tài vào những năm sau này, nhưng sự độc tài yêu nước, ông đã biến xứ Tân Gia Ba nhỏ bé, thành 1 quốc gia văn minh, tiên bộ và giàu mạnh, có thể so sánh đời sống của dân chúng Tân Gia Ba với bất cứ quốc gia văn minh Âu Mỹ nào.

* 207 công ty ngoại quốc đã giúp Irak sản xuất các loại vũ khí giết người tối tân như bom nguyên tử, hơi ngạt, cùng các vũ khí hóa học khác. Sau đây là danh sách mang quốc tịch các nước : Tây Đức 86 công ty, Mỹ 18, Anh 18, Áo 17, Pháp 16, Ý Đại Lợi 12 và Thụy Sĩ 11. Cho tới nay Irak có thể sản xuất mỗi năm 1400 - 2500 tấn vũ khí hóa học bao gồm những thứ cực độc như Cyanide, mustard ...

* Chính phủ Pháp mới đây đã có quyết định giới hạn vận tốc các loại xe hơi chạy trong các thành phố Pháp là 50km/1giờ. Tuy nhiên tùy theo từng tỉnh cũng như đường xá rộng, hẹp, tốt xấu. Các chính quyền địa phương có thể du di từ 30km/1giờ tới tối đa 70km/1giờ. Luật này được áp dụng từ 1.12.90.

* Hạ Viện Mỹ mới rồi đã thông qua dự luật với số phiếu 231/192 cho tăng khối lượng di dân vào xứ Mỹ từ 235.000 lên 775.000 trong năm nay. Trong khi đó Thượng Viện Mỹ thì chỉ chấp nhận 630.000 người. Những di dân có nghề nghiệp khéo léo, cũng như vấn đề đoàn tụ gia đình được ưu tiên. Theo nguồn tin này thì giữa lưỡng viện quốc hội Mỹ chắc dễ dàng có một con số trung hòa, tuy nhiên phía hành pháp sẽ có những đề nghị giảm bớt sự tạo nên một làn sóng di dân mới vào xứ Mỹ, vốn vấn đề thất nghiệp và an sinh xã hội đã khó giải quyết.

* Hàng loạt các vụ bom nổ do các khủng bố quân thuộc cả 2 phe cực hữu và tả ở Phi Luật Tân, nhằm vào các công ty ngân hàng, xí nghiệp của Mỹ trên đất Phi. Tính tới đầu tháng 10/90. Kể từ 13.8.90 có 39 vụ nổ, các công ty Mỹ nạn nhân gồm: Coca Cola, Pepsi Cola, Colgate, Boston Bank, v.v...

* Phe cực hữu ở Phi lại tiếp tục quấy phá chính quyền của nữ Tổng Thống Aquino. Phe nội loạn đã chiếm đóng 2 thành phố Butuan và Cagayan de Oro trong đảo Mindanao, một đảo

lớn hàng thứ nhì ở Phi với dân số trên 17 triệu.

Lãnh tụ phe loạn quân là Alexander Noble, trước là Phó tư lệnh lực lượng phòng thủ dinh Tổng thống Aquino. Phe nội loạn đã bị quân đội trung thành của chính phủ do Tổng trưởng quốc phòng Fidel V. Ramos điều khiển tấn công lại dữ dội. Tổng Thống Aquino đã phải triệu tập gấp buổi họp nội các, để tìm quyết định giải quyết. Cho tới nay hơn 4 năm nắm quyền Tổng Thống Aquino bị 6 vụ đảo chính nhằm lật đổ Bà, nhưng Bà đã may mắn đều bẹp được

* Ngày 17.9.90, Võ Nguyên Giáp đã viếng thăm Bắc Kinh, đã được phụ tá ngoại trưởng Trung Quốc đón tiếp ở phi trường Bắc Kinh. Được biết trước đó vào đầu tháng 9, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười đã qua Trung Quốc gặp gỡ giới lãnh đạo của xứ này.

Ngày 16.9.90 cửa ải Nam Quan (sau CS đổi là ải Hữu Nghị đã được mở cửa và phái đoàn lực sĩ CSVN đã đi dự Á Vận Hội tại Bắc Kinh qua cửa ải này. Cho tới nay Hà Nội và Bắc Kinh đã có quan hệ thân thiết lại cùng nhau.

• Vũ Ngọc Long

THÔNG BÁO

Tân Ban Chấp Hành Hội Người Việt Ty Nạn Tại Hannover & Vùng Phụ Cận. Trong một phiên họp khoáng đại chiều ngày 24.11.1990 của Hội NVTN tạ Hannover và Vùng Phụ Cận để bầu lại Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 1990-1992. Sau đây là thành phần Ban Chấp Hành mới :

Hội Trưởng: Ông Vũ Đình Hải

(Nhà thơ Hoài Thu)

Hội Phó Nội Vụ: Anh Võ Văn Tươi

Hội Phó Ngoại Vụ: Anh Ngô Ngọc Trung

Thủ Quỹ: Anh Trần Hoàng Việt

Thư Ký: Anh Hiệp

Tân Ban Chấp Hành xin kính gửi lời chào đoàn kết đến tất cả quý vị Hội Viên và đồng hương. Kính xin quý vị vui lòng hỗ trợ và tích cực cộng tác để xây dựng Hội mỗi ngày một phát triển hơn.

Mọi thư từ giao dịch, xin liên lạc đến địa chỉ dưới đây :

Ông Vũ Đình Hải: Gartenstr. 25

3057 Neustadt a. R

Điện thoại: 05032-64718

hoặc:

HNVTN tại Hannover và Vùng Phụ Cận

Postfach 91 11 63

3000 Hannover 91

Việt Nam Trước Chính Sách Mới của Hoa Kỳ

Trung tuần tháng 7 vừa qua, ngoại trưởng Hoa Kỳ James Baker đã tuyên bố hai quyết định mới của Mỹ về vấn đề Đông Dương. Thứ nhất, Hoa Thịnh Đốn chấm dứt sự thừa nhận liên hiệp ba thành phần của cựu hoàng Sihanouk, với sự tham dự của Son Sann và Khmer đỏ. Thứ hai, Hoa Kỳ sẽ mở cuộc đối thoại với C.S. Việt Nam.

Báo chí quốc tế đã coi đây như một sự thay đổi 180 độ trong chính sách của Hoa Kỳ. Nguyễn Cơ Thạch đã vội vã bay sang Mỹ để được James Baker tiếp kiến trong nửa giờ.

Mở đầu đối thoại là đề đi đến bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Nhưng đối thoại từ thế thù nghịch để chuyển thành thế "đồng minh" đương nhiên phải bao hàm sự thương lượng, mặc cả, trước khi đi đến thỏa hiệp. Liệu những thỏa hiệp tương lai giữa CS Việt Nam và Hoa Kỳ có khả năng cứu vớt đề tập đoàn cầm quyền ở Hà Nội thoát khỏi tình trạng phá sản hiện tại hay không, câu trả lời còn tùy thuộc rất nhiều yếu tố.

Tư thế của Cộng Sản Việt Nam :

Năm 1954, Hoa Kỳ thỏa hiệp với Liên Xô để giải quyết vấn đề Đông Dương. Nhưng CS Việt Nam đã tuân theo chủ trương bành trướng của Bắc Kinh, phát động và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Miền Nam.

Năm 1972, Hoa Kỳ thỏa hiệp với Bắc Kinh để đạt một giải pháp cho chiến tranh Đông Dương. Một lần nữa, Hà Nội lại phục vụ chính sách của những người lãnh đạo mới ở Liên Xô bằng cách xé bỏ hiệp định Paris, chiếm đoạt Miền Nam năm 1975 bằng võ lực.

Chính sách thù nghịch của Hà Nội đối với Hoa Kỳ đã khiến Bắc Việt trở thành yếu tố nguy hiểm cho hòa bình và an ninh chung trong vùng Đông Nam Á.

Để mưu cầu sự ổn định cho vùng đất này, Hoa Kỳ đã chấp nhận trả giá bằng tiền. Chính quyền Nixon đề nghị viện trợ kinh tế cho cả hai miền Nam Bắc, mỗi bên 3 tỷ 750 triệu đô la. Nhưng Hà Nội đã lợi dụng thời cơ khó khăn của Mỹ với phong trào phản chiến và cuộc khủng hoảng dầu hỏa đầu thập niên 70, không cho phép Hoa Kỳ rút khỏi Đông Dương trong danh dự. Hà Nội không chấp nhận viện trợ, mà đòi hỏi chính quyền Mỹ phải cung ứng ngân khoản trên dưới danh nghĩa bồi thường chiến tranh.

Mười lăm năm sau ngày cộng sản chiếm Sài Gòn, Việt Nam đã trở thành một trong hai nước nghèo nhất thế giới. Tài nguyên của đất nước đã bị vơ vét tận cùng để trả nợ đàn anh, hoặc xuất cảng với giá rẻ mạt. Người lao động lương thiện bị bóc lột tàn bạo để đáng và Nhà Nước nuôi dưỡng một lúc hai cuộc chiến tranh, chống Trung Cộng ở phía Bắc, và "làm nghĩa vụ quốc tế" ở Cao Miên. Với những biến động trong thế giới Cộng Sản ngày nay, với tình trạng kinh viện và quân viện bị cắt đứt, cộng sản Việt Nam thật chẳng còn gì để có thể đem ra mặc cả với Mỹ.

Theo tuần báo Express, số ngày 15.11.1990, nhân vật số 1 của Hà nội là Nguyễn văn Linh đã ngỏ lời mời Hoa Kỳ và Nhật Bản xử dụng căn cứ Cam Ranh !

Tư thế của Hoa Kỳ :

Trong cố gắng giải quyết vấn đề Đông Dương, mưu cầu sự ổn định chính trị và kinh tế cho vùng Tây Bộ Thái Bình Dương, Hoa Kỳ không chủ trương dùng sức mạnh quân sự để tiêu diệt chính quyền Hà nội. Đối tượng chiến lược chính của Hoa Kỳ trong suốt cuộc chiến ở Việt Nam là Trung Cộng.

Năm 1969, với chủ thuyết Nixon, Mỹ bắt đầu tái phối trí lực lượng, tháo gỡ kiến trúc để ngăn chặn làn sóng đỏ, để tạo điều kiện khiến Trung Cộng xa rời Liên Xô.

Vì thái độ thù nghịch của Hà nội, Hoa Kỳ chấp nhận thảm bại năm 1975 ở Đông Dương. Nhưng trên bình diện chính trị quốc tế, Hoa Kỳ lại thành đạt được nhiều mục tiêu chiến lược quan trọng. Chỉ trong vòng 5 năm, từ 1975 đến 1980, tương quan lực lượng ở Á Châu đã hoàn toàn thay đổi.

Trong nhiều lãnh vực, Trung Cộng đã trở thành đồng minh đáng tin cậy của Mỹ. Bắc Kinh đã chấm dứt viện trợ cho du kích Cộng Sản ở các nước Đông Nam Á Châu.

Thảm trạng diệt chủng ở Cao Miên, phong trào thuyền nhân Việt Nam, làn sóng trên 2 triệu người Miên, Lào và Việt tỵ nạn Cộng Sản làm thế giới kinh hoàng, đã khiến các dân tộc Á Châu hết còn nuôi ảo vọng về thiên đường Cộng Sản.

Thời gian trôi qua, nhờ đầu tư quốc tế, Đại Hàn, Hồng Kông, Đài Loan và Singapour đã trở thành 4 con rồng ở Á Châu. Mã Lai và Thái Lan cũng không còn là những quốc gia chậm tiến. Trong khi ấy, khả năng bành trướng của Cộng Sản Việt Nam giống như cây cung đã dương hết đà. Hà nội đã lâm vào thế bất buộc phải rút quân khỏi Cao Miên, phải làm hòa với Bắc Kinh. Kinh tế đã đi đến chỗ tận cùng của sự thê thảm.

Chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ đối với Cộng Sản là không tấn công bằng quân sự, mà chỉ lo củng cố thế lực của mình, chờ đợi thời gian để những mâu thuẫn nội tại, những ung thối tự sinh trong hàng ngũ Cộng Sản khiến đối phương phải thay đổi lập trường, phải đi tìm thỏa hiệp, phải tự đầu hàng.

Chính sách mới của Hoa Kỳ, mở đầu đối thoại với Việt Nam, chỉ là một giai đoạn mới trong chiến lược chung của Mỹ. Chính sách này được tuyên bố ở Paris, sau 2 giờ thảo luận với ngoại trưởng Liên Xô Edouard Chevardnadze, đây cũng là những dữ kiện mang nhiều ý nghĩa.

Tư thế và chủ trương của chúng ta :

Tương lai của Việt Nam phải do toàn dân Việt Nam định đoạt. Chúng ta có chính nghĩa "vì dân khừ bạo". Chúng ta có thời cơ, vì Cộng Sản Việt Nam không còn khả năng tồn tại, vì Hoa Kỳ không có lợi mà cũng không có khả năng để áp đặt một bộ máy chính quyền dễ sai, dễ bảo ở Sài Gòn. Chúng ta có thực lực, vì chúng ta có kinh nghiệm với Cộng Sản và với Tây phương vì chúng ta có đội ngũ khoa học kỹ thuật, vì chúng ta có khả năng đem lại một giải pháp thay thế cho Việt Nam.

Cộng sản Việt Nam đã bị cô lập trên trường quốc tế. Các nước A Châu không thể coi Việt Nam ngày nay như một đối tác đáng tin cậy để có thể cùng hoạch định một chương trình phát triển. Liên Xô và các nước cựu Cộng Sản đông Âu đã bỏ rơi tập đoàn Hà nội. Tình trạng kinh tế không lối thoát khiến nhân dân ở cả hai miền Nam Bắc đã nhận thấy không còn con đường nào khác hơn là phải lật đổ bạo quyền. Tâm trạng này cũng rất phổ biến ngay trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên. Nhưng muốn thay đổi chế độ, cần phải có một lực lượng võ trang phá vỡ hệ thống kềm kẹp của Cộng Sản, để người dân có cơ hội vùng lên, đập vỡ cái chính quyền lỗi thời và tàn bạo. Trên đất nước chúng ta không thiếu những người có kinh nghiệm chiến đấu sẵn sàng nhập cuộc. Trong các cộng đồng tỵ nạn Việt Nam có biết bao người chỉ mong chờ cơ hội trở về giải phóng quê hương.

Trong cuộc chiến tương lai, công tác chiến tranh chính trị sẽ có vai trò hết sức quan trọng. Chúng ta cần thuyết phục và tạo cơ hội để những người đã hoặc đang đứng trong hàng ngũ kẻ thù có thể trở về với chính nghĩa, cùng với chúng ta đứng trên một trận tuyến. Nếu bộ đội và công an Cộng Sản không tuân hành mệnh lệnh đàn áp nhân dân của bạo quyền, nếu có những cán bộ của chính quyền Hà nội đồng tình và yểm trợ công trình xây dựng của chúng ta, thì đất nước ta sẽ tránh được rất nhiều đổ vỡ, dân tộc ta sẽ tiết kiệm được rất nhiều xương máu.

Mục tiêu của chúng ta không phải chỉ là đoạt thủ chính quyền. Chúng ta còn có nhiệm vụ xây dựng một quốc gia trọng pháp, với những định chế bảo đảm sự thực hiện những quyền tự do dân chủ cho tất cả mọi người. Sự mạng của chúng ta là đưa đất nước ra khỏi tình trạng bế tắc hiện tại, phục hồi sinh lực của toàn dân, và tạo điều kiện để Việt Nam sớm bước vào giai đoạn phát triển.

Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của khoa học kỹ thuật, và tự do dân chủ. Muốn có tiến bộ khoa học kỹ thuật, cần đặt nặng công tác giáo dục và đào tạo. Muốn thực hiện tự do dân chủ, cần phải có thái độ khoan dung, cần phải sáng suốt, và nhất là cần phải trưởng thành về chính trị.

Không thể có hòa giải và hòa hợp dân tộc trước mũi súng của kẻ thù, khi thiếu số cầm quyền ở Hà nội còn nắm trong tay bộ máy đàn áp. Nhưng một khi chúng ta đã làm chủ tình thế, dứt khoát chúng ta sẽ không để một bộ phận nào của dân tộc Việt Nam phải bỏ nước ra đi, chịu cảnh ly hương của kiếp người tỵ nạn.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc trước tiên sẽ phải được thể hiện ngay trong hàng ngũ những người đang mưu đồ phục quốc. "Quân tử hòa nhi bất đồng", chúng ta có thể có những bất đồng, nhưng quyết không được phép bất hòa.

Kết luận :

Tập đoàn cầm quyền ở Hà nội hiện nay đã không còn khả năng để tồn tại. Cộng Sản Việt Nam không có được sự khôn ngoan của những người Cộng Sản Liên Xô, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Ba Lan và Đông Đức. Tiến trình thay đổi ở Việt Nam có thể sẽ có nhiều điểm giống với những sự việc đã xảy ra ở Roumanie. Nhưng chúng ta may mắn hơn dân tộc Roumanie, vì dân tộc ta đã có

kinh nghiệm sống và tranh đấu cho tự do dân chủ. Chúng ta có khả năng cống hiến cho đất nước một giải pháp có hiệu quả rút ngắn giai đoạn chuyển tiếp, không phải chờ đợi thời gian và hy sinh thêm một vài thế hệ.

Trước năm 1975, những mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ đã không cho phép đại cường này giữ trọn cương vị đồng minh của những chiến sĩ chống Cộng Sản ở Miền Nam. Trong giai đoạn sắp tới, vì sự ổn định chung cho vùng Đông Nam Á, Hoa Kỳ có thể sẽ là một đồng minh đáng tin cậy trong nhiều lãnh vực của những người Việt Nam chiến đấu cho tự do dân chủ.

Chính sách mới của Mỹ không phải là điều đáng mừng đối với chính quyền Hà nội.

• **Trần Nam Sơn**

Paris, ngày 17.11.1990

Những đóng Góp Cho Việc Hoàn Thành Ngôi Chùa Viên Giác

• Thích Như Điển

Ngôi chùa Viên Giác đã đặt viên đá đầu tiên vào mùa Phật Đản năm 1987 sau 3 năm vận động mua đất xây chùa và mùa Phật Đản 2533 - 1989 đã bắt đầu xây cất. Sau hơn 1 năm rưỡi, nay đã hoàn thành hơn 2 phần 3 công việc. Công đức ấy thật không nhỏ so với cộng đồng Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức nói riêng và khắp nơi trên thế giới nói chung.

Để hoàn thành ngôi chùa Viên Giác cho kịp Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế Giới vào tháng 4 và lễ khánh thành vào tháng 7 năm 1991, chúng tôi xin mạn phép ghi lên đây một số vấn đề cần đến sự tiếp tay của quý vị. Xin quý vị ghi vào các ô thích hợp và photocopy gửi về chùa để công tác sớm thực hiện nhanh chóng.

(Bảng Kê Khai)

Trên đây chỉ là số tổng quát. Dĩ nhiên còn thêm nhiều phần phụ nữa; nhưng nếu được quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần cúng một hay nhiều loại thì ngôi chùa chúng ta sẽ chóng hoàn thành và ngày khánh thành chắc chắn sẽ được long trọng hơn.

Quý vị nào có khả năng thì cúng trọn vẹn một loại. Nếu không hội đủ điều kiện thì chung lại với nhiều người trong gia đình. Hoặc giả cúng 1m2 hoặc 1m3 công đức cũng không nhỏ. Kính mong quý vị nhiệt liệt hỗ trợ cho.

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho quý vị và bửu quyền được kiết tường như ý và vạn sự hạnh thông.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trụ trì chùa Viên Giác kính thông tri.

(Xin xem bảng kê khai trang 83)

Loại	Số Lượng	Tổng cộng số tiền	Tên Họ gia chủ phát tâm cúng dường
1) Bàn thờ Phật bằng sơn mài Thành Lễ	1	15.000 DM	GĐĐH họ Lý ở Rottenburg cúng dường
2) Bàn thờ Phật phía trước chánh điện bằng sơn mài Thành Lễ	1	15.000 DM	Phật Tử VN tại Thụy Sĩ đã cúng dường
3) Bàn thờ Quan Âm Thế Chí bằng sơn mài Thành Lễ	2	15.000 DM	GĐĐH Lý Chấn Lợi Hannover cúng dường
4) Bàn thờ Tổ bằng sơn mài Thành Lễ	1	15.000 DM	Chưa có người cúng
5) Bàn kinh bằng sơn mài Thành Lễ	1	10.000 DM	Chưa có người cúng
6) Ngọn đèn pha lê lớn & nhiều ngọn đèn nhỏ nơi chánh điện	1 lớn & nhiều ngọn nhỏ	15.000 DM	Có 3 GĐĐH ẩn danh ở Hannover, Nordhorn & Bremen đã cúng dường
7) Trang bị 1 nhà bếp mới cho chùa	1	36.000 DM	Nhà hàng Singapor (Hannover) đã cúng dường
8) Thảm nơi Phật Điện	1	2.000 DM	GĐĐH Thiện Lượng Hannover đã cúng dường
9) Cửa sổ chánh điện 12 cái	1 x 2.000DM	24.000 DM	Đã có 2 vị cúng dường còn thiếu 10 cái nữa
10) Cửa sổ nhà Đông Tây 99 cái	1 x 1.000DM	99.000 DM	Chưa có người cúng
11) Cửa ra vào chánh điện	1	10.000 DM	Chưa có người cúng
12) Các cửa ra vào hội trường, các nhà Đông Tây, Bắc Tháp 30 cái	1 x 1.500DM	45.000 DM	Chưa có người cúng
13) Lò sưởi (Fussboden heizung) trên chánh điện 450m ²	1 1m ² x 67DM	30.000 DM	Chưa có người cúng
14) Gạch lót nhà & thảm trong các phòng	số nhiều; 1m ² gạch lót nhà 50DM & 1 m ² thảm 50DM	50.000 DM	Chưa có người cúng
15) Các lò sưởi 100 cái	1 x 500DM	50.000DM	Chưa có người cúng
16) Các bồn rửa mặt 20 cái	1 x 100DM	2.000 DM	Chưa có người cúng
17) Bồn Toilette 32 cái	1 x 200DM	6.400 DM	Chưa có người cúng
18) Các bồn tắm 10 cái	1 x 500DM	5.000 DM	Chưa có người cúng
19) Đèn trong các nhà phụ 100 cái	1 x 100DM	10.000 DM	Chưa có người cúng
20) Tô hồ bên trong & bên ngoài chùa 1.500m ²	1m ² x 75DM	112.500 DM	Chưa có người cúng
21) Cổng Tam Quan	1	10.000 DM	Đã có PT Thiện Hóa (Canada) cúng 2.000US td 3.200DM, còn thiếu 6.800DM.
22) Hồ sen	1	10.000 DM	GĐĐH Hồ Diệm Minh sẽ cúng trọn vẹn Đã cúng được 3.200 DM.
23) Cách nhiệt và Plafon chùa 900m ²	1 1m ² x 45DM	40.000 DM	Chưa có người cúng
24) Plafon các nhà Đông, Tây & Bắc Tháp	7 1 m ² x 40DM	30.000DM	Chưa có người cúng
25) Hào Quang Đức Phật	1	5.000 DM	Chùa Pháp Bảo Úc đã cúng

Tin Sinh Hoạt Phật Sự tại Tây Đức

Chùa Viên Giác : - Ngày 22 tháng 10; 9 tháng 11; 7 tháng 12 và 14 tháng 12 năm 90 vừa qua có 4 lớp học sinh các trường trung học Đức tại Hannover đã đến chùa Viên Giác để học Thiền và trao đổi những câu hỏi về Phật Giáo. Các lớp học này đã được sự hướng dẫn trực tiếp của Thượng Tọa Trù Trì và Thầy Thích Thiện Sơn.

Reutlingen: - Ngày 28 tháng 10 năm 1990 vừa qua Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Reutlingen đã tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ tại địa phương. Có khoảng hơn 100 Phật Tử đã về tham dự lễ này.

Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng, Đại Đức Thích Nguyên Hội và ĐH Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Tây Đức đã về đây chứng minh cũng như tham gia buổi lễ.

Sau buổi lễ, Ban Chấp Hành Chi Hội đã đến tư gia ĐH Trần Văn Huyền để họp nội bộ, kiểm điểm những Phật sự trong thời gian qua và hoạch định chương trình làm việc trong những lần tới.

Ngoài ra, Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng cùng phái đoàn cũng đã đến một số địa phương lân cận để thăm viếng đồng bào Phật Tử nhân chuyến đi này.

Norddeich: - Ngày 10 tháng 11 năm 1990 vừa qua tại địa phương Norddeich có tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ. Có khoảng hơn 50 Phật Tử tham dự lễ này. Sau phần nghi lễ, Thượng Tọa Thích Như Điển đã nói về những ngày lễ trong năm 1991. Tiếp đó Đại Đức Thích Nguyên Hội đã thuyết giảng về giáo lý căn bản cho các Phật Tử hiện diện nghe.

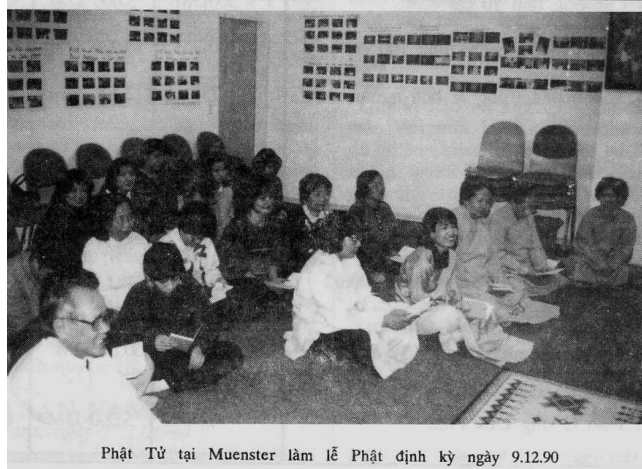
Hamburg: - Hội Người Việt Ty Nạn Cộng Sản tại Hamburg đã tổ chức một buổi thuyết trình vào ngày 18 tháng 11 năm 1990 cho các diễn giả: Sư Huỳnh Hà Đâu Đồng, T.T Thích Như Điển và Giáo Sư Võ Công Trứ về các đề tài quê hương, giáo hội và các phong trào tranh đấu cho Tự Do tại Hải Ngoại ngày nay.

Sau mỗi phần thuyết trình đều có phần đặt câu hỏi của cử tọa để thuyết trình viên trả lời và giữa các phần thuyết trình đều có sự góp vui của Ban Văn Nghệ tại Hamburg. Không khí sôi động và vui vẻ. Có khoảng 150 người đã tham dự buổi hội thảo này.

Wiesbaden: - Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại Wiesbaden đã tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ vào ngày 24 tháng 11 năm 1990 vừa qua.

Sau phần lễ Phật là phần thuyết giảng của T.T. Thích Như Điển và Đại Đức Thích Nguyên Hội. Cuối cùng là buổi cơm chay thân mật. Có khoảng 80 Phật Tử đã tham dự buổi lễ trên.

Pforzheim: - Niệm Phật Đường Khánh Hòa tại Pforzheim dưới sự hướng dẫn tinh thần của Sư Cô Thích Nữ Minh Loan đã tổ chức một buổi lễ Quy Y Tam Bảo cho Gia Đình Phật Tử Khánh Hòa.



Phật Tử tại Muenster làm lễ Phật định kỳ ngày 9.12.90

Vào ngày 25 tháng 11 năm 1990. Có khoảng 22 Phật Tử đã Quy Y vào dịp này dưới sự chứng minh của T.T. Thích Như Điển, Đ. Đ. Thích Minh Phú, Đ. Đ. Thích Nguyên Hội, Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân và Sư Cô Thích Nữ Minh Loan.

Ngoài ra NPĐ Khánh Hòa tại Pforzheim cũng đã tổ chức được nhiều khóa học Việt Ngữ hằng tuần cho các em trong cũng như ngoài GDPT. Kết quả thật khả quan và đáng khích lệ.

- Ngày 30 tháng 11 năm 1990 Sư Cô Thích Nữ Như Viên, qua sự bảo lãnh của Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại đây, đã đến Đức và

sẽ sinh hoạt với đồng bào Phật Tử trong thời gian tới.

Hiện Sư Cô đang ở tại Bảo Quang Ni Tự Hamburg với Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm để chung lo Phật sự.

Họp Chi Bộ: - Mỗi năm Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức thường hay họp định kỳ một lần vào tháng 12. Nếu có những vấn đề quan trọng khác thì Chi Bộ triệu tập những cuộc họp bất thường. Vào ngày 7 tháng 12 vừa qua tất cả Ban Chấp Hành và thành viên của Chi Bộ đã vân tập về Chùa Viên Giác để tham dự cuộc họp này. Có 14 vị đã hiện diện và 4 vị khiếm diện vì lý do Phật Sự tại địa phương mình.

Nội dung cuộc họp nhằm kiểm điểm Phật sự trong một năm qua trong các công tác xã hội, từ thiện, tu niệm, An cư Kiết hạ, lễ lộc, ngoại giao, ấn tống kinh sách v.v.. và Chi Bộ cũng đã bàn thảo chương trình của năm 1991 về các ngày lễ lớn trong năm tới cũng như Đại Hội Tăng Già Thế Giới, lễ khánh thành chùa Viên Giác và khóa giáo lý kỳ 3 của Âu Châu.

Chi Hội Bremen: - Ngày 15 tháng 12 năm 1990 Chi Hội Phật Tử VNTN tại Bremen đã tổ chức một buổi lễ Phật định kỳ và bầu lại thành phần Ban Chấp Hành của Chi Hội nhiệm kỳ 90 - 92.

Có khoảng 80 Phật Tử về tham dự lễ này và T.T. Thích Như Điển sau thời cầu an hiện diện cũng đã có một thời pháp mở rộng cho mọi người tham dự, không phân biệt Phật Tử hay không Phật Tử.

Đại Hội Ban Huynh Trưởng GDPTVN tại Tây Đức: - Từ 21 đến 23 tháng 12 năm 1990 Ban Huynh Trưởng GDPT Việt Nam Tự Nạn tại Tây Đức đã tổ chức một buổi họp khoáng đại của các Huynh Trưởng trung ương cũng như các Huynh Trưởng của các GDPT Việt Nam tại Đức dưới sự chứng minh của T.T. Cổ Vấn Giáo Hạnh.

Buổi họp này nhằm đúc kết những công việc Phật sự và hoạt động của GDPTVN tại Tây Đức trong một năm qua cũng như sẽ ủng hộ tích cực những công tác của Chi Bộ và Hội Phật Tử trong các chương trình hoạt động của năm 1991.

Viên Giác

Những Ngày Lễ Của Năm 1991

Năm 1991 là năm mà đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức sẽ tham gia nhiều lễ nhất so với những năm khác. Có 4 lễ chính như sau:

1/ *Đại Hội Tăng Già Phật Giáo Thế Giới từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 4 năm 1991*

2/ *Đại Lễ Phật Đản năm 2535 sẽ tổ chức trong 3 ngày từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 6 năm 1991*

3/ *Đại lễ khánh thành chùa Viên Giác sẽ cử hành trong vòng 1 tuần lễ từ ngày 24 đến ngày 30 tháng 7 năm 1991.*

4/ *Đại lễ Vu Lan báo ân phụ mẫu tổ chức vào ngày 30 tháng 8 đến 1 tháng 9 năm 1991.*

Có nhiều vị Phật tử hỏi rằng trong 4 lễ ấy không biết nên đi lễ nào? Vậy sau đây chúng tôi xin viết rõ từng lễ một để quý Đạo Hữu và quý Phật Tử tiện bề xếp đặt việc nhà mà tham gia các lễ thích hợp với hoàn cảnh riêng của từng vị một.

1/ **Về Đại Hội Tăng Già Thế Giới:**

Ngay sau khi thành đạo, Đức Phật đã tổ chức được Tăng Già và Giáo Hội. Vì Tăng Già là rường cột của Giáo Hội, là trưởng tử của Như Lai nên Đức Phật đã lưu tâm chăm sóc rất kỹ ngay từ lúc ban đầu. Đoàn thể ấy đã trải qua trên 2500 năm lịch sử và tồn tại cho đến ngày nay. Vì thế cần được phát triển và ủng hộ. Tuy Phật Giáo có mặt lâu dài như thế, nhưng hầu như chỉ phát triển tại Á Châu, quê hương của Phật Giáo, đối với Âu Châu vẫn còn xa lạ. Nên qua sự khuyến giáo của Hòa Thượng Thích Thiền Định và sự yêu cầu của chúng tôi trong kỳ Đại Hội Tăng Già Thế Giới tại Đài Bắc, Đài Loan vào tháng 11 năm 1989 vừa qua, toàn thể Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế Giới đã đồng ý là sẽ họp tại chùa Viên Giác vào những ngày trên, nhằm giới thiệu với Âu Châu về sự có mặt của Phật Giáo tại các đất nước này. Đó là bốn phần

của những người Tăng Sĩ như chúng tôi.

Được biết Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già khoảng 20 quốc gia trên Thế Giới gồm trên 100 vị đại biểu. Dự định cho kỳ Đại Hội Ban Chấp Hành kỳ này khoảng 50 vị, cùng với các phái đoàn đi phó hội. Ngoài ra còn có chư Tăng và Thiện tín Việt Nam tại Âu Châu nữa. Con số khiêm nhường tham dự trong tuần lễ Đại Hội ấy chừng 200 đến 300 vị.

Chương trình Đại Hội như sau:

* Ngày 12 tháng 4 năm 1991 các thành viên của Ban Chấp Hành Tăng Già Thế Giới sẽ đến chùa Viên Giác.

* Ngày 13 tháng 4 năm 1991 buổi sáng khai mạc Đại Hội, buổi chiều họp, buổi tối khai mạc triển lãm hình ảnh quê hương Việt Nam và hoạt động Phật sự tại Tây Đức trong suốt hơn 10 năm qua. Sau đó tham dự đêm văn nghệ do các Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức trình diễn. Đồng Bào Phật Tử muốn tham dự đại hội nên về chùa vào ngày thứ bảy và chủ nhật (13 và 14 tháng 4 năm 1991) thì tiện hơn. Ngày 14 tháng 4 năm 1991 (chủ nhật) sẽ có một buổi thuyết giảng công cộng của một vị Hòa Thượng, hoặc Thượng Tọa trong Ban Chấp Hành cho quý Phật Tử tham dự nghe. Có thể bằng tiếng Anh, Hoa và sẽ được dịch ra tiếng Việt.

Buổi chiều phái đoàn sẽ thăm thành phố Hannover.

* Ngày 15 tháng 4 năm 1991 nhằm ngày thứ 2, chư Tăng sẽ họp luôn 3 buổi sáng, chiều và tối.

* Sáng ngày 16 tháng 4 năm 1991 phái đoàn sẽ khởi hành đi thăm thành phố Berlin bằng xe Bus và ở lại đó một hôm, đến ngày 17 tháng 4 về lại Hannover và bế mạc đại hội.

* Ngày 18 tháng 4 năm 1991 quý vị sẽ về lại trụ xứ của mình.

Tuy một tuần lễ thấy lâu, nhưng nhiều Phật sự, do đó chúng ta thấy còn rất ít thì giờ.

Chúng tôi dự định để Chư Tăng ở khách sạn, nhưng tuần lễ ấy

nhằm ngay tuần triển lãm kỹ nghệ của Hannover nên không thuê được phòng, do đó phải làm chùa Viên Giác mới gấp rút để đến đó xong được phần nào hay phần đó nhằm giải quyết vấn đề phòng ốc cũng như đồ đi một phần nào tốn kém. Về ẩm thực, chúng tôi sẽ nhờ một số nhà hàng tại Hannover khoản đãi nhằm kết duyên lành với Chư Tăng các nước. Ngoài ra các Chùa, các Niệm Phật Đường và các Chi Hội tại các địa phương cũng có thể ghi tên cúng dường các buổi trai phạn và tự đảm nhiệm lấy việc nấu nướng tại chùa Viên Giác hay tại địa phương mình mang đến cũng rất quý. Điều đó nói lên được tinh thần cộng tác của chúng ta. Dĩ nhiên việc tổ chức nào cũng phải tốn kém, nên vấn đề tài chính là vấn đề then chốt, nên quý chùa, Niệm Phật Đường các Chi Hội Phật Tử tại các địa phương tích cực ủng hộ cho việc này thì công đức không nhỏ. Chúng tôi có dự định sẽ tặng mỗi vị trong ban chấp hành 1 quyển Album ghi lại những hình ảnh của những ngày đại hội và hình ảnh quê hương Việt Nam cũng như sự sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức do Đạo Hữu Thiện Lương Phạm Thương thực hiện. Mỗi quyển giá thành 100 DM. Như vậy 100 quyển để biếu cho Ban Chấp Hành và một số đại biểu đã thành 10.000 DM. Ngoài ra còn có những chi tiêu khác nữa như đi chuyển, văn nghệ phòng ốc v.v... có thể lên đến 30.000 DM. Đó là chưa kể đến vấn đề ẩm thực. Việc này sẽ do sự cúng dường của các chùa, các nhà hàng và các chi hội.

Riêng các Gia Đình Phật Tử sẽ đóng góp các màn múa, đồng ca v.v... để giới thiệu Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam đến quý Chư Tăng và Phật Tử các nước.

Các Chi Hội tại các địa phương có thể tạo một cuộc lạc quyên nhỏ để ủng hộ Đại Hội này.

Đại Hội này sẽ dùng ngôn ngữ chính là Anh Văn, sau đó sẽ được dịch ra Hoa Văn, Nhật Văn và Đức Ngữ cũng như Việt Văn. Nếu vị nào có khả năng về sinh ngữ tham dự từ đầu đến cuối càng tốt. Nếu không tham dự đầy đủ, có thể về chùa ngày thứ 7 và chủ nhật cũng rất quý.

2/ Đại Lễ Phật Đản 2535.

Đối với người Phật Tử, ngày Đản Sanh của Đức Phật rất quan trọng, nên hàng năm đã có hàng ngàn

người về chùa tham dự ngày lễ này. Năm 1990 vừa qua có hơn 3.000 người từ khắp nơi trên nước Đức và Âu Châu đã về đây tham dự. Hy vọng Đại Lễ Phật Đản năm 2535 - 1991 càng đông hơn như thế nữa. Lễ Phật Đản năm 2535 cũng sẽ có sự hiện diện của các ca sĩ Việt Nam đến từ Hoa Kỳ. Lễ Phật Đản có lễ quý vị đã quen rồi, nên không cần phân tích nhiều ở nơi đây.

3/ Đại Lễ Khánh Thành Chùa Viên Giác.

Có nhiều người nghe nói khánh thành liền hỏi chúng tôi rằng: Có thiệt không Thầy? Sao lạ quá vậy? Thầy liệu có rồi không? Thời thì bao nhiêu câu hỏi dồn dập, biết trả lời sao đây. Nhưng chắc chắn là không có gì thay đổi cả. Vì phòng ốc đã mướn rồi và chương trình cũng đã dự định như sau:

* Ngày 24 tháng 7 năm 1991 Chư Tôn Hòa Thượng Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni từ khắp nơi về. Chúng tôi sẽ mời Chư Tăng từ các nơi tại Âu Châu, Úc Châu và Mỹ Châu về tham dự Đại Lễ. Vì thế quý vị Phật Tử về tham dự Đại Lễ Khánh Thành sẽ có cơ hội gặp gỡ Chư Tăng và quý Phật Tử ở xa về. Nhân cơ hội này sẽ có một ngày Đại Hội Chư Tăng tại Âu Châu và sự tham gia của các Châu khác vào ngày 25 tháng 7 năm 1991.

* Ngày 26 tháng 7 (thứ 6) là ngày lễ tấn đàn truyền giới Sa Di và Sa Di Ni (nếu có). Buổi chiều sẽ truyền giới Bồ Tát và Thập Thiện. Quý vị nào muốn thọ Bồ Tát Giới tại gia xin ghi tên tuổi và ngày tháng, nơi sinh giới về chùa để tiện làm giới điệp. Điều kiện để thọ giới này là đã qui y Tam Bảo ăn chay trường và hiểu biết những giáo lý căn bản của đạo Phật. Điều kiện để thọ giới thập thiện là đã qui y Tam Bảo và ăn chay mỗi tháng ít nhất 4 ngày và hiểu biết một số giáo lý căn bản.

* Ngày 27 tháng 7 (thứ 7) sẽ có lễ thọ Tam Quy Ngũ Giới cho những vị mới có tín tâm đối với Tam Bảo, không luận tuổi tác, điều kiện gì cả. Tất cả ai có lòng nghĩ đến Tam Bảo đều có thể ghi danh để thọ giới này.

Chiều thứ bảy sẽ có một buổi thuyết pháp công cộng của Chư Tăng và rước xe hoa quanh thành phố Hannover. Chúng tôi xin đề nghị mỗi Chi Hội Phật Tử tại Đức về dự lễ khánh thành có một chiếc

xe hoa để tham gia cùng với các Chi Hội bạn. Buổi tối thứ bảy ngày 27 tháng 7 năm 1991 sẽ có một buổi đại nhạc hội gồm các ca sĩ nổi danh đến từ Hoa Kỳ.

Sáng ngày 28 tháng 7 năm 1991 (chủ nhật) là lễ khánh thành chính thức chùa Viên Giác gồm Chánh Điện, Hội Trường, Đông Đường, Tây Đường, Báo Tháp, Cổng Tam Quan cho các Phật Tử Đức và Việt Nam.

Ngày 29 tháng 7 năm 1991 tất cả Chư Tăng và Phật Tử sẽ di chuyển đi biển Ham burg để vớt Vong. Quý vị nào có thân nhân đi tỵ nạn không may bị mất tích cũng nên tham gia lễ vớt vong này, rất quan trọng. Sau đó về lại chùa Viên Giác để buổi chiều cùng ngày tham dự đại trai đàn Chấn Tế Mông Sơn Thí Thực cho các hồn bị chết oan trên biển cả hay rừng sâu nước độc dưới sự chủ trì của chư tôn đến từ Úc, Hoa Kỳ, Canada và Âu Châu.

* Sáng ngày 30 tháng 7 năm 1991 là ngày lễ tạ ơn Tam Bảo của chư giới tử đối với các giới sư và Đại Lễ Khánh Thành xem như được chấm dứt vào ngày này.

Về ban tổ chức, theo kinh nghiệm lễ Phật Đản mỗi năm chỉ 3 ngày phải cần 100 - 150 người mới lo cho 3000 người nổi. Ở đây lễ khánh thành chắc chắn đông hơn, do đó sẽ có hai ban tổ chức. Một ngày làm và một ngày nghỉ. Vì thế chùa cần rất nhiều sự tiếp tay của các Chi Hội địa phương trong Đại Lễ khánh thành này.

Quý vị ở xa, lớn tuổi không ở lại được chùa, cũng có thể ở khách sạn. Chúng tôi đã thuê 3 khách sạn gần chùa trong những ngày lễ ấy, giá cả phải chăng. Quý vị nào muốn ở khách sạn cũng có thể liên lạc trước về chùa để ghi tên, biết giá cả để tiện việc lo liệu.

Từ đây đến đó, Đại Lễ còn 6 tháng nữa tuy xa, nhưng gần lắm. Xin quý vị cố gắng chuẩn bị và thực hiện cho những đề nghị nêu bên trên.

4) Đại lễ Vu Lan báo ân phụ mẫu

Thông thường mỗi đại lễ Vu Lan cũng có cả trên 1000 người tham dự và năm nay mặc dù có những đại lễ khác, nhưng ngày Vu Lan chắc chắn cũng phải tổ chức. Vì ngày đó là ngày mà ơn đức sinh thành của mẹ cha, chúng ta cần phải nhớ nghĩ tới.

Vu Lan 1991 tổ chức đơn giản hơn, chỉ làm lễ và văn nghệ tại

DIỄN TIẾN VIỆC XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(tiếp theo)

chùa cũng như hội trường của chùa mới gồm có các ban văn nghệ của các Chi Hội và các Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên xứ Đức đóng góp, không thuê ca sĩ, để đỡ bớt phần chi phí trong lễ này. Tuy nhiên việc cầu nguyện, cúng cho các hương linh quá vãng không có gì thay đổi cả.

Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đã xem qua, thấy lễ nào cũng quan trọng cả. Có người muốn tham gia cả 4 Đại Lễ. Điều ấy càng quý, rất đáng tán dương. Nếu tham gia không được 4 thì tham gia 3. Đó là lễ khánh thành, Phật Đản và Đại Hội. Nếu ít điều kiện hơn thì chỉ tham dự 2 lễ, là lễ khánh thành và lễ Phật Đản. Nếu vị nào bận công ăn việc làm nhiều thì chỉ tham gia Đại Lễ Phật Đản hoặc lễ khánh thành cũng vô cùng quý hóa.

Trên đây chỉ là những điều khái niệm về 4 ngày lễ. Chương trình chi tiết chúng tôi sẽ gửi đến quý vị chừng một tháng trước khi lễ cử hành, để quý vị dễ nhớ hơn.

Ngoài ra, để kịp Đại Hội Tăng Già Thế Giới và Đại Lễ Phật Đản 2535 năm cũng như Đại lễ khánh thành, chúng tôi xin quý vị đọc thêm bài "những đóng góp cho việc hoàn thành ngôi chùa Viên Giác" để biết thêm chi tiết và tùy khả năng cũng như hoàn cảnh của mình đóng góp để đại sự chóng viên thành. Cầu Phật gia hộ cho bửu quyến của quý vị được phúc trí trang nghiêm, Bồ Đề Đạo Tâm Quả Mãn.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa Viên Giác kính xin Quý Vị đến nhà Bank của Quý Vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

Dauerauftrag
vào trương mục của Chùa:

Congregation der Vereinigten
Vietn.-Buddh. Kirche e.V.
Deutsch e Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý Vị
Chùa Viên Giác

Thời tiết năm nay đã thay đổi khác hơn mọi năm khá nhiều. Mới tháng 11 tuyết đã bắt đầu rơi. Có nhiều nơi tại nước Đức, nhiệt độ -5°C hoặc -10°C. Vì lý do ấy nên việc xây cất có đôi phần chậm trễ. Có ngày thợ hồ tối công trường; nhưng nước đông đặc không tan, nên công việc xây cất phải nghỉ nhiều ngày trong tuần. Lại sắp đến Noel cũng như Tết dương lịch, nên các hãng thầu sẽ nghỉ từ giữa tháng 12 đến giữa tháng 1 năm 91. Nếu thời tiết tốt hơn ở 0°C thì họ sẽ làm việc tiếp tục trở lại.

Công việc chùa dự định đến cuối tháng 12 năm 90 sẽ hoàn thành phần chính; nhưng với thời tiết này có thể kéo dài đến tháng 2 hoặc tháng 3 năm 1991 mới xong. Quả thật "biết được lòng người đã khó" mà "ý trời lại càng khó hiểu hơn nữa".

Việc xây cất chùa Viên Giác hôm nay đã đi đến những kết quả như sau:

Sau 7 tuần lễ lợp ngói, thợ đã làm xong 2/3 mái chùa có diện tích 900 m². Nếu trời không lạnh, từ nay đến 24/12/90 sẽ lợp xong phần chánh điện. Có nhiều người nóng lòng hỏi tại sao mà lợp lâu như vậy? - Đây là kỹ thuật của họ. Người ta lấy 2 miếng ngói âm để lên trên mè. Đoạn lấy từng cây đinh đóng vào từng miếng ngói lên mè. Sau đó thợ lấy hồ tấp vào mặt trong của miếng ngói dương và trên mỗi đầu miếng ngói dương được cột một sợi thép; sợi thép này sẽ buộc chặt lên mè một lần nữa sau khi đã được úp lên trên các miếng ngói âm. Quả thật là tốn công; nhưng nhìn cách thức lợp này, chúng ta có thể yên tâm rằng chừng 100 năm sau cũng không sao; nếu không bị chi phối bởi luật vô thường.

Trên nóc chánh điện có một đường sống nóc chạy dài làm bằng gỗ, bịt đồng và nạm Eternik, trông rất mỹ thuật, có hình thể con rồng nằm dài 25m, có những vẩy màu

vàng làm nổi bật mái ngói của chánh điện. Riêng sống nóc này cũng đã chi thêm đến 40.000 DM nữa.

Tây đường 4 tầng đã xong, thợ mộc đã làm nóc và thợ ngói đã phủ lên nhà Tây một lớp Folie (nylon) để đỡ tuyết sương. Vào khoảng đầu 91 sẽ lợp ngói vẩy cá màu đỏ, để tương phản với loại ngói âm dương được tráng men màu nâu lợp bên chánh điện.

Nhà Đông, thợ đã đổ bê tông tầng một xong, vào tháng 1/91 sẽ xây tầng 2 và tầng 3. Bảo tháp 7 tầng đã xong được 2 tầng. Còn 5 tầng nữa. Bảo tháp cao gần 20m và khi xong, có lẽ sẽ dễ nhìn thấy, khi quý vị về đến gần chùa.

Giảng tòa thiên nhiên đã được đổ móng xong, thợ đang đổ bê tông các cột tròn và nền của giảng tòa. Giảng tòa này chiều rộng 10m và chiều dài độ 20m.

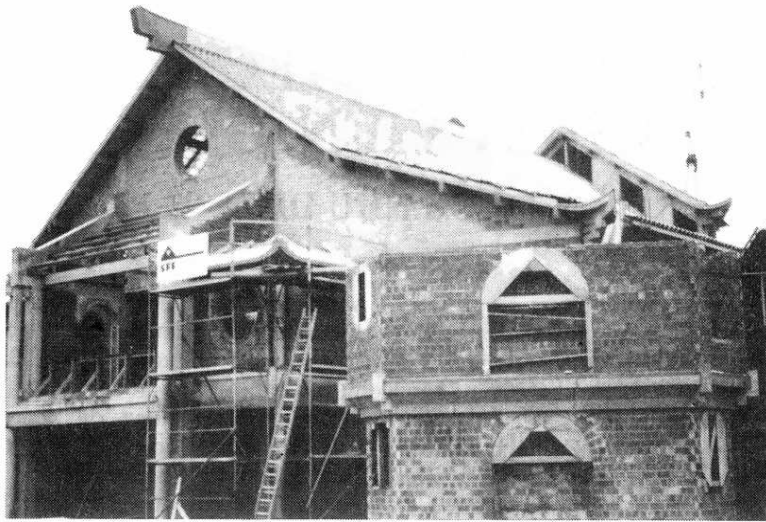
Về tài chánh cho đến nay chùa đã trả thêm được những phần sau:

Trả 110.130,28DM cho hãng thầu ông Mehlmel. Nâng tổng số lên 1.400.000,00DM. Như vậy kể từ nay đến 4 năm sau nữa, chùa chỉ trả mỗi năm 150.000,00DM. Tổng cộng 600.000,00DM nữa là đủ số 2.000.000,00DM cho hãng thầu của ông Mehlmel.

Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 90 chùa đã trả thêm cho hãng thầu ông Steiman làm gỗ nóc chùa được 127.580,00DM. Nâng tổng số của phần này lên 279.356DM (cộng với 151.776DM của những lần đã trả trước).

Ngoài ra chùa cũng đã trả cho các công việc làm máng xối, bọc đồng các góc chùa, tiền công và 1/3 trả trước cho việc làm ngói cho Tây đường, cho đến nay được 69.433,99DM. Nâng tổng số của việc này là: 125.293,99DM (69.433,99DM + 55.860 DM của những lần trước)

Chỉ trong vòng 2 tháng, từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1990 chùa đã trả được tổng số tiền là 307.144,27DM (110.130,28DM + 127.580,00DM + 69.433,99DM =



Chánh điện và bảo tháp 2 tầng



Đông Đường, Phật Điện & Tây Đường

307.144,27 DM). Cộng chung với tất cả những lần trước đã trả được là: 1.892.144,27 DM (1.585.000,00 DM các đợt trước + 307.144,27 DM = 1.892.144,27 DM). Cộng với 600.000,00 DM tiền đất; nâng tổng số tiền đã được trả là 2.492.144,27 DM nếu tính với thời giá hiện tại 1US là 1,5DM ra số thành là 1.661.429,51 US chùa đã trả. Tất cả số tiền này trả bằng tiền mặt và chưa mượn ngân hàng một đồng nào cả, chỉ mắc nợ một số của các Phật Tử và của các chùa mà thôi.

Như quý vị được biết, chùa Viên Giác - Tất cả đều do sự đóng góp cúng dường của các Phật Tử khắp mọi nơi. Đặc biệt phần cúng dường số tiền lớn bên trên là do Sư Cô Thị Nguyễn (Thanh Hải) và Phật Tử Đài Loan đóng góp trong thời gian qua.

Sau khi Sư cô Thanh Hải gửi cúng chùa Viên Giác 120.000,00US tương đương 200.000,00DM trong lần trước, chúng tôi đã viết thư cảm ơn và cũng có đề cập rằng để hoàn thành ngôi chùa Viên Giác, cần đến 200.000,00US tương đương 300.000,00DM nữa. Sư cô sau khi nhận được thư tôi, đã đồng ý hỗ trợ cho việc này và cô đã cho người viết thư hứa cúng số tịnh tài trên và chia ra làm nhiều giai đoạn. Trong Viên Giác số 59 vừa rồi như quý vị thấy, Sư cô đã cúng thêm 50.000,00US nữa và mới đây Sư cô và Phật Tử Đài Loan đã chuyển thêm 150.000,00 US. Như vậy số tiền Sư cô hứa cúng 320.000,00US tương đương 500.000,00DM chùa Viên Giác đã nhận đủ. Chính nhờ số tiền ấy mà trong thời gian qua chùa Viên Giác đã thanh toán được phần lớn số nợ cho các chủ thầu.

Nhưng vẫn chưa hết việc, ngày xưa hàng thợ mộc làm nóc tính chỉ 300.000,00DM, nay tăng lên đến 400.000,00DM, vì thêm các nhu cầu như làm góc cong, sống nóc chùa và gỗ đóng trần v.v... Ngoài ra tiền ngói và lợp ngói Đông Tây đường lên gần 200.000,00DM nữa. Như vậy vẫn còn một số dự chi khá lớn. Chúng tôi cũng đã mượn thêm được một số cổ phần Hội Thiện của các Phật Tử để lo thanh toán từ từ cho các việc này và các cổ phần ấy sẽ được trả lại mỗi tháng 100DM hoặc 200DM ngay từ tháng 12 này (xin xem trong Viên Giác số này phần cổ phần Hội Thiện)

Ngoài những việc trên ra, nào còn tô tường, lát gạch bên trong chánh điện, cửa sổ v.v...cũng còn đa đoan lắm (xin quý vị xem phần những đóng góp để hoàn thành ngôi chùa Viên Giác trong số này và số Xuân Tân Mùi). Kính mong quý vị mỗi người một việc, tiếp tục hỗ trợ cho. Ví dụ như mỗi người cúng một cái cửa sổ, hoặc một thước hồ tô tường

v.v...

Có nhiều Chi Hội Phật Tử tại các địa phương trên nước Đức cũng đã tổ chức văn nghệ giúp vui, hoặc làm chả giò để phát hành hoặc giả trích quỹ từ những nguồn tài chánh khác. Ví dụ như Chi Hội PTVNTN tại Saarland đã đóng góp 2.000DM. Chi Hội PTVN tại Wiesbaden 1.000DM. Đồng bào Việt Nam tại Mannheim 614,60DM. Tất cả đều là những biểu tượng tuyệt vời để hoàn thành việc xây cất ngôi chùa Viên Giác trong niềm tin và ý chí của người con Phật tại xứ này.

Trong tâm nguyện vì tha nhân đó, chúng tôi chẳng biết nói gì hơn là tạ ơn Tam Bảo đã bố xứ cho chúng tôi đến nơi này để thi hành Phật sự, được tạm ổn trong giai đoạn đầu và cảm ơn tất cả quý Thầy, quý Cô cũng như các chùa và quý Phật Tử đã nhiệt tâm hỗ trợ, nên ngôi chùa Viên Giác mới được thành tựu như vậy. Riêng Sư cô Thị Nguyễn (Thanh Hải) và Phật Tử Đài Loan được vạn sự hạnh thông, kiết tường như ý.

Mong rằng ngày Tết năm Tân Mùi, Phật Đản năm 2535 và lễ Khánh Thành vào tháng 7 năm 91 sẽ có nhiều Phật Tử tham gia đông đủ hơn.

(còn tiếp)

Phương Danh Cúng Đường

(Tính đến ngày 11.12.1990)

Danh sách phương danh cúng đường của Quý đạo Hữu, Quý Phật Tử chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH ở bên trên.

Tam Bảo

GđĐh Lâm Xuân Quang, Thiện Niệm, Thiện Hiếu, Thiện Từ (Canada) 50Can. Gđ đH Trần Quang Dũng (Frankfurt) 250DM HHHLđH Nguyễn Thị Nghi Pd Quảng Tường. Dương Doan (Schwetzigen) 100DM. Phùng Hưng (") 20DM. Phuong Do (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Thanh Long (Berlin) 10DM. Trần Khương Vinh (Steinfurt) 50DM. CHPT Muentner 100DM. Lý Phương Xuân (USA) 10US. Ngô Văn Mai (Regensburg) 76DM. Nguyễn Thị Liên (") 76DM. Phùng Văn Châm (") 50DM. Trần Phúc Hiền (Sindelfingen) 20DM. Chi Hội PTVNTN tại Nuernberg + Fuerth + Erlangen 100DM. Diệu Thiện (Erlangen) 100DM. Diệu Hương (") 50DM. Phạm Văn đức (") 20DM. Quách Phước Hiện (") 20DM. Thiện Như (Wuerzburg) 20DM. Trần Thuận đạt (") 20DM. Hồ Thanh (Fuerth) 20DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 20DM. Châu Bảo Chương (") 20DM. Nguyễn Thái Nam (Nuernberg) 20DM. Đặng Thái Nam (") 20DM. Giang Phương (") 20DM. Giang Lăng Mai (") 30DM. Giang Liên (") 20DM. Giang Thạch Diêu (") 20DM. Giang Lăng Sơn (") 20DM. Giang Lăng Hía (") 50DM. Giang Lăng Muối 10DM. Nguyễn Văn Tra (Troissingen) 100DM HHHLđH Nguyễn Văn Báu. Bùi Quang Hạt (USA) 20US. Ngô Thế Lan (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Bửu Chương 10DM. Đào Xuân Phong (") 100DM. Quách Thống (Nordenham) 100DM. Tô Cẩm Trinh 10DM. Quách Trung 10DM. Nguyễn Văn Phương (Bremervoerder) 50DM. đồ Thị Cúc (Hildesheim) 30DM. Long A Châu (Nordenham) 20DM. Thái Bảo Ngọc (USA) 20US HHHLđH Huỳnh Thị Kim Pd Diệu Hương. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20DM. Đỗ Việt Hào (Emlichheim) 50DM. Huỳnh Thục Kim (Troissingen) 200DM. Trương Hồn Quyền (Vechta) 30DM. Trạm Tiêu (") 30DM. Trần Bình Tuyền (Pforzheim) 60DM. Soukaseum Teng (Koeln) 50DM. Huỳnh Kim Sơn (") 20DM. Đặng Văn Ty (Freiburg) 40DM. Phù Thị Kim Anh (") 20DM. Trần Chí Lý (") 50DM. Trần Thị Thanh Xuân (") 20DM. Phạm Nguyễn Tuấn (") 50DM. Trần Chánh Ngọc (Lorraech) 50DM. Nguyễn Văn Long (Freiburg) 20DM. Nguyễn Trọng Chánh (") 20DM. Huỳnh Văn Hồng (") 20DM. Nguyễn đông Hải (") 10DM. Nguyễn Tuấn Anh (") 10DM. Nguyễn Kiến Loan (") 8DM. Nguyễn Thị Tư (") 50DM. Trương Thị Nhung (Sweden) 100DM. Nguyễn Thị Bích Thủy (Ronnenberg) 100DM. Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 100DM. Trần Hoàng Phương (Dorsten) 100DM. Diệu Nữ (Stadthagen) 20DM. Boumpheng Soukaseum (Koeln) 50DM. Heelwing-Heyl-Schule (Hannover) 63DM. Thương Công Hoàng (Oberhausen) 100DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Karlsruhe) 30DM. Nguyễn Ngọc Như Linh (Frankfurt) 20DM. Dương Quan Minh, Dương Quang Việt (Weil am Rhein) 700DM HHHLđH Trương Thị Hai Pd Ngọc Thiện. Kim Lan Chi (") 250DM HHHLđH Dư đông. Trương Thị Ven (") 50DM. Hàn Chiêu Quang (Frankfurt) 700DM HHHLđH Hàn Nguyệt Huy. Lâm đạo Tứ (Speyer) 50DM. Trần Nguyên Trung (Australien) 65DM. Cô đàm Hòa (Bi)

5.000FB. Lý Phật Tài 10DM. Diệp Vĩnh Diệp 10DM. Lý Ngọc Kỳ 10DM. Nguyễn Thị Kim Chi (Holland) 20Guld. Chi Hội PTVNTN (Reutlingen) 200DM. Diệu Hải (Spaichingen) 100DM. Lê Thị Ba (") 30DM. Trần Thị Ba (Sindelfingen) 20DM. Trịnh Thị Cư (Bremen) 200DM. Tăng Qui Hao (Hamburg) 10DM. Lư Thị Mùi 30DM. Cẩm Hưng (Bremen) 20DM. Huỳnh Thị Thủy (Landshut) 20DM. Đặng Thị Ba (Berlin) 20DM. Trần Thị Thìn (Weil Rhein) 26,80DM. Triệu T.H (Holland) 25Guld. Hồ Thị Lâm (Bietigheim) 50DM HHHLđH Hồ Văn Huân và Nguyễn Thị Mỹ. Cao Thị Thanh Liêm (Bielefeld) 25,80DM. Dr. Trương Ngọc Châu (Pháp) 300FB. Trần Hoàng (Koeln) 500DM. Thị Lộc Võ Văn Mai (Norddeich) 100DM. Nguyễn Trung Hiếu 20DM. Hoàng 20DM. Nguyễn Văn Nuôi (Lehrte) 20DM. Vũ Mô (Hamburg) 10DM. Lê Diệu Ich 20DM. Huỳnh Văn Bi 100DM. Lee Shui Man 20DM. Phạm Thị Kim Xuân (Langenhagen) 10DM. Trương Văn Ty (Mannheim) 50DM. Vũ Tiến đạt (Hamburg) 20DM. Đặng Thị Kim Dung (Canada) 20DM. Ngô Công Dụ (40DM. Trần Văn Minh (Memmingen) 50DM. ần danh (Pháp) 2.000FF. Phùng Dương Minh (USA) 20US. Huỳnh Hữu Phước (Đan Mạch) 100Kr. Huỳnh Then (Koeln) 30DM. Lê Văn Lợi (Schwaeb Gmuend) 50DM. Phái Đoàn Bi 15.000FB. Huỳnh Kim đông (Waegen im Allgaer) 10DM. Phạm Văn Đoàn (D'dorf) 10DM. Nguyễn Thông Võ Hữu Xán (Muenster) 200DM HHHLđH Công Tăng Tôn Nữ A Vạn Pd Diệu Thiện. Phan Trương Trần Vũ (Hamm) 50DM. Kim Liên (Waldmuenchen) 10DM. GđPT Minh Hải (Norddeich) 300DM. Lim Leng (Muenchen) 200DM. Hồng Nghiêm Bình (Boden Werden) 10DM. Lôi Công Thành (Celle) 10DM. Nguyễn Thị Hạnh (Braunschweig) 100DM. Lý Thu Minh (") 200DM HHHLđH Đặng Thị Thanh. Nguyễn Phước Vĩnh Toại và Nguyễn Phước Vĩnh Tiết (Bi) 2.000FB HHHLđH Châu Văn Thành và Tôn Nữ Cẩm Vân + Châu Văn Hàm. Nguyễn Mộng Cửu (Nuernberg) 400DM HHHLđH Nghiêm Xuân Thọ. Phạm Văn Thành (Laatzen) 50DM HHHLđH Phạm Văn Tợ. Dung Lưu (Goettingen) 19DM. Bùi Thị Mỹ Hồng (Oberhausen) 15DM. Nguyễn Văn Tân (Gießen) 100DM. Trần Văn Năng (Ronnenberg) 20DM. Tô Tư 20DM. Thiện Hải (Berlin) 200DM. Lâm Lê Chu (Ingolstadt) 20DM. Từ Thế Mai (Stolberg) 26DM. Nguyễn Thanh Danh (Oberhausen) 16DM. Cam Cam, Van (Paderborn) 20DM. Trần Thị Ngọc (Laatzen) 20DM. Trần Cẩm Châu (Bruehboebel) 20DM. Đặng Thị Nga (Uebellinger) 13DM. Hồ Thị Mai (Pháp) 100FF. Trần Thị Cúc (Schwetzigen) 25DM. Đỗ Hữu Ai (Oberhausen) 20DM. Lâm Minh (Ramberg) 200DM. Đặng Văn Trọng (Mainhausen) 40DM. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 50DM HHHLđH Nguyễn Văn Thân. Thiện Giáo Nguyễn Văn Lý (Tennenbronn) 100DM. Diệu Minh (Gießen) 50DM. Minh đạt (Hamburg) 50DM. Hồng Nghiêu Bình (Boden Werden) 10DM. Huỳnh Thị Hoa (Haren) 20DM. GđĐh Trương Hồn Quyền (Vechta) 300DM HHHLđH Trạm Tiêu. Lê Thị Sang (Canada) 50US. Phạm Thị Hằng (Gladbach) 20DM. Nguyễn (Bi) 1.000FB. Trần Hòa Lê (Sindelfingen) 10DM. Ni Cô đàm Hòa (Bi) 5.000FB. Trần Thị Ut và Trần Thị Hồng (Herten) 100DM. Trạm Tiêu (Vechta) 100DM. Tuyết Khánh Ly 20DM. ần danh 20DM. Po Wing Mok (Berlin) 100DM. Thiện Lương 50DM. GđĐh Goh + Ngô (Hannover) 500DM. Đào Diên + Bích Thủy 10DM. Cô Diệu Thái (Laatzen) 100DM. GđĐh Thiện Sanh + Tịnh Thông (Úc) 20DM. Nguyễn Trọng Hoàn 20DM.

Huỳnh Thế Mỹ (Hamburg) 30DM. Trần 20DM. Ngô Mỹ Châu (Bad Iburg) 100DM. Huệ Lạc (Berlin) 200DM. Diệu Giác (") 300DM. Gđ Cô Diệu Nhứt (") 200DM. Hồ Thị Hiệp (") 40DM. Phật Tử tại Berlin 400DM. Thiện Nguyễn (Stuttgart) 100DM HHHHL Nội tổ Lương Thị Giỏi. Sông Hà 10DM. Tsang (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Minh Chánh (Muenchen) 20DM. Vũ Thu Hồng + Hồ Văn Tuấn (Laufheim) 50DM. Trần đức Phát (G'Mhuette) 50DM. Trịnh Trọng Hiếu (Paderborn) 100DM. Jacpues Lannes (Pháp) 300FF. Trường Trung Học (Hannover) 190DM. Phan Thị Phụng (Langenhagen) 50DM. Huỳnh Hiếu Thảo (Muenchen) 200DM. Lý Ngọc Sơn (Bremervoerde) 62DM. Nguyễn Văn Quang (Wuppertal) 10DM. Lại Kim Thạch (Kassel) 20DM. Bùi Thị Mỹ (Suisse) 200DM HHHLDH đào Văn Môn. Lê Đình Chức (Canada) 20Can. Đặng Thị Mành (Berlin) 20DM. Nguyễn Văn Lượng (D'dorf) 20DM. Nguyễn Văn Seun (") 10DM. Phạm Thị Uân (USA) 40DM. Nguyễn Thị Liên (Koeln) 10DM. Vương Quan Sen (Dorsten) 10DM. Đặng Ban Mai (Leuweder) 10DM. Dương Ngọc Phát (Suisse) 30DM.

Báo Viên Giác

Đh. Phan Thị Kim Anh (Monheim) 50DM. GđĐh Lâm Xuân Quang + Thiện Niệm (Canada) 50Can. Đỗ Phi Thịnh (England) 1.000FB. M. Trương (Holland) 25 Guld. Lê Quang Thông (Frankfurt) 50DM. Võ Hữu Phước (USA) 50DM. Nguyễn Văn Tươi (Úc) 10US. Trần Huy Giang (Schramberg) 30DM. Hồ Chí Hiếu (Pháp) 20US. Nguyễn Văn Phương (Bremervoerde) 50DM. Phạm Văn Phương (Leonberg) 20DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 20DM. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 50DM. Crouzet (Pháp) 90DM. Nguyễn Ngọc Như Linh (Frankfurt) 20DM. Đỗ Văn Nho (Reutlingen) 20DM. Lê Quy Kỳ (Krefeld) 20DM. Manfred (Siersburg) 100DM. Nguyễn Thị Minh đường (Huechelhoven) 20DM. Phạm Văn Minh (Krefeld) 20DM. Nguyễn Thành Nam (Stuttgart) 50DM. Phương Ngón (Schweinheim) 10DM. Trịnh Thị Hồng (Bad Kreuznach) 30DM. Vũ Tiến đạt (Hamburg) 53DM. Tinh Ngô Văn (Melle) 10DM. Đoàn đại Lộc (Schoeneck) 20DM. Bửu Phương (Đan Mạch) 200Kr. Huỳnh Lê Thu (") 100Kr. Ôn Lộc (Pháp) 200FF. Lương Văn Xinh (Karlsruhe) 20US. Hoàng Ngọc Sơn (Ausbach) 10DM. Nguyễn Công Tư (Dingolfing) 30DM. Nguyễn Hoài Can (Huerth Mitte) 23DM. Roãn Thị Luân (Berlin) 10DM. Đặng Tiến Tuấn (Pháp) 250FF. Nguyễn Việt Thắng (Forbach) 20DM. La Kim Thuận (Suisse) 40FS. Nguyễn Thị Tuất (USA) 20US. Nguyễn đức Hoàn (France) 200FF. Hứa Ngọc Mạnh (Italia) 20.000Lire. Nguyễn Thu Nguyệt (Luenen) 30DM. Ngô (Heimenkirch) 13DM. Diên Văn Nhân (Bad Bentheim) 43DM. Phạm Kiu (Aschffenburg) 43DM. Đặng Ngọc Ái (") 13DM. Võ Thị Mai (M'Gladbach) 50DM. Trần Thu Hương (Soest) 20DM. Huỳnh Minh (Suisse) 50DM. Nguyễn Văn Tân (Gießen) 52DM. Lâm Lê Chu (Ingolstadt) 20DM. Trịnh Vĩnh Khương (Berlin) 24DM. Nguyễn Thị Kim Cúc (Immenhausen) 13DM. Nguyễn (Goettigen) 20DM. Đinh Thị Xuân Thảo (M'Gladbach) 13DM. Nguyễn Kim Anh (Bi) 500FB. Diệu Thọ (Lebach) 20DM. Nguyễn Thị (Grisheim) 13DM. Đặng Văn Tôn (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Hoàng Dũng (Krefeld) 13DM. Ngô Trung Thu (Essen) 30DM. Lưu Thế Khôi (Forbach) 22DM. Trần Hữu Nghiệp (Muenster) 13DM. Vũ Dương Kiểm (Frankfurt) 43DM. Châu Huỳnh Văn Long (Suisse) 20FS. Nguyễn Hữu

Lãng (Paderborn) 20DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Lê Văn Quới (Pháp) 70FF. Hề Thanh Quang (Laatzen) 20DM. Nguyễn Ái (Bochum) 20DM. Huỳnh Thanh Nhi (Bad Nendorf) 10DM. Trương Hoàng Phong (D'dorf) 43DM. Phùng Ngọc Anh (Pháp) 70FF. Nguyễn Thái Hòa (Muenster) 43DM. đ.đ Thích Minh Nhẫn (Úc) 30Uckim. Đỗ Thuận Hoàng (Rhein) 10DM. Phạm Văn Lan (Neu-Ausbach) 13DM. Lâm Văn Thắng (Holland) 25Guld. Chung Văn An (Memmingen) 23DM. Trần Kim Nhi (Pforzheim) 20DM. Lê Thị Minh Nguyệt (Saarbruecken) 50DM. Phạm Thị Phương (Norden) 13DM. Trương Minh Thu (Đan Mạch) 164Kr. Tuê Nga (USA) 40US. Lê Thị Nhung (Holland) 25Guld. Rivera Lan (Pháp) 100FF. Quách Hoa, Anh (Bi) 500FB. Nguyễn Đình Phương (M'Gladbach) 20DM. Hoàng Phong Tương (D'dorf) 43DM. Dương Ngọc Phát (Suisse) 28,85DM.

Ấn Tống.

GđĐh Lâm Xuân Quang + Thiện Niệm (Canada) 80Can. Vũ Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 50DM. Lê Huê (Ravensburg) 300DM/ Bạch Y Thần Chú. Nguyễn Trọng Thâm (Canada) 10US. Kim Nga (Muehlheim) 20DM.

Vu Lan

Cô Đàm Hòa (Bi) 2.000FB HHHLDH Lê Kỳ Trân.

Rằm Tháng Mười

Đh. Trịnh Quang Khánh (Hamburg) 20DM. Dương Thị Gấm (Stuttgart) 30DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 30DM. Quốc Vinh Bành (Sweden) 50Kr. Lý At (Seevetal) 20DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 20DM. Trần Thị Xê (") 20DM. Lê Văn Sang (") 10DM. Trương Triệu Bắc (Ablstadt) 20DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM.

Xây Chùa/ Báo Viên Giác

Đh. Nguyễn Thị Tư (Freiburg) 200DM.

Xây Chùa

Sư Cô Thanh Hải & Phật Tử tại (Đài Loan) 150.000,00US = 222.520,00 DM. Ngô Thành Thọ (Hannover) 75DM. GđĐh Lâm Xuân Quang & Thiện Niệm (Canada) 300Can. GđĐh Trần Quang Dũng (Frankfurt) 50DM. Văn Hoàng Sơn (Hannover) 15,70DM. Nguyễn Văn Phiên (Hardegfen) 47,20DM. Lê Ngọc Thuy (Vohrenbach) 47,20DM. Cao Mạnh Cường (Wallhallen) 27,20DM. Vũ Thị Mai (Oldenburg) 40,70DM. Chung Kim Phương (Embeck) 26,40DM. Nguyễn Thị Hoa (Salzbach) 36,40DM. Vũ Ngọc Sơn (Muenchen) 40,70DM. Hà Anh Kiệt (") 15,70DM. Nguyễn Văn Ba (Hamburg) 35,70DM. Đặng Toàn Thắng (Bi) 600FB. Hoàng Thị Phương Tú (Bergkamen) 40DM. Hà Văn Tư (Aachen) 500DM. Nguyễn Văn Nhân (Muenchen) 107DM. Trần Thị Tiết (Eschweiler) 12DM. Phạm Quang Sơn (Betzdorf) 22DM. Trần Tú Anh (Neuss) 37DM. Võ Ngọc Khải (") 40DM. Cao Văn Hòa (Regensburg) 100DM. ân danh (Sindelfingen) 100DM. Nguyễn Văn Tra (Troissingen) 50DM. Châu Gia Minh (Muehlacker) 200DM. Quan Cẩm Cường (Đan Mạch) 260DM. Chùa Thọ Quang (Sweden) 3.000Krone. Đấng Quốc Bảo (Hasbergen) 20DM. Nguyễn Ngọc Khuê (Maxhuetta-Haidbroh) 50DM. Nguyễn Thị Thu Huyền (Radorf) 12DM. Đoàn Văn Thuận (Gießen) 212DM. Thái

Hoa Nguyễn (Frankfurt) 37DM. Võ Văn Tùng (Han-Muenchen) 50DM. Trần Tú Anh (Neuss) 37DM. Trần Mạnh Thắng (Sittensen) 20DM. Phạm Thị Thu Hương (") 20DM. Nguyễn Trọng Chung (") 20DM. Hoàng Thị Ngân (Freiburg) 20DM. Lê Văn Bảo (") 50DM. Lê Ái Nghĩa (Karlsruhe) 10DM. GđĐh Lương Văn Xinh, Vũ Thị Minh Hằng, Ngô Minh Hải (") 195DM. Thiện Nghĩa + Diệu Huệ (") 140DM. Nguyễn Văn Chương (") 70DM. Trần Liêu Phần (Ludwigshafen) 50DM. Tô Thiếu Phụng (") 50DM. Trịnh Ngọc Thúy (Heidelberg) 200DM. Lê Văn Trường, Trần Thị Xê (Karlsruhe) 40DM. Phạm Huy Quang, Phạm Thị Tâm (") 700DM. Nguyễn + Hồ (") 10DM. Phạm Giác Doanh (") 10DM. Nguyễn + Mai (") 20DM. Lưu Hạnh Dung (") 20DM. Mã Thị Mai (") 20DM. Đào Trọng Hợp (") 100DM. Trần Tuấn Hùng (Bade Berneck) 22DM. Ngô Truyền Hiếu (Aachen) 32DM. Nguyễn Quốc Thông (Goettingen) 37DM. Vương Văn Hiệp (Hamburg) 22DM. Phan Quốc Khánh (Herrsching) 72DM. Phạm Hữu Hải (Muenchen) 42DM. Nguyễn Thị Thu Huyền (Bodensee) 15DM. Thái Văn Quang (Buchholz) 42DM. Nguyễn Khắc Hiên (Weiden) 12DM. Nguyễn Thanh Quang (Viersen) 42DM. Hf.ttigfe Manfred (Siersburg) 5đM. ần danh 500DM. Thiện Liên Lê Thị Hồng (Hannover) 100DM HHHLdH Lê Quang Loát. Đặng Nghĩa Phú (Dingolfing) 52DM. Trần Hoàng (Koblenz) 1.000DM. Hoàng Công Chử (Osnabrueck) 50DM. Phạm Mai Sơn (Anh quốc) 5 Anhkim. Vũ Công Dinh (Bremen) 32DM. Ngô La (Suisse) 70,83DM. Tôn Nữ Mỹ Lộc (Goettingen) 32DM. Trần Châu (Lage Lippe) 57DM. Nguyễn Thị Tuyết Nga (Bielefeld) 107DM. Trần Thị Kim Hà (Kassel) 42DM. Nguyễn Ngọc Kim (Langenhagen) 12DM. Trần Văn Thông (Pháp) 50FF. Nicolas (") 100FF. Chúc Tịnh (") 100FF. Lý Thị Sen (") 100FF. Lê Thị Chon (") 100FF. Trương Ngon Hoàn (") 100FF. Dương Đình Hưng (") 100FF. Pauline Jacke (") 100FF. Thuet (") 100FF. đặt (2) 100FF. Công (") 50FF. Diệu Tuyền (") 100FF. Gaston (") 100FF. Văn (") 100FF. Bonnel (") 100FF. Tuấn (") 100FF. Khang (") 100FF. Hòa Bình (") 100FF. Tâm Châu (") 500FF. Rest. Sông Hương (") 300FF. Đoàn đại Lộc (Schoeneck) 20DM. Nguyễn Thị Hậu (Radolfzell) 12DM. Nguyễn Gia Phong (Reichenau) 12DM. Ngô Văn Ba (Heimenkirche) 107DM. Ngọc Anh Bạch Quang (Stockelsdorf) 130DM. Trần Thái Sơn (Neustadt) 35DM. Đặng Tiến Tuấn (Pháp) 250FF. Lê Công Tâm (Radolfzell) 22DM. Huỳnh Kiến An (Speyer) 42DM. Huỳnh Quốc Tân (Zwiesell) 37DM. Huỳnh Phi Châu (M'Gladbach) 37DM. Phùng Ngọc Minh (Pháp) 200FF. Bùi Vũ Bằng (Regensburg) 12DM. Trần Thị đức (Muenchen) 30DM. Trần Minh Nhựt (Nuernberg) 30DM. Đào Công Thăng (Speyer) 10DM. Võ Thị Mai (M'Gladbach) 50DM. Trương Lê Hồng (Stadthausen) 50DM. Ngô Văn đồng (Emsteck) 20DM. Kam Fook Liew & Bửu Liên Phúc Lương (Elmshorn) 500DM. Man - Wai Cheung, Ying Lee Cheung, Paudn Cheung, Sarah Chueng (Hamburg) 300DM. See Mei Ku + Chui Kai Hung (Hongkong) 150DM. Quan Cẩm Cường (Đan Mạch) 260DM. Lâm Lê Chu (Ingolstadt) 35,30DM. Nguyễn Văn Thủy (Einbeck) 50DM. Bùi Thị Hương (") 30DM. Trần Tấn đức 20DM. Trần Phú Cường (Schwurzheim) 62DM. Đinh Hoàng Bắc (Rain an Lech) 42DM. Trần Thanh Tắt (Isernhagen) 12DM. Phạm Văn Một (Hildesheim) 72DM. đồng Bào VNTN tại Mannheim 614,60DM trích từ đêm văn nghệ cứu trợ 29.9.90 tại Mannheim. Nguyễn Trọng Chung (Sittensen) 5DM. Trần Thị Hồng Ngọc (Wuerzburg) 10DM. Nguyễn (Goettingen)

100DM. Trác Nghĩa (Viersen) 69,50DM. Huỳnh Thị Kiệt (Muenchen) 69,50DM. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Hannover) 50DM. Đào Mạnh Hùng (Voehsenbach) 12DM. Giang Côn Ngọc (Wiesbaden) 217,20DM. Nguyễn Xuân Hiệu (Emlichheim) 100DM. Nguyễn Đặng Thị Phúc (Canada) 50US. Văn Mueller (Toeing) 13DM. Bảy Trám (Wiesbaden) 20DM. Đặng Văn Tôn (") 30DM. Trần Hữu Lượng (Usingen) 50DM. Trần đại Lễ (Frankfurt) 50DM. Hoàng Tôn Long (") 50DM. Hà Văn Thành (") 200DM. Nguyễn Ngọc Huân (") 40DM. Phạm Thị Út (") 30DM. Khru Cẩm Vân (Wiesbaden) 120DM. Ngô Thành Cát (") 100DM. Dương Xuân Lang (Darmstadt) 20DM. Nguyễn Thị Liễu (Aschaffenburg) 40DM. Nguyễn Hôn (Wiesbaden) 20DM. Phương Thị đại (Kleinstheim) 50DM. Diệu Linh (Wiesbaden) 30DM. Nguyễn Thị Xông (") 100DM. Huỳnh Thị Xuân Hương (") 20DM. Huỳnh Thị Phụng (Frankfurt) 20DM. Võ Hữu Liên (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 20DM. Trương Thị Cửu 10DM. Diệu Hòa 10DM. Chi Hội PTVNTN tại Wiesbaden 1.000DM. Châu Thành Lợi (") 100DM. Ngô Thị Nga (Pháp) 100FF. Can (Speyer) 100DM. Nguyễn Thị Khánh Lan (Mintrading) 26DM. Minh Mẫn (USA) 100US. Hai Châu (USA) 40US. Lý Hải Phong (Hameln) 20DM. GđĐh Hàng Chiêu Quang (Frankfurt) 500DM HHHLdH Hàng Nguyệt-Huy tuần 49 ngày. Trần Minh Phước (Hannover) 32DM. Lương Châu Hiền (Nostheim) 32DM. Phạm Ngọc Bình (Hameln) 12DM. Hiếu (Berlin) 100DM. Hoàng Yên (Tengen) 32DM. Nguyễn Thị Bích Thủy (Beratzh) 22DM. Trần Ngọc Chi (Wenzenbach) 12DM. Mai Văn Mẫn (Hamm) 50DM. Nguyễn Hữu Lãng (Paderborn) 80DM. Vũ Thị Thủy Yên (Schweringen) 12DM. Đan Quyên Tiên (Oberhausen) 12DM. Diệu Thủy (") 50DM. Phạm Văn Lương (Osnabrueck) 20DM. Nguyễn Thị Thiệp (Berlin) 50DM. Nguyễn Thị Thu (") 50DM. GđĐh Hóng (") 50DM. GđĐh đnh (") 200DM. P. Văn Quốc (Bartrup) 35DM. Nguyễn Văn Thanh (Arolsen) 20DM. Phạm Lạc (Koblenz) 19,50DM. Châu Thị Nghĩa (Detmold) 37DM. Lê Thị Minh Nguyệt (Saarbruecken) 50DM. Kim Liên (Waldmuenchen) 10DM. Trần Mạnh Thắng (Sittensen) 30DM. Phạm Văn Từ (Bremen) 177DM. Dr. Trịnh Hưng (Wesel) 100DM. Trần Thị Thủy (Wilhelmshaven) 20DM. Phạm Văn Thắng (Pháp) 722,50DM. Quan Cẩm Cường (Đan Mạch) 259,10DM. Chi Hội PTVNTN tại (Saarland) 2.000DM. Hambusch Peter 500DM. Lê Anh Tuấn (Schammberg) 10DM. Trần Thị Hồng (Muenchen) 50DM. Dương Kết (Langenhagen) 50DM. Lý Chấn Lợi (Hannover) 5.000DM. Lê Thị Bạch Nga (Canada) 500Can. Nguyễn Hiến (Aachen) 46DM. Bùi Văn Tiết (Nuernberg) 50DM. Vũ Thị Mai (M'Gladbach) 100DM. Tin gây quỹ xây chùa

Danh sách của các cơ quan, Đoàn thể, cá nhân đã ủng hộ đêm văn nghệ gây quỹ xây chùa Viên Giác của Chi hội Saarland, Trier & vùng phụ cận để quân bình việc chi thu:

- Tiệm Hồng đào 500DM. Tiệm Saigon Store 500DM. Lotto/Saar 500DM. Landessparkasse 100DM. NPđ Tâm Giác & Chi hội PTVNTN Muenchen 660 DM. Bộ Văn Hóa & Khoa Học 1.000DM. Bộ Y Tế & Gia đình (tiểu bang Saar) 1.000 DM. đH Trần Tứ Hải 180,16DM. Ngoài ra còn nhiều đH, PT & cá nhân thiện tâm khác đã cúng dường các thức ăn để bán gây quỹ, đã góp nhiều công sức & phương tiện cho đêm văn nghệ mà không thể qui ra thành tiền được (CHPT Saarland/Trier & vùng phụ cận).

Thước đất Xây Chùa

Châu Nam + Bành Thăng (Spaichingen) 135DM/1m2.
Diệu Hi (Canada) 135DM/1m2.

Hội Thiện/ Xây Chùa

Đh. Huỳnh Tường Hoan (Berlin) 400DM. Ân danh (Frankfurt) 5.000DM/ trả mỗi tháng 100DM bắt đầu từ 1/91 - 2/95. Lý Huỳnh Bá (Gelsenkirchen) 3.000DM/ trả mỗi tháng 100DM bắt đầu từ 1/91 - 6/93. Lâm Thị Múi (Berlin) 5.000DM /trả mỗi tháng 100DM bắt đầu 1/91 - 2/95. Ân danh (Hamburg) 5.000DM. Trần Hoàng Việt (Hannover) 5.000DM trả mỗi tháng 100DM bắt đầu từ 12/90 - 1/95. Võ Phát Triển (Konstanz) 100DM. Hélène Antony (D'dorf) 5.000DM/ trả mỗi tháng 100DM bắt đầu 12/90 - 1/95. Trần Nguyễn Huyền Đan (Berlin) 5.000DM/ - nt -. Nguyễn Thanh Hải (") 5.000DM/ - nt- Chùa Pháp Bảo (Úc) 20.000 Úckim.

Gạch Ngói Xây Chùa

Đh. Trần Kim Hà (Kassel) 10DM. Diệu Tịnh (Fuerth) 200DM. Huỳnh Các Đăng (Saarlouis) 10DM. Ngô Quang (M'Gladbach) 200DM. Nguyễn Thị Tư (Freiburg) 50DM. Trịnh Thoại Cang (Koeln) 20DM. Trịnh Thị Tiêm (") 20DM. Vương Thùy Liễu (") 20DM. Trịnh Văn Hui (") 20DM. Diệu Anh (Rotenburg) 200DM/100 gạch. Diệu Kim (") 300DM/100 ngói. Ân danh (Schoeneck) 30DM. Trần Mạnh Thắng (Sittensen) 40DM. Nguyễn Văn Anh (Holland) 100Guld. Mạc Thiện Cương + Mạc Thiện Thi + Mạc Thiện Đạt + Mạc Shau Ling (Wittmund) 300DM/ 100 ngói + 200DM/ 100 gạch. Nguyễn Ái (Bochum) 30DM. Nguyễn Quốc Thống (Eggingen) 50DM. Lê Văn Quới (Pháp) 100FF.

Đảm Sen

Đh. Hồ Diễm Minh (Muehlacker) 300DM + 2.900DM của những lần trước = 3.200DM.

Tôn Tượng Quan Âm

Đh. Thanh Leuchtwieß (Filderstadt) 100DM. Trần Kim Nhi (Pforzheim) 20DM. Nguyễn Văn Anh (Holland) 50Guld.

Tôn Tượng A Di Đà

Đh. Trần Bình Tuyền (Pforzheim) 3.000DM.

Chùa Việt Nam

Đh. Yvette Kuehl (Lohne) 100DM. Sư Cô Trí Hảo (Thụy Sĩ) 200US. PT ân danh (Lueneburg) 60DM.

Trại Mù - Cùi - Cô Nhi Viện Việt Nam

Đh. Nguyễn Văn Anh (Holland) 100Guld/ cùi + mù. Võ Thị Mai (M'Gladbach) 50DM/ cùi + mù. Yvette Kuehl (Lohne) 100DM/ cùi + mù. Lê Văn Quới (Pháp) 100FF. Thiện Nghiêm (Brinken) 20DM/ cùi + mù. Lê Thị Tường Linh (Holland) 200Guld. PT. ân danh (Lueneburg) 40DM.

Trại Ty Nạn

Thiện Nghiêm (Brinken) 20DM. Lâm Đạo Tứ (Speyer) 50DM.

Định Kỳ Hằng Tháng Xây Chùa Viên Giác

Số tịnh tài ủng hộ định kỳ xây chùa Viên Giác của Quý vị qua ngân hàng bằng lỗi chuyển Dauerauftrag hoặc Lastschrift cũng như tiền mặt chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị dễ theo dõi. đồng thời để đơn giản hóa vấn đề giấy tờ chúng tôi xin được phép đăng tải tên của Quý vị chỉ một lần trong suốt thời gian hộ trì. Vậy kính mong Quý vị thông cảm. Tiếp theo Viên Giác từ số 41 đến 59.

1106 Trần Bạch Hùng 20DM 11/90

1107 Đỗ Nguyễn Huy Phương 20DM 11/90

1108 Hồ Thị Lam 20DM 11/90

1109 Lê Thiệp 25/12/90

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng định kỳ hằng tháng qua ngân hàng lỗi Dauerauftrag để việc thực hiện xây Chùa có thể khả quan hơn. Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa.

Xin thành thật cảm ơn Quý vị.

Tất cả mọi sự cúng dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bảng tiếng đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại chúng tôi sẽ gửi giấy đến Quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài việc xây Chùa xin chuyển vào Konto như sau:

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 865 74 70 01.

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

Quý vị chuyển về Chùa trong những mục khác, xin chuyển về một trong hai số Konto sau đây:

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche eV.

Konto Nr. 865 74 70

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

hoặc:

Pagode Viên Giác

Konto Nr. 865 02 28

BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý đạo Hữu Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện chúng ta sớm thành tựu.

Nam Mô Công đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Nhắn Tin

Đặng Văn Vui từ Đông Đức qua tỵ nạn tại Tây Đức; nay ở đâu, xin liên lạc về chùa Viên Giác để nhận được tin gia đình từ Úc gửi đến.

Nguyễn Thị Kim Cương trước ở Alte Wickring 20A, 3300 Braunschweig. Nay ở đâu? Xin liên lạc về Đặng Văn Thông: Johannes Haag 4b, 8950 Kaufbeuren để biết tin.

Hà Như Sương, sinh năm 1954 tại Saigon tìm bạn thân là Huỳnh Thị Lộc và Nguyễn Minh Chánh, có con là Bích Trâm trước năm 1970-1972 học sinh trường tư thục Tân Văn Trần Quý Cáp Quận 3 Saigon. Chị Lộc nhà tiệm may ở gần chợ Saigon Việt Nam - nay sống ở Tây Đức - nếu có ai biết xin làm ơn liên lạc về địa chỉ: Nguyễn Văn Hiệp, Schmittenerstr. 11, 6000 Frankfurt 90, West Germany.

Trần Minh Thuyên, Mẹ Lê Thu Hà muốn tìm con là Trần Minh Thâm sinh năm 1965 tại đại lộ Hưng Phú quận 8 Saigon. Vượt biên 28.2.1982. Nay ở đâu xin liên lạc về: Phạm Đức Kha, Schuetzenstr. 28, 7741 Vohrenbach BRD. Xin chân thành cảm ơn.

Tìm cháu tên Nguyễn Hoàng Huy tự là Tùng con bà Nguyễn Thị Tuyết Nương và ông Trương Tông. Cháu ở Đông Đức vừa chạy qua Tây Đức. Nay cháu ở đâu hoặc quý vị nào biết cháu xin liên lạc về ông cậu Bùi Thanh Vân: Rue Lesbroussart 58, B 1050 Brussels (Belgium). Tel. 00-32-2-6499615 (từ 12g đến 15g).

Tên tôi là Nguyễn Hoàng Lan, sinh quán 34 Nam Ngư Hà Nội. Tôi đã vượt biên từ đầu năm 1990. Hiện đang cư trú tại: Windischhausener Gasse 9, 8830 Treuchtlingen & Auernheim BRD. Tôi muốn tìm một thân nhân tên là: Nguyễn Thị Bích Vân, sinh năm 1957. Trước đây làm kế toán ở trạm cấp cứu 5 phố Phan Chu Trinh Hà Nội. Nhà riêng ở 79 Nguyễn Du Hà Nội. Hiện sống tại Úc.

Cháu là Võ Viết Dân (cháu của bà Phương, ông Thư, ông Dích, ông Thông ở bên Đò Giăng) từ Tiệp Khắc sang tỵ nạn tại Tây Đức. Hiện cư ngụ tại: Baudergraben 8, 8503 Altdorf. Tìm chú Thiệp và Thiệp. Cô bác nào biết hiện 2 chú ở đâu xin nhắn dùm. Con xin cảm tạ.

Anh Nguyễn Thế Nghĩa, sinh 5.1.59 (tốt nghiệp kỹ sư Hóa Chất tại Tiệp, con của ông Nguyễn Thế Xuân và bà Trần Thị Dung) đã xin tỵ nạn ở Đức ngày 20.8.1990, hiện nay ở đâu? hãy liên lạc gấp với những địa chỉ sau đây để biết tin tức của thân nhân ở Mỹ.

- Ông Đặng Văn Nhâm, Hallandsparken 150, 2630 H. Tastrup, Danmark.

- Ông Nguyễn Hòa, Edwin Scharff Ring 9, 2000 Hamburg 60, Germany.

Tìm bạn Tông ở 165 phố Bà Triệu Hà Nội và bạn Trí em Khải ở 171 phố Bà Triệu Hà Nội. Nghe nói các bạn đã đi Na Uy và Úc, nay ở đâu cho em chị Út Tịch biết. Xin liên lạc về địa chỉ: Trần Thị Hường, Stockacher Str.13, 7790 Meßkirch BRD.

Tìm anh Nguyễn Đức Tiến (có người anh tên Nguyễn Đức Cường trước năm 1975 là Thiếu tá Không Quân) sống ở Đức đã lâu. Ai biết tin xin liên lạc Phùng Gia Quang hiện đang ở Oberstettener Str.1, 7187 Schrozberg. Xin thành thật cảm tạ.

Cựu Trung tá Trịnh Văn Chấn ở Cầu Đồi Cái Khế Cần Thơ, trước có làm Tham mưu trưởng ở TK Rạch Giá, vượt biên khoảng năm 1985-86, nay ở đâu? xin liên lạc về: Bà Trương Thanh Vân, Villa Clamony N0.10, Paul Fort, 13730 Saint Victoret, France. Ai biết xin hoan hỷ mách giùm. Đa tạ.

Bác sĩ Nguyễn Trí Lâm (tốt nghiệp ở vương quốc Bỉ trước năm 1975) vốn là con của cố Bác sĩ Nguyễn Trí Lộc, nay ở đâu? Quý vị nào biết xin vui lòng liên lạc về: Mr. Van T. Thái, SDE (Secondary) 405 Montagne Rd Brisbane 4101 Australia.

Trần Đình Thiên quê quán Hậu Lộc (Nghệ Tĩnh). Trần Văn Dính quê Hậu Lộc (Bắc Ninh, Nghệ Tĩnh). Nghe nói hiện ở Pháp. Cháu là Lê Công Tuấn mới trốn sang Tây Đức. Xin hai cậu liên lạc giúp đỡ cháu: Lê Công Tuấn, chùa Bảo Quang, Rennbahnstr.167, 2000 Hamburg 70. Tel. 040-6526124 West Germany.

Tôi Đặng Văn Thông, Johannes Haag 4b, 8950 Kaufbeuren. Tìm bạn Nguyễn Thị Kim Cương, trước ở trại Braunschweig. Hiện nay ở đâu? Ai biết xin liên lạc dùm. Cảm ơn.

Ngô Thị Tiết (XS), đến Đức khoảng 10/83. Hiện nay Tiết ở đâu liên lạc về Võ t. Phụng địa chỉ cũ. Hiện anh đang đau nặng có nhiều việc muốn nói với em. Ai biết xin nhắn giùm tin này. Cảm ơn.

Cha Trần Đức Thuyên tìm con là Trần Minh Thâm, hiện ở đâu liên lạc gấp về địa chỉ 6010 N Winthrop Ave # 301, Chicago, ILL. 60660 U.S.A. Tel.: (312) 784-2858.

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin để thân bằng quyến thuộc biết:

Cụ Nghiêm Xuân Thọ

là thân phụ, nhạc phụ và tổ ngoại của chúng tôi đã thất lộc ngày 27.10.1990, hưởng thọ 80 tuổi.

Lễ an táng đã được cử hành ngày 2.11.1990 tại nghĩa trang d'Ivry, Paris (Pháp).

- Ông Bà Nguyễn Mộng Cửu, các con và các cháu (Nuernberg/Tây Đức)

CHÚC MỪNG

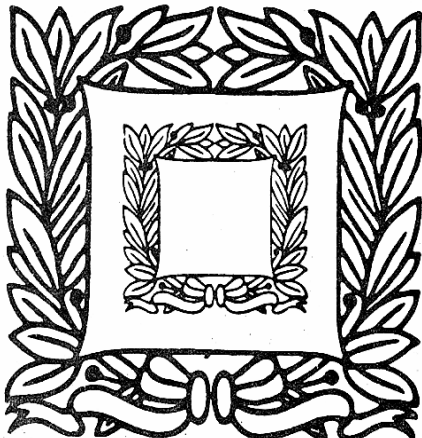
Dịp lễ thượng thọ của
Ông Phạm Đình Tân
(Canh Tuất 1910 - Canh Ngọ 1990)
nhà thơ, nhà văn, nhà báo nguyên
Trưởng Đoàn Tinh Việt VD của Việt Nam
Chúng tôi xin thành tâm cầu chúc Anh
Phạm Đình Tân thân quý sống thọ đến 100
năm.

Bà Thiếu Mai Vũ Bá Hùng (Úc)
Ông Bà Vũ Ký (Bruxelles, Bỉ)
Ông Bà Phương Hà
Ông Bà Nguyễn Ang Ca (Bỉ)

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp của ông bà Hoàng Đôn
Trình. Tuebingen (Tây Đức) sẽ làm lễ
thành hôn cho thú nam
Hoàng Khánh Toàn
đẹp duyên cùng cô
Nguyễn Trần Việt Tú
trưởng nữ của ông bà Nguyễn Hữu Hiệp
(Sài Gòn - Việt Nam). Hôn lễ cử hành tại
Tuebingen (Tây Đức) ngày 17.11.1990.
Chúng tôi xin thành thật chúc mừng hai họ
Hoàng - Nguyễn và cô dâu chú rể trăm
năm hạnh phúc.

- GD Vũ Ngọc Tuấn
- GD Trần Văn Huyền
- GD Đặng Ngọc Trân
- GD Trần Xuân Hiền
- GD Nguyễn Anh Tuấn
- GD Hàn Cường



CẢM TẠ

Chúng tôi chân thành cảm tạ
- Thượng Tọa Thích Như Điển chùa Viên
Giác Hannover Tây Đức
- Cha tuyên úy công giáo Huỳnh Văn Lộ
- Công Đoàn Công Giáo VN tại Weil am
Rhein và vùng PC
- Đồng bào thuộc trại tỵ nạn Weil Haltin-
gen
- Các Đồng nghiệp VN thuộc hãng Suchard
- Đội bóng đá VN tại Haltingen, và các
bạn Lê Minh Ôn Tiên
- GD Giáo sư Hồ Văn Thái Mannheim
- GD Thông gia Bùi Ngọc Liên
- GD Nguyễn Vĩnh Tâm
- GD Huỳnh Thanh Tòa
- GD Trịnh Trọng Hiếu Emden
- GD Châu Mỹ Tuyền
- GD Trần Quan, Trọng Sang
- GD Nguyễn Tiến, Nguyễn Văn Tới,
Nguyễn Nam, Văn Minh
- GD Anh Phước, Chị Hoa Binzen
- GD Ngô Tấn Nghĩa Nettetel
- GD Hồng Nam, Hồng Mộc Sanh, Hồng
Mộc Hòa
- GD Bác Suôi Binzen
- GD Bùi Thế Phi, GD Chị Vân, Thái
Mannheim
- GD Nguyễn Đắc Tuấn
- GD Lương Mỹ Bình
- Và toàn thể thân bằng quyến thuộc nội
ngoại xa gần con cháu trong và ngoài nước.
Đã đến phúng điếu chia buồn, và tiễn đưa
thân mẫu, nội tổ chúng tôi :

*Bà quả phụ Trung Tá Dương Quan Sang
nhũ danh Trương Thị Hai
pháp danh Ngọc Thiên*

Cựu Tổng Giám sát hội QP.TSVN, Chủ tịch
hội QP.TS quân khu III 1969-1975
Từ trần ngày 18.10.90, an táng ngày
24.10.90. Thọ 62 tuổi, đến nơi an nghỉ cuối
cùng tại nghĩa trang thành phố Weil am
Rhein, Tây Đức.

Trong lúc tang lễ nếu có điều chi thiếu
sót kính xin quý vị niệm tình tha thứ. Trân
trọng kính bái.

- Trưởng nam Dương Quan Minh, vợ Thị
Mai Khanh
- Con : Mạnh Khương, Michael Mạnh Khoa
- Thứ nam Dương Quan Việt (Stuttgart-Tây
Đức)
- Em chồng : Dương Quan Sơn

CÁO PHÓ VÀ CHIA BUỒN

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin buồn Mẹ, bà nội, bà ngoại, cố nội, cố ngoại, của chúng tôi là

Cụ Bà Phạm Đăng Huyền, nữ danh Trần thị Hoài, pháp danh Nhật Tú, đã từ trần ngày 23.10.1990 (tức ngày mồng 6 tháng 9 năm Canh Ngọ) tại Los Angeles, hưởng thọ 92 tuổi.

Lễ hỏa táng cử hành tại Los Angeles ngày 29.10.1990. Tang gia đồng khắp báo.

- Phạm Đăng Tải, vợ các con và các cháu (Hoa Kỳ)
- Phạm thị Hỷ Muội, chồng các con và các cháu (Việt Nam)
- Phạm Đăng Sum, vợ các con và các cháu (Pháp và Hoa Kỳ)
- Phạm Đăng Thế, vợ và các con (Hoa Kỳ)

Thành kính chia buồn cùng anh chị Phạm Đăng Sum, kính chúc hương hồn Cụ Bà Phạm Đăng Huyền sớm về nơi cõi Phật.

- Ông Bà Đình Văn Khai
- Ông Bà An Khê
- Ông Bà Nguyễn Ang Ca

CÁO PHÓ VÀ CẢM TẠ

Chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc xa gần chồng và thân phụ chúng tôi là

Ông Huỳnh Kỳ

quá vãng ngày 28.9.1990 năm Canh Ngọ tại Reutlingen, hưởng dương 57 tuổi.

Lễ an táng đã được cử hành ngày 4.10.1990 tại nghĩa trang Unter den Linden (Reutlingen).

Chúng con xin thành kính tri ơn Thượng Tọa trụ trì, Chú Thiện Tín cùng quý chú của chùa Viên Giác.

Chúng tôi chân thành cảm tạ quý bác, quý chú thiểm, anh chị trong Chi Hội Phật Tử Reutlingen. Hội Người Việt Ty Nạn Reutlingen. Hội Công Giáo Reutlingen. Hội Cựu Quân Kháng Chiến Reutlingen và chân thành cảm tạ quý thân bằng quyến thuộc cùng bằng hữu xa gần đã đến chia buồn và phúng điếu trong thời gian qua.

Trong lúc tang gia bối rối, cớ điều chi sơ sót. Mong quý vị niệm tình hỷ thứ cho.

- Góa phụ Trần thị Nhân cùng các con, dâu và cháu đồng báo tạ.

CÁO PHÓ

Chúng tôi rất lấy làm đau đớn và tiếc thương kính cáo cùng quý vị thân bằng quyến thuộc và thân hữu Thân phụ và Nhạc phụ của chúng tôi

Ông Nguyễn Văn Bay

đã từ trần vào ngày 23.11.1990 (7.10. Canh Ngọ), lúc 7 giờ 55 tại Hamburg/ Đức quốc, hưởng thọ 68 tuổi.

Lễ an táng sẽ được cử hành trong vòng gia đình tại nghĩa trang Hamburg-Stellingen.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có chi sơ sót. Kính xin quý vị niệm tình tha thứ cho.

- Nguyễn Ngọc Hoa và gia đình
- Nguyễn thị Thu Cúc và gia đình
- Nguyễn Văn Minh và gia đình
- Nguyễn thị Thu Thủy và gia đình
- Nguyễn Ngọc Huệ và gia đình
- Nguyễn Văn Tâm và gia đình
- Nguyễn Văn Tấn và gia đình
- Nguyễn thị Anh Đào và gia đình

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc nội ngoại gần xa, thân mẫu, nội tổ chúng tôi Bà quá phụ Trung Tá Dương Quan Sang (Thuộc Bộ Chỉ Huy TV 5 Nha Trang) nữ danh Trương Thị Hai, Pháp danh Ngọc Thiện. Cựu Tổng Giám Sát hội QPTSVN, Chủ Tịch hội QPTS quân khu III năm 1969-1975.

Đã từ trần vào ngày 18 tháng 10 năm 1990, nhằm mùng 1 tháng 9 năm Canh Ngọ, tại thành phố Weil am Rhein Tây Đức, hưởng thọ 62 tuổi, lễ an táng cử hành vào ngày 24.10.90 tại nghĩa trang thành phố.

Cáo phó này thay thế thiệp tang.

Tang gia :

- Trưởng nam : Dương Quan Minh (Weil am Rhein/Tây Đức)

vợ : Dương thị Mai Khanh (Bùi)

con : Dương Mạnh Khương

Dương Michael Mạnh Khoa

- Thứ nam : Dương Quan Việt (Stuttgart/Tây Đức)
- Em chồng: Dương Quang Sơn (Stuttgart/Tây Đức)

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của ĐH. Diệu Hoa Nguyễn thị Thu Cúc và nhạc phụ của ĐH. Nguyễn Ngọc Tuấn là **Cụ Ông Nguyễn Văn Bay** mệnh chung ngày 23.11.1990 tại Hamburg, hưởng thọ 68 tuổi.

Xin chân thành chia buồn cùng gia đình Đạo Hữu và cầu nguyện hương linh Cụ Ông sớm sinh về cõi Phật.

- Chùa Viên Giác Hannover.

Được tin **Cụ Ông Nguyễn Văn Bay** là thân phụ Cô Nguyễn thị Thu Cúc đã từ trần ngày 23.11.90 tại Hamburg, Hưởng thọ 68 tuổi.

Nguyện cầu hương linh Cụ Ông được thanh nhàn nơi cõi phúc và thành kính chia buồn cùng tang quyến.

- Chùa Bảo Quang

- Chi Hội Phật Tử TNCS tại Hamburg

PHÂN ƯU

Được tin Bào đệ của Đạo Hữu Bùi thị Ngân Bình là

Ông Bùi Đức Trọng

đã từ trần ngày 29.10.1990 nhằm ngày 12 tháng 9 năm Canh Ngọ tại Thụy Sĩ hưởng thọ được 58 tuổi.

Chúng tôi xin có lời thành thật chia buồn cùng Đạo Hữu Bùi thị Ngân Bình và tang gia. Nguyện cầu hương linh ông Bùi Đức Trọng được siêu sanh về miền Cực Lạc.

- Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất Nam Úc

NGUYỄN CẦU

Toàn thể chư Tăng Ni trong Chi Bộ GHPGVN tại Tây Đức cũng như các Chùa các Hội, các Chi Hội và các GĐPTVN thành tâm cầu nguyện

**Giác linh Bác Nguyễn Lưu
pháp tự Thích Tịnh Quảng**

thọ Sa Di Bồ Tát giới

đã mệnh chung tại Pháp quốc, là đệ tử xuất gia của T.T. Thích Minh Tâm chùa Khánh Anh, tốc xã báo thân, siêu sanh tịnh cảnh.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

CHIA BUỒN

Được tin đau đớn **Anh Sáu Đỗ Thành Nhơn** Cựu Phó Tỉnh trưởng Vĩnh Long, Bến Tre, Biên Hòa... Giám Đốc Hội Đồng Du Học VNCH..., đã từ trần ở Paris vào ngày 2.11.90, thọ 69 tuổi.

Trước tin đau đớn này, xin thành thật chia buồn cùng Chị Sáu Đỗ Thành Nhơn, gia đình chị Đỗ Thị Tốt, gia đình các anh Đỗ Văn Nhi, Đỗ Hòa Nghĩa, Đỗ Thành Nghiệp, gia đình cháu Đỗ Ngọc Loan. Nguyện cầu hương hồn Anh Đỗ Thành Nhơn sớm được tiêu diêu nơi cõi Thọ.

- Vợ chồng Nguyễn Ang Ca và các con

- Vợ chồng Nguyễn Văn Hai và các con

- Vợ chồng Thái Minh Sơn và các con

- Vợ chồng Nguyễn Khắc Hùng và các em

CẢM TẠ

Xin chân thành cảm tạ

- Đại Đức Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiện Hòa Moenchengladbach

- Quý bằng hữu xa gần đã đến làm lễ, điện thoại và thư chia buồn đến gia đình chúng tôi, cũng như tụng kinh cầu siêu cho vợ, mẹ, nhạc mẫu, bà nội và bà ngoại chúng tôi là

Bà Huỳnh Thị Ba

quá vãng tại Rạch Giá Việt Nam, ngày 16 tháng 9 âm lịch năm Canh Ngọ. Hưởng thọ 70 tuổi.

- Chồng Trần Văn Quý (Rạch Giá - Việt Nam)

- Trưởng nữ Trần thị Chu, chồng Nguyễn Văn Thịnh và các con, cháu (Essen-Tây Đức)

- Thứ nữ Trần thị Thiện, chồng Phạm Minh Quân và các con (Rạch Giá - Việt Nam)

- Thứ nữ Trần thị Sáu, chồng Phan Văn Rớt và các con (Rạch Giá - Việt Nam)

- Thứ nữ Trần thị Xinh, chồng Nguyễn Văn Được và các con (Việt Nam).

- Thứ nam Trần Văn Đảo, vợ và các con (Rạch Giá - Việt Nam)

- Thứ nam Trần Văn Tám, vợ và các con (Rạch Giá - Việt Nam)

- Thứ nam Trần Văn Mót, vợ và các con (Rạch Giá - Việt Nam)

- Thứ nam Trần Văn Dương và vợ

- Thứ nam Trần Văn Mười Forest City USA

- Thứ nam Trần Văn Lượm, vợ Angela và các con, Forest City USA

Tang gia đồng cảm tạ.

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của chị Nguyễn thị Thu Cúc, tức nhạc phụ của anh Nguyễn Ngọc Tuấn là

Cụ Nguyễn Văn Bay

đã thất lạc ngày 23.11.1990 tại Hamburg, hưởng thọ 68 tuổi.

Chúng tôi xin thành thật phân ưu cùng gia đình anh chị Tuấn Cúc và thành kính cầu nguyện hương hồn Cụ sớm được tiêu diêu nơi miền Lạc Cảnh.

- GĐ Nguyễn Hòa

- GĐ Từ Ngọc Phong

- GĐ Chu Vũ Anh

- GĐ Huỳnh Thoảng

- GĐ Phạm Văn Thế

- GĐ Nguyễn Hữu Huấn

- GĐ Phạm Trọng Nguyên

- GĐ Tất Tố Hà

- GĐ Vũ Ngọc Long

- GĐ Phạm Văn Hóa

- GĐ Lê Hòa

GIỚI THIỆU

* **Nhận dạy đàn Tranh và Đàn bầu** tại bất cứ gia đình nào ở các nước Âu Châu. Điều kiện : Có chỗ ở và ăn trong thời gian dạy. Nhận hướng dẫn và giải đáp thắc mắc về 2 loại đàn trên bằng thư. Thêm chi tiết xin liên lạc : Bưu Phương, Slaenhaven 43, 5240 Odense NO, Danmark.

* **Lịch Tử Vi và Treo Tường năm 1991 Tân Mùi**

Lịch tử vi và Treo tường sẽ phát hành tại chùa Viên Giác và các Chi Hội PTVNTN tại các địa phương trên nước Đức trong tháng 12 này. Giá lịch tử vi phát hành tại chùa là 23 DM. Gửi qua bưu điện giá thành 24,20 DM. Lịch treo tường phát hành tại chùa giá 20 DM. Gửi qua bưu điện giá thành 23,50 DM. Quý vị có thể gửi thư về chùa để đặt trước.

Xin thành thật cảm ơn quý vị.

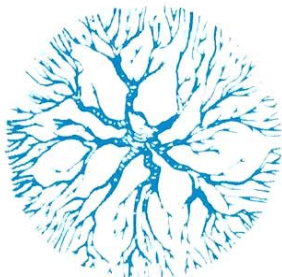
* **Đặc San Xuân Tân Mùi-1991 do Viên Giác phát hành**

Quý vị hãy tìm cách mua ngay Đặc San Xuân Tân Mùi Viên Giác, tràn ngập bài vở ngày Xuân của những cây bút chuyên nghiệp cũng như không chuyên nghiệp.

Bìa in bốn màu lộng lẫy, gần 200 trang khổ A3, giá phát hành mỗi số chỉ 5 DM. Cộng thêm cước phí tại Đức 2 DM và tại Âu Châu cộng thêm 4 DM cước gửi.

Ngày Xuân ngày Tết tha hương mà thiếu Đặc San Xuân Viên Giác là thiếu cả một khung cảnh quê hương dân tộc. Quý vị nào muốn có báo Xuân, xin liên lạc về chùa Viên Giác Hannover, hoặc các Chi Hội địa phương cũng như một số tiệm thực phẩm Á Châu tại địa phương của mình để có báo.

Xin kính mời.



HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian vừa qua Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của Quý vị & Tổ chức Hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và đón nhận thêm những sáng tác mới.

Hội Người Việt Tỵ Nạn tỉnh Muenster. Vũ Nam (Gromaringen). Thanh Bình (Pháp). Nguyễn Mộng Cửu (Nuernberg). Trà Giang Nguyễn Phổ Đức (Muenchen). Vũ Dương Kiểm (Frankfurt). Trần Huy Giang (Schramberg). Nguyễn Đức Cường (Troestau). Nguyễn Ngọc Minh (Nuernberg). Vũ Quốc Dụng (Lilienthal). Hội NVTN tại Frankfurt và VPC. Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen. Trần Tấn Đức (Harpstedt). Tuyền Anh (Hamburg). Từ Ngọc Phong (Hamburg). Võ Diệp Thanh (Pháp). Thiên Nga (Liège). Diệu Huê (Karlsruhe). Kim Ngọc (Spai-chingen). Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe). Vũ Ngọc Long (Lichtenstein). Trần Đạt (Melle). Nguyễn Ang Ca (Bỉ). Nguyễn Phú Thứ (Pháp). Trần thị Hường (Meßkirch). Xuân Ngọc (Saarland). Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc). Từ Xứng Roland Berthold (Berlin). Nguyễn văn Thịnh (Essen). Võ Thành (Pháp). Thanh Nguyễn (Pháp). Nguyễn Sĩ Long. Tâm Quang (Mỹ). Nguyễn Đức Quân (Baiersdorf). Võ Viết Dân (Altdorf). Phạm Hồng Sáu (Lingen/Ems). Phạm Thăng (Canada). Mặt Trận QGTNGPVN (Mỹ). Hà Phước Thảo (Muenchen). Dương văn Hai (Ludwigshaven). Nguyễn Xuân Phúc (Mannheim). Nguyễn Ngọc Minh (Muenchen). Nguyễn thị Thu Cúc (Hamburg). Bưu Phương (Đan Mạch). Thích Trí Chơn (Mỹ). Châu Thành Phước Phú (Koblenz). Thích Nguyên Đạt (Pulau Bidong). Asien Restaurant (Wipperfuertth). Thụy Do (Baiersdorf). Nguyễn thị Bảy (Đan Mạch). Nguyễn Huy Bích (Aachen). Phạm văn Sum (Pháp). Đặng văn Nhân (Đan Mạch). Đan Hà (Reutlingen). Diệu Thái (Oregon). Vũ Ngọc Tuấn (Reutlingen). Hội Chuyên Gia VN (Mỹ). Nguyễn Đức Hoàn (Marseil-le).

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kinh sách, báo chí của các

chùa, các Tổ Chức Hội Đoàn khắp nơi gửi về biếu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin xin trân trọng giới thiệu đến Quý độc giả xa gần

Pháp: Thông Luận số 31 - Quê Mẹ số 111 - Tin Nhà số 1 - Đồn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn - Ai Hữu số 96 - Nhân Bản số 162 - Thiên Tự Chứng Ngộ (Trần Thế) - Ai Hữu số 97 - Nhân Bản số 163 - Khánh Anh (tin bổ túc) số 11/90 - Ai Hữu số 98. **Đức:** E + Z số 10 - Woche im Bundestag Nr. 17 - Bản Tin Đức Quốc số 10/90 - Dân Chúa Nr. 97 - Tin Tổng Hợp số 6 - Politik Nr. 6 - Das Best Nr.11 - Độc Lập số 8,9/90 - Fluechtlinge Nr. 4/90 - Kháng Chiến số 102 - Dân Văn số 5 - Cao Đài Giáo Lý số 16 - Dân Chúa số 98 - Hướng Việt số 15 - Bản Tin Cap Anamur 10/90 - Woche im Bundestag Nr.18 - Sinh Hoạt Cộng Đồng số 10/90 - Woche im Bundestag Nr.19 - Bản Tin Dân Việt số 14 - Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.11/90 - Bản Tin Tâm Giác số 11/90 - Rundbrief Nr.3 - Das Best Nr.12 - Canh Tân số 5 - Việt Nam Điểm Báo số 4 - Măng Non số 44 - Dân Văn số 6 - Bản Tin Cap Anamur 11/90 - Développement et Coopération Nr.6 - Politik Nr.7 - Tin Tổng Hợp số 8. **Canada:** Tạp San Từ Ân số Vu Lan - Lửa Việt số 36 + 37 +38 - Pháp Âm số 33 **Hoa Kỳ:** Canh Tân số 4 - Pháp Duyên số Vu Lan - Ch'an News Letter Nr.81 - Chân Trời Mới số 48 - Bản Tin Báo Tịnh số 5 - Giao Điểm số 2 - Hoa Sen số 11 - Ch'an Nr. Fall 90 - Chân Trời Mới số 49 - Đuốc Từ Bi số 39. **Đài Loan:** Hiện Đại Phật Giáo số 113 - Trung Ngoại số 412 - Hiện Đại Phật Giáo số 114 - Trung Ngoại số 413. **Hồng Kông:** Asylum Nr.3. **Tiếp Khác:** Diễn Đàn số 8 - Diễn Đàn số 10. **Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 93 - Bản Tin Của Hội Cựu Quân Nhân - Mục Vụ số 94. **Hòa Lan:** Việt Nam Nguyệt San số 69.

KINH SÁCH

Chùa Đan (Muenchen) - Hương Rừng Cà Mau (") - Thơ: Để Nhớ (Pháp) - Kinh Ưu Bà Tắc Giới (Hoa Kỳ) - Ông Sư Vải Bán Khoai (Hoa Kỳ) - Góp Nhật Lá Vàng (Hoa Kỳ)

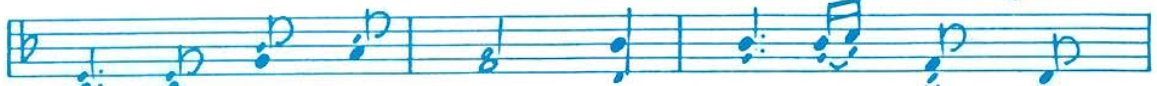


Quê Tôi

Thơ: Khải Hưng
Nhạc: Paul Xuân



Quê tôi có khóm dứa xanh, có dòng sông



nhỏ chạy quanh xóm làng. Quê tôi liêu mơ thành



hàng, ruộng đồng thẳng cánh mìn màng xanh tươi. Quê



tôi nét đẹp rạng ngời, có cô con gái giọng cười thủy



tinh. Quê tôi giòng nước ngọt ngào, có đàn cò



trắng bay vào ngàn mây. Non sông hoa gấm ba



miền, người Trung Nam Bắc nối liền tình thường. Đẹp



thay đất nước quê hương, nghìn trùng xa cách vẫn thường nhớ hoài.

Cánh Phấn và Ý
Đầu Xuân 1991